

TỦ SÁCH
LINH HOA

HAMMAS BÉLA

Độc giác

Nguyễn Hồng Nhung
dịch từ nguyên bản tiếng Hungary



NHÀ XUẤT BẢN TRÍ THỨC



SÁCH MỚI.NET - EBOOK

TỦ SÁCH TINH HOA TRI THỨC THẾ GIỚI

HAMVAS BÉLA

ĐỘC GIÁC

*Nguyễn Hồng Nhung dịch
từ nguyên bản tiếng Hungary*

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

ebook@tudonald78 | 22-01-2021



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỎI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

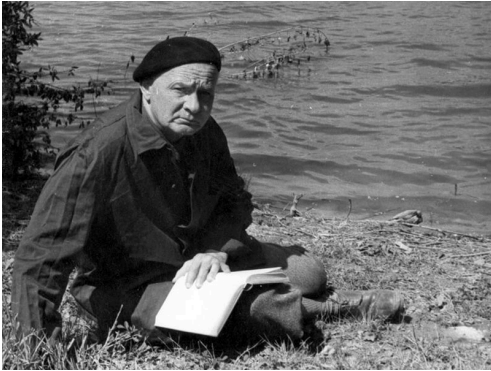
Xin bạn đọc lưu ý, Nhà xuất bản Tri thức trân trọng giới thiệu cuốn sách *Độc giác* (Unicornis, Nxb Medio, Budapest, 2006) của Hamvas Béla, do dịch giả Nguyễn Hồng Nhung dịch một cách đầy đủ và mạch lạc.

Chúng tôi tôn trọng, nhưng không nhất thiết đồng tình với quan điểm, cách tiếp cận và lí giải riêng của tác giả về các vấn đề được đề cập đến trong cuốn sách.

Chúng tôi mong độc giả đọc cuốn sách này như một tài liệu tham khảo với tinh thần phê phán và khai phóng.

Xin chân thành cảm ơn!

HAMVAS BÉLA (1897-1968) – NHÀ TRIẾT HỌC, NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI LỚN NHẤT CỦA HUNGARY



Hamvas Béla sinh ngày 23.03.1897 tại Eperjes (nay thuộc Slovakia) trong một gia đình có người cha là mục sư truyền giáo. Năm 1898 vì nghề nghiệp của cha, gia đình ông chuyển đến Bratislava.

Năm 1915, sau khi tốt nghiệp trung học, Hamvas Béla tình nguyện gia nhập quân đội, sau một năm, bị thương, ông trở về nhà và bắt đầu đọc Kant, Rimbaud, Dostojevski, Schopenhauert, nhưng trước hết ông đọc Nietzsche.

Thời kì này ông viết trong tập tiểu luận *Patmosz* như sau:

“...Tác phẩm Phê phán thời gian của Kierkegaard rơi vào tay tôi. Không xã hội, không nhà nước, không thi ca, không tư tưởng, không tôn giáo, những gì hư hỏng và đầy rẫy dối trá. Đúng vậy, tôi nghĩ. Nhưng điều này cần phải bắt đầu từ một khi nào đấy. Tôi bắt đầu đi tìm chấm đen này. Hạt nguyên tử, hay sự dối trá đầu tiên...”

Tôi quay trở lại từ giữa thế kỉ trước đến Cách mạng Pháp, đến thời kì Ánh sáng, đến chủ nghĩa duy lí, từ thời Trung cổ đến những người Hi Lạp, đến những người Heber, Ai Cập, đến người mônng muội. Sự khủng hoảng đâu đâu tôi cũng bắt gặp, nhưng sự khủng hoảng còn nói lên một cái gì đó sâu sắc hơn. Chấm đen này còn ở phía trước, phía trước nữa. Tôi đã vấp

phải lỗi lầm đặc thù của người châu Âu, đi tìm chấm đen bên ngoài con người mình, thực ra nó nằm trong bản thân tôi...

Năm 1919, cha ông vì từ chối không tuyên thệ trung thành với nước Slovakia nên cả gia đình bị đuổi khỏi Bratislava và chuyển đến Budapest.

Từ 1919–1923 ông học khoa Hung–Đức tại Đại học Pázmány Péter, và có 3 năm làm nhà báo tại báo *Tin tức Budapest* và *Szózat*.

Từ 1927–1948, ông làm thủ thư tại thư viện thành phố. Thời gian này ông viết các bài nghiên cứu, tiểu luận, phê bình cho 25 thể loại tạp chí, trong đó có những tạp chí nổi tiếng như *Athenaeum*, *Nyugat*.

Hamvas Béla cùng Kerényi Károly thành lập nhóm Đảo, một liên minh tinh thần lấy từ truyền thống Hi Lạp cổ. Nhóm này đã tụ họp rất đông đảo các nhà văn, nhà triết học có tên tuổi của Hung như: Szerb Antal, Németh László, Kövendi Dénes, Dobrovits Aladár, Molnár Antal và nhiều người khác.

Năm 1935–1936, nhóm Đảo cho ra đời 3 ấn phẩm gồm các bài viết của các tác giả, rồi tan rã. Hamvas Béla đã ghi lại những kinh nghiệm cay đắng trong cuốn *Hyperion Hungary*:

“Tôi ở đây giữa mọi người, trên trái đất này, mọi ý định của tôi đều không có kết quả, mọi từ ngữ của tôi vô ích, mọi kế hoạch của tôi tan vỡ, tôi đã thất bại, không ai nhận ra tôi, tôi trở nên thừa thãi, và không được chấp nhận”.

Trong những năm 1930–1940 ông viết gần ba trăm tiểu luận. Đối với ông viết là thực hành yoga.

Ông lấy người vợ thứ hai, một bạn đời tinh thần rất quan trọng, bà Kemény Katalin (1909– 2004), người sau khi Hamvas Béla mất, đã cùng Dúl Antal, một đại diện của hậu thế rất ngưỡng mộ ông, cùng chăm lo việc xuất bản các tác phẩm của ông.

Trong thời kì Thế chiến II, Hamvas Béla ba lần bị gọi vào quân ngũ, nhưng không ngăn cản được công việc dịch thuật của ông, như tác phẩm của các tác giả: Lão Tử, Böhme, Hêraclit, Khong Tử, Henoch.

Năm 1943–1944 ông viết tập I tác phẩm *Scientia Sacra* (Minh triết thiêng liêng), cuốn sách đánh dấu giai đoạn sáng tác thứ hai của nhà văn. Với cuốn sách này, ông gia nhập trường phái truyền thống với những nhân vật ưu tú nhất của thời đại: Julius Evola, René Guénon và Leopold Ziegler.

Hamvas Béla cắt nghĩa: *Truyền thống là sự trường tồn phi thời gian của tinh thần*. Các tác phẩm của Hamvas – đầu tiên và độc nhất – lập ra một vũ trụ truyền thống, bằng sự tạo dựng nền tảng linh hồn nhận thức ra tinh thần.

Trong thời kì chiến tranh, tập tiểu luận triết học đầu tiên ra đời: *Câu chuyện vô hình (1943)*.

Ngay thời đó ông đã bắt đầu một công trình lớn có nhan đề: *Đại sảnh các vị tiền bối cổ*, kéo dài đến tận những năm 60 của thế kỉ trước. Tác phẩm của ông là một công trình dịch thuật những cuốn sách cổ thiêng liêng quan trọng nhất, có chú thích cẩn thận.

Năm 1944, từ mặt trận nước Đức, ông trốn về Budapest. Căn nhà trên sườn núi Buda của ông bị trúng bom tan thành tro bụi.

Hamvas Béla trong một tiểu luận của tập *Slentium* đã viết như sau: *“Trong những năm đen tối tôi đã bị mất tất cả của cải vật chất trên thế gian của mình... Một kẻ nào đấy đã tước toàn bộ quyền sở hữu của tôi. Da tôi cũng tuột theo, nhưng thế là tốt... Một sự tồn tại kiểu này chỉ có thể thực hiện sau khi thanh toán toàn bộ quyền sở hữu. Hiện thực bắt đầu từ đây”*.

Từ đó trở đi Hamvas Béla không bao giờ có nhà riêng và ông không bao giờ tích góp sách vở nữa.

Sau chiến tranh Hamvas Béla viết cuốn *Những nghiên cứu nhỏ của nhà in Đại học* gồm ba mươi bài, ông bắt tay vào viết *100 cuốn sách* và bắt đầu thu thập tài liệu để soạn dịch tuyển tập *Năm nghìn năm minh triết*.

Ông tham gia hoạt động trong Hội Triết học và Mĩ học.

Từ 1945–1948 Hamvas Béla cùng Szabó Lajos và Tábor Béla thành lập một nhóm trí thức cấp tiến, được gọi là “Những buổi trao đổi thứ năm hàng tuần”, với mục đích phanh phui, phân tích và đánh giá toàn bộ các tình huống về tinh thần của thời đại, với sự tham gia của nhiều nhà văn có tên tuổi khác như Várkonyi Nándor, Weöres Sándor.

Nhưng đến năm 1948, trong những văn bản tranh luận, một nhà triết học Hungary khác, lúc bấy giờ nghiêng về triết học maxit – Lukács György (đồng thời là Bộ trưởng Bộ Văn

hóa của Hungary dưới chế độ cộng sản) đã góp phần đình chỉ việc ấn hành cuốn sách *Cách mạng trong nghệ thuật* của Hamvas Béla viết chung với vợ – Kemény Katalin.

Bắt đầu từ đây Hamvas Béla bị tước tất cả các quyền biên tập, viết và xuất bản tác phẩm. Cũng năm 1948 ông bị buộc phải thôi việc, và tên ông bị liệt vào danh sách B – những người bị chính quyền theo dõi gắt gao.

Hamvas Béla buộc phải xin một giấy chứng nhận làm nghề nông, với nơi làm việc là vườn cây của anh rể. Từ 1948–1951 ông làm vườn, trồng hoa quả, và cuốn tiểu thuyết được coi là kiệt tác vĩ đại có một không hai của văn học Hungary cũng như văn học thế giới *Karneval* ra đời trong thời kì này.

Ngoài ra ông còn viết những tác phẩm nổi tiếng khác như *Unicornis, Silencium*, cuốn *Biên bản bí mật*, cuốn *Magia sutra*.

Từ năm 1951–1964 ông làm thủ kho tại khu công nghiệp xây dựng–nhà máy nhiệt điện ở Inot, Tiszapalkony, Bokon.

Bên cạnh công việc thủ kho này, ông học tiếng Heber, Sanskrit, dịch kinh Veda, Sankhya Karik, Sepher Jezirsh, Kathaka upanisad, Buddha... Trong thời gian này Hamvas Béla hoàn thành các tác phẩm: *Patmosz, Đại sảnh các vị tiền bối cổ*, tác phẩm *Szarepta* và *Đêm giao thừa*.

Năm 1964 ông về hưu. Trong ba năm cuối đời Hamvas Béla hoàn thành nốt các tác phẩm khác trong đó có *Scientia Sacra* tập II nổi tiếng.

Ông viết chủ yếu là tiểu luận, một thể loại tự do, như một thí nghiệm thể loại. Mọi sáng tác của ông đều viết dưới dạng

tiểu luận. Kể cả tiểu thuyết *Karneval* ông cũng viết như một tiểu luận vĩ đại.

Ngày 7.10.1968 ông mất sau một cơn chảy máu não.

Cho đến tận những năm 70 của thế kỉ XX. tác phẩm của Hamvas Béla chủ yếu chỉ lưu truyền dưới dạng bản thảo đánh máy. Bắt đầu từ những năm 80 trở đi, dần dần tác phẩm của Hamvas Béla được ra mắt công chúng, nhưng vẫn bị kiểm duyệt, ví dụ tiểu thuyết *Karneval* (1985) bị cắt xén trước khi được in.

Năm 1990 Hamvas Béla được truy tặng giải thưởng Kossuth.

Năm 1996: Giải thưởng Di sản Hungary.

Năm 2001: Giải thưởng Vì Nghệ thuật Hungary.

Ngày nay Hamvas Béla được đánh giá là một trong những nhà văn, nhà triết học vĩ đại nhất của châu Âu thế kỉ XX, và của nền văn hóa Hungary.

LỜI NGƯỜI DỊCH

Bạn đọc đang cầm trên tay cuốn tiểu luận triết học đặc sắc của Hamvas Béla, gồm ba tác phẩm riêng biệt được tập hợp lại như một tuyển chọn. Hai tiểu luận đầu: *Niềm Cảm Hứng* và *Một Trăm Cuốn Sách* được viết riêng thành hai tập sách mỏng, và tiểu luận thứ ba: *Độc Giác* vốn nằm trong một tác phẩm khác của Hamvas Béla, nhưng có hình thức và nội dung khá độc đáo, cũng có thể được coi như một tập sách độc lập.

Ba tác phẩm này có chung đặc điểm: nội dung cực kỳ súc tích và rất có ích cho những ai muốn tìm hiểu về những vấn đề tâm linh một cách tổng quát. Chúng nằm trong số những tiểu luận hay nhất và khó đọc nhất của Hamvas Béla.

Trong tiểu luận thứ nhất *Một Trăm Cuốn Sách* theo ý kiến riêng của tác giả, đây là những cuốn sách: “... mà từ đó, nếu tất cả những cuốn sách khác chẳng hạn bị mất, người ta vẫn có thể xây dựng lại những trào lưu, những khuynh hướng chính của văn học nhân loại”, và: “Giữa một trăm tác phẩm này có những cuốn ít nhất cần luôn luôn xuất hiện trong học bàn dưới ánh đèn đêm, để con người, nếu không thể hơn, nhưng trước khi ngủ cần đọc ít nhất một từ thôi, và mang theo mình vào bóng tối của đêm ít nhất một cái gì đó từ nội dung đích thực của sự sống người”.

Từ tiêu chí này, đúng như tư tưởng nhất quán trong toàn bộ các tác phẩm của ông, Hamvas Béla đặc biệt nhắc đến tất cả những cuốn sách cổ chính của văn hóa nhân loại, dù được viết theo các ngôn ngữ khác nhau ở các quốc gia khác nhau

như: *Rigvéda, Upanisad, Mahabharata, Tử Thư Ai Cập* (Pert em heru), Kinh Thánh...). Hamvas Béla phân tích cực là súc tích nội dung của các tác phẩm ấy, ông giúp người đọc lựa chọn sách dựa trên những tiêu chuẩn văn hóa tri thức cơ bản nhất. Với các tác phẩm mà người sáng tác là một cá nhân, Hamvas Béla chỉ ra những đặc trưng bút pháp nổi bật của mỗi tác giả.

Tất nhiên đây chỉ là một trăm cuốn sách được lựa chọn đến khoảng giữa thế kỉ XX nên văn học thời hiện đại gần như vắng bóng. Tuy nhiên sự bất tử của văn hóa nhân loại phần lớn lại nằm trong các văn bản cổ, và về điều này, không ai có thể phân tích rõ và hay như Hamvas Béla.

Tiểu luận thứ hai: *Niềm Cảm Hứng* vẫn được coi là một tiểu luận hay nhất và khó đọc nhất của Hamvas Béla, nhất là đối với người đọc châu Âu. Bởi vắng thiếu tri thức về các tôn giáo phương Đông nên họ thường không hiểu bài tiểu luận này nói về điều gì, tuy Hamvas Béla viết hết sức giản dị, dùng nhiều ví dụ cụ thể.

Tác giả muốn phân tích một nguyên lí cơ bản về mối quan hệ giữa con người và vũ trụ trong khái niệm tất cả là MỘT, đấy là: *“Trong mọi trường hợp đó là một trạng thái đòi hỏi sự toàn tâm toàn ý của con người khi hòa vào sự Đồng Điều một cách có ý thức với các vòng siêu nhiên”*.

Và điều kiện cơ bản để làm được điều này là con người phải hiểu về (cái gọi là) Nền Tảng Cơ Bản: *“Đấy là sự nhạy cảm, để ngỏ về hướng siêu nhiên. Đấy là nền tảng cơ bản. Nhưng đừng để nhầm lẫn, cần nói ngay, đây cũng là trạng thái cuối cùng của con người trong MỘT, và hai điều này có quan hệ*

với nhau như cái đầu tiên và cái cuối cùng, là bản năng khởi hành và mục đích, là thiên đường và Jeruzsálem Mới, là vườn và thành phố, là thời hoàng kim và chân phúc. Trở thành trẻ sơ sinh và trở thành nhà thông thái là như nhau – theo Lão tử nói. Nhưng cũng cần nói thêm sự đồng điệu không chỉ đạt được trong buổi ban đầu và cuối cùng của mọi thời gian. Nền tảng cơ bản (état primordial) có trong tất cả mọi người, trong tất cả mọi giây phút, tại nơi đây. Nền tảng cơ bản có thể hiện thực hóa trong bất kì khoảnh khắc nào”.

Từ đây cho đến hết bài tiểu luận, chúng ta có thể từ từ hiểu được ý đồ của tác giả muốn nói đến điều gì: đó là cách thức HÀNH ĐỘNG của con người sau khi đã nhận biết một cách TỈNH THỨC về ý nghĩa nội dung một kiếp sống người. Bởi vì khẩu hiệu quan trọng nhất của tư tưởng của Hamvas Béla là cần HIỆN THỰC HÓA những điều con người đã tự thức tỉnh trong bản thân mình.

Cách thức hành động này chính là nội dung của các khuynh hướng tâm linh dẫn dắt con người vào các thực hành tôn giáo, tự chuyển hóa và rèn luyện tâm tính, học hỏi và trau dồi kiến thức để ngày càng nâng cao hơn tri thức SỐNG của mình. Và: *Hiện thực hóa sự tỉnh táo là một quá trình kĩ thuật. Một quá trình kĩ thuật-niềm cảm hứng.*

Tác giả cho chúng ta biết tại sao cần thực hành sự tỉnh táo – chính là thực hành niềm cảm hứng? Bởi nội dung đời sống người cần luôn luôn được nâng cao lên trong các sáng tạo tinh thần như văn hóa-nghệ thuật: *Hướng của niềm cảm hứng (ekstazis) không đi theo vòng quay tròn tự nhiên mà vuông*

góc với đời sống. Trong vòng quay cao hơn của đời sống thực ra luôn luôn mang tính chất cảm hứng, thăng hoa, là chất liệu để sáng tạo nghệ thuật, là tư tưởng, là việc trải qua niềm vui tạo dựng tác phẩm, là việc đọc, là sự học tập, là tình yêu, sự chiêm ngưỡng, là âm nhạc, vũ điệu, là sự hành hương, là lời cầu nguyện.

Nói tóm lại: đời sống người chân chính và xứng đáng phải là một đời sống tinh thần thiêng liêng đồng điệu làm một với vũ trụ hài hòa. Chỉ lúc đó con người mới có sự tươi, tỉnh, có niềm HẠNH PHÚC trần thế mà nó phải vượt lên chính bản thân mới gây dựng được cho mình và giữ gìn, truyền tải lại cho CỘNG ĐỒNG người chung sống với nó.

Một lần nữa, trong tiểu luận *Niềm Cảm Hứng* Hamvas Béla lần lượt nhắc lại nội dung của các cuốn sách cổ, thông qua các tín ngưỡng khác nhau của các nền văn hóa địa phương khác nhau nhưng chung một gốc gác truyền thống của văn hóa nhân loại. Sự khác nhau này thể hiện ở các tên gọi khái niệm trong các văn bản cổ của các dân tộc khác nhau (Ấn Độ, Do Thái, Hồi Giáo), nhưng nội dung không hề bài trừ nhau, và mục đích của sự thực hành niềm cảm hứng giống hệt nhau, vì: *“... điều kiện của tinh thần trong sạch đã hiện thực hóa và việc từ bỏ mọi sự méo mó biến dạng chính là một quá trình cảm hứng cao nhất, là trạng thái phẳng lặng như gương, là trạng thái của con người khi tham gia vào sự truyền thông của thế giới Thấp nhất và Cao nhất. Đây là samadhi – thiên thượng, cái Patandzsal gọi là nirvikalpa-*ñāna*”.*

Sau cùng, người đọc trải qua các phân tích và chứng minh của tác giả để hiểu ra một nhiệm vụ duy nhất: *“Tính chất của niềm cảm hứng có quy tắc và bầu khí quyển thường xuyên của nó là sự thiên định”*. Và cuối cùng hiểu ra nội dung cơ bản của vấn đề bài tiểu luận nêu lên: *“Sự thật hóa ra chỉ có nghĩa chừng này: bằng quyết định có ý thức bước ra khỏi sự mờ mịt nhiều nhưng, sự bất an phân tán kêu gọi thêm khát sống, và tồn tại trong sự trong sạch không che đậy cội rễ của bản chất. Tất cả các dạng của kĩ thuật cảm hứng, ý nghĩa của yoga cũng như của Sufi, Orfika, Zen hay Mahajana, Kabbala đều có một không hai, bởi nó không truyền bá tri thức sự vật mà nó là sự dạy dỗ từ các tri thức xác thực thông qua kinh nghiệm thu thập từ đời sống của các cá nhân”*.

Đây là một bài tiểu luận rất khó đọc và khó có thể hiểu vẹn tròn, nhưng nó kích thích trực giác tâm linh có sẵn trong mỗi cá nhân nhằm thôi thúc họ tự suy nghĩ, thức tỉnh và chuyển hóa bản thân theo những mức độ nhất định mà họ đạt được.

Tiểu luận thứ ba: *Độc giác* (Unicornis) có một hình thức thể hiện hết sức độc đáo, như những lời đối thoại, trong đó mỗi câu, mỗi trích đoạn đều thể hiện tư tưởng đặc trưng của Hamvas Béla. Ông nêu quan niệm cá nhân về tất cả những gì liên quan đến thế giới tinh thần của con người: quyền tự do, sự sáng tạo, các mối liên quan của con người với nhau và với các sức mạnh siêu nhiên.

Hamvas Béla quan tâm đến bản thân con người như một chủ thể sáng tạo: *“Chừng nào kẻ sáng tạo còn có cảm hứng, sự vật còn đó, nếu kẻ sáng tạo hết quan tâm, sự vật hỏng rữa”*.

Cái ta gọi là lực tương tác lẫn nhau (gravitáció) chính là trọng lực cá nhân trong sự vật”. Chủ thể sáng tạo này làm nên chiều kích đời sống của một con người thực sự, đó là một cuộc sống người bình thường (chứ không phải tầm thường) trong một đời sống tinh thần cao cả: “Bí mật của một Con Người Lớn không phải sự rồ dại, mà ngược lại, là sự khỏe mạnh. Đây không phải một kẻ ngoại lệ mà là một con người phổ quát và bình thường. Ngoại lệ là những kẻ khác. Rồ dại là kẻ không giống người ấy. Đời sống Lớn là đời sống của một người bình thường, còn đời sống của đám đông là nhà thương điên và rạp xiếc. Bí mật của một Con Người Lớn: đây là người duy nhất không có bí mật. Đây là người mang tính phổ quát, tự nhiên, giản dị và mang tính người thực chất.

- Ở những kẻ khác chỉ toàn là những điều bí mật, giấu giếm, rối loạn, ngoại lệ, che đậy, bê bối, đặc quyền, đặc tính, méo mó, điên rồ, như trò hề rạp xiếc. Chỉ từ một Con Người Lớn tôi biết ai là người thực chất”.

Tập tiểu luận này viết ra trong một hoàn cảnh khá đặc biệt: Hamvas Béla bị bắt buộc phải từ bỏ vai trò một người trí thức trong xã hội, không được phép sáng tác và xuất bản, nhưng ông vẫn tự duy trì hoạt động viết như một cách thiền định, tập yoga, để giữ cho đời sống tinh thần của mình thức tỉnh và minh bạch.

Độc *Độc giác* người đọc làm quen với các quan niệm hết sức sâu sắc và đầy tính chất triết học của ông về tất cả những gì liên quan đến nhận thức, hoạt động, hành vi của con người đối với đời sống cá nhân và cộng đồng. Đặc biệt đọc tiểu luận

này người đọc hiểu rất rõ ràng quan niệm của Hamvas Béla về HÀNH VI của con người khi rơi vào những tình huống, môi trường xã hội khác nhau. Triết lí về đạo đức sống của ông không tách rời với hành vi hiện thực hóa đời sống của chính ông từ kho tàng tri thức của ông.

Một tập tiểu luận triết học pha lẫn chất văn chương, hay đúng hơn những áng văn tuyệt đẹp mang những ý nghĩa triết học sâu sắc? không thể trả lời nổi vì cả hai tính chất này quyện lấy nhau trong từng câu văn không hề giống ai của tác phẩm.

Đọc, bỏ xuống để trầm ngâm suy nghĩ, cầm lên đọc tiếp vì không thể bỏ dở, và luôn luôn có cảm giác mình chưa thể hiểu thấu suốt những gì tác giả viết, *Độc giác* là một tiểu luận không hề dễ đọc chút nào, nhưng sẽ để lại dấu ấn mãi với người đọc, dù chỉ bằng đoạn văn cuối cùng tác giả dùng giải thích tại sao mình chọn hình tượng con vật thiêng một sừng để diễn đạt ý tưởng: *“Unicornis là con vật có một sừng.*

Con vật hai sừng có hai mắt, hai chân, hai giới tính, hai đặc tính. Con vật một sừng có con mắt giữa trán, một giới tính, androgen, lingam, joni, trái tim. Con vật một sừng là loài vật siêu việt trong khu rừng thiêng.

Ở Trung Quốc người ta gọi nó là Kỳ lân. Mẹ của Khổng Tử trước khi trở dạ sinh ra ông đã mơ thấy con kỳ lân. Con vật một sừng đầu tiên nhẩy vọt ra từ trung tâm của trái đất. Người ta hiếm khi thấy nó. Người ta kể rằng Tyanai Apollonius một lần đã gặp nó. Mózes viết: Thượng Đế đưa họ ra khỏi Ai Cập, sức mạnh của ngài như của con vật một sừng.

Một là cái không bao giờ nhắc lại. Chỉ có một lần. Duy nhất một lần. Lần đầu tiên và lần cuối cùng. Không thể nắm bắt và không thể xác định. Sự huyền bí. Người lính canh của sự im lặng là con vật một sừng lặng câm sống trong khu rừng thiêng câm lặng, trên ngưỡng của những sự bí ẩn, là sinh linh cuối cùng, là dạng hình cuối cùng của sự sống tận cùng là MỘT.

Nhưng vô ích là một và duy nhất. Nếu bạn ở bên nó, bạn biết, đây là một và toàn bộ và đây là duy nhất, là tất cả. Vô ích lần đầu tiên và lần cuối cùng. Nó luôn luôn từng có và sẽ có. Vô ích không nắm bắt được. Nó là thứ duy nhất có thể nắm bắt, nó là hiện thực, là hiện tại, là kinh nghiệm và là cái cụ thể, và ngoài nó ra chỉ còn ảo ảnh.

Vô ích là sự thần bí, bởi sự thần bí này có trong tôi và trong bạn, nó quấn lấy chúng ta và nó là cái chúng ta tiếp cận, cái chúng ta ăn, cái chúng ta thấy và hít vào bằng mũi của chúng ta, và vô ích bí mật, nó là cái ai cũng biết, và vô ích bị cấm, nó là cái từ đó có chúng ta. Đây là Unicornis – con vật một sừng.

Có thể gặp con vật một sừng trên đường phố của các thành phố, lúc đó nó khoác bộ mặt thần hộ mệnh các số phận. Những lúc đó nó ngồi trên cổ con người, trong tay là chiếc roi da và xua đuổi con người. Con người luôn vội vã trên các đường phố vì bị nó lừa, xua.

Có thể gặp con vật một sừng trên khuôn mặt lũ con trẻ, bọn thiếu nữ, các thánh, lúc đó nó là thiên thần. Những lúc đó nó nắm tay con người và dắt đi một cách hiền từ. Khi con

người từ bỏ trái đất, nó sẽ là thủ lĩnh linh hồn, đi trước và chỉ đường. Chiếc sừng độc nhất chiếu sáng như một ngôi sao.

Có những linh hồn ngồi trên nó, và con vật một sừng đưa họ đi trên lưng, đưa qua các vương quốc của thế giới bên kia, qua các cánh rừng, các ngọn núi, các dòng sông, ánh sáng từ cái sừng độc nhất ngày càng tỏa sáng rạng ngời, dẫn vào không gian và chỉ đường”.

(Budapest. 2018.március.21)

ÂN ĐỘ

1/ Những trường ca Rigvéda

Những bài trường ca Rigvéda không phải những bài ca bình thường, mà là những lời ca sùng bái sự hài hòa của vũ trụ. Trong thời cổ, mọi dân tộc đều biết đến sự hài hòa bí ẩn của âm nhạc – những mức độ thi ca là những tác động phép thuật: tạo dựng nên sự đồng điệu trong linh hồn người, trong cộng đồng, trong quốc gia, trong vũ trụ.

Những bản trường ca trả lại vị trí cho một trật tự bị phá vỡ. Ở Ai Cập hay ở Mexico những bản trường ca cất lên lúc bình minh hay hoàng hôn là lúc con người mong muốn áp dụng thứ trật tự hợp luật–có quy củ–hài hòa của mặt trời vào đời sống trần gian.

Người ta nói, cá ngóc đầu lên khỏi mặt nước khi nghe những bài ca của Orpheus: bởi lời hát cũng tạo ra sự đồng cảm giữa thế giới người và thế giới động vật. Giữa con người với nhau, lời ca thực hiện tình huynh đệ siêu nhiên, giữa các vật chất thực hiện một trật tự, và trong linh hồn người thực hiện một đời sống trong sạch và đẹp đẽ.

Giữa các bản trường ca thời cổ, những bài ca của Rigvéda là những bài đẹp nhất.

2/ Upanisad

Nếu không phải một trăm mà chỉ cần cứu ba cuốn sách thôi, thì chắc chắn phải có Upanisad trong đó. Upanisad (có nghĩa là *Những Lời Dạy Dỗ Bí Mật*) cho rằng, thiên nhiên vật chất có thể kinh nghiệm chỉ là hiện thực thứ hai. Hiện thực đầu tiên, một hiện thực đích thực vô hình mang tính chất tinh thần. Thiên nhiên vật chất chỉ là ảo ảnh (maja) của linh hồn (átman) bất diệt và tồn tại vĩnh hằng, và thiên nhiên vật chất không có sự sống độc lập của nó.

Tri thức lớn mang tính chất quyết định này tự con người không thể nhận ra, không bao giờ có thể thấu suốt, rằng cái giả hợp bao bọc và xác định đời sống của nó lại không phải là hiện thực.

Vị thần tinh thần lớn nhất, Brahman, đã diễn đạt Upanisad trong buổi bình minh của mọi thời gian cho các nhà thông thái cổ lớn. Và Upanisad là hợp tuyển của những lời tuyên ngôn này.

Bất cứ một tác phẩm nào của cá nhân con người viết ra cũng không thể so sánh nổi với Upanisad về vẻ đẹp và về sự vĩ đại của nó.

Bản dịch Upanisad ra tiếng Hungary đầu tiên đang sắp sửa ra mắt bạn đọc (khoảng những năm 1940 – ND). Bản dịch ra tiếng Anh của Max- Müller có nhiều nhầm lẫn; những bản dịch từ tiếng Do Thái ra tốt hơn. Bản dịch tiếng Đức của Deussen nhạt nhẽo.¹

3/ Sankja (Sankhya)

Một cuốn sách tuyệt vời. Là lời chú giải siêu hình học hoàn hảo hình thành từ sự kết hợp đồng điều giữa nhận thức sắc như dao cạo và trí tưởng tượng dũng mãnh cùng trực giác nhạy bén. Sankja có quan hệ họ hàng triết học thần bí dựa trên kinh Kabbala của Judea, lí thuyết số học của Pithagoras và các quẻ trong Kinh Dịch của Trung Hoa. Có thể đọc tác phẩm này từ các bản dịch tiếng Anh khá tốt.

4/ Patandzsali – Yoga – Sutra

Yoga là phương pháp hợp nhất với tinh thần của thế giới cổ. Có nhiều loại yoga: yoga sức khỏe (hatha), yoga hoạt động (karma), yoga tự dâng hiến (bhakti). Mỗi loại yoga đều là một trong những khả năng để hợp nhất với Vũ trụ. Yoga (được gọi là radzsa-yoga là nền tảng và vinh quang của các loại yoga. Patandzsali, nhà thông thái cổ vĩ đại đã viết như vậy.

Tác phẩm mà Patandzsali để lại cho chúng ta, kẻ chưa nhập định không thể hiểu và cũng không biết sử dụng. Phần lớn các câu kinh (sutra) là những câu ngắn như một kí hiệu, hoặc chỉ là các từ. Tác phẩm của Patandzsali chỉ có thể sử dụng bằng những lời giải thích phù hợp. Số lượng các lời giải thích khá thất thường.

Nếu ta hỏi lời giải thích nào đúng nhất, câu trả lời là: con người hiện đại nên sử dụng hai lời giải thích–bình luận, một của Ấn Độ cổ, hai là của châu Âu hiện đại. Chỉ như vậy mới

khắc phục một cách có hiệu quả những khó khăn gặp phải khi đọc tác phẩm này.

Các bản dịch tốt nhất là Anh ngữ và của J. Haver, tiếng Đức.

5/ Mahabharata

Thi phẩm anh hùng ca của Ấn Độ nói về thế hệ của các Bharata. Trong tác phẩm này những câu chuyện cổ tích mê đắm, những đoạn thi ca đầy sức quyến rũ, những tư tưởng, các giấc mộng, những đam mê, sự diệu kì, các thần linh, các loài ma quỷ, những con người mang tính chất siêu hình học lớn cứ lẫn vào nhau, như thế giới tinh thần của Tạo Hóa trong khoảnh khắc tạo dựng.

Từ tác phẩm Mahabharata – một sắc màu, âm thanh, hình thức duy nhất của thế gian cũng không hề vắng thiếu. Nếu thế gian không là gì khác ngoài sự phản chiếu của linh hồn (atman) vĩnh cửu, thì Mahabharata không là gì khác ngoài sự tổng hợp hóa thế gian đã phản chiếu ấy.

Ở đây ai cũng bắt gặp phần của mình: con trẻ trong các câu chuyện, người đang yêu trong các bài ca say đắm, nhà thông thái trong Bhagavad-gita – trong thi phẩm triết học đẹp nhất trần gian này.

Chúng ta có nhiều bản dịch Mahabharata tốt, bởi dịch tồi một thi phẩm như thế là điều phi lí. Ít nhất có năm trăm bản dịch Bhagavad-gita, và hàng nghìn lời bình luận về nó.

6/ Sách luật của Manu

Ai không hiểu nhiều về sự vật, sẽ chống lại việc đưa cuốn sách luật của Manu vào danh mục một trăm cuốn sách. Nhưng người nào biết rằng có rất ít những tác phẩm mà từ đó có thể hít thẳng vào phổi mình làn không khí trong sạch và trực tiếp của thời cổ, người đó sẽ đồng tình với việc lựa chọn cuốn sách này.

Manu không viết một bộ sách luật giống như các hợp tuyển Quy định Pháp Luật và các luật lệ nhân tạo một cách ngắn gọn, Manu chống đối đời sống ở Cục Lưu Trữ văn bản Xử án ngày nay.

Đúng ra, những cuốn sách luật phải là những tác phẩm tuyệt tác; Stendhal trước khi viết, sáng sáng đã đọc Code Napoleon – và theo ông: “đây là tuyệt tác của các khái niệm chính xác”.

Manu cũng là một kiệt tác, nhưng theo kiểu khác. Cuốn sách tràn ngập kiến thức tâm lí học, xã hội học, sự phạm học, đầy ắp sự thông thái, sự trào phúng, sự hoang tưởng, sự huyền bí, siêu hình học, với một trình độ mà nếu ai hiểu được nội dung của nó sẽ đọc một lèo như đọc Dostojevski.

Nhưng điều quan trọng nhất: ai đọc Manu sẽ quay trở lại với trạng thái cổ cội nguồn của con người. Và bỗng thấy những linh hồn của thế giới bên kia, các thần linh, những ngôi sao, những loài cá, thực vật, khoáng sản một lần nữa trở thành người anh em họ hàng thân thiết của mình.

Cuốn sách này có nhiều bản dịch tiếng Anh, Đức, Pháp tốt nhưng cũng chưa đủ chuẩn.

7/ Những lời Đức Phật dạy

Người ta cho rằng Đức Phật là con người vĩ đại nhất của lịch sử nhân loại. Tên thật của Ngài là Sákjamuni – kẻ kế vị ngôi vua, nhưng đã từ bỏ ngai vàng, xuống tóc và dạy dỗ về sự từ bỏ. Bởi vậy Ngài có tên là Buddha, có nghĩa là giác ngộ.

Phật giáo xuất phát từ cái là siêu hình học cổ: thế gian hiện hữu là ảo ảnh, hiện thực duy nhất là linh hồn vô hình. Nguyên nhân của mọi đam mê, mọi phiền não, mọi nhầm lẫn chính là sự dính mắc vào những ảo ảnh phi hiện hữu.

Những lời Đức Phật dạy có sức mê hoặc đến nỗi dù ai mới chỉ đọc một lần hoặc thoáng qua cũng đều không thể quên nổi, và luôn luôn muốn đọc lại. Tuyển tập Lời Phật dạy là một ví dụ cho thấy những nội dung lớn thường xuất hiện trong hình thức của cái đẹp quý phái nhất.

Bản dịch đẹp nhất không thể so sánh là bản dịch tiếng Đức của Karl Eugen Neuman, có nhiều chỗ thống nhất với bản gốc.

8/ Sankara – Bình luận kinh Védanta

Đây là một cuốn sách của sự an bình và quán tưởng sâu lắng. Sankara viết bình luận cho Upanisad. Nếu ai mơ ước giá ở lâu trong một cộng đồng người truyền đạt sự hiểu biết một

cách thoải mái như ở nhà mình, kẻ đó hãy “vó” lấy cuốn sách này mà nghiền ngẫm trong vòng vài ba tháng.

Trong toàn bộ nền văn học thế giới không ai có thể viết một cách đầy cảm hứng như Sankara. Các nhà văn, nhất là phần lớn các nhà văn châu Âu khi viết hoặc bắt buộc phải viết, thường khổ sở với hiện thực. Giống như ông già Tolstoj. Hoặc không khổ sở thì cũng chỉ vì bắt buộc đành hiến mình cho một trạng thái ma quỷ còn (được gọi là) viết.

Con người luôn luôn có cảm giác muốn được giải thoát và được nhận cái tốt hơn cả cho mình. Có thể nhận ra kinh nghiệm này từ Shakespeare, từ Joyce, y chang như từ Baudelaire hoặc từ Sophoklés. Con người nói chung không thích viết, càng nhà văn lại càng không.

Bởi vậy những nhân vật thật sự lớn như Khổng Tử, hoặc Đức Phật hoặc Hermes Trismegistos hay Pithagoras, Sokrates không viết, hoặc viết rất ít như Herakleitos hoặc Lão Tử.

Văn bản của Sankara mang lại niềm cảm hứng thần tiên và con người tất nhiên biết thưởng thức tâm trạng này.

AI CẬP

9/ Tử Thư Ai Cập (Pert em heru)

Pert em heru, có nghĩa là bước ra khỏi ban ngày. Đây là cuốn sách về người chết của Ai Cập.

Thực chất đây là hợp tuyển của các lời kinh, các câu nói, các bài ca phát ra trên các bến đò quan trọng của linh hồn luân chuyển.

Nếu ai muốn làm quen với bầu khí quyến thế giới âm hoàn hảo, đúng là cần phải đọc Tử Thư Ai Cập. Sẽ nhận ra hiện thực thật sự là hiện thực–linh hồn, và ở đây tất cả phụ thuộc vào ánh sáng riêng, sự thức tỉnh riêng của mỗi linh hồn.

Chúng ta biết đến ba bản dịch Tử Thư Ai Cập: của Lepsius, của Naville và của Budge. Bản tiếng Hungary sắp sửa có.

10/ Hermes Trismegistos

Một vài văn bản cổ Hi Lạp đều mang tên Hermes Trismegistos. Truyền thống Hermes Trismegistos thực ra nhiều hơn thế. Rực rỡ nhất là sự bí ẩn chứa trong mười câu nói của văn bản Tabula smaragdina; và văn bản Poimandrész hoàn toàn thần bí; nhưng hệ thống kí hiệu số còn thần bí hơn nữa, nhiều người đã thử tìm cách giải mã chúng, gần đây nhất có Encausse và Abbé Constant.

Truyền thống văn hóa nhân loại cho rằng Hermes Trismegistos nhận một tri thức lớn nhất thế gian từ các sức mạnh thiêng của vũ trụ. Tri thức này thể hiện như một dạng phép thuật và được đăng cấp tinh thần của Ai Cập gìn giữ. Pithagoras mang tri thức này vào châu Âu. Chúng ta vẫn chưa biết về bản chất của tri thức Hermes. Bản dịch được sử dụng thông thường nhất là của dịch giả G. R. S. Meadé.

TRUNG QUỐC

11/ Sử kí

Các câu chuyện kể, các cổ tích, truyện thần thoại, triết học, đạo đức học – trong thời cổ – thường gói gọn vào một tác phẩm duy nhất. Khoa học rất tức giận với một tác phẩm như vậy bởi không giải mã nổi những điều mà những cái đầu điên rồ nghĩ đó là sự thật trong đó.

Ơn Chúa lòng lành! Trong Sử kí nhiều sự thật mà ít cảm xúc khi viết về sự kiện. Cuốn Sử kí này chúng ta được biết do Đức Khổng Tử tìm lại, thu thập. Có thể nhận ra điều này: Một cuốn sách giản dị, nghiêm túc, tràn ngập ân sủng. Nó chứa sự thật xác thực đến nỗi có thể cho rằng không có tí chất liệu văn học nào trong đó.

12/ Lão Tử

Nếu tất cả các cuốn sách đều viết như Đạo Đức Kinh của Lão Tử thì không cần đến một trăm tập sách, mà chỉ cần trên dưới một trăm cuốn vở mà thôi.

Toàn bộ tác phẩm Đạo Đức Kinh chỉ có tám mươi mốt khổ thơ: đây là tri thức nguyên mẫu về lịch sử, về linh hồn, về cộng đồng, về số phận, về đời sống, về sự thật, được viết theo cách thức đến đứa trẻ cũng hiểu nổi, nhưng đối với một nhà thơ lớn lại chỉ có thể viết nổi trong giây phút xuất thần.

Đạo Đức Kinh là sự bắt đầu và kết thúc của mọi tri thức đích thực về đời sống.

13/ Khổng Tử

Bản thân Khổng Tử không viết, chỉ đi thu thập các cuốn sách lớn của thời cổ lại để giải thích. Luận Ngữ là cuốn sách các học trò viết lại các lời dạy, các đối thoại của ngài.

Thực ra cần luôn luôn như vậy mới đúng. Con người hãy đừng viết gì hết, chỉ nên ghi chép lại những lời của các bậc Thầy của mình: Platon ghi lại lời của Sokrates, của Jen Hui Kung. Như vậy sẽ đúng với một trật tự là con người không rơi vào sự kiêu căng mà biết dùng cả đời mình để phụng sự Thầy.

Những câu trong Luận Ngữ là sự thể hiện, là lời tuyên bố của linh hồn đích thực. Trong đó chứa đựng mức độ của sự quan trọng, của sự thật và sự sâu sắc. Cái gọi là sự thông thái chỉ là thứ yếu. Ở Đức Khổng Tử chúng ta không ngạc nhiên về tri thức mà chúng ta ngạc nhiên vì một trái tim chân thật.

14/ Trang Tử

Trang Tử là một kiểu người khác biệt, giống như Sokrates, như thánh Phao lô và Nietzsche – người ta nói, là những con người của nghịch lí.

Điều nghịch lí trong họ là họ không đòi hỏi những giá trị giả của con người, mà đòi hỏi những giá trị thật sự của thế giới tinh thần vĩnh cửu, và vạch trần những mâu thuẫn tự thân của con người.

Dạng người này có một trí tuệ sáng láng cực kì và là bậc thầy của thứ ngôn ngữ tuyệt tác. Chưa hề có ai và chưa bao giờ có ai biết nói như Sokrates và viết như thánh Phao lô, Nietzsche và Trang Tử.

Dịch Trang Tử khó, bởi chính ông đã siêu việt.

15/ Lý Bạch

Đây là thứ thi ca mang hương vị của trà. Là thi ca của những cây hoa đào đang nở. Là thứ thi ca của những nàng con gái trẻ đang tắm trong biển xanh trinh khiết. Là thi ca của những con chim họa mi tháng Năm. Đây là tác phẩm thi ca hữu hạn nhất – thứ thi ca của sự bất tử.

TÂY TẠNG

16/ Naropa

Những vị thánh lớn của Tây Tạng là Tilopa, Naropa, Marpa và Milarépa. Giữa các vị thánh này Naropa là một đạo sĩ lớn, một sinh linh khao khát tận cùng những bí ẩn vĩ đại nhất và nguy hiểm nhất, một kẻ nếu quả thực độc ác, dư sức hủy diệt toàn bộ nhân loại, như Azazel.

Tiểu sử của ông cho biết ông đã chinh phục các sức mạnh thần bí như thế nào, và: càng học nhiều điều mâu nhiệm con người càng nhìn sâu sắc hơn bản chất ảo ảnh–bị phù phép của thế gian, thế gian này chính là giấc mộng của linh hồn.

17/ Milarépa

Milarépa là một thi sĩ, một vị thánh, một nhà huyền học, một nhà khắc kỉ, một ông thầy, sống bốn mươi năm trên đỉnh Himalaja bằng rau tầm gai, nhưng có một tri thức mà nếu ông

nói ra, đến các vị thần sống trên trời cũng phải lắng yên để lắng nghe, và đi theo ông.

Từ tiểu sử của ông chúng ta biết ông đã học để biết dựa vào bão tố, mưa dông để hủy diệt môi trường, giết người từ xa, đi lại trên không... phép màu thần thông thực ra có thể học dễ dàng. Cái khó hơn là sống một đời sống hoàn toàn trong sạch và thiêng liêng. Và mục đích không phải phép thuật mà là một đời sống trong sạch. Bởi vậy đây là một Milarepa hiện đại: một cuốn sách của một con người thời hiện đại lầm lạc đã thức tỉnh.

18/ Bardo Tödol – Tử Thư

Đây là cuốn sách của Người đã Chết ở Tây Tạng. Ai không biết cuốn Tử Thư này người đó không biết đến khoa học của một cái chết đúng đắn.

Đây là cuốn sách độc nhất giữa tất cả các cuốn sách mà con người biết về vật lí học, về hệ thần kinh, các cơ bắp và hệ xương, nó giải thích cái gì là cái chết, cái gì là linh hồn khi sự biến đổi bí ẩn của con người sau cái chết hòa thành tinh thần.

Từ Tử Thư Tây Tạng tất cả mọi người đều rõ: linh hồn hoàn toàn tự do, phi giới hạn, vô tận, nó làm cái nó muốn, và quyết định cái cần phải xảy ra. Những gì nhìn thấy như một sự bắt buộc của môi trường bên ngoài không là gì khác ngoài chính là một gánh nặng mà linh hồn tự chất lên bản thân nó, và có thể vứt bỏ khi linh hồn muốn.

Đức Lạt Ma Kazi Dawa Samdup là người dịch Tử Thư Tây Tạng ra tiếng Anh.

19/ Phép thuật Tây Tạng

Đây là cuốn sách giáo dục tâm lí phép thuật, là cuốn sổ tay không thể thiếu của tất cả các nghệ sĩ, thi sĩ, triết gia, chính trị gia, người tu hành nghiêm túc, là cuốn sách mỗi buổi sáng trước khi bắt tay vào công việc, cần phải đọc nó.

Một tác phẩm tinh táo và lạnh lùng. Không biết đến sự mặc cả hay đòi hỏi, không có những ảo tưởng, đam mê duy nhất của nó là thoát khỏi những ảo ảnh của thế gian.

Là văn bản của các thực hành, của yoga Tây Tạng nhằm thanh tẩy linh hồn. Và cái có sức mạnh lớn nhất: csöd. Theo nhà khổ hạnh Tây Tạng con người không xây đắp gì hết – nó chỉ có nhiệm vụ duy nhất là phá vỡ và làm sụp đổ.

Những thực hành yoga này sẽ làm sụp đổ một cách có hệ thống tất cả, không cần đến thù hận, sự nóng vội, sự giận dữ hay chiếm mất nhiều thời gian chỉ để linh hồn lấy lại tự do nền tảng của nó.

Cuốn sách này cũng do Đức Lạt Ma Kazi Dawa Samdup dịch ra tiếng Anh.

JUDEA

20/ Hénoch

Trưởng lão Hénoch, hậu duệ đời thứ năm của Adam kể chuyện về thiên thần chống đối Azazel cùng đồng bọn. Có những phần trong cuốn sách độc nhất vô nhị này nói về bản chất thánh thượng: đặc biệt lúc Thượng Đế thông qua Hénoch nhắc nhở tới các thiên thần phạm tội.

Nếu con người đọc một cuốn sách như vậy sẽ cho rằng cứu một trăm cuốn sách là nhiều, mười cuốn là đủ, những cuốn nói về bản chất của lịch sử con người.

Hénoch chỉ ra toàn bộ những gì được gọi là sự độc ác nhất trong lịch sử nhân loại, nhưng cũng chỉ ra những điều tốt nhất. Đây là cuốn sách về sự bí ẩn của những mâu thuẫn tuyệt đối.

21/ Cựu Ước

Không phải vì ân sủng cần cầm lên cuốn Cựu Ước, cũng không phải vì nó là tiền đề và điều kiện của Kitô giáo. Trong Cựu Ước nền tảng của mọi hiện hữu thế gian của chúng ta xuất hiện cùng một lúc. Ngày nay người ta sẵn lòng đặt giả thiết rằng số phận nhân loại dựa trên các loại chủ nghĩa (izmus). Không! Số phận nhân loại nằm trên những cái tên thiêng.

Veda là cuốn sách về hiện thực, Cựu ước là cuốn sách của những cái Tên lớn. Nếu ai đó muốn biết đây là cái gì, cái có trong Cựu ước, cần phải đọc một lần như thể chưa bao giờ nghe đến, biết đến nó, thiếu vắng hẳn những sự dối trá ghê tởm của trường học và giới giáo sĩ.

Thật tai hại khi chúng ta không có lấy một bản dịch Cựu ước đáng tin cậy! Những cuốn sách ngày nay đầy rẫy những sự hiểu lầm hoặc những gian dối cố tình.

22/ Zóhár

Nếu ai đã đọc mười trang Zóhár, sẽ nói: không thể tin được đây là cuốn sách mà con người viết.

Rất có thể xưa kia từng có các nhà thông thái lớn, những người biết những bí mật này nọ, từng có những linh hồn tuyệt vời trong sạch, những kẻ được các thiên thần rỉ tai cho biết một cái gì đó từ tri thức lớn nhất của Trời, đã từng có nhiều nhà thông thái và một người nào đó đã tổng hợp lại tri thức của nhiều linh hồn trong sạch này.

Sách Zóhár xuất hiện như thế. Và cũng có thể không phải một người mà là cả một nhóm bác học. Ở đây không phải là tri thức của một trăm năm hay một nghìn năm, bởi dạng tri thức này không thể đo bằng thời gian.

IRAN

23/ Ardai Viraf

Nhà thơ Iran Ardai Viraf trên những đống nát tuyệt vọng của nhân dân mình buồn rầu hướng về thần Ánh sáng Ahura Mazda để cầu nguyện. Thần Mazda bèn gửi thiên thần xuống để nhà thơ bằng chính mắt mình có thể nhìn thấy toàn bộ vương quốc của thế giới bên kia.

Thi phẩm của Arđai Viraf nhiều chỗ giống thần khúc của Dante, và cũng giống Aenei và Odüsses và Érje – cuộc du hành sang thế giới bên kia của Platon. Những tác phẩm của Arđai Viraf đẹp nhất giữa các tác phẩm này.

Đã có nhiều bản dịch sang tiếng Anh bằng thơ và bằng văn xuôi. Bản dịch sang tiếng Hungary đang sắp sửa ấn hành.

Ả RẬP

24/ Một Nghìn Một Đêm Lẻ

Sẽ xảy ra điều gì nếu một ngày một ai đấy viết về triết học của tác phẩm Một Nghìn Một Đêm Lẻ? Một khi nào đấy, một ai đấy sẽ làm, nhưng điều này cho đến nay vẫn chưa xảy ra bởi vì trong chúng ta còn quá nhiều độc dục, sự ghen tị, sự trả thù, sự ích kỉ, tóm lại sự tăm tối.

Một Nghìn Một Đêm Lẻ trái ngược lại với tất cả những điều trên: đấy là sự hiền hậu, sự hài hước, sự thân ái, trái tim trong sạch, sự thanh thản, tóm lại niềm vui.

Cần một lần nghiêm chỉnh biết đến niềm vui. Ví dụ, trên trường đại học trong giờ xã hội học đọc những mẫu chuyện của Harun al Rasid.

MEXICO

25/ Sahagun

Hoàng tử Ấn Độ xuất thân từ gia đình vua Azték, người trở thành một tín đồ Tây Ban Nha và viết cuốn sách Sahagun nói về các vị thần Ấn Độ.

PERU

26/ Các thần tượng Peru

Không có một cuốn sách nào xa lạ hơn cuốn sách này, và nếu ai hiểu, sẽ thấy có rất ít cuốn sách khiến người ta nhận ra bản thân mình như vậy. Cái dân tộc ít lời khùng khấp này cuối cùng vẫn tỏ lộ ra một vài từ thật khó hiểu. Bạn có thể trầm tư suy nghĩ xem nghĩa là gì.

AFRIKA

27/ Cổ tích da đen

Thời kì bùng nổ của điêu khắc và hội họa da đen đã lùi xa: châu Âu đã hiểu ra cần phải hấp thụ những điều này. Nhưng thời gian để bùng nổ văn học da đen chưa đến, sẽ đến, có thể sẽ không phổ biến như nhạc jazz của âm nhạc da đen.

Để giới thiệu, có thể nói đến tập cổ tích da đen CÁC PHÙ THỦY, trong đó có tất cả những đặc tính nhân vật của E.T.A Hoffmann, Dostojevskij, Dante, Rabelais, Joyce, Homeros, Swedenborg, Swift và Rousseau.

Tập cổ tích châu Phi này do Leo Frobenius sưu tầm biên soạn.

PHÍA BẮC

28/ Kalevala

Nếu ai đó hỏi: thiên nhiên là gì? – có thể bình tĩnh trả lời, đó là cái mà Kalevala nói đến. Thiên nhiên không phải hiện

thực, không phải nhu cầu, không phải quân thù, chẳng phải một thế giới độc lập với con người, một cái gì bên ngoài. Thiên nhiên là cái mà Kalevala nói đến.

Không phải là các con vật, các loài cây cỏ, đất, đá, thời tiết, cùng với bốn mùa. Thiên nhiên là cái mà Kalevala nói đến. Thiên nhiên không lãng mạn, không khắc nghiệt, không êm đềm, không xấu, không ngẫu nhiên, không khắc nghiệt, không quyến rũ. Thiên nhiên là cái mà Kalevala nói đến.

THI LẠP

29/ Homeros

Người ta cho rằng đây là người cha của thi ca châu Âu đến tận hai nghìn năm trăm năm, và chính bởi vậy người ta đã hiểu sai tác phẩm.

Giờ đây khi sắp sửa trôi qua hai thế kỉ rưỡi chúng ta bắt đầu hiểu những ý chính của tác phẩm.

Tại sao lại khó hiểu đến thế – một tác phẩm nhẹ nhàng như vậy?

Homeros làm như thể không có những ý đồ gì đằng sau tác phẩm. Tất nhiên Nietzsche là kẻ bổ sung, kẻ không là ai khác ngoài một Homeros của những ý tưởng đằng sau, và Homeros là một Nietzsche thiếu những ý đồ hậu trường.

Cả hai kẻ là những ảo tưởng lớn của con người vĩ đại, con người cội nguồn, con người còn măng tơ vừa rời khỏi tay Tạo Hóa. Là Akhileusz, Odusszeusz và Ubermensch (siêu nhân).

30/ Szappho

Giữa một trăm cuốn sách, chín mươi chín người đàn ông, duy nhất một phụ nữ.

Chỉ vài đút đoạn: một hai khổ thơ nguyên, còn lại chỉ vài dòng, hoặc năm mươi câu – nhưng câu ra câu!

Người ta viết đã hai nghìn năm mà vẫn nóng bỏng. Tất nhiên một giữa một trăm nhưng không động vào bất kì ai. Có thể giữ thể nghiệm lớn lao về thi phẩm với Szappho. Con người học thơ không cần sách. Nhưng nếu họ đọc tác phẩm này, sẽ biết thêm cái mới. Và luôn luôn – dù rất biết – họ vẫn muốn đọc lại, đọc lại nữa.

31/ Anakreon

Nếu ông chỉ viết mỗi bài ca Dế thôi, thì bài thơ này cũng đã có thể cho vào một mục lớn. Nhưng ông còn viết nhiều bài khác nữa, những bài thơ dễ say, mang mùi vị rượu. Anakreon là một nhà thơ có thể sinh ra ở Mexico, Ấn Độ, Trung Quốc hay nước Pháp hiện đại, và không ở quốc gia nào ông cần phải viết khác đi như đã viết.

32/ Pindarosz

Có một cái gì đó tất nhiên, điều mà Pithagoras nói rằng trong đời sống con người nghĩa vụ đầu tiên là phải ca ngợi

các thần linh, những người anh hùng, các sức mạnh và tinh thần của những kẻ đã chết.

Pindarosz đã làm điều này: giọng của ông là giọng ngợi ca. Sự ngợi ca này là bản anh hùng ca. Ngược với con người hiện đại – kẻ ngợi ca bản thân và viết tiểu sử của mình. Tội nghiệp cho con người hiện đại.

Pindarosz và Hi Lạp, kẻ cất giọng anh hùng ca đã trở thành một phần của sự cao cả mang tính Thượng Đế và thế giới bên kia, trong lúc đó con người hiện đại lại trở nên bé nhỏ đến thảm hại.

33/ Herakleitos

Một trăm ba mươi câu (hoặc nửa câu) của ông còn để lại cho chúng ta, và về một trăm ba mươi mẩu nhỏ này ít nhất người ta đã viết một nghìn ba trăm cuốn sách, mà kẻ viết không phải toàn những người ngu ngốc.

Để hiểu? Để giải nghĩa? Để giải thích? Không. Để đến gần ông hơn. Người ta suy nghĩ từ những câu ông nói và chìm đắm vào sự vô tận của ngôn từ.

34/ Platon

Sẽ hiểu sách của ông hơn nếu kẻ đọc suy ngẫm những điều sau: cái gì có thể xảy ra từ châu Âu, và châu Âu sẽ ra sao nếu không có Platon.

Ngày nay chắc chắn sẽ không có các nhà nước, có những con người ăn mặc nghiêm chỉnh sạch sẽ, nói năng rành mạch, có đạo đức, có học, không thể có những con đường, không thể có luật pháp, kỉ luật, sự tự chủ – không thể có châu Âu.

Thậm chí: không thể có nỗ lực vươn tới một trật tự ngày càng trong sạch và cao quý hơn, một nhu cầu cao thượng.

Một người Pháp cho rằng: nếu Napoleon đúng là một con người vĩ đại, ông ta đã viết sách. Cần dịch ngược lại thế này: Platon cũng có thể trở thành kẻ đi chinh phục thế giới, nhưng điều này quá khổ đối với ông.

Ông viết sách, vì điều này nhiều hơn. Đây là sách. Đây là Platon.

35/ Aiszkulos

Một trong những nền tảng sâu sắc nhất của đời sống chúng ta từ thời cổ tới tận bây giờ là hình ảnh thừa hưởng về sự siêu việt. Thượng Đế, Trời, Biển, Sự Sống, Linh Hồn. Aiszkulosz là nhà thơ của sự siêu việt: một sự cao cả thuần túy, một sự bình thản thuần túy, là bầu trời, là biển, là sự sống, là linh hồn – là Thượng Đế thuần túy.

36/ Szophoklesz

Trong toàn bộ nền văn học thế giới, Szophoklesz biết nhiều nhất về số phận con người. “Cái tốt nhất chưa hề sinh ra đời, một cái tốt tiếp đã theo sau: chết”. Szophoklesz cho ta biết cái

từ bấy đến nay chúng ta gọi là bi kịch. Ông nhìn thấy và viết như sau: nếu chúng ta muốn mặt đối mặt với bi kịch của sự sống con người cần phải đọc Oidipusz, Antigonesz và Elektra.

37/ Euripidesz

Euripidesz là Fyodor Dostoevsky của thành Athén: hướng về cái đa nghĩa, cái có vấn đề, cái vô phương giải quyết và cái cần phải sống – bằng tri thức tâm lí học và giác quan vô hình, bởi ông là con người.

Tại Athén nếu người ta không xua đuổi thì cũng chẳng ưa gì ông. Người ta coi ông là kẻ lật đổ (destruktiv). Và ông đúng là như vậy. Từ ngữ của một con người như vậy dư sức để nghiền nát các nhà nước, cần phải đứng bằng chân, kẻ ông không xua đuổi. Văn học của ông dành cho những kẻ muốn sự thật trước hết.

38/ Aristophanes

Ông mang lại ánh sáng cho Athén tăm tối, và thứ ánh sáng này được gìn giữ từ đó tới giờ. Sự thật, cái đẹp, tiếng cười, danh dự, sự chân thật, sự tươi tỉnh – hai nghìn năm trăm năm chiếu sáng. Bản dịch Aristophanes ra tiếng Hungary là một trong những bản dịch hay nhất ở châu Âu.

39/ Thukudidesz

Nếu ta chưa từng biết đến Thukudidesz, chúng ta vẫn hiểu Olimposz, Eleuszisz, triết học, các bức tượng, Akropolisz, nhưng từ người Hi Lạp không bao giờ chúng ta có thể hiểu về sự thuộc địa hóa, đô thị hóa, sự khéo léo độc nhất trong kỹ thuật chiến tranh và hàng hải, sự thông minh trong buôn bán của họ.

Thukudidesz cùng với Tacitus có một thuận lợi lớn: đã làm cho việc đọc sách sử hiện đại trở nên thừa. Ở sách của ông mọi bản chất lịch sử của con người còn nguyên, chỉ cá nhân và thời gian thay đổi

40/ Plutarch

Chân dung khuôn mặt lịch sử này chính là bản chất của tri thức nói về con người. Lịch sử, tâm lý học, khoa học xã hội, khoa học giáo dục, luật pháp, triết học, tôn giáo, địa lý, tính cách học.

Chân dung Plutarch là khuôn mặt lịch sử nói về bản chất tri thức của con người. Đây là lịch sử, tâm lý học, khoa học giáo dục, các môn khoa học xã hội, tính cách học. Con người đòi hỏi Plutarch hãy dạy dỗ những người trẻ tuổi vì: ông biết, đời sống lớn là cái gì và cái gì là cái lớn trong đời sống. Ông biết trong mỗi con người đều có một Caesar, Anszitidesz, Miltiadesz và Scipio, và ông biết không xứng đáng sống một đời sống tầm thường.

LA MÃ

41/ Horatius

Cái gì là sự mâu nhiệm không thể đạt tới của thi phẩm Horatius? Một số người bảo, trong nhân sinh quan thanh giáo (sztoikus), số khác bảo trong bản chất mang tính La Mã, số khác cho rằng hình thức là nghệ thuật lớn của ông.

Không. Horatius tin vào thời hoàng kim. Tin rằng con người có thể thực hiện được sự sống thiên đường, nếu họ nghiêm túc, đúng, tươi tỉnh, bình thản, không bạo lực, không bần tiện, không ghen tị, không để cho những dục vọng tầm thường bám lấy họ.

Nhưng Horatius cũng tin rằng điều này không chỉ một con người duy nhất mà toàn bộ dân chúng, thậm chí toàn bộ nhân loại đều có thể thực hiện nổi, thậm chí ông vạch đường cho họ. Ai đọc ông sẽ thẳng bước đi cùng ông về phía hạnh phúc.

42/ Vergilius

Cũng đúng như Horatius, Vergilius cũng tin vào thời hoàng kim, tin rằng dưới sự cai trị của Augustus một cái gì đó có thể thực hiện từ thời hoàng kim.

Đó là gì vậy, điều có thể thực hiện? Hòa bình. Thật tốt lành nhìn lại khoảng thời gian chinh chiến và nghỉ ngơi. Duy trì ngày Chủ nhật, ngày lễ, thờ phào và ca ngợi các thần linh. Tác phẩm Aeneis nói về quá khứ chinh chiến nhưng bằng âm điệu của ngày Chủ nhật, hòa bình thiêng. Vì vậy thật bình thản, trong như pha lê, trân trọng, cao thượng, rõ ràng, mát rượi, chín chắn và ngọt ngào.

43/ Tacitus

Nhân loại còn nợ với chính mình khá nhiều. Một trong những món nợ lớn nhất phải là một nghiên cứu cẩn thận nói về bút pháp của Tacitus. Tác phẩm này cần viết rõ rằng Tacitus không nói về cái gì khác ngoài nói về anake, về nhu cầu. Đây là những câu nói cứng cỏi, đây là cách dùng từ cô đọng, đây là những đoạn văn ngắn đầy bực bội, đây là câu giải thích cho sự nghiêm khắc lạnh lùng. Đây là âm thanh răng rắc và lầu bầu trong văn bản. Tacitus viết trong một khối đá cứng. Đây là lịch sử con người, thậm chí đây là sự giải thích nỗi đau khổ của tất cả mọi người trong quá trình lịch sử.

44/ Seneca

Giữa các thể loại văn xuôi thì văn xuôi của Seneca đạt gần tới mức lí tưởng nhất. Các nhà văn viết văn xuôi vĩ đại nhất thường tự cho phép mình dùng những từ hoa mỹ, một cái gì đó thi ca, một cái gì đó không phải là văn xuôi. Hãy thử đọc một trong những lá thư đạo đức Seneca viết cho Lucilius, bạn sẽ nhận ra cần phải viết văn xuôi hoàn mỹ như thế nào. Nietzsche nói về Seneca như sau: *primum scribere deinde philosophari* – trước tiên viết, rồi sau mới nghĩ. Đúng là như vậy! Seneca không phải là một triết gia mà là một nhà văn xuôi. Một thứ ngôn từ tự nó đơn giản là cất tiếng.

TRUYỀN THÔNG THIÊN CHÚA GIÁO

45/ Cựu Ước

Thực ra đặt Cựu Ước vào giữa một trăm cuốn sách là thừa, bởi điều cuốn sách này nói là kí hiệu thiêng được giữ trong tim mỗi người. Nếu trong tim một kẻ nào đó không có kí hiệu này, chín mươi chín cuốn sách còn lại cũng không giúp gì được nó.

46/ Thánh Ágoston

Người ta nói đây là người châu Âu đầu tiên. Người châu Âu có nghĩa là gì? Nghĩa là: nhân loại là kẻ thừa kế tinh thần Trung Hoa, Ai Cập, Ấn Độ, Do Thái, Assyria, Iran, nhưng cần biết bước lên thêm một bậc thang nữa: trở thành người Công giáo.

Kitô giáo không phải là thứ triết học đời sống nhẹ nhàng và vui tươi, không phải cái gọi là thế giới quan và một giải pháp. Kitô giáo là một nhiệm vụ không thể thực hiện, một nghĩa vụ chết người, một cái gì cắt đôi đời sống ở giữa thắt lưng. Một cái gì xay nghiền như cối xay đá với lúa mì. Kitô giáo là sự chiến thắng trọn vẹn sự sống trần thế, là sự giải phóng trọn vẹn của linh hồn. Không con người nào có thể gánh chịu nổi.

Nhưng từ khi có Kitô giáo, ngoài Kitô giáo ra không ai có thể sống một đời sống người thiếu nó, và cũng không thể thiếu nổi. Thánh Ágoston rên xiết, bị hành hạ, đau đớn, kêu gào nhưng ngài biết cần phải gánh chịu. Toàn bộ châu Âu sống như vậy, như một kẻ đầu tiên, để sau đó triệu triệu con người cần sống theo.

47/ Thầy Eckhart

Nếu ai còn nghi ngờ điều này, rằng toàn bộ nhân loại có siêu hình học trước nhất tự thân sinh ra cùng tinh thần và linh hồn của nó, hãy đọc các tác phẩm của Thầy Meister, và cùng lúc đọc cả các tác phẩm Ấn Độ, Trung Hoa và Ai Cập.

Sự giống nhau thật không thể tưởng tượng nổi, đúng vậy, vì không thể không nói đến tác động của nó. Nhưng Eckhart không phải vì thế rơi vào giữa một trăm người thầy khác. Bản thân ngài là một nhà huyền học thời Trung cổ. Ngài đứng ở đỉnh cao của lịch sử năm trăm năm và một nghìn tác phẩm của các tác giả.

48/ Thomas à Kempis

Kẻ nào không biết đến Đạo Đức Kinh kẻ đó không biết suy nghĩ; kẻ nào không biết đến kinh Veda kẻ đó không biết hiện thực là gì; kẻ nào không biết đến Cựu ước kẻ đó không biết đến Thượng Đế; kẻ nào không biết đến Tân ước kẻ đó không biết sống; kẻ nào không biết đến Thomas à Kempis và không đi theo ngài kẻ đó không phải người Công giáo.

49/ Pascal

Đọc Pascal có ba mức độ. Ở mức độ thứ nhất con người mờ mắt vì phong cách tuyệt vời của ông. Ở mức độ thứ hai người

ta run rẩy vì đam mê của một trái tim lớn. Ở mức độ thứ ba người ta nghĩ: cuối cùng cũng có một con người!

Cuối cùng cũng có một con người, là ta, kẻ có một nửa lòng tin nhưng muốn trở thành tín đồ. Kẻ bất hạnh, kẻ thực hành, kẻ mờ mịt, kẻ vật vờ, kẻ muốn trở nên hạnh phúc, mạnh mẽ, sáng suốt – kẻ thật tội nghiệp, tội nghiệp, kẻ muốn trở thành con của Thượng Đế! Thượng Đế tạo dựng! Nếu có một kẻ như vậy giữa những kẻ khổng lồ nhất, vậy chúng ta như thế nào?

50/ Jakob Böhme

Tác phẩm của ông khó đọc nhất trong văn học thế giới. Đặc biệt là những tác phẩm lớn và chín muồi: *De electionis Gratiae*, *Signatura rerum* và *Mysterium Magnum*. Có những cuốn sách, mức độ của nó là allegro con brio (nhộn nhịp) như *Tội Ác Và Trừng Phạt*. Có những cuốn sách andante moderato (chậm rãi) như *Đảo Pingvin*. Có cuốn sách molto adagio (rất chậm rãi) và đấy chính là tác giả. Nhưng ngần ấy lửa, ngần ấy độ sâu, ngần ấy đam mê, ngần ấy đau khổ, thương yêu, nghiêm túc, niềm tin, niềm vui sướng, sự sùng kính có trong Böhme, ngay ở những tác phẩm lớn nhất cũng không hề có. Tri thức của tác giả nhận từ các thiên thần, nhưng không phải thiên thần bình thường mà từ các thượng đẳng thiên thần, như từ Thượng Đẳng thiên thần Michel – kẻ giữ ngôi đền bí tích của thế gian.

Thật đặc biệt, trong lịch sử triết học châu Âu Böhme thường chỉ được ghi nhớ trong những tập sách nhỏ; cho dù cạnh tác

phẩm lớn của Böhme chỉ cần nhớ đến triết học châu Âu như một ghi chép nhỏ là đủ.

51/ Emanuel Swederborg

Swederborg là một phép thử tuyệt vời. Hãy đưa ai đó đọc mười dòng trong bất cứ một tác phẩm nào của ông, nếu kẻ đó bảo thật điên rồ – kẻ đó nông cạn và vô cảm. Nếu bảo: tôi không hiểu – kẻ óc bả đậ. Nếu bảo: buồn té – kẻ đó đừng bao giờ cầm sách lên tay nữa.

Và, *Emerson* được coi là một trong những tác phẩm đẹp nhất của ông – của Swederborg, kẻ có những giác quan nhìn xuyên vật chất đặc sệt để nhận ra những thực thể tinh thần. Swederborg là con người hiện đại duy nhất có những khả năng như các bậc thầy lớn thời cổ Tây Tạng, Ai Cập, Ấn Độ.

52/ Claude Saint-Martin

Một tác giả lớn không được biết đến của truyền thống Thiên Chúa giáo châu Âu là Saint-Martin, học trò của Böhme và thầy của Baader, một con người nóng bỏng từ lửa của linh hồn thánh, kẻ biết những bí ẩn lớn nhất mọi thời gian.

Tất cả mọi từ ngữ của ngài giống như nước của bể tắm thần bí, tách cái tốt ra từ cái xấu, cái thật ra từ cái giả, Thượng Đế ra từ con người.

53/ Franz von Baader

Không ai có cơ hội để ghi lại lịch sử bên trong thật sự của Thiên Chúa giáo ngoài Baader. Nhưng ông bảo thời gian chưa đến. Vẫn chưa chắc con người sẽ còn lại như một kẻ Công giáo.

Ông nhìn thấy từ giữa thế kỉ vừa qua cho đến giữa thế kỉ này (19–20) những thử thách gì đã xảy ra, và chỉ sau đó mới có những ghi chép lịch sử. Nhưng Baader đã chuẩn bị trước lịch sử và nhận định rằng những khó khăn cơ bản thực ra không có.

Giờ đây cần đọc lại Baader một trăm hai mươi năm sau cái chết của ông, giống như đọc lại Hölderlin hoặc Keats. Hiểu Baader là một quyết định số phận trong đời sống của con người ngày nay. Hãy đọc trước hết tác phẩm *Hiến Dâng* của ông.

NƯỚC Ý

54/ Dante

Thi phẩm của Dante là cuốn sách nhập định chân chính duy nhất của Thiên Chúa giáo châu Âu. Là cuốn sách duy nhất chứa đựng ý nghĩa của toàn bộ những gì trong đời sống con người đối với dân chúng châu Âu. Cùng với điều này cần hiểu lại ý nghĩa thật sự của từ “toàn bộ”.

Ai đọc Dante người đó không bao giờ được phép nghi ngờ ý nghĩa của đời sống, mục đích của hoạt động, trật tự của cộng đồng, đạo đức, tinh thần trong những câu hỏi lớn.

Tại sao? Bởi Dante là một con người cổ đại lớn thật sự cuối cùng, người không áp đặt những ý nghĩ cá nhân lên cả nhân loại, mà chỉ nói những lí tưởng vĩnh cửu: truyền thống vĩnh cửu. Các bình luận về Dante hay nhất và duy nhất là của Rene Guenon, cần đặt các bình luận này vào với tác phẩm Thần Khúc (*Divina Commedia*) rồi xếp vào giữa một trăm cuốn sách.

55/ Boccaccio

Giờ đây không cần chỉ linh cảm về nỗi tươi tỉnh thật sự nữa, về mọi tiếng cười, của Sterne, của Joyce, của Dickens, của Moliere hơi (hay rất nhiều) cay đắng, nước mắt, sự giày vò, hoặc sự phân vân hể đồng. Kết thúc của điệu cười đầy đặn vật này là sự hài hước của ông già Karamazov và Fomics Foma. Thời đại nhàn tản và tươi tỉnh trong sạch đã trôi qua cùng thời Trung cổ. Từ Boccaccio chúng ta biết người xưa đã từng biết cười như thế nào.

56/ Leopardi

Thật không may cho chúng ta Leopardi đã do một Schopenhauer buồn rầu và cầu quạu phổ biến. Nếu ai tự đọc độc lập, sẽ ngạc nhiên vì sự giàu có bất tử của tinh thần cô đơn này. Nên bắt đầu đọc bằng các tác phẩm châm biếm của ông: những phê phán hoàn hảo và cay độc đến mức Nietzsche vẫn còn là nhẹ. Ở đáy sâu nhất của sự khủng hoảng lớn trong thời là đen tối – một tác giả đen tối nhất.

TÂY BAN NHA

57/ Cervantes

Nếu Cervantes không sinh ra, những người châu Âu sẽ không hiểu hết được chính họ, như cách thức cần phải hiểu. Lí tưởng là cái tất cả mọi dân tộc đều đã từng biết, đang biết và sẽ biết. Nhưng, một dân tộc bị hủy diệt trong một lí tưởng, điều này chỉ châu Âu biết – biết từ Platon và từ Don Quijote.

NƯỚC PHÁP

58/ Rabelais

Con người không hiểu làm thế nào để Gargantua và Pantagruel biến thành tiếng cười và sự vui nhộn thiếu vắng hẳn sự tàn bạo, sự ghen tị, sự tham lam, bần tiện, giả dối và cay đắng. Sao có thể có điều này tại châu Âu, nơi chẳng còn gì khác ngoài sách, sự ghen tị, sự tham lam, sự bần tiện, sự dối trá, sự cay đắng?

Tu viện Theleme là lời giải thích. Tu viện Theleme là một kỉ vật của thời hoàng kim, và sở dĩ Rabelais cười chứ không cần khóc bởi ông sống trong thời hoàng kim với trái tim của mình. Kẻ nào đã từng sống trong thời (gọi là) hoàng kim tất thấy đều như vậy. Cái họ thấy, thật tươi tỉnh.

Quả thật có một hiện thực duy nhất: niềm vui? Một đời sống chân thực duy nhất: trở nên hạnh phúc? Một sự chắc chắn duy nhất: thời hoàng kim? Có vẻ đúng như vậy. Nhiệm vụ duy nhất của chúng ta là xây một tu viện Theleme và sống trong đó.

59/ Villon

Cái mà nhà thơ không thánh hóa, cái đó không thể đi vào đất nước của Thượng Đế. Villon đã thánh hóa ngoại ô, đường phố, những lời chửi rủa, sự giả dối, sự mất dạy vô học. Nhà thơ hoàn thiện đất nước của Thượng Đế bằng quán rượu và giá treo cổ.

60/ Montaigne

Người ta nói có ba loại người: người rừng, kẻ dã man đã văn minh hóa và người châu Âu. Người châu Âu chỉ có duy nhất một thể loại Âu hóa *par excellence* (đầu tiên): tiểu luận.

Montaigne đã tạo ra nó từ các chất liệu sáng tạo của các thể loại luận văn, thư từ, ngạn ngữ, đối thoại, bình luận, thi phẩm và thiên định. Nhưng không phải vì thế người ta đọc Montaigne bốn trăm năm nay, và cũng không phải vì thế người ta sẽ đọc ông nhiều hơn bốn trăm năm nữa. Montaigne đã tìm ra một loại hình thức, một thứ trang phục mặc vào không bị cảm giác chật chội trong đó, và khi ông tìm ra, toàn bộ bản chất của thứ trang phục này cũng đồng thời bộc lộ.

61/ Moliere

Tất cả các nhà văn Pháp lớn thực ra đều được gọi là các nhà đạo đức. Nhà đạo đức là người chế nhạo kẻ ngu dốt và thấp kém, ngợi ca vẻ đẹp trong sạch của đời sống. Tất cả những điều này được sử dụng bằng ngôn từ và cách thức không thể hiểu sai lệch. Phương pháp của họ là tri thức tâm lí có tác động đến tận xương tủy.

Bí quyết của các nhà đạo đức học là tình yêu thương con người. Họ chỉ quen một người, là kẻ yếu một người nào đấy. Moliere bởi vậy rất biết về con người, và cùng với France, La Bruyere và các nhà đạo đức lớn khác: chế giễu, mổ xẻ, cười cợt, nhưng trước hết, yêu con người.

62/ La Bruyere

Tất cả những gì cần cho một sinh linh sống trong cộng đồng người, La Bruyere đều có thể giới thiệu cho mọi người biết từ cuốn sách của ông, tác phẩm viết về các đặc tính con người. Không thể có tri thức nào lớn hơn thế. Đây là sự nhận biết con người hoàn hảo, một khoa học về xã hội, sách về nhà nước, về tình dục, về phép lịch sự, về sự nghiêm túc.

Châu Âu là một miền đất hứa? Nguy hiểm quá! Nó cản trở thành miền đất thông thái, cần như vậy, bởi nó sẽ bị diệt vong như vậy.

63/ Chenier

Nếu con người từ các bài thơ của Andre Chénier chỉ cần đọc một dòng thôi, cũng đủ thấy ánh sáng hiện ra xung quanh mình, trước mắt nó là biển xanh, gió lạnh dịu dàng thổi và thoảng đâu đây mùi hương của nguyệt quế.

Đây là nhà thơ của thế giới Địa Trung Hải: thi phẩm hài hòa vô tư của bầu trời xanh trong sáng, những hòn đảo nguyệt quế, những cánh đồng nho. Ở đây luôn luôn là mùa hè, hòa

bình, yên ả, vô tư, con người dạo chơi trên bờ biển cùng các thần linh.

64/ Baudelaire

Nước Pháp gọi ông là đức cha cuối cùng. Thánh John (Giăng) có tài hùng biện vàng ngọc đáp trả thời đại thấp kém của mình với những bài diễn thuyết lớn ở Bizánc; còn Baudelaire trả lời bằng những bài thơ tuyệt vời được đẽ gọt từ kim cương ở Paris của mình.

Tất cả mọi kẻ hiện đại đều cần phải quay trở về với ông, không chỉ vì lòng kính trọng, mà bởi vì ông là kẻ làm chứng cho thời đại bằng sự xác định hành vi ứng xử của một tinh thần hiện đại.

65/ Rousseau

Chúng ta cảm ơn Jean Jacques Rousseau vì một sự thật lớn và một sự lầm lẫn lớn. Sự thật lớn là: nền văn minh đã làm hỏng con người; còn một lầm lẫn lớn là: mọi nền văn minh đều cần làm hỏng con người và vì thế cần quay lại với thiên nhiên.

Không. Nhân loại – như Henoch nói – bị hư hỏng bởi nền văn minh của các thiên thần nổi loạn, và thuốc chữa chạy không phải cần quay về thiên nhiên mà trước hết cần quay về với cội nguồn cổ của sự sống người. Trực giác của Rousseau tuyệt vời, nhưng ông là một nhà tư tưởng đi đánh lừa. Một tổng thể không bao giờ nhắc lại như vậy và bất tử.

66/ Francé

Con người không ngớt kinh ngạc vì ông: người ta truyền nhau rằng đây cũng là một linh hồn Voltaire nữa, phủ nhận Thượng Đế, theo chủ nghĩa hoài nghi, chủ nghĩa hưởng thụ và vô thần.

Trong thực tế hiếm có một nhà văn nào trong nền văn học thế giới lại mang tính chất hiền hậu (pieta) đến ngần ấy như Anatole France. Con mắt đa dạng và lối nói thô bạo của ông bị hiểu lầm rằng chỉ thích cười đùa. Nhưng hãy thử nghĩ mà xem trong thời Trung cổ, trong thời đại của niềm tin đích thực, người ta trình diễn các màn hề trong các nhà thờ; người ta đọc to các cái tên chế nhạo giữa lúc các giáo chủ điểu hành, và trêu chọc họ trên hè phố. Được phép. Tại sao? Bởi pieta là một trong những mức độ tinh thần cao nhất.

Cái gì thân ái trong tim, con người nâng niu, từ sự âu yếm nâng niu này là nỗi vụng dại, như đàn ông với người tình, như người bố với đứa con nhỏ. Con người chỉ chơi với ai nó yêu mến. Con người chỉ mắng bạn thân nhất của mình. Con người chỉ thích nhất cái gì nó hay chơi, cái gì nó hay mắng và nhạo. Bởi con người chỉ chú ý đến cái đó một cách thật lòng.

Tác giả cuốn *Tên hề của Đức Mẹ* không vô thần. France cuồng tín, một ai đã từng nói. Đúng! France là một tín đồ Thiên Chúa cuồng tín thời Trung cổ. Nhưng các giáo sĩ phi tín ngưỡng không bao giờ hiểu niềm tin sâu sắc và âu yếm của ông, không bao giờ hiểu tính chất pieta thiên thần của ông, họ cho ông là vô thần.

Cái France chế nhạo, cái đó ông yêu: nước Pháp (tác phẩm *Đảo Pinvin*), trật tự Thượng Đế (tác phẩm *Thiên thần nổi loạn*), nhà Chung (tác phẩm *Lịch sử thời hiện tại*), thế kỉ lớn (tác phẩm *Thần linh khát*). Ở nhiều chỗ, sách của France y như một cuốn kinh cầu nguyện.

67/ Mallarme

Giữa các thi phẩm, thi ca của Mallarme giống tiếng mẹ đẻ của nhân loại nhất, thứ ngôn ngữ con người đầu tiên trên Thiên Đàng nói trước mặt Thượng Đế cùng các thiên thần.

Trong âm điệu mọi thi phẩm của ông luôn luôn có một cái gì đó bất hòa nhẹ. Trong ngôn từ của Mallarme âm thanh là một với hình ảnh, hình ảnh với khái niệm, khái niệm với kí hiệu bí ẩn cổ, và vang lên trong sáng, như pha lê, giản dị, chân thật đến mức không hiểu nổi. Đặc biệt văn xuôi của Mallarme không khác gì thơ. Mọi từ ngữ đều như thể từ thơ mà ra.

68/ Rolland

Giữa những thiên thần lớn của thế kỉ 20: Tolsztoj, Merezkovszkij, Rilke, ông là thiên thần thượng đẳng của sự thật, tính nhân văn, trái tim trong sạch, danh dự và ân sủng. Ông hoạt động suốt cuộc đời, không bao giờ viết về bản thân, luôn luôn chỉ viết về Người Thầy, về Beethoven, về Tolsztoj, về Ramakristina.

Tác phẩm của ông: Jean Christophe và Linh hồn bị mê hoặc, thậm chí Clerambault và Colas Breugnon không là gì khác một sự tôn kính tưởng tượng (thật hơn cả hiện thực) trước các tinh thần lớn.

Một nhân loại không có lương tâm gọi ông là lương tâm của châu Âu; Một thời đại không biết làm gì hơn là giương vũ khí lên gọi ông là sứ giả của hòa bình, cần phải nghe ông, và chấp nhận ngôn từ của ông. Nếu không ông đã không đến đây.

SCANDINAVIA-BẮC ÂU

69/ Ibsen

Ông giáo già đáng kính này đáng lẽ phải viết hài kịch. Vì chú trọng đến sự nghiêm túc đáng lẽ ông phải tạo dựng ra một dạng hài kịch nhanh trên sân khấu. Cái ông nói về con người hiện đại đã đủ khiến người ta ngượng đỏ mặt; đủ để biến mất. Hãy thử tưởng tượng tác phẩm *Con vịt giời* trong hình thức hài kịch hoặc nhân vật kiến trúc sư Solness như một anh hề, kẻ “ở tuổi già không bao giờ xây thêm nhà thờ nữa mà chỉ xây biệt thự”, và không dám trèo lên cái thang vì sợ chóng mặt. Đáng lẽ vở kịch *Những Bóng Ma* phải hài hước như vậy! Cái cười sẽ tắc lại nơi cuống họng mọi người.

70/ Strindberg

Đầu tiên ông là một tín đồ Tin Lành dân tộc chủ nghĩa, sau đến là một kẻ bác bỏ Thượng Đế xã hội chủ nghĩa. Sau đó là

một nhà bác học huyền học và giả kim, một tín đồ Thiên Chúa giáo, kẻ đi quyến rũ đàn bà, kẻ căm ghét phụ nữ, bạn của Nietzsche, và sau cùng ông trở lại với chính mình. Strindberg là bậc thang-Jakob của con người hiện đại. Có thể trèo lên người ông để lên trời. Ông là một Thánh Phao lô hiện đại không phải với một mà là với mười điều quay ngoắt. Ông là kẻ được sinh ra một trăm lần.

71/ Andersen

Ngày nay bản nhạc đời sống tự nhiên nhất trên trái đất là tiếng đại bác hoặc tiếng máy móc rền vang. Nhưng cũng tự nhiên như vậy nếu đôi khi thế gian vang lên những âm thanh lạ lẫm khác của thơ của Mallarmé hay của Rilke.

Nhưng nếu đấy là âm thanh của Andersen, nó sẽ lập tức nổi bật lên ngay. Và nổi lên một câu hỏi: cái nào bực bội hơn, tiếng máy móc ồn ào hay giọng ru của cổ tích Andersen?

Chúng ta hãy đừng trở nên lãng mạn vì sẽ giả dối hóa hiện thực bằng những câu chuyện này. Hãy nói ra một cách bình thản, với đôi tay nắm chặt lại, nói một cách nghiêm nghị rằng bản nhạc đời sống của chúng ta không phải là tiếng ồn ào của máy móc. Andersen không coi một linh hồn bắt buộc trốn vào sự vô cảm là sự bù đắp của đời sống, mà coi đấy là sự sống người thật sự. Bạn sẽ luôn chạy trốn trước tiếng động và bài hát ru luôn mở rộng vòng tay đợi bạn.

NƯỚC NGA

72/ Gogol

Nếu ai còn phân vân không biết có phải thể loại văn châm biếm chỉ con người có tín ngưỡng sâu sắc mới viết nổi, hãy đọc Gogol. Sự căng thẳng lớn nhất vẫn có thể chịu đựng, dành cho con người chính là tính chất tôn giáo sâu sắc hướng nội và sự hài hước hướng ngoại.

Điều này có thể thấy ở Sterne, France và Ansztophanes. Sự căng thẳng quá rầy không để mọi người yên – nhưng Gogol khiến người ta mất trí. Nhà tiên tri này đi trên ranh giới của sự mất trí trong *Những Linh Hồn Chết*, một trộn lẫn của sự khiển trách lên án và sự hài hước khôi hài đến mất trí.

73/ Dosztojevszkij

Cho đến tận ngày hôm nay câu hỏi đặt ra vẫn là, lũ ma quỷ mà Dosztojevszkij miêu tả, ông chỉ lật tẩy chúng hay bản thân ông gọi chúng đến. Nếu gọi chúng đến, ông là kẻ độc ác nhất thế gian; nếu chỉ lật tẩy chúng, ông là phù thủy lớn nhất thế gian. Nhưng ông cũng là người cho biết bằng cái gì có thể hãm phanh lũ ma quỷ. Bằng tình yêu thương, bằng sự từ bỏ, bằng sự kiên nhẫn, bằng sự khiêm nhường, bằng sự tự phủ nhận.

Dosztojevszkij là một trong những nhà giả kim lớn nhất đã từng sống ở đâu đó: ông giới thiệu cho con người bản chất quỷ của đời sống người và nói cho con người biết cần phải chiến thắng quỷ như thế nào.

Không thể mong muốn từ con người nhiều hơn thế. Mọi tác phẩm của ông đều quan trọng nhưng nếu cần để lại có thể bỏ *Siheder* (dù không đành lòng cho lắm). Những tác phẩm quan trọng: *Tội ác và trừng phạt, Anh em Karamazop, Thằng ngốc, Những người nghèo, Những con quý, Sztjepnncsikovo và các cư dân, Ngài Goljadkin, Từ bóng tối của đô thị.*

74/Tolsztoj

Vấn đề của Tolsztoj như sau: trong giai đoạn cuối đời Tolsztoj Leon đã đề nghị một giải pháp rành mạch rõ ràng cho nhân loại đang khủng hoảng, một giải pháp hoàn toàn dễ dàng. Nhưng trái với điều này nhân loại đã chọn một sự nỗ lực khủng khiếp hơn và đưa đời sống vào một khủng hoảng lớn hơn nữa. Cái gì có thể xảy ra nếu chỉ cần bằng một nửa nỗ lực đó thôi (bằng nạn đói, đổ máu, hủy diệt, dịch bệnh) đã có thể thực hiện điều mà Tolsztoj nói? Rất có thể lúc đó chúng ta đã đạt tới hòa bình – đất nước của Thượng Đế.

Cái gì tiếp theo từ điều này? Rằng: thay vì hòa bình có thể đạt được hết sức dễ dàng con người đã chọn sự hủy diệt, nạn đói, đổ máu, dịch bệnh, những thứ rất khó khăn mới đạt tới. Có thể nào chỉ một con người duy nhất đúng, còn toàn bộ nhân loại đã nhầm lẫn? Hãy đọc Tolsztoj, bạn sẽ biết.

75/ Merezkovskij

Thật đặc biệt cuốn tiểu thuyết hiện đại này! Từ mọi khơi gợi hết sức lão luyện của sự căng thẳng thần kinh thô bạo nhất

chứa đựng tất cả: tình dục rẻ tiền, sự dạy dỗ vô đạo, đạo đức, sự tuyên truyền, chủ nghĩa đam mê. Rolland, France, Joyce và Merezkovszkij viết tiểu thuyết. Còn Merezkovszkij là ông thánh, nhà tiên tri, thiên thần, người học trò, người học trò vĩnh cửu, kẻ chưa bao giờ rời xa những tư tưởng của người Thầy. Đây là Thiên Chúa giáo Nga hoang dã, nồng cháy, vô chính phủ, ám ảnh, khép lại cùng tác giả và đạt tới đỉnh cao.

Một thế kỉ kì lạ! Từ Gogol đến Merezkovszkij!

Giá mà thế gian lắng nghe họ.

NƯỚC ĐỨC

76/ Edda

Edda có nghĩa là Bà cố. Có thể giải thích theo hai hướng những thơ cổ Đức. Một nghĩa của nó là mọi bài thơ cần thiết và sau cùng đều nói về bà mẹ Đất, bà mẹ của Đời sống, về Người Đàn Bà vĩ đại – mà Goethe trong phần hai của vở Faust nhìn thấy trong ảo ảnh Mutter vĩ đại – người mà Willendorfi Venus mô tả – về thần Demeter – ở Hungary gọi là Đức Mẹ.

Nghĩa thứ hai: bản thân Bà cố là thi ca, Thơ là bà mẹ đích thực của tất cả chúng ta, là Mẹ- Logos, là giống cái mà ở Judea người ta gọi là El Ruah. Đây là Sophia của Philon và Böhme. Giữa hai ý nghĩa này ai nấy tùy thích lựa chọn và sẽ thấy cả hai đều hợp nhất làm một.

77/ Till Ulenspiegel

Một nhà thơ Vlaanderen thử từ hình tượng Till Ulenspiegel để gọt thành nhà đạo đức và một vị anh hùng dân tộc, nhưng chính vì vậy đã tước hết đặc tính của nhân vật dân gian này.

Till Ulenspiegel thực ra là một gã vô công rồi nghề và lừa đảo, chính số phận vô nghĩa và điên rồ này biến gã thành nhân vật lớn: là vua của đội quân lang bạt kì hồ.

Thật tai hại khi cố gắng đạo đức hóa và tìm nhân chứng cho nhân vật này. Bản thân nhân vật này tự làm chứng cho mình bằng những trò nhố nhăng và khôn lỏi. Nhân vật này không muốn thay đổi các quốc gia mà chỉ muốn ăn thịt ngan béo, uống rượu ngon và ngủ dưới bóng cây râm mát.

78/ Goethe

Giờ đây chúng ta không thể yêu nổi Johann Wolfgang Von Goeth – ông già đa thần giáo – được nữa.

Chúng ta biết ông đã rút mình ra khỏi những đau khổ của chúng ta, lạnh lùng nhìn những nhà thờ của chúng ta bốc cháy, những mảnh đổ nát còn lại của thành phố của chúng ta, chẳng hề nhỏ một giọt nước mắt cho cái chết của những người anh em của chúng ta, không hề sợ run rẩy nếu nhìn thấy những vũ khí giết người mới và ngày càng mới hơn nữa.

Thế mà đôi khi thật vui sướng nếu đọc lại Faust, quá khứ thế kỉ của chúng ta, đọc lại Eckermann, hiện tại riêng của ông, và các thi phẩm của ông, như thưởng thức những khoảnh khắc trong sạch như nước cất.

Rabelais như muốn khóc cùng chúng ta; Platon, Lão Tử và Milarepa cũng thế;

Goethe lại không. Đây sẽ là vị trí của ông? Một trái tim kim cương mà đến cả thời khai huyền cũng không cào xước nổi?

79/ Hoffmann

Ernst Theodor Amadeus Hoffmann là một diệu kì tự nhiên nhất của thế gian. Khi đọc ông sự quen thuộc như ở nhà mình khiến người ta rơi từ sừng sốt này sang sừng sốt kia, người ta chuyển động giữa những bí ẩn lớn nhất khi nhận ra những bí ẩn sâu nhất.

Khi đọc xong, độc giả nói như sau: những điều này dễ hiểu một cách tự thân. Baudelais gọi ông là thần thánh.

Trường học của ông? Từ một trăm năm nay mọi nhà văn đều nợ ông, Dosztojevszkij hay Powys hay Mallarmé đều thế, Nietzsche hay Rilke cũng vậy.

80/ Höderlin

Những người trẻ nên đọc Hüperion, người đã trưởng thành nên đọc Empedoklesz, và người già nên đọc thơ của Höderlin. Ai đã đọc Hüpenon người đó không bao giờ đau đớn nữa, chỉ tiến thẳng lên phía trước. Ai đã đọc Empedoklesz, người đó sẽ không còn hối tiếc điều chi, và sẽ từ bỏ sự hạ đẳng một cách bình thản. Ai đã đọc thơ của ông người đó rơi vào trạng thái riêng tư của mình.

Bằng trái tim trong sạch và niềm vui, Höderlin đón nhận vẻ đẹp của từng giây phút sống, nhưng trong bất cứ khoảnh khắc nào ông cũng sẵn sàng ra đi, bởi ông biết không có gì mất mát, cái chết không thể làm ngăn con người lại.

81/ Nietzsche

Về cuộc Thế chiến I, người ta bảo đấy là cuộc chiến tranh-Nietzsche. Rồi người ta bảo Nietzsche là cha của khoảng thời gian sau Thế chiến I. Đến cuộc Thế chiến II, người ta cũng bảo đấy là cuộc chiến tranh-Nietzsche.

Đúng. Nhưng không chỉ điều này đúng. Tất cả những gì xảy ra từ đầu thế kỉ tới giờ, Nietzsche đều là cha của nó, bởi thế gian này là thế gian của Nietzsche.

Có thế gian-Dante, có thế gian-Dickens, thế gian-Joyce, thế gian-Böhme – có điều này bởi những kẻ vĩ đại nhất giữa chúng ta đã là các thần linh.

Họ nghĩ ra các tư tưởng của chúng ta, họ đau đớn tất cả những đau đớn của chúng ta, tất cả những gì xảy ra họ đều nhìn thấy trước.

Và cái gì là cái họ dạy dỗ? Cực kì giản dị, mọi sự dạy dỗ vĩ đại đều cực kì giản dị: mi hãy nhiều hơn một con người. Điều này chúng ta cần hiện thực hóa. Mi hãy nhiều hơn sự ghen tị, đê tiện, thấp hèn và tầm thường, tham lam, độc ác, tàn bạo, trộm cắp và ngu dốt.

Tác phẩm nào của Nietzsche quan trọng nhất? Tất cả. Nhưng đặc biệt là *Wille zur Macht* (Tư di cải) do Würzbach

xuất bản. Có thể sau một trăm năm nữa nhân loại sẽ hiểu trong cuốn sách đó có cái gì.

82/ George

Thi phẩm của những ngôn từ khắc vào đá. Stefan George thực ra là một nhà vua từ giống nòi của Menesz Ai Cập vĩ đại và Hoàng đế Trung Quốc. Con người hiện đại không rửa nỗi sự xấu hổ của họ khi không nhận ra ông, không rước ông lên ngai vàng và cúi mọp dưới chân ông.

George bởi thế tuyên bố một cuốn sách luật. Và kẻ nào không duy trì những luật lệ này, kẻ đó tự trừng phạt mình: sống một cuộc đời phi niềm tin và vô nghĩa.

83/ Rilke

Từ vựng dùng để nói về đặc điểm thi phẩm của Rainer Maria Rilke không đủ. Cần vài ba thế hệ nữa để từ vựng của chúng ta đạt đến độ có khả năng nói về ông.

Một điều đúng như vậy: cần quay lại khoảng thời gian cách đây mười nghìn năm, để một lần nữa tìm lại được những lời xứng đáng với ông. Giờ đây, chỉ có thể nói thế này: đời sống của một kẻ lớn lao là toàn bộ sức lực bỏ ra, cống hiến cho đời một trăm dòng viết, đẹp đẽ như tiếng kèn của các thiên thần Thượng Đẳng cất lên ca ngợi Chúa.

Rilke cũng là một thiên thần – người ta bảo – bởi ông minh bạch trong suốt trong các tác phẩm của mình. Có thể lắm.

Nhưng các thiên thần sống giữa chúng ta không bao giờ đạt tới bản chất riêng của họ. Còn Rilke đạt tới bản chất riêng của mình. Thi phẩm Duino Elegia là tác phẩm thi ca lớn nhất thế kỉ XX.

MI

84/ Cooper

Tiểu thuyết *Đôi Tất Da* trong sự giản dị, nghiêm túc, trong sự hoàn hảo tự nhiên và đúng sự thật chỉ có thể so sánh với những cuốn sách Trung Hoa lớn, và đặc biệt có thể so sánh với Homeros.

Nếu Cooper theo đạo đức Thanh giáo, thế gian có thể tạo dựng một Sparta hiện đại lớn lao. *Đôi Tất Da* là một cuốn sách luật, trường ca và đạo đức, một bài ca tiên phong dành cho các thế hệ Mỹ. Là thứ ngày hôm nay vẫn còn đúng trong cái thế gian của những tòa nhà cao chọc trời, đấy là di sản của Cooper.

85/ Mark Twain

Một nhân vật choai choai của văn học thế giới. Cậu bé này có họ hàng với: Villon, Till Ulenspiegel và Hámun. Cậu ta không quấy rầy ai, và điều luôn luôn trên môi cậu là điều luôn luôn có trong trái tim. Bởi vậy tác giả đã viết cho cậu những cuốn sách tuổi thiếu niên đẹp nhất: *Ăn mày và Hoàng tử, Tom Sawyer* và *Huckleberry Finn*.

86/ Thoreau

Ông đã giải nghĩa Rousseau và trái tim của mình đúng đắn: không cần quay lại với thiên nhiên mà quay về với sự giản dị và cội nguồn cổ. Ông trốn khỏi đám đông, dựng một xóm nhỏ trong rừng, tự cất nhà, cày, gieo trồng, khâu lấy giày, vắt sữa bò và chặt củi.

Cuốn sách này như thể giữa các thành phố lớn của thế gian một người dựng lên một túp lều, đốt nển làm bằng mỡ lợn và mặc trang phục bằng da thú – sáng sáng cầu nguyện. Đây là đạo: một đời sống thánh hóa thanh bình trong buổi ban đầu của mọi bình minh.

87/ Emerson

Trong toàn bộ tác phẩm của Emerson không có lấy một âm thanh giả dối duy nhất, một sự cường điệu duy nhất, một phi hiện thực duy nhất. Thuần túy vàng ròng. Thuần túy hiện thực: một cuốn sách của ý nghĩa đích thực và trái tim đích thực.

88/ Whitman

Kì diệu là cái không biết trước, nhưng trong mọi hệ quả của nó cũng không thể tính toán trước. Sự kì diệu như vậy nằm ở cuối thế kỉ XIX, khi văn học hoàn toàn trở thành cái phi kì diệu, – khi thi ca thuần- túy chỉ là một câu chuyện trần trụi, là sự tiếp diễn của một cái gì đó, và lúc đó Walt Witman thật đúng là một điều kì diệu.

Và Witman vẫn tiếp tục còn lại như một điều kì diệu. Đúng hơn cả, ông giống những người Trung Hoa sống trước ông ba nghìn năm, những người ông chưa bao giờ biết về họ. Witman nói như thế, ngôn ngữ là thứ ông tìm ra.

ANT

89/ Mabinogion

Mabinogion thực ra không phải là một tuyển tập thơ của các dân tộc xưa kia sống trên hòn đảo nước Anh, mà là một kỉ vật lịch sử của truyền thống tinh thần vĩ đại.

Truyền thống này được thể hiện trong Các câu chuyện Canterbury đúng như cách thức ở Shakespeare, Sterne, Keats. Trong sâu thẳm linh hồn thực tế vĩ đại của dân tộc Anh là một hiện thực đích thực: thế giới của các truyện cổ tích, thần tiên, các giấc mộng, các phép thuật, các bóng ma.

Còn nữa. Trong từng mẫu Mabinogion đều có một trò chơi hơi giả dối và điên rồ nào đấy. Đây là cội nguồn cổ của hài hước kiểu Anh, là thế giới thần tiên và của thể loại hài kịch nhẹ nhàng, bông lơn. Đây là một bí ẩn lớn nhất của linh hồn con người: sự hài hước.

90/ Shakespeare

Trong những năm đầu của thời hiện đại Byron nói lịch sử nhân loại đã đến lúc phải lựa chọn giữa Shakespeare và xà phòng. Nhân loại đã lựa chọn xà phòng.

Tác động của sự lựa chọn này từ bấy đến nay càng bộc lộ rõ bằng ảnh hưởng ngày càng lớn và các hậu quả của nó. Shakespeare là sự xuất hiện hoàn toàn, duy nhất của tổng thể người châu Âu, và bằng điều này không phải người ta không chọn ông mà người ta phủ nhận những người châu Âu chân chính.

Một sự phản bội hiện đại. Ông là hình ảnh tượng trưng: “những đam mê nôn thốc tháo trên biển thiếu một tay lái” – như Joyce nói về ông. Ông là một người da trắng.

91/ Defoe

Phần nhiều chất thơ nhất của *Robinson Crusoe* là những ghi chép về các đồ vật vớt được từ con tàu bị đắm. Bản thảo này lớn hơn cả một đội quân của Hias, hoặc Aeneis hoặc danh sách những người anh hùng của Mahabharata, nơi các anh hùng chiến tranh đi qua.

Đây là đội quân vũ trụ hòa bình của những người bạn đường của chúng ta: muối, búa, giày, bật lửa, cốc, thìa đĩa, bánh mì, gạo. Ai đọc Robinson một cách đúng đắn, sẽ cảm thấy toàn bộ thi phẩm này đáng sánh vai với Homeros.

92/ Swift

Cuốn sách cay đắng nhất của văn học thế giới, nỗi đau khổ vô bờ bến của một linh hồn chân chính bị xúc phạm đến tận xương bởi loài giống người thấp kém, vô đạo, ngu xuẩn khôn

lỗi, và sự tầm thường định mệnh của nhân loại này làm đau đớn đến mức không thể tha thứ mà chỉ còn nguyên rủa.

Platon muốn xây dựng một cộng đồng lí tưởng, Merezkovskij và Tolsztoj tin vào viễn cảnh của đất nước Thượng Đế. Còn Wift làm thức tỉnh. Như thế nào? – ông hỏi. Bằng cộng đồng lí tưởng? Bằng đất nước của Thượng Đế? Bằng nhân loại này?

93/ Sterne

Cuốn sách lớn của Laurence Sterne – *Tristram Shandy* – người ta gọi là tiểu thuyết, nhưng tất nhiên không phải tiểu thuyết, cũng như không phải hồi kí, truyện lịch sử, biếm họa, thi ca hay kịch.

Chắc một lần cần nghiêm túc xem xét kĩ vậy đấy là cái gì, không theo thể loại mà theo bản chất, cái mà Sterne đã viết và là cái có ở Rabelais, Cervantes, France và Joyce. Biết đâu một thiên thần lớn bị bỏ quên có tên Thiên Thần Cười sẽ lên tiếng, một kẻ vô danh đến nỗi những cuốn sách cổ xưa cũng quên mất hẳn. Và rất có thể trong tác phẩm *Tristram Shandy* của Sterner hẳn là kẻ biết cười một cách trong sáng nhất?

94/ Wordsworth

Từ William Wordsworth bắt đầu có con người hiện đại, kẻ phức tạp, bất lực với sự đa dạng riêng của mình, kẻ bị hành hạ bởi những mâu thuẫn trái ngược khủng khiếp, kẻ đánh mất

mình trong những mâu thuẫn tự thân, kẻ tranh đấu vì từng mẩu vụn niềm vui.

Về sự giàu có đa dạng, các mâu thuẫn, sự bất lực, cùng khát vọng niềm vui bất khả chiến bại cùng lúc không ai có thể viết hay hơn ông. Wordsworth là cha đẻ của thi ca hiện đại, nhưng cũng là cha của con người hiện đại nữa, kẻ mà lịch sử thế giới chứng minh hộ cho chúng ta, kẻ tạo dựng vị trí của chúng ta trên thế gian.

Thi phẩm của ông giống như tiếng hát của Siren mà kẻ nào nghe thấy còn ham muốn hơn cả đời sống của nó.

95/ Keats

Trong ông không có chút gì thuộc con người, vật chất, không có chút vết nhơ, sự giả dối. Ông là nhà thơ. Trước và sau ông không ai xứng hơn bên cạnh một cái tên như thế.

Sức quyến rũ của thi phẩm ông bí mật. Không thể biết trong đó cái gì là cái quyến rũ, bất khả chiến bại, vô tận và vô hạn. Từ khi đọc Keats chúng ta không còn ca thán nhiều đến thế nữa về sự thất lạc các vần thơ của Orpheus.

96/ Shelley

Người cùng thời nói ông là kẻ bị điên và gần như độc ác. Họ sẵn lòng khóa ông vào nhà tù, nhưng để có thể đến đó và nghe ông nói – như cái cách con người từ phòng bên cạnh nghe chim oanh và chim họa mi bị nhốt trong lồng hót.

Con người không cưỡng lại nổi những ngôn từ cháy rục, những nhịp điệu đam mê của ông. Con người mang những kỉ niệm về những lời thơ này vào giường và ngủ cùng nó. Họ mơ những giấc mơ đẹp.

Người tiên nhiệm thật sự của ông là Thánh Ágoston, người kế nhiệm thật sự của ông là Romain Rolland. Ông là một nhà cách mạng tôn giáo, một nhà cách mạng chân chính duy nhất.

97/ Dickens

Có một người một lần đặt đối lập Szophokles với Dickens, nhưng không nói tại sao lại làm như thế. Có thể họ làm thế vì Szophokles là người không bao giờ tha thứ một điều gì trong đời, còn Dickens tha thứ tất cả. Bởi vì có cái để tha thứ.

Ông không sống khác chúng ta, ông cũng đau khổ trong bóng tối, cũng vật vờ trên các ngọn sóng. Tâm trạng của Dickens: hòa bình với cái khó nhất. Ông cúi đầu trước những gì không chịu đựng nổi và mỉm cười. Nụ cười có nghĩa rằng: tôi không từ bỏ cái gì.

98/ Swinburne

Một thế gian nếu thiếu thi phẩm của Swinburne sẽ như một thế gian thiếu hoa và thiếu nhạc. Cái gì ông chìa tay đưa, cái đó thành hương thơm, nhịp điệu, sự mơ màng dịu ngọt, điệu nhảy, hòa bình và sự hài hòa. Có loại thi phẩm tầm thường (poetry) và loại siêu thi phẩm (superpoetry). Charles Algernon Swinburne là bậc thầy của loại thi phẩm siêu nhiên. Bất kể, cái

gì con người đọc từ ông, bởi sự tiếp xúc ông là quan trọng, đều là sự tiếp xúc mẫu nhiệm của hoa hồng, để từ phép mẫu ngây ngất tất cả cùng lúc trở thành cái đẹp.

99/ Joyce

Joyce đã cứu một người giữ thư viện khỏi một sự hỗn loạn lớn. Thay vì, cần năm mươi nhà văn của thế kỉ XX viết về bản chất thế kỉ cho đầy đủ, chỉ cần một mình Joyce là đủ.

Đúng là trường ca *Ulysses* và *Finnegan* khác hẳn nhau như thể tác phẩm đầu do người ông viết, tác phẩm sau do người cháu viết. Nhưng ở Joyce, giống như ở nhiều nhà văn lớn, có thể gặp luôn cả ba thế hệ. Giờ đây ông viết như những người vĩ đại nhất viết sau một trăm năm nữa.

Ulysses ngày nay là một tác phẩm dễ đọc. Để hiểu không có gì là khó. Còn *Finnegan* như một loại thuốc độc mạnh. Nếu ai uống nhiều có thể trở nên ngớ ngẩn, nhưng nếu chỉ uống mười giọt thôi lại có thể chữa khỏi bệnh u sầu chết người. Trong giây lát.

Ngoài ra Joyce là một sự kì diệu của viết - ông là Demoszthenes của các nhà văn. Demoszthenes nói lắp và run rẩy, nhưng đã biết biến mình trở thành nhà hùng biện lớn nhất Athén.

Joyce cũng nói lắp như thế. Ông không biết viết. Nhưng bằng kĩ luật tự thân ông trở thành kẻ có phong cách viết lớn nhất thế kỉ. Bởi thật phi lí, một kẻ bắt đầu khởi hành bằng

một sự đơn giản như thế lại có thể trở thành một bậc thầy lão luyện trong viết như thế.

100/ Powys

Phần lớn các nhà văn và nhà thơ độc diễn trên một loại nhạc cụ, kể cả các nghệ sĩ nhiều tài năng như Dante hoặc Shakespeare. Những tác phẩm chứa bốn năm âm điệu chúng ta hiếm khi gặp. Nhưng trong tác phẩm của John Cowper Powys là cả một dàn nhạc hòa tấu: bản giao hưởng đa âm sắc ngây ngất này lúc đầu làm con người đờ đẫn, sau đó hồi tỉnh và cuối cùng trở nên không thể thiếu được với họ.

Cho dù người ta đọc tác phẩm *Wolf Solent* hoặc tác phẩm còn lớn hơn nữa *Glastonbury Romanc* giữa các pho tiểu thuyết, hoặc đọc các công trình nghiên cứu của ông như *Sénuality, Art of Happiness, Pleasures* đều âm ập ngôn từ ngân vang và réo gọi.

Powys học viết từ biển. Cả tổng thể của con người phát ra từ biển, mọi đặc tính người, tài năng, cơ thể, khả năng, lỗi lầm, tội lỗi, toàn bộ tinh thần, nỗi ám ảnh, cội nguồn, hậu duệ, thiên thần và ma quỷ của con người.

NIỀM CẢM HỨNG

1.

Con người nhận được những cuốn sách thiêng trên con đường thể hiện nó. Như mọi khái niệm cơ bản của truyền thống, khái niệm Lời Tuyên Bố cũng trở thành nạn nhân của các giáo phái hoặc của chủ nghĩa duy lí, vì thế cũng trở thành nạn nhân của trí tưởng tượng hoặc sự phủ nhận.

Nếu truyền thống bị đứt, hai nghĩa của khái niệm Lời Tuyên Bố luôn luôn bị sự vô luật xâm nhập, đấy là tính chất cường điệu hóa hoặc nhỏ nhen hóa, đấy là chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể trong cộng đồng, là sự hời hợt bề ngoài và sự bỉ ổi trong đạo đức. Khi thiếu chuẩn mực: không có luật, không có trật tự cộng đồng, không có đạo đức và không có tri thức.

Với một kẻ đứng ngoài truyền thống, để hiểu sự nhạy cảm đối với Lời Tuyên Bố như một trạng thái sống động của truyền thống vừa dễ lại vừa khó. Dễ, bởi trong việc: một ai đấy dự phần vào sự thể hiện, không có gì siêu phàm. “Ta đã hiểu – một nhà thông thái Trung Hoa nói – trên con đường lớn không có gì bí ẩn”. Nhưng khó, bởi trong tự nhiên đạt tới sự thể hiện cần một nỗ lực gắng sức phi thường. Nói chung sự thể hiện khó không phải nó bất thường mà vì cần phải tranh đấu.

Lời Tuyên Bố dành cho kẻ tạo dựng mối quan hệ với các vòng siêu nhiên của sự sống. Mối quan hệ được tạo dựng

phần lớn là kết quả của một thực hành dài lâu. Trong mọi trường hợp đó là một trạng thái đòi hỏi sự toàn tâm toàn ý của con người khi hòa vào sự Đồng Điều một cách có ý thức với các vòng siêu nhiên.

Nhưng nó không phải là trực giác, không là cảm hứng, cũng không phải một ánh chớp vụt qua, bởi vì dù có quan hệ họ hàng với tất cả những điều này, nhưng sự đồng điều không vô luật, không nông nổi và không ngẫu hứng.

Trong sự đồng điều con người không đánh mất nhận thức mà trái lại. Cơ cấu tri thức của con người không bị lỏng lẻo, trình độ không bị hạ thấp mà con người thực ra trở nên cứng rắn hơn và được nâng lên cao hơn. Cần phải gọi là sự đồng điều bởi vì trong âm thanh, quyền lực siêu nhiên tác động đến tạo dựng thiên nhiên. Bởi vậy âm nhạc có ý nghĩa lớn trong mọi truyền thống.

Bởi vậy từ Trung Quốc, qua Judea (xứ Giu đê) đến tận Mexico kẻ dự phần vào Lời Tuyên Bố được coi như kẻ được truyền cho chứ không phải kẻ thấy. Và bởi vậy sức mạnh thật sự của truyền thống đã chấm dứt trong thời kì người ta bắt đầu biết viết lại những lời dạy dỗ, bởi vì bản chất của sự dạy dỗ là truyền qua âm thanh sống.

Nhìn là bộ phận của không gian và chỉ lan truyền đến giới hạn của không gian. Nghe là của thời gian, và có thể nghe vượt thời gian. Cái con người thấy chỉ là các lớp phủ, như kinh Kabbala từng nói, là vỏ ngoài của sự vật: còn cái vang lên, vô hình.

Nếu ai đó nói rằng sự đồng điệu của Lời Tuyên Bố là các mức độ của nhập định Brahman, nếu đúng vậy, con người không biết nhiều hơn. Về sự đồng điệu Guénon cho rằng đấy là *état primordial* (nền tảng cơ bản), hay đấy là trạng thái của con người trong buổi bình minh của mọi cái đầu tiên.

Đấy là sự nhạy cảm, để ngỏ về hướng siêu nhiên. Đấy là nền tảng cơ bản. Nhưng đừng để nhầm lẫn, cần nói ngay, đây cũng là trạng thái cuối cùng của con người trong MỘT, và hai điều này có quan hệ với nhau như cái đầu tiên và cái cuối cùng, là bản năng khởi hành và mục đích, là thiên đường và Jeruzsálem Mới, là vườn và thành phố, là thời hoàng kim và chân phúc.

Trở thành trẻ sơ sinh và trở thành nhà thông thái là như nhau – theo Lão Tử. Nhưng cũng cần nói thêm sự đồng điệu không chỉ đạt được trong buổi ban đầu và cuối cùng của mọi thời gian. Nền tảng cơ bản có trong tất cả mọi người, trong tất cả mọi giây phút, tại nơi đây. Nền tảng cơ bản có thể hiện thực hóa trong bất kì khoảnh khắc nào.

Trang Tử coi thường kẻ bám vào quá khứ, nhưng cũng coi thường kẻ chỉ hào hứng với tương lai. Việc hiện thực hóa nền tảng cơ bản không phụ thuộc vào thời đại. Đạo luôn luôn có ở thời hiện tại.

Điều kiện của sự đồng điệu là tâm trạng phẳng như gương rất khó đạt tới, ở Trung Quốc cũng như ở Ấn Độ gọi là *vidja* (sự tỉnh táo), còn sự bất ổn của một đời sống hư hoại tản mạn gọi là *avidya* (sự mê muội – vô minh). Trong trạng thái mê muội không thể hiện thực hóa nổi sự đồng điệu. Trong nhiều

nhưng của vòng quay tròn bất ổn tản mạn - *samsara* luân hồi con người không thể đạt tới bất cứ một trạng thái tinh thần cao cả nào.

Trọng tâm của con người trong vòng quay tròn đó cũng không phải là bản chất đích thực của sự sống mà chỉ là một hạt mầm nảy sinh từ một quá trình sinh học, tâm lí học và xã hội học hoặc từ các chất cận hóa học, hạt này biến đổi không ngừng nhưng tan vỡ trong cái chết, bởi vì sau cùng nó không là gì khác ngoài một trạng thái thèm khát đời sống tập trung lại.

Đạo Phật dạy rằng, cái Tôi con người hình thành từ các dục vọng từng trải và đậm đặc hóa từ các bản năng, các khát vọng và các thèm muốn, là cái bám chặt lấy thế gian một cách điên rồ, luôn luôn quay trở lại đầu thai bắt buộc vào thân xác trong nỗi khát muốn uống hết biển đời sống, khi con người ngày càng khát và càng trở nên khát hơn.

Như thế đây là một điều ích kỉ bởi mọi khoái cảm và sự háo hức cuốn con người vào nó. Nhưng trong sự ích kỉ vẫn cứ có một cái gì đó chung thủy thâm hại, tia lửa của tình yêu thương mất trí với bản thân.

Thèm khát sống không là gì khác ngoài một bản năng quá gắn liền với bản thân để hút vào bản thân đến giọt cuối cùng của đời sống một cách tham lam. Bản năng này được Orpheusz, muện hơn linh mục Maximus Confessor đặt tên là *pathe*. Ở Ấn Độ gọi là *kàma*, Böhme gọi là *Gier*. Đây là thực thể thèm khát đời sống mà Vedanta gọi là *jīva*.

Gần đây người ta thử giải thích sự bất ổn tản mạn này theo tâm lí học, đặt tên nó là *extraversion* (hướng ngoại), trái ngược với *introversio* (hướng nội), nhưng sau đó khi lí thuyết này tỏ ra quá ấu trĩ, người ta đưa nó vào trung điểm thành *centroversio*. Nền tảng của lí thuyết này sai lầm.

Hướng ngoại không có nghĩa là sự bồn chồn, tản mạn ra thế giới bên ngoài, và hướng nội không có nghĩa là sự bình yên và tập trung. Thực thể người quay đều đặn vào trong và ra ngoài, hướng về trọng tâm, về ánh sáng, vào sự tối tăm và ra ngoài trọng tâm. Một dương, một âm, một nhân.

Con người quay về hướng nào không quan trọng, mà quan trọng là sự thèm khát sống ngự trị nó hay nó ngự trị trên nỗi thèm khát sống. Như trong mọi trường hợp, lối tư duy duy lí không biết gì hơn ngoài tạo ra các loại tính cách khác biệt nhau, cùng lắm giữa các cực đoan tạo ra một khả năng cân bằng nào đấy.

Trong truyền thống, *jīva* – loại người bất ổn tản mạn trong sự thèm khát sống không là thực thể nào khác ngoài chính là *atman*, trạng thái tỉnh táo và bằng phẳng như gương. Hai mặt này không bài trừ lẫn nhau. Giữa *jīva* và *Atman* có sự khác biệt về mức độ.

Jīva là một con người trong sự hào nhoáng đa màu sắc của thế gian, không biết làm gì hơn ngoài việc chấp nhận tất cả những gì đưa lại cho số phận nó một cách mù quáng, đời dẫn mê muội trong phù hoa của ảo ảnh cuộc đời, và nó mù quáng hưởng thụ, lãng phí tài sản tinh thần.

Atman là con người biết hãm phanh sự thèm khát đời sống, dập tắt những quyến rũ trọng tâm (*pathe, kàma*) và biết rằng sức quyến rũ của thế gian ảo ảnh sẽ mất nếu biết sử dụng các mức độ cao hơn của sự sống. Siêu hình học Ấn Độ cho rằng con người trong trạng thái rơi tự do trên thế gian sẽ biến thành kẻ mộng du đờ đẫn lang thang (*avidjd*) nhưng rồi nó sẽ thức tỉnh (*vidja*).

Trở nên đồng điệu với Lời Tuyên Bố chỉ có nghĩa như sau: thực hiện nền tảng cơ bản, như trở thành đứa trẻ sơ sinh thông thái, nghĩa là trở nên tỉnh táo, tắt nỗi thèm khát sống, bước ra khỏi vòng luân hồi, chấm dứt sự thèm khát.

Đây là trạng thái dễ hiểu thì dễ, bởi trong nó không có gì là siêu nhiên: “Trên con đường lớn không có gì bí hiểm”. Nhưng đây cũng là trạng thái khó đạt bởi đạt tới nó đòi hỏi một nỗ lực tinh thần lớn nhất.

2.

Vì Lời Tuyên Bố là bản án không điều kiện trên đầu con người, nên cần hiểu con người có thể đạt tới cái gì chính là điều quan trọng nhất.

Cái xảy ra trong thế giới tự nhiên không là gì cả. Nhưng ngay cả điều này nếu muốn hiểu ta sẽ thấy đây là một dạng hình đã bị tha hóa ít nhiều so với dạng hình gốc, bởi hình ảnh cổ đúng, trong nó thể hiện cái vô hình: sự nhận thức.

Con người chỉ có thể biết về toàn bộ hiện thực bằng con đường nhận ra (cái gọi là) “Lời Tuyên Bố – sự thể hiện”. Rằng:

không có cái gì ngẫu nhiên, chẳng có sự bắt buộc, cũng không hề có đức tin xấu cố ý, như người ta thường nói bị giới giáo sĩ đánh lừa. Bằng chứng nằm ngay trong nhân tố, rằng con người luôn luôn thừa nhận giá trị của lời tuyên bố trên đầu họ và những kẻ chối bỏ nó trong cá nhân lẫn trong mọi thời đại đều là những kẻ vô giá trị.

Rõ ràng có thể thấy ngay lập tức, con người nhận được Lời Tuyên Bố từ vòng siêu nhiên. Và rõ ràng cũng có thể thấy ngay lập tức, những ai sống trong sự bất ổn, đầy vọng mộng không có khả năng chấp nhận Lời Tuyên Bố từ những vòng siêu nhiên cấp cao hơn. Sự đói khát, thèm khát và sự đồng điệu luôn bài trừ lẫn nhau.

Nhưng hãy cần vô cùng thận trọng. Mọi khái niệm của chúng ta đều là nghịch lí. Không gì dễ hơn việc nhầm lẫn trong đời sống. Và cách thức nhầm lẫn phổ biến nhất chính là sự rối loạn của ngôn từ.

Böhme đặt tên cho Tinh Thần Thiên là *heilige Gier*, nghĩa là sự thèm khát ma thuật. Đời sống không có nếu thiếu nỗi thèm khát, không có kinh tế, không có sự rạng ngời cùng niềm vui. Nhưng cũng không có sự thèm khát nếu thiếu khát vọng về những gì cao hơn, khát vọng khiến con người coi thường những thứ thấp hơn và khao khát thực hiện những điều cao cả hơn.

Thứ trạng thái Guénon gọi là *état primordial* chính là: nền tảng cơ bản. Đây là trạng thái gốc của nhân loại và chắc chắn có họ hàng với sự đồng điệu hòa hợp cùng Lời Tuyên Bố.

Khi con người nghe thấy Lời Tuyên Bố, Gúenon viết, là lúc nó dự phần với sự kết nối giữa Trời và Đất, ở dưới nghe thấy ở trên nói gì. Đây là trạng thái bình thường của con người. Đây là sự tỉnh táo, sự tỉnh thức (*vidja*).

Kẻ mộng du không là ai khác ngoài vẫn là con người đó, vì sống trong một sự tỉnh táo đã suy thoái nên nó không nghe thấy Lời Tuyên Bố. Trong trạng thái mộng du, nền tảng cơ bản không mất đi mà chỉ vì nhận thức của con người suy giảm nên con người không nhận ra nó.

Tìm sự tỉnh táo, thức tỉnh không phải là vấn đề của học hành sách vở. Trong thế giới hiện đại ngày nay không có những bước đi phù hợp để tìm thấy sự tỉnh thức. Ngày nay người ta chỉ biết học, cùng lắm biết đến sự giáo dục.

Nhập định không là gì khác ngoài việc bình thường hóa ý thức đã bị suy thoái của sự tỉnh táo, tỉnh thức. Là cách thức hiện thực hóa nền tảng cơ bản trong mọi con người, mọi thời đại. Là việc chấn chỉnh lại sự thoái hóa, hay dùng từ khác là cách hiện thực hóa lại trạng thái nguyên sơ. Đây là điều trong thời hiện đại người ta đã quên mất, chỉ vì không thực hiện nổi.

Sự thay đổi cơ cấu ý thức không phụ thuộc vào kiến thức và học hành. Thu thập kiến thức và học hành chỉ cần đến tài năng, và bằng tài năng chỉ dẫn đến một cá nhân ngoại lệ. Kiến thức thực chất không dẫn đến bất kì đâu dù kiến thức lớn đến mấy, thậm chí kiến thức càng lớn sự hiểu biết càng ít.

Bởi vậy có thể có những kẻ mang một số lượng kiến thức khổng lồ nhưng vẫn là một con người hạ đẳng, số lượng và

chất lượng kiến thức lớn đến đâu cũng không có tác dụng chuyển đổi ý thức.

Sự hiện thực hóa thực ra giống như đạo đức, bởi vì một kẻ muốn sống một đời sống có đạo đức không cần kiến thức mà cần sự quyết định.

Kiến thức mang tính chất ngoại lệ và cá nhân, còn đạo đức mang tính chất tổng quát và bắt buộc cho tất cả mọi người.

Những văn bản của truyền thống điều chỉnh từng bước ý thức bị hư hoại từ mọi sự truyền bá kiến thức đủ các thể loại và đánh thức con người khỏi tình trạng mộng du, để đưa họ đến một quá trình chuyển hóa như thế nào đấy.

Đạo Đức Kinh và Trang Tử đưa con người đến quá trình chuyển hóa này, ở người Hi Lạp là Orfika, ở người Do Thái là Kabbala, ở người Ả-rập là Sufi, nhưng trước hết và cao nhất là yoga Ấn Độ.

Đây là sự thanh toán từ từ những rối loạn bất an một cách có phương pháp và là sự ngăn chặn những biến đổi tư tưởng (*citta-vrtti-nirodha*).

Đây là sự trấn an các xúc cảm và các hành động. Để giữ linh hồn trong tĩnh tại. Như Đạo đã dạy, tâm trí cần như mặt hồ phẳng lặng, để có thể đọc một cách rõ ràng những chỉ dẫn của sự sống siêu nhiên từ trên cao.

Đây là thứ mà con người không thể đạt tới bằng học tập, bằng kiến thức và bằng sự giáo dục. Đây là thứ không cần đến tài năng, là thứ ai cũng có thể đạt tới, bởi trong mỗi con người đều gìn giữ một nền tảng cơ bản và một ý chí để thực

hiện nó, nhưng cũng là thứ dễ bị lu mờ và bị phá vỡ nhất, dễ lung lay và dễ rối loạn nhất.

Patandzsali cho rằng bước đầu tiên chính là kỉ luật đạo đức. Không làm hại ai, không nói dối, không ăn cắp, không chống lại các nguyên lí, không tích lũy. Đây là sự trong sạch, sự thỏa mãn, sự hiến dâng, sự chuyên cần đọc sách thánh hiền, sự phục vụ thánh thần.

Cùng với những điều này một tư thế ngồi đúng, sự điều chỉnh hơi thở đúng, sự dập tắt các xúc cảm bản năng, sự tập trung tư tưởng, trạng thái thiền định giúp con người đi về hướng thực hiện nền tảng cơ bản.

Nếu không thực hành những điều trên, việc thực hiện nền tảng cơ bản là không thể. Mọi tia cảm hứng bất chợt lóe lên đều bấp bênh, không chắc chắn. Kẻ trở nên vững chãi – Yoga-sutra tuyên bố – là kẻ thực hành không ngừng nghỉ và có phương pháp.

Chấn chỉnh lại cơ cấu ý thức thể hiện bằng ngôn từ không khó. Quá trình bình thường hóa này không là gì khác ngoài việc tôi là người cầm lái, điều chỉnh những nỗi thèm khát đời sống (*pathé, kàma, Gier*) đang bức bách ngự trị trên đầu tôi. Hoặc sự thèm khát đời sống (*trsnà*) ra lệnh cho tôi hoặc tôi ra lệnh cho nó.

Nếu để nỗi thèm khát đời sống ngự trị trên tôi, tôi cần phải làm những điều bản năng hoang dã đòi hỏi, tôi cần vội vã và bấu víu, bởi dù chỉ trong một khoảnh khắc nhưng nó đòi hỏi rất nhiều thứ, tôi cần bị bắn loạn, bởi lúc nào cũng chỉ là khao khát, vọng ước và đam mê, tôi cần luôn luôn vội vã để dừng

bỏ qua bất cứ cái gì, cần tích góp, lo lắng, cần hù dọa, sợ đói, sợ khát sau những tham vọng về mục tiêu, quyền hành, danh hư, đời sống sung túc và sự nhàn hạ, những thứ mà bản năng của tôi ngốn ngấu.

Nhưng nếu tôi ra lệnh, vẫn sự thèm khát đó sẽ giúp tôi bằng sức mạnh của nó mở ra tất cả các ổ khóa, phô bày mọi bí ẩn giấu giếm và cho tôi khả năng và đạt tới khả năng hiểu chúng ở mức độ cao nhất. Bởi vậy theo Böhme, sự thèm khát là sự chỉ dẫn liên tục của Tinh Thần Thiên.

Chuyển đổi cơ cấu ý thức cũng là một vấn đề cấu trúc. Bởi vì một quyền lực có quy tắc sẽ trực tiếp ngự trị trên sự hỗn loạn.

Truyền thống Orpheus Hi Lạp dựa trên nền tảng này. Đây là nguyên lí chính của nghệ thuật. Đây là ý nghĩa của cái Đẹp. Là thế gian mà cái tiếp theo của nó, như Solovjev tuyên bố là vấn đề tạo dựng tác phẩm. Trật tự, tỉ lệ và tư tưởng của mức độ chỉ đạo sự tạo dựng này.

3.

Hiện thực hóa sự tỉnh táo là một quá trình kĩ thuật. Một quá trình: kĩ thuật–niềm cảm hứng.

Cảm hứng (*ekstazis*) chỉ có nghĩa chừng này: ở ngoài. Con người ở ngoài sự rối loạn bất an, và bước ra khỏi cái TÔI vón lại thành tảng khó tháo những hợp chất hóa học cặn bã, thứ chồng chất sau nhiều lần luân hồi và chiếm mất vị trí của cái TÔI đích thực trong con người.

Đây là sự tồn tại bên ngoài trạng thái vật vờ và vòng quay tròn vô nghĩa của thế giới bên ngoài.

Hướng của niềm cảm hứng không đi theo vòng quay tròn tự nhiên mà vuông góc với đời sống. Trong vòng quay cao hơn của đời sống thực ra luôn luôn mang tính chất cảm hứng, thăng hoa, là chất liệu để sáng tạo nghệ thuật, là tư tưởng, là việc trải qua niềm vui tạo dựng tác phẩm, là việc đọc, là sự học tập, là tình yêu, sự chiêm ngưỡng, là âm nhạc, vũ điệu, là sự hành hương, là lời cầu nguyện.

Trạng thái mê man-vô minh sở dĩ có vì đời sống người cho con người ít cảm giác thăng hoa hơn mong muốn của nó. Trạng thái vô minh là trạng thái đứng ngoài sự việc một cách nhân tạo trong khan hiếm tất nhiên của cảm giác thăng hoa. Có một hành vi uống mang tính chất ma thuật: uống rượu. Bởi vậy Dionü sos của Orfika là thần cảm hứng, là vị thần của rượu.

Nhưng với rượu con người không muốn gì hết, chỉ muốn tận hưởng hết đời sống, bởi vậy chỉ còn lại ấn tượng. Và điều này không liên quan gì đến sự nhập định, bởi nó không phải niềm cảm hứng, sự thăng hoa mà chỉ là sự đờ đẫn.

Kĩ thuật-cảm hứng cổ khiến đời sống trở nên có ý thức hóa trong mọi chặng đường của đời sống, thường xuyên hóa các mức độ tiếp cận cao hơn và trong bất kì khoảnh khắc nào cũng có thể đạt tới và hiện thực hóa được mức độ này.

Trong cảm giác thăng hoa đơn thuần (ví dụ uống rượu) con người đúng là đã đánh mất cái TÔI của nó, nhưng khi cảm

giác “bên ngoài” này qua đi, nó lại rơi xuống đúng vị trí nó đã từng đứng. Không hơn.

Còn trong niềm cảm hứng của sự nhập định, cảm giác “bên ngoài bản thân” có nghĩa là con người bước ra khỏi cái Tôi đời sống (*Jīva*) và hiện thực hóa cái Tôi cao hơn (*Ātma*) và cũng đúng y hệt ở mức độ ấy.

Yoga Patandzsal là một kĩ thuật–cảm hứng cũng giống y như Đạo hoặc Sufi hoặc Kabbala.

Trạng thái thăng hoa của đời sống không mong ước gì khác ngoài cảm giác bay bổng tự do thử làm mất đi cái Tôi đời sống. Còn niềm cảm hứng của yoga, Sufi và Orfika muốn tạo sự thống nhất đồng thời giữa việc đánh mất cái Tôi và hiện thực hóa một cái Tôi cao hơn. Từ “Yoga” thực chất mang ý nghĩa: sự hợp nhất, giống như từ *henosis* của Hi Lạp và *jihud* của Do Thái, *ittihad* của Ả-rập.

Orpheus dạy rằng thế giới của Eros (Tình Yêu) ra đời đầu tiên (*eros protogonos*). Trong buổi tạo dựng ban đầu Bros đứng đó, duy trì tất cả trong sự cân bằng và sự thống nhất và kết nối lại những gì bị rải rắc đi, đối địch nhau, và dẫn dắt mọi người quay trở lại với nhau. Eros là thần hộ mệnh của tất cả, là điểm trái ngược lớn nhất, là con trai của Trời và Đất.

Eros, ngày nay như người ta nói, là nguyên lí cơ bản mang tính chất vũ trụ học, vật lí học, nhân chủng học và xã hội học. Cái người Hi Lạp gọi là chủ nghĩa *enthusiasmos* – niềm cảm hứng ngoài bản thân mình – chỉ có nghĩa như sau: cảm hứng tính dục nhất quán bùng nổ trong con người và làm con người

gắn chặt nó vào đó. Sự thể hiện của niềm cảm hứng này là vũ điệu, thi phẩm và âm nhạc.

Ở nơi nào có nghệ thuật, nơi đó có sự phổ quát Thượng Đế (*epiphanià*), giống như trong điêu khắc, trong kiến trúc, trong hội họa và trong những nơi chứa đựng một trật tự và một tỉ lệ, mức độ, luật, giống như trong một đạo đức thấm nhuần, trong một xã hội trật tự hóa, trong khoa học siêu việt và đặc biệt trong thần số học và hình học. Nhưng tất cả những điều này đều không do con người tạo dựng.

Con người tạo dựng cái sau cùng, khi linh hồn ca hát trong niềm cảm hứng tính dục (*thiimos aoidés*) được tạo dựng, và nếu con người nhầm lẫn, dao động và làm hỏng bản thân, cái đẹp chính là sự thanh tẩy nó.

Và thế giới trong sự vẹn toàn của chính nó, cái tư tưởng, nền triết học thấu suốt sự thật đến tận đỉnh cao nhất của linh hồn con người này, Orpheus gọi là sự thăng hoa và niềm cảm hứng (*mania te kai bakheia*), đây là thứ âm nhạc cao cấp nhất (*megiste mousike*). Đây là cấp độ cao nhất của eros (tính dục). Sự thông thái, sự khôn ngoan chỉ có nghĩa như sau: trở thành tình nhân trong thông thái.

Sự thăng hoa: *methé*. Sự thèm khát đời sống: *pathé*. Ta không nhận biết thế gian bằng trí óc, mà bằng sự thăng hoa. Sự thăng hoa–*methé* này là một đối kháng chính xác với sự thèm khát đời *sống–pathé*.

Pathé là cái làm méo mó, làm tách rời, cái phân biệt và làm não loạn, là cái lộn xộn, mờ mịt phi trật tự, là đam mê mù quáng và nổi loạn. Từ *paithé* không dẫn đến đâu thậm chí

đánh mất luôn cái ta đang có. *Pathé* không phải là sự thăng hoa mà là sự lịm dần đi. Nghĩa là bị rối loạn trong đa tạp. Con người đánh mất trí khôn trong ảo ảnh.

Và *pathé* cũng là một đam mê lạnh lẽo. Là cảm hứng lạnh lùng. Trong nó không có lấy giọt eros-tình yêu. Đây là một sự thèm khát điên rồ. Chỉ mang ngàn này ý nghĩa: phục vụ cho một sự phân vân, do dự, một thứ tản mạn vụn vặt và dao động, trong nó không có sự thống nhất, sự thường xuyên và định hình, nó là thứ bốc hơi và phân tán.

Trạng thái lịm dần đi cũng là một cảm hứng nhưng không lên cao mà là thứ cảm hứng phân tán vào vô hướng. Phần lớn các chất ma túy là chất xúc tác làm lịm dần. Con người tự thả lỏng mình, nhắm mắt đưa mình vào một sự vô nghĩa.

Sự thăng hoa đưa toàn bộ khả năng nhận thức của con người lên một mức độ năng lượng cao hơn. Còn trạng thái lịm dần kìm nén con người lại, làm họ trở nên yếu đuối, câm lặng và bị bóp nghẹt.

Sự thăng hoa làm con người hợp nhất với những người khác và với cả thế gian. Sự lịm dần phân tán con người vào các phi hiện hữu. Sự thăng hoa tăng mức độ tỉnh táo còn sự lịm dần làm giảm mức độ tỉnh táo.

Hãy cẩn thận trọng hết sức. Vì mọi khái niệm của chúng ta đều đa lí lẽ. Không gì dễ hơn sự nhầm lẫn và phương pháp nhầm lẫn dễ nhất là sự rối loạn ngôn từ.

Sự đồng điệu đưa ta tiếp cận với tổng thể của thế gian, cái Orpheus gọi là *methé aionios* – sự thăng hoa của thế gian, và

sự thăng hoa này trên nhiều phương diện xuất hiện của *aió* còn có nghĩa là sự thăng hoa-của sự sống vĩnh cửu. Nó chạm đến những trật tự vĩnh hằng.

Ai đã bước ra khỏi sự hỗn loạn của đời sống, biết một cái gì đó từ hiện thực thế gian và cất lời, nói ra (*anér periosza eidosz*) người đó là phiên dịch viên của Thượng Đế (*prophétér, mouszikos, poiétikos, telesztikosz*). Con người này nhạy cảm với Lời Tuyên Bố.

Orpheus cho rằng tất cả những gì xuất hiện từ *methé aionios* đều có thể coi là Lời Tuyên Bố. Bởi vậy theo phái Orfika, Lời Tuyên Bố có thể là vũ điệu, âm nhạc, thi phẩm hoặc điêu khắc, và loại hình nghệ thuật của sự truyền thông giữa con người và siêu nhiên đóng vai trò lớn hơn nhiều so với các loại triết học, khoa học hoặc tôn giáo.

4.

Cái mà Sufi Arập gọi là *ittihad* có tên là sự hợp nhất, vang lên từ một từ nhưng thực ra là hai. Cái tôi yêu là cái tôi biết, cái tôi biết, cái đó tôi yêu. Sự hợp nhất là mối quan hệ kép của tình yêu thương và nhận thức với cái DUY NHẤT.

Điều đặc biệt nằm trọn trong toàn bộ truyền thống là: sự thăng hoa của tình yêu thương và nhận thức, là sự thăng hoa của rượu và tình yêu.

Không chỉ vì trong Thượng Đế có rượu và người đàn bà, mà vì trong rượu và người đàn bà cũng có Thượng Đế, và nếu tôi yêu, tôi yêu Thượng Đế, yêu rượu và yêu người đàn bà, yêu

cái đẹp, yêu thi ca, yêu thế gian và yêu các thiên thần, các con lạc đà (con ếch cũng đẹp như thiên thần – nhà thần học người Đức Angelus Silesius nói), bởi vì nếu tôi yêu cái DUY NHẤT, thế gian sẽ chỉ có một, tôi chỉ cần yêu một cái thôi, để có thể yêu được tất cả, và trong tình yêu này bí ẩn của mọi điều mở ra, và tôi nhận biết tất cả, bởi vì tôi đã biến thành cái DUY NHẤT.

Không cần phúc lạc. “Ta nhiều hơn cả phúc lạc của ta” – Ibn Karam viết. “Tôi, kẻ yêu người ấy, tôi là người ấy, và người ấy, kẻ yêu tôi, người ấy là tôi”.

Halladzs tuyên bố: “Cái đẹp của người đàn bà là tia sáng của Thượng Đế, không phải của tình nhân”.

Không cần gì hết chỉ MỘT. “Bất cứ cái gì mi muốn cho ta trên trần thế – Rabia nói – mi hãy chia đều cho mọi kẻ thù của ta, bất cứ cái gì mi muốn cho ta trên thiên đường, mi hãy chia đều cho các bạn bè của ta, và ta hài lòng với mi, với chính bản thân mi”.

Truyền thống Sufi không nói đến các bậc thang kĩ thuật của ekstasis–niềm cảm hứng. Chắc chắn đây từng là một truyền thống truyền miệng trong lúc nhập định truyền lại cho các môn đệ, nhưng đã bị thất lạc. Cái còn lại là sự tỉnh táo cao nhất cất giấu trong sự điên rồ của niềm cảm hứng.

Sufi là một giọng nói trong sạch của Lời Tuyên Bố.

Linh hồn khi quăng đi tất cả, lột trần trụi, biết rằng ngoài sự nghèo khó thu được nó không cần đến bất cứ cái gì.

Sufi hiện thực hóa sự đồng điệu. Chỉ Duy Nhất Một mà thôi. “Một khoảnh khắc duy nhất cùng Thượng Đế nhiều hơn sự kính cẩn của toàn bộ nhân loại từ buổi tạo dựng cho đến ngày tận thế của thế gian” – Sibli nói.

Nếu con người biết về cái MỘT này, nó biết tất cả. “Mi là siêu nhiên và mi cũng thuộc về trần thế, tất cả là của mi, cái đã biết, chưa biết, cái vĩnh cửu và cái hữu hạn. Của mi sự sống và hư vô, độ sâu của đất và mái cao của trời là hai bộ quần áo của mi, mi là ánh sáng và sự đối kháng với ánh sáng”.

Và vì nó biết tất cả, nó biết niềm vinh quang nào chính đáng nhất, trở thành kẻ chiến thắng trong đời sống và thắng được trò chơi của số phận mang ý nghĩa gì.

Sufi cười trên đầu các vị vua, và nhún vai khi nói đến Pie Đại Đế hay đến Caesar. Sufi biết niềm vinh quang của các vị vua này nhỏ bé, các nhu cầu, nỗi háo danh của vua chúa và các thủ lĩnh mới nhỏ bé làm sao.

Lớn hơn cả khi “cái MỘT nhận ra cái TOÀN BỘ và nói: ta là Thượng Đế”.

Chinh phục Ấn Độ ư? một khoảnh khắc vững chãi duy nhất nhiều hơn việc giết hàng trăm nghìn người.

Uống rượu. “Người ta nói mi uống tội lỗi, ta uống từ thứ sẽ trở thành tội không uống. Trước khi ta sinh ra, ta đã thặng hoa trong nó, và ta còn lại như vậy vĩnh viễn, kể cả khi xương cốt của ta đã rữa mục từ lâu”.

Kinh Yoga Patandzsa dạy nhiều hình thức của sự hợp nhất. Là những thực hành khác nhau của kĩ thuật-cảm hứng. Việc

thực hiện sự hợp nhất có thể diễn ra bằng con đường nhận thức (*jnāna-yoga*), bằng con đường hoạt động (*karma-yogo*), bằng con đường yêu thương (*bhakti-yoga*).

Bhakti-yoga tuyên bố: “Đời sống chỉ có một giá trị duy nhất đấy là tình yêu thương hướng về Thượng Đế”. Người nào thực hiện điều này, người đó không biết gì khác ngoài trạng thái sống trong niềm vui liên tục và mỗi khoảnh khắc là một giây phút lên thiên đường.

Kĩ thuật-cảm hứng mở ra những con đường sùng bái. Đây là điều ở Ấn Độ người ta gọi là ékajna, con đường duy nhất.

Trong truyền thống Sufi, bhakti-yoga là sự hiện thực hóa hoàn hảo. “Tất cả ta đều muốn cho mi và vì nó ta không đòi lại bất kì cái gì”. Tình yêu này không phải việc của con tim, không phải việc của tình cảm và của linh hồn, và cũng không phải là nhận thức, cũng không phải việc của tinh thần.

“Có lẽ không thể đặt tên cho nó là một quan điểm – Plotinos viết – người thầy Hi Lạp Sufi, là một dạng nhận thức khác hẳn, một sự gắn bó, một sự đơn giản hóa, tinh thần hóa với nỗ lực cao nhất, để con người trở nên MỘT, và nếu có thể, đứng đối mặt với cái gì mà sự thiêng liêng cất giấu”.

“Trong một ban ngày đen, nhưng lại chính là màn đêm đầy ánh sáng”.

“Ta đi từ Thượng Đế tới Thượng Đế, trong khi ở trong bản thân mình, ta hét lên: Mi là ta”.

5.

Sufi có thể lấy những từ ngữ Ấn Độ để gọi (cái gọi là) fana, là thứ biết tạo ra hình thức, và trở thành một khái niệm quan trọng nhất của kĩ thuật-cảm hứng Ả-rập.

Fana chỉ có nghĩa như sau: lấy đi tất cả những gì không phải là Thượng Đế, lấy đi mọi đặc tính (phụ tùng - upadhi - như người Ấn Độ nói), lấy đi cái TÔI cá nhân, thứ phi trạng thái, từ bỏ tư tưởng của đồ vật, là khoa học của hư vô, là sự trôi qua của quên lãng.

Cái mà Mahajana dạy dỗ “Tri thức tiến bộ của trí óc”.

Và đây là khái niệm về cái có thể cảm nhận trong việc tạo ra fana: “Thế gian có năm nguyên tố tạo dựng, và bản tính của những thứ này là trống rỗng... Bản tính của mọi sự vật là rỗng, không có bắt đầu, cũng chẳng có kết thúc, không sai sót cũng chẳng hoàn hảo, trong sự trống rỗng này không hình dạng, chẳng giác quan, không tên, chẳng nhận thức, không hiểu biết... Ở đây không có mắt, chẳng tai, chẳng mũi, chẳng miệng, chẳng cơ thể, chẳng linh hồn... Đây là tri thức vượt quá trí óc, và nếu ai đi về phía tri thức vượt quá trí óc này, tri thức hoàn hảo cao nhất sẽ tuôn ra từ nó”.

Cái “trống rỗng tất cả” này (sarvam sunyam) là bậc thang không thể thiếu của kĩ thuật-cảm hứng, để con người có thể bắt đầu sự hiện thực hóa trong đó. Đây là điểm để vượt qua ranh giới của hiện thực. Mahajana gọi là bhutahati, ranh giới của hiện thực.

Từ đây là sự bắt đầu của mahsunyata (sự trống rỗng lớn) hay còn gọi là sự phi khách thể. Bởi cái là sự vật, có ở bên ngoài và là khách thể, cái đó không phải là hiện thực, mà là sự

trống rỗng. Là sự phản chiếu của những rối loạn của thực thể người.

Khách thể chỉ có nghĩa như sau: là một cái gì trái ngược với con người, như một đối kháng của bản chất riêng, là sự đối kháng và trạng thái chống lại sự đối kháng.

Khách thể không là gì khác ngoài một hình ảnh hãi hùng của thực thể người sống trong sự tỉnh táo tăng dần, cái trong giấc mộng số phận nó coi là hiện thực, hay nói cách khác không là gì khác ngoài một phóng chiếu của ý thức có điều kiện, với nhằm lẫn rằng đây là sự phóng chiếu về một điều có thực về bản thân, và con người bị tác động từ hình ảnh mộng này.

Tất cả là trống rỗng. Trống rỗng của trống rỗng (sunyata). Về các sự vật thế là đủ. Mọi vật và mọi sự vật đều trống rỗng.

Trên bậc thang đầu tiên của kỹ thuật-cảm hứng, con người nhận ra cần phải thanh toán với toàn bộ điều kiện của ý thức và cần hiện thực hóa ý thức vô điều kiện, cần phải biết mọi vật, cái nó thấy, nghe và tiếp cận, kinh nghiệm là sự phản chiếu những hỗn loạn của nó, và việc đầu tiên nó nhận ra, là các sự việc cùng các vật không có nội dung của chúng, không có bản chất và đều trống rỗng, chỉ là những ảo ảnh của ý thức bị tác động từ các giấc mơ và cần phải chấm dứt sự phản chiếu này, hay nói cách khác cần phải thực hiện một ý thức vô điều kiện với mọi tác động.

Bởi vì không chỉ các vật và các sự vật rỗng. Cảm giác cũng rỗng.

“Ở đây không có mắt, chẳng tai, chẳng mũi”.

“Trong sự trống rỗng này không hình dạng, không tên gọi, không nhận thức, không tri thức”.

Sự nhận biết là rỗng. Tri thức cũng rỗng. Sự trống rỗng cũng rỗng. Giác mơ cũng rỗng, ảo ảnh cũng rỗng, kể nhìn thấy ảo ảnh cũng rỗng.

Cần thanh tẩy ý thức và hạ giảm những sự điều chỉnh (Csitta-vrtti-niruddha, như Patandzsali tuyên bố).

Sorvam sunyam có nghĩa là tất cả đều trống rỗng. Nghĩa là nếu con người quay về sự đồng điệu của Lời Tuyên Bố để xuất phát và muốn dự phần với giao tiếp siêu việt, lúc đó nhiệm vụ đầu tiên của nó là thu thập một ý thức không bị ảnh hưởng bởi bất kì tác động nào, nghĩa là từ bỏ mọi điều kiện và thực hiện trạng thái phi khách thể hoàn toàn, trong đó không có các sự việc, các vật và bên ngoài, nhưng cũng không có cả các đặc tính, các khả năng, các giác quan, các tư tưởng các cảm giác, và sự bên trong, không có gì hết ngoài sự trống rỗng, và trạng thái rỗng của sự trống rỗng này (mahasunyata).

Dạy về sự trống rỗng là kinh Prajnaparamitahrdaya (Bát-nhã ba-la-mật-đa tâm kinh). Và kinh này bình luận bài pháp thoại về hoa sen của Đức Phật. Các Phật tử tìm đến Đức Phật, chào ngài và chờ đợi Đấng Giác Ngộ rao giảng. Đức Phật ngồi yên lặng rất lâu sau đó cho nhổ một cành hoa sen, chìa cho các Phật tử xem và không nói một lời. Không ai hiểu gì cả, duy nhất chỉ có ngài Mahakasyapa (Đại Ca-diếp) gật đầu và nhìn Đức Phật. Đấng Giác Ngộ nói như sau: Thứ châu báu quý nhất, tri thức siêu trí tuệ ta đã vừa đưa cho các con.

Lời dạy của bài pháp thoại hoa sen là thứ tri thức siêu trí tuệ, là tri thức không lời. Đây là tri thức silentium mysticum – Huyền bí tinh không.

Điều kiện đầu tiên của việc tiếp xúc với những thế giới cao hơn là sự im lặng được thực hiện một cách tuyệt đối. Trạng thái phẳng lặng như gương.

Là sự thanh tẩy ý thức từ mọi tác động mọi ảnh hưởng, trước hết là việc bỏ đi mọi nhiễu loạn từ con người. Patandzsali nói, cần phải tiếp tục “thực hành trong hình dung về sự trống rỗng”.

Fana của Arập là phi trạng thái, là sự từ bỏ tư tưởng về vật thể, từ bỏ mọi đặc tính, là khoa học về hư không, là tri thức siêu trí tuệ. Biểu hiện của nó là trạng thái tĩnh lặng như gương. Fana là sự hiện thực hóa silentium mysticum (phép thuật của sự im lặng).

“Ở đó Nhìn chấm dứt, và cái không thấy dạy sự Thấy”.

“Sống như thể ta sẽ không có cái gì và ta không trở thành ai”.

“Sufi gần với sự im lặng hơn là lời nói”.

“Tôi không phải người Kitô giáo, không phải người Do Thái, chẳng phải người Ba Tư, cũng không là người đạo Hồi. Tôi không phải người phương Đông, không phải người phương Tây, không phải trên đất liền, cũng chẳng ở dưới biển. Tôi không xuất thân từ đất, cũng chẳng từ các tinh tú. Đất không sinh ra, cũng chẳng do nước, không do không khí cũng chẳng do lửa. Tôi không đến từ thành phố của Thượng Đế, không

đến từ cát bụi, không từ sự sống vĩnh cửu, cũng chẳng từ sự thay đổi vĩnh cửu. Tôi không ở trên thế gian này, không ở thế giới bên kia, không ở thiên đường, không ở địa ngục. Cha tôi không là Adam, mẹ tôi không là Eva, tôi không đến từ vườn Địa Đàng, cũng không từ các thiên thần của vườn Địa Đàng. Vị trí của tôi là phi-vị trí, dấu ấn của tôi là phi-dấu ấn, không thể xác, chẳng linh hồn”.

6.

Sankara định nghĩa sự thức tỉnh như sau: là cái khi xảy ra chẳng có gì xảy ra hết. Sự kiện này, thứ “phi-sự kiện” có ba quá trình.

Quá trình thứ nhất, tôi ngồi trên bờ sông và tôi nhìn thấy chim đậu trên cành liễu, gió thổi cành liễu đung đưa.

Quá trình thứ hai, không cây cũng không chim, không gió cũng chẳng có sông, tôi chẳng ngồi đâu cả, chẳng nhìn thấy gì hết, bởi không có sự Nhìn và không TÔI, kẻ đang nhìn.

Quá trình thứ ba, tôi ngồi trên bờ sông và tôi nhìn thấy chim đậu trên cành liễu, gió thổi làm cành liễu đung đưa. Không có gì xảy ra.

Bước đầu tiên, vị trí tôi có trong đó, tôi ghi khắc sâu vào ý thức của mình toàn bộ. Không chỉ dòng sông, cây liễu, gió và chim.

Tôi nhận ra dạng hình, tính chất của mình, nhận ra những phức tạp của số phận mình, những nút thắt đời mình, những khả năng của mình để tháo gỡ chúng, và sự bất lực của mình

biết rằng tôi không thể tháo gỡ những kỉ niệm của mình và sự vô tận của những khả năng ẩn náu trong bản thân mình.

Bước đầu tiên: tập trung sự chú ý vào khoảnh khắc tôi đang ở trong đó. Trong bước này mức độ tập trung càng sâu sắc càng quyết định việc thu được cái toàn bộ một cách vẹn toàn.

Bước thứ hai, tôi bắt đầu tháo gỡ vị trí này. Không có vật thể. Cái gọi là khách thể chỉ là mâu thuẫn, đối thủ và sự đối kháng, là cái mà tôi phóng chiếu ra và trong nhận thức mờ mịt của mình tôi coi nó là hiện thực.

Không cây liễu chẳng con chim, đây thuần túy chỉ là màn biểu diễn của tâm trạng lượn sóng của tôi. Nhưng cũng không có cả tâm trạng lượn sóng, chỉ ý thức bị hư hoại của tôi tin vào nó.

Nhưng không có cả ý thức hư hoại và không có cả niềm tin, chỉ là một trạng thái phẳng lặng trong sạch vĩnh viễn, trong đó hình ảnh của toàn bộ sự sống phản chiếu. Nhưng không có tâm trạng, không có gương, không hình ảnh không có sự Thấy. Tất cả rỗng.

Đây là bước thứ hai.

Bước thứ ba, tôi đặt lại vị trí tất cả các đặc tính, khả năng và các giác quan của tôi, biết rằng không có gì khác ngoài sự trống rỗng, tôi đặt lại vị trí các sự vật, cái ý thức hư hoại của tôi, cành liễu, gió, dòng sông cùng con chim, tôi biết rằng đây chỉ là ảo ảnh toàn bộ và vô hiệu lực.

Ý thức đã bước qua giới hạn–hiện thực và thu được thứ tri thức mà Mahajana gọi là thứ tri thức “cứng hơn kim cương”

(vajracchedika – năng đoạn kim cương).

Đá, như một hình ảnh tượng trưng trong truyền thống là thứ không thể hỏng. Trong thuật giả kim, đá của sự thông thái là tri thức tuyệt đối.

Petrus, núi đá. Tường đá Kába. Thứ đá cứng hơn kim cương là nền tảng đá của nền tảng cơ bản.

Là nơi, từ đó nhìn hiện thực. Không có khách thể.

“Niềm tin vào tư tưởng của sự vật không thể nói ra lời”. Nhưng niềm tin trong tinh thần và trong linh hồn càng khó nói ra lời hơn.

“Kẻ là tôi, một sinh linh sống động cho tư tưởng cá nhân là hiện thực, không thể coi là một Bồ Tát”.

Tất cả mọi sự vật đều cần phải bỏ đi, nhưng cái phi-sự vật cũng cần phải bỏ đi nốt.

Kẻ nào coi trọng thế gian cần phải tạo dựng những ý nghĩa không điều kiện, hoặc chỉ có duy nhất một điều kiện của chúng: ý thức hư hoại của con người và sự tỉnh táo bị lu mờ. Đây là hậu quả của niềm tin đờ đẫn vào thế gian.

“Thế gian không phải là thế gian, vì thế nó là thế gian”. “Tôi không là tôi, vì thế là tôi”.

Ekacitta cứng hơn cả kim cương, nếu dịch sát nghĩa ekacitta là ý thức cơ bản, hay nền tảng cơ bản của ý thức.

Đây là thứ ý thức trần trụi “không manh áo quần”.

Giờ đây một lần nữa tôi lại có thể ngồi bên bờ sông, ngắm con chim đậu trên cành liễu đung đưa, bởi giờ đây tất cả

những điều này không phải là khách thể và sự tưởng tượng áp đặt và ảo ảnh của một ý thức hỗn loạn nữa. Tất cả giờ đây không còn điều kiện ẩn náu trong đó nữa.

Đây là cái mà tôi nhìn vượt qua giới hạn–hiện thực, là bhutahatin.

Đây không còn là tâm nhìn nữa mà như Sufi nói: Nhìn do cái phi–nhìn dạy dỗ, hay nói cách khác đây là một kinh nghiệm cảm hứng.

Cảm hứng chỉ có nghĩa ngần này: đứng bên ngoài. Đứng bên ngoài sự bồn chồn bất an rải tứ phương, và đứng bên trong sự hợp nhất được thực hiện.

“Tôi tự do khỏi chính bản thân tôi, khỏi chính cái TÔI”. Tôi được giải phóng khỏi sự tự do.

“Người nào tin rằng có sinh linh và có sự giải thoát, không thể gọi kẻ đó là Bồ Tát”.

Đây là tri thức cứng hơn kim cương.

7.

Mahajana là một thực hành đời sống cảm hứng. Con người tồn tại ở giới hạn–hiện thực (bhutahaf), hay nói cách khác nó duy trì đời sống ở mức độ thiên định trung bình (tiếng Sanskrit gọi là dhyana, tiếng Trung Quốc gọi là csan, tiếng Nhật gọi là zen).

Hệ quả của trạng thái thiên định là mở ra sự giao tiếp giữa con người và vòng siêu nhiên. Đây là cái gọi là Vajracchedika,

ekacitta (Nhất Tâm) là ý thức trần trụi, là état primordial như Guénon gọi, là sự thông thái con trẻ như Lão Tử dạy, hay là fana của truyền thống Sufi. Là hình thái cơ bản của kỹ thuật đời sống. Ý thức có thể đo lường bằng việc ai thực hành niềm cảm hứng như thế nào.

Từ dhyana ở Trung Quốc và Nhật Bản xuất hiện một phiên bản đặc biệt của thực hành cảm hứng mà gần đây nhất T. Suzuki gọi là zen. Đây là những tính chất của các thực hành-cảm hứng mà Patandzsali đã khái niệm hóa lúc ban đầu và sau cùng, chúng đi cùng với nhau nhưng mỗi cái trong một trật tự riêng và trọng tâm riêng.

Trong zen trọng tâm của sự hoạt động rơi vào szatori. Szatori là sự thức tỉnh. Không phải sự giải thoát mà là ngộ ra. Một khoảnh khắc là đủ. Kẻ nào từ kinh nghiệm của một khoảnh khắc duy nhất không biết từ bỏ tất cả các hậu quả, kẻ đó không thể cứu vãn nổi. Nhưng nếu nó hiểu ra, nó có thể bình tĩnh “uống trà và ăn cơm” tiếp.

Toàn bộ kỹ thuật zen phục vụ cho khoảnh khắc ngộ ra của tinh thần. Một tia chớp, dù không xảy ra cái gì hết.

Ông thầy Hui ke (Huệ Khả) nói với các học trò: Tôi không hiểu zen, tôi không thể nói với các trò bất cứ cái gì về zen, bởi vậy các trò ở đây chỉ tốn thời gian mà thôi. Quan trọng nhất, các trò hãy giải quyết bằng chính bản thân mình.

Nhưng càng ngày càng đông học trò đến tìm ngài. Các nhà bác học cũng đến và hỏi: ngài dạy những gì mà học trò đến đông như vậy? – Tôi chưa bao giờ dạy gì và cũng không có ý định thu hút bất kì ai.

Phương pháp đánh thức, như người ta ghi lại, người thầy ứng dụng nó đầu tiên là Lin-csi, khi người ta trịnh trọng bắt bẻ một điều gì đó, ngài kêu to: Kvat!

Đây là từ mà các nhân viên thuế sử dụng khi hành khách đến biên giới, có nghĩa là: Này có gì cần phải đánh thuế không đấy? Ai, buôn cái gì?

Ở ranh giới những lí thuyết lòng vòng, những câu ấp úng là vô hiệu quả. Cần phải khai thật. Không thể buôn lậu một thế giới quan!

Một giai đoạn của nhập định Ai Cập khi trên ngưỡng cửa con người cần phải giải trình những câu hỏi rất đơn giản và cần phải trả lời ngay lập tức. Ví dụ trên con tàu, buồm hỏi: ta tên là gì? Tay lái hỏi: tên của ta là gì? Kẻ được bước qua không phải kẻ đùa giỡn mà là kẻ trả lời: buồm, hoặc: tay lái. Con người không thể đơn giản hóa hơn.

Một ông thầy dạy nhạc zen nếu muốn nói đến một lí thuyết nhạc nào đấy bèn giơ chiếc đũa chỉ huy lên. Như cành hoa sen của Phật.

Một ông thầy khác gõ trống. Hãy chú ý! “Không dạy dỗ”, “chưa bao giờ ta có bất cứ sự dạy dỗ nào”. Chỉ có thực hành. Không suy nghĩ.

“Nếu mi muốn nghĩ về nó, mi sẽ nhảm lẫn – Long Đàm nói – Nếu muốn thấy, hãy nhìn”.

Cần nhìn, cần bước đi. cần vượt ngưỡng. Cần tỉnh giấc! Cần trở nên tỉnh táo.

“Bạn thân mến ý nghĩ của bạn đừng ngồi ở đâu, không ở trong cũng không ở ngoài. Chớ kiêu ngạo. Chúng ta là những kẻ đang thực hành”.

Nhưng – như Đức Phật nói – giữa chúng ta còn có những kẻ khốn khổ, những kẻ nếu không nghe thấy lời dạy dỗ, họ sẽ lầm lạc. Hãy để họ tự xử lý mình. Ta không dạy dỗ ai điều gì. Nếu mi muốn thấy, hãy nhìn. Không ngồi lại ở bất kì đâu.

Nếu ai hiện thực hóa những tác động của giây phút giác ngộ, kẻ đó bước qua ngưỡng của hiện thực.

“Mi gặp chính bản thân – Hương Nghiêm Trí Nhàn nói. Mi đã từng là kẻ nhắm mắt lại trước hiện thực. Trong zen không có gì cần lời giải thích. Không thể dạy về zen. Vì zen các kiến thức của mi không tăng lên. Mi chỉ vượt bản thân”.

“Đây là cái gọi là Vajracchedika là tri thức cứng hơn kim cương, khi con người trở nên tự do từ chính nó, từ sự tồn tại, từ đời sống và từ cái TÔI. Nhưng nếu ai tưởng đó là sự giải thoát, không thể đặt tên nó là tự do”.

Sống như thế ta sẽ không có gì hết và không trở thành ai hết – như Sufi nói: “Chỗ của ta là phi vị trí, dấu vết của ta là phi dấu vết”.

Đây là cái Orpheus đặt tên là aionios. Không phải kiến thức mà là tất cả những cái gì “gần với sự sôi nổi cháy bỏng” – tivra-szamvéganam aszannah – như Patandzsali viết.

Szatori vút mọi điều kiện của ý thức đi trong một tích tắc, để sau đó vội vã quay về “uống trà và ăn cơm”, và làm tất cả, như thể chưa hề xảy ra điều gì, nhưng luôn luôn sống trong

szatori, nói, ngủ, đi lại, làm việc, tranh luận, cãi cọ và lấy vợ sinh con, và không biết nhiều hơn.

“Zen không phải là việc của tôi, mà của đặc tính”.

Bởi vì zen không có nghĩa là tôi thỏa mãn với sự thức tỉnh, tôi hưởng thụ và khoan khoái nó. Còn một cái gì đó mà người thầy zen gọi là hành vi thứ ba.

Tôi ngồi bên bờ sông và ngắm con chim, đấy là thứ nhất. Tôi không ngồi đâu cả, không có tôi, và tôi không nhìn thấy gì cả, đấy là thứ hai: Tôi ngồi bên bờ sông, một lần nữa tôi ngắm con chim, đấy là thứ ba.

Đây là hành vi thứ ba, hiện thực hóa, khi tôi ngồi, ngắm con chim nhưng tôi biết rằng không có tôi cũng chẳng có chim!

Khi tôi đặt toàn bộ ý thức của mình vào việc tôi ăn, ngủ và nuôi dạy con cái. Lúc đó tôi im lặng sâu sắc rằng cái gì đã xảy ra, và tôi đi lại, làm việc, tranh luận, cãi cọ.

Không gì tầm thường hơn bằng luôn luôn tuyên bố sự tỉnh táo của mình! Người thầy nói rằng nếu ở một ai đó có quá nhiều zen, phát buồn nôn.

Nếu nghe thấy tên Đức Phật, tôi phản đối, một người thầy khác kêu lên.

Kẻ học trò than phiền, từ lúc theo chân thầy tới giờ, thầy chẳng hề nói một câu nào về tinh thần, hay tư tưởng. Người thầy trả lời: Ta luôn luôn dạy mi về các sự việc tinh thần đấy chứ. Nếu ta yêu cầu trà, chẳng nhẽ ta không nhận? Khi mi mang thức ăn đến, ta chẳng ăn hết sao? Khi mi chào ta chẳng nhẽ ta không đáp lại sao?

“Sự trống rỗng, đấy là cái TÔI đích thực, đấy là tổ quốc chân chính của ta”.

“Zen là cái không có vị ngữ”.

Truyền thống zen không tồn tại trong các buổi tụ họp lớn mà trong (cái gọi là) mondo. Nội dung của các mondo là mỗi một szatori, hay là sự lóe lên. Đây là cái làm cho zen và chủ nghĩa khasszidizmus (một nhánh giáo phái của người Do Thái) có họ hàng với nhau.

Mondo là một sự bí ẩn (zen gọi là koan). Người thầy đưa ra một koan và cần phải giải nghĩa. Trong câu hỏi không có nội dung kiến thức, và câu trả lời chỉ đúng nếu con người trả lời bằng một cấu trúc ý thức hoạt động, vượt qua hiện thực. Đây là vấn đề của sự đồng điệu. Mọi truyền thông kiến thức đều sai.

Tôi không đủ đơn giản. Tôi không đủ trống rỗng. “Nếu giữa trời và đất chỉ cần một khoảng cách bé li ti – Một môn đệ zen nói – đủ để chúng tách khỏi nhau vĩnh viễn”.

“Nếu mi dựng lên điều mi muốn bằng cái mi không muốn, tinh thần của mi đau ốm một cách tuyệt vọng”.

“Mi đừng sống ở thế giới bên ngoài, đừng sống ở sự trống rỗng bên trong, điều này chỉ dẫn mi đến hỗn loạn”.

“Một trong tất cả, tất cả trong một”.

Đây là ittihad của Sufi, henosis của Hi Lạp, yoga của Ấn Độ và jihud của Do Thái.

8.

Rất Cần thiết nói về ba việc sau đây. Một là sự nhập định, như zen, như chủ nghĩa khasszidizmus nói về ý nghĩa tia chớp lóe cảm hứng của con người.

Tiếng Do Thái gọi là tesuvah (Tiếng Hi Lạp: metanoia). Người ta còn gọi là sự quay trở về, quay trở về với nền tảng cơ bản. Có thể gọi là sự đổi hướng.

Trong kinh Tora là sự dạy dỗ của các nhà tiên tri, trong Kitô giáo là sự dạy dỗ của Gioan Thánh Giá: các người hãy quay lại. Đây là khái niệm quan trọng nhất của những người theo phái esszénus.

Hai, sự quay trở về này trong Zen là kết quả duy nhất của nỗ lực chống lại cái chết. Đây là szatori khi hiện thực như một tia chớp chạm đến con người.

Ở người theo phái khasszid, tesuvah cũng là một tia chớp cảm hứng duy nhất cho ý thức về hiện thực. Nhưng nội dung của tia chớp này không phải một khoảnh khắc nhận thức mà là ethos.

Bởi vì trọng lượng của nó không rơi vào sự nhận thức mà rơi vào những hệ quả đạo đức. Tôi vô ích nhận ra hiện thực nếu tôi không đưa mọi hệ quả của nó vào đời tôi.

Tất cả mọi sự nhập định đều là sự hiện thực hóa. Hölderlin cho rằng con người mỗi ngày bảy mươi bảy lần rơi từ trên trời xuống đất. Những người theo phái khasszid nói, ai đã giác ngộ, kẻ đó mỗi ngày bảy mươi bảy lần bay từ dưới đất lên trên trời.

Điều thứ ba, tính chất của sự nhập định ở người Do Thái mang tính chất tôn giáo, còn trong zen mang tính chất siêu hình học. Zen dựa trên nền tảng sankhja-yoga-đạo Phật nên dnyanamoksa, tư tưởng “giải thoát nhờ nhận thức” thấm vào nó rất sâu.

Trong truyền thống Do Thái sự giải thoát sau cùng là sự chuyển hóa, xảy ra bằng sự xuất hiện của Messiás – Đấng Cứu Thế, con người có thể chuẩn bị cho sự tiếp nhận này nhưng không tác động gì vào sự xuất hiện đó.

Trong zen sự giải thoát chỉ do con người, không hề do ai khác, kể cả do người thầy cũng không. Ở phái khasszid sự giải thoát phần lớn do sự ăn năn hối cải mang lại.

Còn trong zen tội lỗi, sự ăn năn, chuộc tội chỉ có trong thời gian và khoảnh khắc khi con người bước qua ranh giới hiện thực, lúc đó tất cả những điều này chẳng có ý nghĩa gì nữa.

Bởi vậy ở người Do Thái trong sự nhập định không có gì quan trọng hơn là bản kinh cầu, sự cầu nguyện.

Zen không cầu nguyện mà thiền. Trong chủ nghĩa khasszidizmus, ekstazis có nghĩa là đi về phía sự trực diện của Chúa (lifné ha Adon) còn trong zen có nghĩa là đạt tới “kiến thức siêu trí tuệ”.

Theo dấu vết của kinh Kabbala người ta gọi nền tảng cơ bản của phái khasszid là Adam Kadmon. Đây chính là con người trước khi rơi vào sự phạm tội, kẻ mang khả năng tinh thần cao nhất, nesamah, sống một cách không rối loạn và đứt đoạn, sở hữu mọi tri thức.

Sự nhập định là việc đạt tới mức độ đời sống cao nhất của con người. Bởi vậy niềm cảm hứng (ekstazis) là hitlahavut của phái khasszid. Hitlahavut không có kỉ luật của nó.

Truyền thuyết kể rằng một thánh rabbi mất, bước sang thế giới bên kia. Ngài được đưa lên thiên đàng theo công trạng, nhưng giữa đường đi ngài nhìn thấy một cái vạc dầu khổng lồ trong đó có bao nhiêu con người đang quần quại. Họ là những ai vậy? – ngài hỏi. Đây là những kẻ đến lửa địa ngục còn chưa tới được, người ta trả lời. Ngài rabbi chạy đến cạnh vạc dầu và nhảy ngay vào giữa, ngài nhất định không chịu đi, cho đến tận khi người ta phải dập tắt lửa. Đây là hitlahavut.

Nếu đặc điểm của nó là gì, chính là sự đơn giản phi công thức. Như một cơn lốc. Làm cái gì nhiều nhất. Dùng ngay bản thân mình. Xả thân trong ngọn lửa điên cuồng. Không cần phúc lạc, như kinh Sufi nói. Không cần cái Tôi, như giáo phái zen. Điều này chỉ tri thức siêu trí tuệ mới hiểu nổi.

Sự giải thoát không phải mục đích trong sự nhập định brahman. Szatori chỉ dùng vào việc con người quay lại với đời sống hằng ngày, lấy vợ nuôi dạy con cái và hoàn thành công việc của mình.

Còn hitlahavut dùng để chỉ con người biết thực hiện trọn vẹn avadah. Avadah dịch sát nghĩa là sự phục vụ.

Sau sự giác ngộ ý nghĩa về hệ thống đạo đức của đời sống tiếp theo trong thực hành niềm cảm hứng không ở đâu giống trong chủ nghĩa khasszidizmus. Như thế sự giác ngộ chỉ vì sự phục vụ. Toàn bộ lửa của hitlahavut được ứng dụng vào hệ thống đời sống ngày thường.

Lửa của sự giác ngộ bồi bổ cho sự phục vụ thâm lặng này. Không một lĩnh vực nào của đời sống người mà không có sự thể hiện của sự phục vụ này.

Ngài rabbi Sussja thường đi vào rừng và đọc kinh cho Chúa nghe từ avadah. Ngài rabbi Sussja thường đi vào rừng và chỉ đọc kinh cho Chúa nghe. Người ta ghi lại trường hợp một người học trò, một đêm tuyệt vọng than với Thượng Đế là ai cũng phục vụ bằng tài năng của họ, riêng anh ta không biết bất cứ cái gì.

Đột nhiên anh ta nhảy dựng lên và bắt đầu huýt sáo, ngài rabbi đang có mặt ở đó chứng kiến cảnh này bèn trốn đi để “đừng bị thiêu cháy bởi niềm cảm hứng siêu việt của tinh thần Thượng Đế”.

Ở những người rabbi khasszi có truyền thống, đến rạng sáng thứ bảy trong nhà có bao nhiêu tiền phải tiêu hết, phải chia hết cho người nghèo.

Số phận chỉ có nghĩa chừng này: tất cả mọi người đều phải sống trên thế gian trong một thân xác chỉ riêng của nó. Và số phận là một nhiệm vụ, một tác phẩm, cần hoàn thành.

Từ Vadah chỉ có nghĩa ngần này: cần phục vụ nhiệm vụ ấy một cách trung thành. Nếu trong hitlahavut tôi hiểu cái gì là cái chỉ tôi làm được ngoài tôi ra không ai có thể, lúc đó (trạng thái avadah – phục vụ) không là gì khác ngoài một nhiệm vụ vẹn toàn tôi được trao và trong cái thể xác này với ý thức cao tôi lĩnh hội, từng bước một, hằng ngày trung thành và bền bỉ hoàn thành.

Câu cuối cùng của rabbi khassid Baal-Sem Tov là: “Giờ đây tôi đã biết tại sao tôi đến thế gian này”. Những người học trò của ngài nói rằng chỉ những kẻ hoàn toàn tỉnh táo mới nhìn thấy nhiệm vụ cuộc đời của họ, và kẻ hạnh phúc là kẻ đến lúc mất đi đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

9.

Chỉ có duy nhất một hệ thống ghi lại một cách liên tục kỹ thuật cảm hứng từ bước đầu tiên cho đến lúc hoàn thành. Orfika và Sufi, Mahajana, zen và Kabbala không chuẩn xác, phương pháp của chúng được sử dụng, nhưng người ta không–hoặc rất ít khi–dạy. Bởi vậy rất nhiều khi xảy ra sự nhầm lẫn thậm chí sự lừa bịp trong ứng dụng những phương pháp trên.

Nhưng kinh Patandzsali Yoga là một kiến thức liên tục và là hệ thống khóa kín, không thể gây ra sự nhầm lẫn.

Yoga là kỉ luật. Bên trong nó không có chút gì của sự say mê. Không có một thực hành nào tỉnh táo và cụ thể hơn.

Cái đặc trưng cho Yoga chính lại là sự trực tiếp lạnh lùng, cùng với những nhân tố linh hồn và tinh thần trở thành thứ không có gì nóng bỏng hơn, tinh tế hơn, vô hình hơn và rất dễ dàng sử dụng, như khi ta chơi với những con súc sắc.

Yoga quan tâm tới ý thức của sự tỉnh táo đã bị suy giảm (ajnama upahitam csitanyam). Mục đích của nó là đặt sự đờ đẫn của con người ra ngoài (apavada) và thực hành sự nhất quán của một tinh thần trong sạch (jaitanyam).

Bởi vì điều kiện của tinh thần trong sạch đã hiện thực hóa, và việc từ bỏ mọi sự méo mó biến dạng chính là một quá trình cảm hứng cao nhất, là trạng thái phẳng lặng như gương, là trạng thái của con người khi tham gia vào sự truyền thông của thế giới Thấp nhất và Cao nhất. Đây là samadhi thiên thượng, cái Patandzsal gọi là nirvikalpa-jñana.

Tính chất của thực hành cảm hứng đặc biệt thụ động. Dọn dẹp và quét dọn, giặt, nhóm lửa, chải là, mang xách và đào.

Nền tảng cơ bản trong ai cũng có bởi đó là nền tảng của sự tồn tại của con người. Chỉ vì các lớp luân hồi đóng thành các lớp bùn lầy đã ngăn cản con người nhìn, và vì thế con người coi ảo ảnh là hiện thực.

Ai cũng có khả năng hiểu về tri thức tổng hợp. Nhiệm vụ là phải vượt qua các quá trình cản trở sự nhận thức. Ý thức, ở thời điểm bắt đầu ứng dụng phương pháp sẽ là đối tượng của kỹ thuật yoga.

“Tách rời với tri thức, nhưng thực chất không hề tách rời, trong một quan điểm nào đấy là một bộ phận và cái phi-bộ phận của tri thức đầu tiên và cuối cùng”.

Định nghĩa điều này bằng ngôn ngữ hiện đại: cần phá vỡ cái khái niệm con người tự dựng lên về bản thân nó, và hình ảnh một sinh linh chính là con người không đặt trong dạng hình thân xác mà như một khối năng lượng tinh thần đặc có đặc tính quan trọng nhất không phải là dạng hình vật chất mà là quyền lực của các sức mạnh.

Không phải một vật liệu mang tính vật chất, mà là sự bất lực của các hoạt động quán tính. Con người càng lộn ngược, thanh tẩy, thu nhỏ cái hình ảnh đã hình thành (rupa) và các hình thức ngôn từ nói về điều đó bao nhiêu, ý thức càng sáng rõ hơn bấy nhiêu.

Cần phải cắt đứt mối quan hệ giữa sự vật và cảm giác (pratjaha-pratyahara).

“Sự vật là đủ”.

Cần đặt các sức mạnh tập trung vào một cái gì đó (dhyana). Nếu không còn mối quan hệ mang tính chất đồ vật, chỉ còn dharana (sự tập trung) con người sẽ bình tâm, bình thản.

Cần phải từ bỏ cái người ta hay nói: tôi thấy, bởi cơ sở của câu nói này là niềm tin trong bản thể.

Trong yoga ai cũng biết tôi không thấy, mà tôi là (sự) nhìn thấy. Tôi không cảm thấy mà tôi là cảm giác. Tôi không phải là khái niệm và vật chất (namarupa) mà tôi là khả năng có thể cảm giác được thế gian. Nhưng cảm giác, sự thấy và sức mạnh khả năng này cần phá vỡ. Đây cũng là sự điều chỉnh.

Phương pháp từ bỏ sự điều chỉnh là thiền định (dhjana-hejasz tad vrittajah). Người thầy yoga không nhìn thấy dạng hình mà thấy những tia sáng sức mạnh phi vật chất.

Nhãn thức vật chất không là gì khác ngoài cái Thấy mờ mịt bởi ảo ảnh bất an mang lại. Nếu con người thanh tẩy các sức mạnh và tập trung tư tưởng, lúc đó quá trình của cái Thấy mờ mịt này chấm dứt.

“Thực hành này đưa đến một mức độ tồn tại khác”.

“Nếu nhận thức tinh thần nắm lấy sự điều khiển, dẫn dắt, lúc đó linh hồn trở nên thức tỉnh”.

“Và không cần làm gì khác nữa”.

Nguyên nhân của sự bấp bênh luôn luôn là: thế giới ảo ảnh của ý thức tỉnh táo bị suy thoái quá rầy con người, con người không thể đồng nhất mình với bản chất tinh thần trong sạch, thể hiện trong nền tảng cơ bản (trạng thái uyên nguyên) và không thể làm thấu thị tuyệt đối của mình mạnh mẽ lên.

Cho dù ý thức bị suy thoái đến đâu, vị trí của con người cũng không thể hình dung nổi, rằng sinh linh tinh thần trong sạch lại không bị va đập từ ý thức bị nhầm lẫn bởi ảo ảnh.

Bởi vậy con người nhận ra Lời Tuyên Bố. Con người biết, mà không cần ai dạy, nó biết một cách nguyên sơ rằng thế giới của ảo ảnh không phải là thế giới tinh thần được tập hợp bởi các sức mạnh tập trung, mà chỉ là thế giới của những dạng hình và những tên gọi bất an, vô hướng (namarupa).

Và cũng bởi ai cũng biết ảo ảnh có thể tan ra, còn các sức mạnh bất an vô hướng có thể tập trung hóa, các dạng hình và các tên gọi có thể thủ tiêu, và bằng hành động này con người có thể lập lại nền tảng cơ bản.

Nhưng các sức mạnh tinh thần không bao giờ có thể phá vỡ nổi, và con người không bao giờ thực hiện nổi một vị trí nơi họ chỉ nhận biết ra các hình thức và các tên gọi, nơi thông qua đó bản chất cội rễ của con người không thể không lên tiếng.

Bởi vậy, con người luôn luôn biết đến các ý tưởng. Bởi vậy người Trung Quốc nói sự thật không thể cất giấu.

Cái con người ở trong đó là một thế gian của các khả năng đã thực hành để làm thỏa mãn sự thèm khát đời sống, đó là một thế giới ý thức bị méo mó, đó là thế gian, đúng như nó đang có, một ảo ảnh của kẻ đang nửa thức nửa ngủ từ sự thèm khát đời sống. Đây là một thế gian cần bước ra khỏi.

Bởi vậy người ta gọi ekstazis là sự bước ra, là sự đứng bên ngoài, là ở ngoài cuộc. Và bởi vậy người ta gọi đấy là sự tự phủ nhận bản thân. Đây là một mạng lưới rối rắm của những đặc tính đã thực hành hóa sự thèm khát đời sống của cái Tôi.

Không cần phá vỡ bản chất thân xác của con người mà cần phá bỏ các lớp rối rắm này. Chúng ta gọi một quá trình khi con người biết bước ra khỏi mạng lưới rối rắm của sự thèm khát sống là Ekstazis, khi biết giải thoát mình khỏi sự thống trị của nỗi thèm khát sống và nhận ra rằng cái sống trong thế giới của sự thèm khát đấy là một loại rối loạn bên ngoài bản thân con người, và có quan hệ với tồn tại thật sự như ảo ảnh với hiện thực.

10.

Nếu niềm cảm hứng (ekstazis) xuất hiện, đấy là một ánh chớp lóe lên, không phải kết quả của một nhận thức có ý thức không dẫn tới đâu. Đấy là những mảnh tách biệt nhỏ, một sự ngậy ngất chỉ tồn tại giây lát, làm dấy lên một khoảnh khắc, khi con người nhìn thấu qua một hiện thực xuất hiện một cách ngẫu nhiên, nhưng trước khi kịp hiểu ra, nó quay lại rơi tiếp vào ảo ảnh.

Một tia chớp cảm hứng không thay đổi được cơ cấu ý thức. Không có tác dụng tập trung tư tưởng và thanh tẩy, không gọi lên sự bình tâm và sự đảm bảo. Cứ nhìn mà xem, trừ vài trường hợp ngoại lệ, còn đâu toàn bộ các thi phẩm, âm nhạc, nghệ thuật, khoa học, triết học... chúng như thế nào!

Tính chất của niềm cảm hứng có quy tắc và bầu khí quyển thường xuyên của nó là sự thiên định. Đây là quá trình thủ tiêu những chuyển đổi ý thức (dhjária-héjasz tad-vrittajah). Đây là một viễn cảnh. Đây là một thực hành bình yên hóa.

Quan điểm thường trực của khách thể được chọn lựa sẽ biến bầu không khí thiên định thành sự tập trung và trở nên tĩnh lặng. Thiên định trên đối tượng phù hợp với bất kì trạng thái linh hồn nào (yatha-abhimata-dhyanad-va).

Có ba khách thể lớn, thực chất là ba mức độ, cái Tôi, Thượng Đế và hư vô. Cả ba tiêu chí đều có ý thức. Không có gì quan trọng bằng việc hoàn thành một cách có ý thức sự phóng chiếu ra ngoài, và tạo dựng một khách thể cảm hứng.

Thế gian như con người thấy là sự phóng chiếu ra nhưng không ý thức hóa. Và cũng không phải một sự phóng chiếu của ý thức cá nhân (Na csa ékacitta-tantram vasztu).

Thế gian là do ý thức con người phổ quát siêu nhiên phóng chiếu ra. Bởi vậy bước đầu tiên cần phải làm là thay thế khách thể được đưa ra một cách vô thức bằng khách thể có tính toán do sự quyết định tỉnh táo của con người.

Điều này xảy ra trong nghệ thuật, trong tư tưởng, trong các ngành chuyên môn, trong hành vi, nhưng cũng xảy ra trong

một hoạt động mà người ta gọi là nền văn minh.

Con người bỏ đi cái được nhận và thay thế bằng những sự việc chính nó tạo ra. Nhưng sự tạo dựng khách thể trong nền văn minh và trong nghệ thuật cũng không hề có ý thức, đặc biệt không xảy ra vì sự giải thoát.

Truyền thống Ấn Độ nói về brahmaavid và majavid.

Brahmaavid là con người tỉnh táo về mặt tinh thần, còn majavid là con người tỉnh táo trong những công việc trần thế. Chính vì vậy brahmaavid có nghĩa là người thông thái, còn majavid nghĩa là phù thủy.

Bằng việc sáng tạo ra khách thể cảm hứng có ý thức, con người khước từ sự ngẫu nhiên. Bởi thế gian như đang có, là sự ngẫu nhiên đối với con người.

Con người lựa chọn các sự vật sự việc một cách có ý thức và nó tự làm. Nó chỉ chấp nhận cái gì nó thỏa thuận. Không có ngẫu nhiên.

Không có gì tự dưng rơi xuống đầu và cần phải chịu đựng nếu nó không muốn. Không cần phải chịu đựng cái gì con người không thấu suốt và suy ngẫm đến tận nền tảng của điều đó.

Mặt khác – và điều này còn quan trọng hơn nữa – con người, vì phóng chiếu khách thể ra đã ý thức hóa tác phẩm của sự phóng chiếu vào bản thân nó. Sự phóng chiếu này là một hoạt động tồn tại không ngừng, mà con người không hề hay biết và hành động này diễn ra dưới ngưỡng.

Như chúng ta đã biết, bản năng của quá trình này là sự thèm khát sống, và ý thức mờ mịt bởi sự thèm khát trong cơn bất an rải tứ phương bày ra tất cả các khía cạnh của nó một cách liên tục, những thứ này vốn cục, đông đặc lại bắt đầu phản kháng, và toàn bộ trong một, xuất hiện như một thế gian sự vật.

Bằng hành động: tỉnh táo lựa chọn sự chế ngự các phóng chiếu, con người đã làm cho quá trình này trở nên ý thức hóa.

Nếu chỉ một điểm mờ mịt còn sót lại, các sức mạnh tự nhiên của sự hoạt động như một mầm cây sẽ lại phát triển thành một thế gian mới. Các nỗ lực gắng sức vô ích. Sự hình thành mới của ảo ảnh lại bắt đầu nếu con người không nhổ hết tận gốc rễ của chúng.

Một ý đồ chỉ tỉnh táo vì niềm cảm hứng và vì lợi ích của niềm cảm hứng. Ngoài ra nó không có ý nghĩa gì. Chúng ta đều biết tất cả đều trống rỗng (sarvam śunyam).

Trong thiên định cần tạo dựng khách thể-cảm hứng, để con người đối diện với bản thân nó bằng đối tượng phóng chiếu ra. Khách thể không phải là hiện thực, mà là sự chống lại, phản kháng, là kẻ thù và sự mâu thuẫn (Gegenwurf, Gegensand).

Khách thể là thứ để con người phân cực chính bản thân mình. Là cái để nó bám vào và từ bản thân mình nâng mình lên cao. Bởi niềm cảm hứng-ekstasis là bước ra, bước ra khỏi mọi sự vật sự việc.

Con người trong thiền định xem xét các sự vật và thế gian không phải như một sự tồn tại hiển nhiên mà như một ý đồ, như một cái gì đó xuất hiện không phụ thuộc vào nó, mà chỉ thể hiện khuôn mặt của kẻ tạo dựng ra nó. Bản thân khách thể trống rỗng. Nhưng ý đồ cũng trống rỗng. Cần phải từ bỏ mọi sự vật mahajana tuyên bố – nhưng cần phải bỏ cái phi-sự vật.

Bởi vậy khách thể-cảm hứng khó nhất, cao nhất và có tác động nhất chính là sự trống rỗng- tính Không.

Mức độ cao nhất của kỹ thuật cảm hứng có quy tắc là quan điểm rõ ràng về hiện thực độc lập với mọi đặc tính của sự vật. Đây là nirvikalpa samádhi.

Người Trung Quốc gọi sự rỗng không này bằng từ vu. Đây là szánkhja aviaktamja. Đây là én szof của người Do Thái và apeiron của người Hi Lạp. Là Ungrund của Böhme.

Cái vượt qua sự tồn tại và phi-tồn tại. Cái vượt quá khỏi sự và phi-khỏi sự. Đây là tính Không mà tinh thần cảm hứng rơi vào đó. Kẻ được giải thoát là kẻ tắm trong phi-tồn tại.

Những người theo phái khasszid nói về Ábrahám như sau: ngài đi tìm Thượng Đế trên trái đất, không thấy, tìm giữa các vì sao và trên bầu trời, không thấy, tìm trong thời gian và vô tận, không thấy, cùng lúc ấy ngài đã tìm ra Thượng Đế trong những cái ngài đã không thấy.

Một người thầy khác của phái khasszid nói như sau: “Sự tạo dựng ra trời và đất không là gì khác ngoài sự tháo gỡ của một cái gì đấy từ cái KHÔNG, và các thánh, những người hiến dâng cuộc đời họ để bám vào Thượng Đế, họ bám chặt như thể đấy

là cái KHÔNG, từng có trước thời tạo dựng. Một lần nữa họ mang trả lại một cái gì đó vào cái KHÔNG”.

“Tất cả những con người chân chính đều được giao một phụng sự sắp đặt sẵn cho nó – Baal Sém Tov nói – nếu con người quay về phía cội nguồn và đạt tới tính Không, nó trở nên sẵn sàng cho sự phụng sự”.

Trong kĩ thuật cảm hứng không có một bước nào không chứa đựng ý nghĩa quan trọng rằng con người tạo ra một điểm tựa bên ngoài nó để từ đó nó nhân bản thân lên gấp đôi.

Hệ quả của tác phẩm này như thế nào trong việc dạy dỗ về ảo ảnh (maja) trong tất cả các truyền thống, hay nói cách khác liên quan thế nào đến một trong những tri thức cơ bản của toàn bộ truyền thống, cho rằng thế gian có thể cảm giác là sự phóng chiếu của tinh thần, và hệ quả của nó như thế nào trong sự tạo dựng thế gian, như một nhận thức về sự phóng chiếu ra tinh thần Thượng Đế, điều này trong giây phút này chúng ta cần nhắc đến.

Trong mọi trường hợp cần biết rằng, bằng sự tạo dựng khách thể, đời sống tinh thần cá nhân sẽ đầy hứng khởi và sức mạnh của nó tăng lên gấp nhiều lần sẽ làm tăng nhiệt độ của sự tồn tại tinh thần riêng và làm tăng sức mạnh của nó lên gấp đôi.

Bản thân sự sống chính là các mức độ. Tồn tại chỉ có nghĩa là vượt lên khỏi bản thân mình. Đời sống này luôn luôn nhiều hơn chính bản thân nó.

Ekstazis–niềm cảm hứng chỉ có ngần này ý nghĩa: không thỏa mãn với lửa sống và cường độ sống của một đời sống trung bình, mà nâng cao mình lên một cách có ý thức đến một mức độ cao hơn (samadhi).

Hiện thực hóa điểm sôi không là gì khác ngoài việc trả lại vị trí cho nền tảng cơ bản (status absolutus) – trạng thái uyên nguyên (état primordíal).

Và trong ý thức nguyên sơ này tất cả rỗng không. Không có khách thể. Không có sự rung động. Đây là trạng thái bằng phẳng như gương.

Sự đồng điệu với Lời Tuyên Bố không thể là cái khác ngoài ý thức tự thu hút vào mình tất cả mọi hình ảnh của đối tượng, và không duy trì cái gì khác ngoài sự nhạy cảm được nâng lên đến mức độ cao nhất.

Không có gì để phóng chiếu ra nữa. THẤY chấm dứt, cái không thấy dạy cái thấy. Con người quay trở về nền tảng cơ bản. Không có bất cứ cái gì xảy ra. Không sự dạy dỗ, không sự quay lại, không sự đạt tới, không sự giải thoát.

“Mi tìm được chính bản thân mi, nhưng ngay từ lúc đầu đã không có gì xa rời mi”.

Đây là cái mà chúng ta không thể diễn tả khác ngoài dùng những từ như người Trung Hoa dùng từ vu, người Ấn Độ dùng từ avjaktam và người Do Thái dùng từ éen szof.

11.

Con người sử dụng kỹ thuật cảm hứng để lập lại vị trí ý thức nguyên sơ của sự sống người trong bản thân nó. Bởi vì chỉ sự nhạy cảm ban đầu và cội nguồn của ý thức mới có thể tham dự vào quá trình truyền thông giữa con người và siêu nhiên. Điều kiện duy nhất là không gây áp lực cho ý thức.

Con người sống trong sự bất an phân tán. Ai muốn thực hiện một khả năng nào đấy, cần bước ra ngoài sự phân tán này.

Nguyên nhân của sự bất an phân tán là cơn mộng du (tasya hetur-avidya). Và nguyên nhân của cơn mộng du là nỗi thèm khát đời sống. Đấy chính là cái cần thanh toán.

Kết quả của việc thanh toán là sự tỉnh táo và chỉ sự tỉnh táo mang lại khả năng con người có thể nghe thấy âm thanh của Lời Tuyên Bố.

Nhưng trong niềm cảm hứng con người không chỉ lập lại vị trí của nền tảng cơ bản, mà còn trở thành chính nội dung nền tảng này. Đây là tri thức nhận từ vòng siêu nhiên và khác biệt với tất cả các loại tri thức khác.

Đây là sự khác biệt giữa brahmaavid và majavid. Một cái là kinh nghiệm xác thực thu được về hiện thực, còn cái kia chỉ là ảo ảnh tạm thời và bấp bênh.

Cần phải đặt tên là Lời Tuyên Bố cho sự truyền tải cội nguồn cao nhất mà nền tảng của nó là ý thức bất động, và nội dung của nó là tiếng gọi trực tiếp từ vòng siêu nhiên với con người.

Những tiếng gọi, sự tiếp xúc, bản năng hoặc mệnh lệnh, hoặc lời chỉ dẫn, sự cảnh báo hoặc sự soi sáng đều là nội dung của những cuốn sách thiêng – và không chỉ của những cuốn sách thiêng.

Các vị thánh tôn tại, các nhà tư tưởng, nghệ thuật và thi ca, các nhà thông thái và những nhà nghiên cứu, những người tham dự vào sự tiếp xúc trên, những người nhận được các lời chỉ dẫn và nhận ra bản năng cũng như lời chỉ đường.

Không phải sự kì lạ mà là công việc của sự chuẩn bị. Không có gì bí ẩn, mà chỉ là vấn đề kĩ thuật.

“Ta đã hiểu trên con đường lớn không có gì bí mật”.

Tham dự vào hiện thực hóa nền tảng cơ bản và ý thức về hiện thực không tách rời nhau. Điều kiện của truyền thông đáng tin cậy là một hiện sinh đáng tin cậy. Và điều kiện thực hiện một hiện sinh đáng tin cậy là con người đi theo những luật lệ đề ra trong các văn bản đã được tuyên bố.

Không có chuyện tự ý sắp xếp lại sự truyền thông xác thực trong hiện sinh người hoặc trên tri thức xác thực.

Từ Hi Lạp alétheia cùng lúc mang ý nghĩa là sự thật và sự không che đậy. Cái trái ngược với sự thật, sự che đậy, giấu giếm, hiện sinh giả, đấy là một sự tồn tại không hiện hữu.

Là một cái khác. Không phải nó. Một kẻ nói dối. Verlogen (giả dối). Sự nhớ bản! Sự suy thoái. Không gì đáng tin, cái mà xuất phát từ cội nguồn đó.

Cái con người nói, có quan hệ chính xác với sự thật của đối tượng, đúng như trong mối quan hệ với sự thật hiện sinh của

kẻ nói ra. Sự tin cậy mang tính chất cá nhân và mang tính chất đối tượng không thể tách rời nhau.

Nếu một người nào đấy vẫn cứ tách chúng ra, đã tạo khả năng cho sự lu mờ hóa tinh thần trong sạch (dzsaitanjam) để sự dối trá trong con người trởi dậy và thể hiện ra bằng sự giả dối. Chỉ âm thanh xác thực của chủ thể mới đáng tin cậy về mặt đối tượng.

Truyền thống luôn luôn đề cao và đặt tên – có thể tin cậy từ quan điểm này. Ở Ấn Độ là Vidwan, ở Judea là Caddik, ở Hi Lạp là Dikaios.

Cả ba từ đều có nghĩa con người chân chính. Hay nói cách khác con người thật sự. Kẻ không có những ý nghĩ giấu giếm, che đậy, sau lưng, không giả vờ, kẻ không nói cái gì khác ngoài cái nó làm, kẻ trong nó không có sự dối trá.

Thánh Phao lô gọi sự nhập định là quá trình sự thật hóa. Với thánh Giăng Tinh Thần Thiên – Pneuma tész Alétheiasz – là tinh thần của sự thật không che đậy. Hiện thực đã được chiếu sáng.

Sự thật hóa chỉ có nghĩa chừng này: bằng quyết định có ý thức bước ra khỏi sự mờ mịt nhiều nưong, sự bất an phân tán khêu gợi thềm khát sống, và tồn tại trong sự trong sạch không che đậy cội rễ của bản chất.

Tất cả các dạng của kĩ thuật cảm hứng, ý nghĩa của yoga cũng như của Sufi, Orfika, Zen hay Mahaj ana, Kabbala đều có một không hai, bởi nó không truyền bá tri thức sự vật mà dạy

dễ từ các điều kiện cá nhân thu thập được của tri thức xác thực.

Tri thức sự vật bản thân nó là majavid, không chỉ là sự nhầm lẫn, hoặc thiếu sót hoặc giả giữa bất kì môi trường nào. Nó còn tệ hơn thế. Bởi có thể nó đúng có thể không. Bởi vậy nó là sự phù phép.

Sự truyền bá tri thức thuần túy sự vật thiếu những quá trình cá nhân đã được kiểm nghiệm bằng các thực hành đời sống, đặc biệt trong hình thức đang diễn ra ở châu Âu thời hiện đại, như lí thuyết, khoa học, triết học, đều mang tính chất phù phép, như người ta nói: mang tính lịch sử.

Khi những thứ này mới xuất hiện có thể làm người ta lóa mắt, nhưng một thời gian sau nó bắt đầu tan rã, và đọng lại trong con người không gì khác ngoài sự xấu hổ và muốn trả thù, vì đã lầm lẫn coi trọng một thứ ngớ ngẩn như vậy.

Sự xuất hiện và tan rã liên tục của các lí thuyết và khoa học được đặt tên bằng một từ ưa thích: sự phát triển. Tất nhiên, bản thân sự đặt tên này đã là một lí thuyết, và rành rành là một cái tên che đậy của một quá trình ngược lại.

Kĩ thuật cảm hứng cho rằng không có cơ sở nếu thiếu sự xác thực chủ quan của tri thức sự vật. Mọi nền tảng của tri thức là hành vi. Và hành vi xác thực chỉ có một, đấy là nền tảng cơ bản phổ quát (état primordial), là thứ mà các con người trung thực – Caddik hoặc Dikaiosz hoặc Vidwan đại diện, là cái mà bằng sự giúp đỡ của tinh thần của sự thật không che đậy nỗi con người thực hiện.

12.

Truyền thống nhận biết ra ba con đường hiện thực hóa nền tảng cơ bản. Thứ nhất là Đạo. Phương pháp của nó là vô vi, phi hành động.

Điều này, một cách tất nhiên, là sự tích cực ở mức độ cao nhất. Người ta nói đây là sự thu lại cái Tôi. Không tham dự, không can thiệp, dè dặt, hãy dừng biết thì tốt hơn, thậm chí không biết gì, không có chút gì manh động.

Cái người ta tưởng vô dụng nhất lại là cái có giá trị nhất. Cái hoàn hảo nhất là cái không thể sử dụng vào việc gì. Để yên, cái ngay từ ban đầu đã từng, đã có và sẽ có, tự nó sẽ tự nâng mình lên.

Đạo không dạy dỗ tri thức, cũng chẳng thực hành. Không cần bước ra khỏi phòng, con người vẫn cứ dạo quanh thế gian, sách không cần mở con người vẫn cứ biết hết. Việc cần làm duy nhất, để mặc, như tuyết tan.

Con đường thứ hai để hiện thực hóa nền tảng cơ bản là thuật luyện vàng. Luyện vàng là một phương pháp tạo ra mục đích là sự thăng hoa. Đời sống được thăng hoa có tên: vàng. Tên của tri thức dẫn đến quá trình luyện vàng: đá của các nhà thông thái.

Thuật luyện vàng không hỏi, đời sống con người tại sao rối loạn và tại sao con người vật vờ trong sự chờ đợi bởi sự uest bất buộc. Thuật này tổ chức một quá trình và bằng quá trình này làm tan sự rối loạn và mờ mịt và lập lại nền tảng cơ

bản. Giữa các tác phẩm của thuật luyện vàng, quan trọng nhất là việc sử dụng lửa.

Lửa chỉ có nghĩa như sau: tự phủ nhận bản thân, tự tra vấn mình, kỉ luật hóa bản thân, tự kiềm chế.

“Đời sống của kẻ tự phủ nhận bản thân còn lớn hơn tất cả mọi điều kì của các thánh”.

Ở Ấn Độ người ta gọi là tapasz. Con người tự thanh tẩy trong sự tự phủ nhận bản thân, đốt cháy từ mình mọi điều không trong sạch, và biến cái bản chất thành vàng.

Con đường hiện thực hóa thứ ba là kĩ thuật cảm hứng. Đây là lí thuyết phát triển nhất của con đường này, và cũng là thứ kĩ thuật con người phần lớn sử dụng. Kĩ thuật cảm hứng dạy con người bước ra khỏi sự đờ đẫn vô nghĩa một cách có ý thức và đánh thức cái Tôi đích thực của nó nằm dưới vỏ ý thức.

Việc hoàn toàn nhận thức sự vật, hay sự thấy và sức mạnh ý nghĩa của nó cũng không dẫn đến việc giải quyết hoàn toàn tận gốc rễ những câu hỏi của sự tồn tại, chỉ duy nhất một phương pháp tập trung hóa làm thay đổi bản chất đời sống con người, là thứ khiến con người nhập định vào cái không thể nhận thức được, để bằng toàn bộ trọng lượng của sự tồn tại cá nhân vì từng hành vi của sự thay đổi con người, và phù hợp, thích hợp với nó.

Trong dạng hình được xác định của sự sống người, thuyết tự động mù quáng của nỗi thèm khát sống phi cá nhân luôn luôn cho phép sự quyến rũ của các dự vọng luôn luôn lớn

hơn lên. Trong hoàn cảnh đó có thể thu được quyền lực thế gian, của cải giàu có khủng khiếp, lượng kiến thức nhiều nhất, nhưng vẫn không có may mắn một cái gì thay đổi, cho dù con người chỉ có thể tạo dựng đời sống của nó nếu nó thay đổi, hay nói đúng hơn bước ra khỏi sự thèm khát và thực hiện cái Tôi đích thực của nó.

Tác phẩm này là nền tảng của tất cả các tôn giáo. Tôn giáo không đòi hỏi từ con người một cái gì khác và xa lạ, một thực thể lí tưởng cao siêu, mà đòi hỏi chính bản thân con người.

Bởi vì chỉ con người biến thành cái Tôi đích thực mới có thể sống một cuộc đời có thực. Ngoài ra tất cả chỉ là một sự vật vờ buồn bã và mất trí (samsara).

Nhận thức ra sự vật, thiên tài hiểu biết hay nhìn xa trông rộng đều không dẫn đến đâu hết. Tất cả vẫn còn lại trong vòng đói khát đời sống, phân vân, ngập ngừng bởi nền tảng của nó cùng lắm là một tài năng ngẫu nhiên.

Cái nghiêm chỉnh và có giá trị, chỉ trào dâng từ con người xác thực. Bởi vậy nền văn minh con người mang tính chất tạm thời, ngẫu nhiên một cách đau đớn; giữa các sa mạc mọc lên các thành phố thế gian và sụp đổ, tác phẩm của các nhà văn và các nhà thơ như giấy lộn, các tác phẩm điêu khắc biến thành sỏi đá.

Chỉ còn lại cái không thể nắm bắt được, sự thật, sự trong sạch, sự xác thực của bản chất con người – Là thứ không cần dõi theo, ghi chép và dựng tượng đài lưu giữ.

Đạo, thuật luyện vàng và kĩ thuật cảm hứng là một trong những bậc thang của sự nhập định brahman.

Brahman là thành viên của đẳng cấp tinh thần. Để một ai trở thành brahman, ở Ấn Độ người ta nói, cần sinh ra lần thứ hai, hay nói cách khác cần thực hiện tác phẩm tập trung hóa làm thay đổi bản chất đời sống người nhất định và trở thành một con người xác thực.

Không thể gọi bất cứ cái gì là tinh thần, chỉ cái nào mà nguồn của nó là con người thật sự mà thôi.

Con người thật sự – Caddik và Dikaiosz – chỉ là một cách gọi khác của nền tảng cơ bản được hiện thực hóa. Chỉ là một hình ảnh khác cái tôi nói ra, nội dung sự thật đối tượng của nó phụ thuộc vào mô hình đúng của đời sống mà tôi sống.

Sự bất an phân tán không phải là hệ quả tất nhiên của bản chất một con người sống cuộc đời xác thực. Con người xác thực, chân chính, đúng, kể cả trong hành động đổ nước ra cốc và uống.

Một môn đồ khasszid đến học ông thầy của mình chỉ để nhìn xem ông ấy xỏ dây giày như thế nào. Cái khác không cần thiết!

Lời Tuyên Bố – sự thể hiện có thể thấy khi một người uống một cốc nước, hay mở một cuốn sách, hay đi cà. Cần phải thu nhận điều kiện tri thức cá nhân về sự thật.

(Viết tại Tiszapalkonya. 1960. tháng Năm. 15)

ĐỘC GIÁC

NHỮNG MẪU ĐỐI THOẠI

Ông không thích người ta gọi ông là thầy.

– Người thầy là một người biết làm những gì đã dạy. Còn tôi, tôi còn chả biết tôi dạy những gì.

*

Một lần người ta hỏi ông:

– Ngài là kẻ đã nhập định?

Câu trả lời:

– Nếu đó là đặc quyền thì không. Nhưng nếu đó là trách nhiệm sống ngày càng tăng thì đúng.

*

– Tôi đã học nhạc, nhưng không soạn, từ đó đến nay bằng tri thức nhưng không ghen tị, tôi nghe nhạc. Tôi đã học các thể loại khoa học, các loại nghề, học nghệ thuật, tôi am hiểu chúng nhưng không sử dụng, và thế là tôi có thể thưởng thức chúng một cách không vị lợi. Chỉ còn viết là thứ tôi cần từ bỏ nữa thôi, và lúc đó tôi có thể ngưỡng mộ nó mà cũng không cần sự ghen tị.

*

Ta duy trì và sẽ luôn luôn duy trì quyền được lên tiếng của ta.



Tối tối ông thường lặng lẽ dạo chơi một mình. Khi quay về, ông viết một cái gì đó, thơ, vài câu, hoặc duy nhất một từ.

– Cây, bầu trời, gió, chim hoặc những ngôi sao ngày nào cũng tặng ta phẩm vật. Ta đã tìm thấy trực của thế gian.



Hôm sau ông nhắc lại:

- Ta đã tìm thấy trực của thế gian.
- Như thế nào – tôi hỏi – trực của mỗi ngày? và mỗi ngày đều khác?
- Thế gian có vô vàn trực của nó, một số cái cùng lúc quay trong vô số hướng, quay theo mức độ thời gian khác hẳn nhau hoặc trùng hợp nhau.



Một lần ông nói:

– Không phải đạt tới đích khi ta đã cạn kiệt mà khi ta tìm ra cái vô tận.

Lúc khác ông bảo:

– Nếu bạn xuất phát từ sự vô hạn của thế gian, bạn sẽ không bao giờ đạt tới sự thật. Bạn nhận biết ra một cái gì đó

nếu bạn hiểu niềm hứng khởi cá nhân của kẻ sáng tạo. Là một điều quan trọng đối với kẻ sáng tạo. Kẻ xuất phát từ sự vô hạn, sẽ đạt tới con số. Kẻ xuất phát từ cái vô tận sẽ tìm thấy bản chất của sự vật. Chừng nào kẻ sáng tạo còn có cảm hứng, sự vật còn đó, nếu kẻ sáng tạo hết quan tâm, sự vật hỏng rữa. Cái ta gọi là lực tương tác lẫn nhau (*gravitáció*) chính là trọng lực cá nhân trong sự vật.

*

Không có sự sống độc lập với cá nhân.

*

Chuyện xảy ra trong thời điểm thu hoạch nho, một ngày tháng chín ấm áp, buổi trưa, trong ruộng nho. Chúng tôi ăn thoải mái các loại nho khác nhau đã chín. Sau bữa trưa chúng tôi chậm rãi, im lặng và no đủ đi về phía nhà nuôi ong, trên con đường rải sỏi ngập nắng. Chúng tôi ngồi im lặng hồi lâu trong tiếng ong vo ve.

Rồi ông cất tiếng:

- Thôi được rồi. Ta sẽ thử trả lời câu hỏi của bạn. Cái ta nói là lí thuyết và ta dựng nó lên, sự cần thiết, rằng ta không độc đáo hơn kẻ khác, bởi vậy, hãy có thứ lí thuyết của ta, và ta hãy làm một điều gì đấy cần bị thất bại. Cuộc đời của ta bước sang một thời kì mới khi ta nhận ra sự vinh quang và sự thành công không giống nhau.

- Tôi không hỏi một Con Người Lớn là như thế nào, vì người ấy sinh ra đã là như vậy, không cần quan tâm. Tôi

muốn hỏi một Đời sống Lớn là gì, làm sao thực hiện được nó.

- Điều này tất nhiên là như vậy, đúng thế, quá thông minh. Gần như là khoa học. Hãy tính cả đến sự long trọng của nó, và cả điều này nữa: tôi chống lại sự giả bộ của trí thông minh và khoa học.

- Người ta cho rằng một Con Người Lớn là một bản sao đặc biệt và hiếm hoi. Cái cực kì. Một thiên tài. Kẻ ngoại lệ. Hoặc thảm hại hoặc điên khùng. Sau cùng là một kẻ rồ dại.

- Trong định nghĩa này tôi muốn nhìn thấy sự trả thù của kẻ muốn hạ thấp con người và coi Con Người Lớn là một ngoại lệ để khỏi phải nhìn thấy tác động bắt buộc của người ấy lên nó.

- Bí mật của một Con Người Lớn không phải sự rồ dại, mà ngược lại, là sự khỏe mạnh. Đây không phải một kẻ ngoại lệ mà là một con người phổ quát và bình thường. Ngoại lệ là những kẻ khác. Rồ dại là kẻ không giống người ấy. Đời Sống Lớn là đời sống của một người bình thường, còn đời sống của đám đông là nhà thương điên và rạp xiếc. Bí mật của một Con Người Lớn: đây là người duy nhất không có bí mật. Đây là người mang tính phổ quát, tự nhiên, giản dị và mang tính người thực chất.

- Ở những kẻ khác chỉ toàn là những điều bí mật, giấu giếm, rối loạn, ngoại lệ, che đậy, bê bối, đặc quyền, đặc tính, méo mó, điên rồ, như trò hề rạp xiếc. Chỉ từ một Con Người Lớn tôi biết ai là người thực chất.

- Chừng nào tôi còn cho rằng một Con Người Lớn là ngoại lệ, chừng đó vị trí của tôi vẫn bất hạnh như của nhiều kẻ khác. Tôi bắt buộc phải nhìn thấy Con Người Lớn sinh ra đã như thế. Không có cách khác. Trong ý nghĩa rằng: người ấy không chỉ bình thường mà còn khỏe mạnh và đầy tính người, và tôi đã đạt đến bản chất. Giờ đây tôi có thể bình thản tuyên bố: không quan trọng là làm thế nào để có thể là một Con Người Lớn, mà là làm thế nào để có thể có một Đời Sống Lớn. Câu hỏi này chẳng khác câu hỏi làm thế nào để có thể có một đời sống thực chất, bình thường và khỏe mạnh. Đây là câu hỏi đầu tiên trong vô số các câu hỏi.

- Với câu hỏi đầu tiên không có câu trả lời bởi vì đây là câu hỏi của sự ngoại lệ. Với những câu hỏi sau có câu trả lời, vì đó là câu hỏi của tất cả mọi người. Một ai là Con Người Lớn cần sinh ra nó đã như thế, hoặc không. Đời sống Lớn ai cũng có thể đạt tới. Đạt tới bằng cách làm thế nào để biến một đời sống hư hoại, bất thường, mỏng manh, điên rồ, bệnh tật, méo mó và ngoại lệ thành một đời sống bình thường, khỏe mạnh, có ý nghĩa, phổ quát và tinh tảo. Một đời sống người thực chất.



- Một giai đoạn mới trong đời tôi bắt đầu, khi tôi nhận ra vinh quang và thành công không giống nhau. Thành công là sự vật của sự ngoại lệ. Của tài năng. Là sự trình diễn, trò xiếc, kĩ lục, kết quả, cá nhân, sự đặc biệt. Còn vinh quang là sự sáng sủa, là tính phổ quát, nhận thức, sự lành mạnh, là sự vật của sự thật.



- Thành công nằm trong hướng nhỏ nhất, sự vinh quang nằm trong hướng phản kháng lớn nhất.



- Con người của thành công là con người bé nhất, con người của vinh quang là con người lớn nhất.



- Vị trí của thành công là đường phố, vị trí của vinh quang là nhà kho bí mật của trái tim bạn.



- Mới đây người ta vừa nghĩ ra trò hạ nhục kẻ đã chết một cách công khai. Kẻ đã mất, khi không còn biết tự bảo vệ nữa sẽ bị dựng thành tượng, lấy tên đặt cho một ủy ban kỉ niệm, in thành tem thư và khắc vào huy hiệu, rồi lấy tên của họ đặt cho đường phố.

Bạn rất biết tôi không phải một Con Người Lớn nên sự lăng nhục những gì lớn lao không động đến tôi. Tôi muốn di chúc lại rằng, đừng viết những kỉ yếu về tôi, những người bạn hãy đừng viết hồi kí về tôi, đừng đọc diếu văn cho tôi, đừng lấy tên tôi đặt tên đường phố, đừng vẽ chân dung tôi, đừng dựng tượng tôi, đừng xây mộ và tượng đài cho tôi, đừng sử dụng tên tôi làm một giải thưởng văn học lớn.

- Tóm lại tôi đã chọn con đường khó nhất. Con đường thiếu vắng nhà cầm quyền và một sự quy định chuyên biệt.

- Sống không có nhà cầm quyền chỉ có nghĩa chừng này: sống không có sự bảo vệ, không chính danh, không cha.

- Sống không có sự quy định chỉ có nghĩa chừng này: sống thiếu những quy định, thiếu những từ ngữ hiểu theo những ý nghĩa nhất định, sống thiếu các lí thuyết, các điều kiện, các thế giới quan.

*

Theo Thomas à Kempis: Chẳng thà tôi mong ước được trải nghiệm sự lo lắng quan tâm còn hơn là chỉ biết định nghĩa nó.

*

- Sống thiếu nhà cầm quyền chỉ có nghĩa chừng này: đứng không có sự giúp đỡ, bắt buộc trong từng khoảnh khắc ta phải sống trọn vẹn toàn bộ sự sống của ta.

- Nói và viết thiếu sự quy định chỉ có nghĩa chừng này: định nghĩa lại toàn bộ trước khi lên tiếng.

- Với Socrates và Khổng Tử thật dễ dàng. Một lần và mãi mãi họ tin chắc rằng ý nghĩa sau cùng của ngôn từ được sử dụng đúng chỗ của nó. Còn chúng ta không tin điều này, với chúng ta ý nghĩa của ngôn từ không còn nữa.

*

Hãy nhân danh cá nhân, tự do và tình yêu thương.

*

– Rilke nói: Một lần. Không bao giờ. Không bao giờ thêm một lần nữa. Chỉ đúng một lần. Tất cả chỉ đúng một lần.

– Đúng ở ngưỡng. Liên tục trong sự bước qua, chuyển hóa. Sống như chết, chết như sống.

– Khoảng khắc. Đây là nhân cách. Một. Một lần. Không bao giờ. Không bao giờ thêm một lần nữa. Kẻ nào đạt tới điều này, tự do. Và nếu nó tự do, nó thấy cái khác không đáng, chỉ cái nhiều nhất. Sự Yêu Thương.

*

– *Philosophia normalis* – triết học bình thường.

Phần thứ nhất: xóa sổ hoàn toàn khái niệm thiên tài.

Phần thứ hai: một con người bình thường (khỏe mạnh, lành lặn, không hư hoại).

*

– Baader: con người không phải là một tiểu vũ trụ (*mikrokozmos*) mà là một tiểu Thượng Đế (*mikrotheos*).

Một triết học bình thường là tiểu triết học nhân văn (*mikroteisztikus*).

– Điều kiện đầu tiên: kiếm tìm nền tảng cơ bản.

*

Ở trại nuôi ong ông cũng nói điều này:

- Bạn hãy nhìn những người tàn tật. Mỗi người một kiểu. Người thì gù lưng, người thì lệch vai, kẻ tay không khéo, kẻ chân co quắp. Thật là những dị bản! Mỗi kẻ là một cá nhân. Không kẻ nào giống kẻ nào. Mỗi kẻ đều chỉ mặc được thứ quần áo may riêng cho họ, những đôi giày chỉ riêng họ xỏ nổi. Tất cả đều là ngoại lệ. Những mức độ khác thường.

- Mức độ của con người khỏe mạnh và lành lặn như nhau. Đây chỉ nói về các tỉ lệ.

*

- Khỏe mạnh chỉ có nghĩa chừng này: trở thành gù lưng, lệch vai, co quắp chân. Trở thành kẻ bị hư hoại, hay người tàn tật. Người ta gọi bản chất ngoại lệ của một cái TÔI là tài năng. Trong con người đó phi mức độ. Mũi to, mắt mù lòa hoặc thọt chân.

*

- Đối diện với kẻ tài năng là con người bình thường giản dị và minh bạch. Màu trong suốt khởi thủy.

- Bệnh tật là sự tò mò và li kì. Sự khỏe mạnh không tò mò và không li kì. Sự khỏe mạnh đẹp đẽ. Cái đẹp là mức độ cổ. Mức độ cổ phổ quát.

- Cái đẹp cổ của con người bình thường và khỏe mạnh đều có thể trả lại trong tất cả mọi con người.

*

- Cái Đẹp là con người và nền tảng cơ bản thế gian của nó.

*

- Hölderlin: Bạn đang ở đây trong cái đẹp của thời Khai Huyền.

*

- Chúng ta cần gánh chịu đến cùng sự hư hoại đã khoác lên chúng ta trong thân xác.

- Bí ẩn không thể hiểu nổi của con người là nó sống một đời sống đích thực độc lập với số phận của nó.

*

- Con người có thể độc lập hóa mình với số phận như thế nào?

Nếu nó uống đến giọt đắng cuối cùng (cốc đắng).

- Nghịch lí của sự sống: kẻ hạ gục số phận là kẻ khoác toàn bộ số phận lên bản thân mình. Khiêm nhường. Dâng hiến. Phụng sự. Kiên nhẫn. Chỉ ai phụng sự người ấy tự do. Chỉ ai khiêm nhường, người ấy mới thống trị.

*

- Con người cùng lúc có thể vừa tò mò vừa lãnh đạm. Cùng lúc có thể vừa gần gũi vừa xa xôi. Cùng lúc có thể vừa ngập đến tận cổ trong số phận vừa đứng ngoài số phận. Có thể cùng lúc vừa phụng sự vừa tự do. Có thể cùng lúc vừa khiêm

nhường vừa thống trị. Có thể cùng lúc vừa là một cá nhân vừa không là gì hết.

*

- Khoác lên bản thân chính số phận của mình, sẽ mang lại một khe hở nhỏ xíu giữa lúc uống cạn cốc đắng (đau khổ) và chiêm ngưỡng sự thống lĩnh của tự do hoàn hảo (hạnh phúc). Con người có thể chui ra khỏi thời gian và không gian qua cái khe nhỏ xíu này.

- Thượng Đế vẫn còn xa lắm.

*

- Sự sống đích thực. Cuốn sách giáo khoa của sự sống đích thực là lời tuyên bố (là Đấng Thể Hiện).

*

- *Keats: divine melodious truth* - Sự thật là giai điệu của Trời.

- Tôi không nhận ra sự khác biệt của con người năng động và con người suy tư. Lí tưởng và hiện thực không tách rời khỏi nhau. Không có chuyện có cái này mà lại thiếu vắng cái kia. Lí tưởng và hiện thực tách bạch nhau: bắt đầu danh nghĩa và sự giả dối.

- *Hölderlin: Dem Höchsten aber ist fast zu wenig das Wirken* - kẻ muốn điều cao nhất, hành động gần như vẫn còn ít đối với kẻ ấy.

*

- Triết học không là sự dạy dỗ mà là một trạng thái.
- Philo Sophia. Yêu say đắm Sophia, người đàn bà đẹp nhất.

*

- Nếu người ta sỉ nhục tôi, tôi chịu đựng tương đối dễ dàng, vì đấy không phải tôi. Nhưng nếu người ta sỉ nhục sự thật, tôi không chịu nổi, vì họ đã chạm đến cá nhân tôi.
- Nếu người ta tấn công sự thật, tôi không bảo vệ mình mà tôi bảo vệ người đàn bà mà tôi yêu.

*

- Tôi muốn mô tả những điều khó khăn nhất của đời tôi. Buổi sáng, khi tỉnh dậy tôi muốn lặp lại ngày hôm qua một cách tự nguyện. Năm ngoái vào tất cả các mùa hè. Những điều trước trong mọi tư tưởng của mình. Cuộc đời của cha tôi trong đời tôi. Lặp lại. Lặp lại vĩnh viễn.

- Chúng ta sống trong vòng quay của vũ trụ và tất cả chúng ta đều muốn vĩnh viễn quay. Thức dậy như mặt trời, lặn xuống và một lần nữa lại thức dậy. Sang xuân và chín muồi, thiu thiu ngủ dưới tuyết và một lần nữa lại sang xuân. Sống, thu thập sức lực trong cái chết và phục sinh.

- Sự va đập lớn nhất của đời tôi luôn luôn với cái mới. Với khoảnh khắc. Với cái bất ngờ, với cái khó chịu, với cái không lường trước, với cái đột ngột. Đây là những cái bắt buộc phải dẫn đến suy tư. *Thaumedzein* – cái làm rung động. Tôi luôn

luôn muốn lặp lại. Quay. Và cái trong khoảnh khắc luôn luôn lay thức tôi dậy.

– Cho đến chừng tôi nhận ra, có hai thế gian. Một thế gian lặp lại là của luật pháp, của sự lờng trước, của luân hồi. Sự chuyển động vòng tròn.

– Và một thế gian của cái mới luôn luôn thuộc về tự do, của cá nhân, của sự không lờng trước, của ân sủng. Một lần. Luôn luôn chỉ một lần. Luôn luôn lần đầu tiên, luôn luôn lần cuối cùng.

– Không kiếm tìm pháp luật. Trở thành tự do. Không thích nghi. Quyết định. Không là thói quen. Cái không chờ đợi. Cuộc mạo hiểm. Sự hiểm nguy. Sự liều lĩnh. Sự dũng cảm.

– Tôi cho rằng giữa thế gian của sự lặp lại với thế gian của cái mới, tồn tại mối quan hệ bài trừ lẫn nhau như giữa thế gian của kẻ theo Kitô giáo và kẻ không theo Kitô giáo. Thế gian không-Kitô giáo nằm trên luật pháp và những điều chỉnh sự lặp lại. Sự đột nhập đáng sửng sốt của ân sủng duy trì thế gian Kitô giáo.

– Con người của pháp luật là con người của quy tắc. Là có thể lờng trước, tin cậy. Là hành vi. Là con số. Con người của tự do là một chủ thể cực nhỏ (*infimitezimalis*). Là sự không lờng trước. Là tự do.

– Nỗ lực lớn nhất đời tôi là tôi đã biết phá tan vòng quay của những sự lặp lại vĩnh cửu để biến thành đường parabol.



- Tất cả mọi người chỉ một lần. Tất cả mọi người là lần đầu tiên. Và tất cả mọi người là lần cuối cùng.



- Pascal định nghĩa con người là thứ ở giữa hai cực vô hạn, vô hạn vi mô và vô hạn vĩ mô.

- *Upanisad* cho rằng: vô hạn vi mô và vô hạn vĩ mô chính là bản thân con người. Con người bé hơn cả một hạt lúa mì, bé hơn cả một hạt kê, con người to hơn cả trái đất, to hơn cả mặt trời, to hơn cả thế gian, to hơn tất cả mọi thế gian gộp lại.

Bản thân tôi chỉ chính tôi duy trì nó bằng cái giá của sự dâng hiến.

- Bản chất tôi, kể vì tôi mà dâng hiến mãi mãi, dâng hiến muôn đời, nằm trong sự vô hình. Và đến cả sự vô hình nó cũng từ bỏ, nó giúp tôi như vậy đó. Không bao giờ nó biểu lộ bằng cái khác, ngoài sự duy trì khả năng sự sống của tôi. Nó đấy, kể tôi nói về nó rằng: không là gì cả. Không là ai. Vũ trụ. Cái chủ thể cực nhỏ (*infinitesimalis szubjektum*). Nó là tự do và sự hiện hữu toàn bộ, kể bằng sự dâng hiến tạo ra và duy trì tôi. Bản chất thực sự của chúng ta cháy trong ngọn lửa của sự hiến dâng không ngừng nghỉ.

- Cái gọi là sự hiện hữu phi chất lượng không có. Hoặc tôi tạo dựng hoặc tôi tàn phá. Hoặc tôi cho hoặc tôi lấy. Hoặc tôi sản xuất hoặc tôi tiêu thụ. Hoặc tôi dâng hiến hoặc tôi ăn bám (kí sinh trùng).



- Cái người ta gọi là chủ thể không là gì khác ngoài một viễn cảnh. Nơi, từ đấy nhìn rõ nhất. Cái vô hình. Nơi toàn bộ có thể thấy cùng một lúc.



- Không có khách thể. Hiện thực duy nhất không thể nắm bắt và vô tận vô hình và phi xác định. Ngoài ra nó như thể nhìn thấy, như một bộ phận, một sự đông cứng quặn lại của cái vô hình này.



- Khách thể-phức hợp. Niềm tin rằng ngoài sự bấp bênh ra còn một cái gì đó.



- Khách thể là bái vật. Niềm tin rằng ngoài sự phân vân ra còn một cái gì đó có thể xác định, ngoài sự bấp bênh ra còn một cái gì đó chắc chắn, ngoài sự vô toàn ra còn một cái gì đó an toàn, ngoài sự yếu đuối ra còn một cái gì đó là sức mạnh, ngoài sự bất lực ra còn một cái gì đó là quyền lực, ngoài sự vô tận ra còn một cái gì đó làm cạn kiệt được, ngoài sự vô hình ra còn một cái gì đó hữu hình.



- Mi hãy đừng tạo ra những bức ảnh tượng đẽo. Mi hãy đừng tạo ra bái vật. Mi hãy đừng làm ra các lí luận, lí thuyết và các thế giới quan.



- Cái khó nhất là cái dễ nhất, cái ai cũng đều biết. Cái dễ hơn và cái khó hơn, giống như mi hãy đi đi và cho tất cả mọi thứ của mi? Cho tất. Không chỉ nhà của mi, áo quần, thức ăn đồ uống của mi, đồ đạc, ruộng đất tiền bạc bát đĩa, chăn màn giường chiếu của mi, đừng giữ lại ngay một cái chăn duy nhất, một cái khăn mùi xoa duy nhất, một cuốn sổ tiết kiệm duy nhất.

Hãy cho đi các nguyên lí, kiến thức, tri thức của mi như cho của cải, chỗ ẩn náu, thế giới quan, hầm trú ẩn của mi, tóm lại hãy cho đi toàn bộ những cái gì của mi.



- Tôi đứng dưới sự bảo vệ đặc biệt của Thượng Đế. Điều này không có nghĩa rằng tôi đặc biệt đáng sợ, mạnh và cực kì quyền thế. Trái lại, điều này có nghĩa rằng chẳng ai nên sợ tôi gây ra điều gì cho họ. Thượng Đế đặc biệt bảo vệ những kẻ không được ngài cho quyền lực, sức mạnh và của cải.



- Đứng dưới sự bảo vệ đặc biệt của Thượng Đế, có nghĩa là tôi ủy thác tôi cho ngài. Tôi tin chắc rằng ngài biết hơn tôi rằng tôi có thể làm được gì.

*

– Sự ngu ngốc vô giới hạn của lòng kiêu ngạo là niềm tin rằng, ta là kẻ biết rõ nhất ta cần cái gì. Người ta chịu đựng tôi nhiều hơn là tôi chịu đựng mình.

– Nếu người ta không cứu mi, bản thân mi cũng không cứu nổi mi đâu, đồ điên!

*

– Sự yếu đuối của tinh thần. Mới quyền thế làm sao.

*

– Điều này, rằng tôi ủy thác mọi việc của tôi cho Thượng Đế, đấy là việc của riêng tôi. Nhưng nó có nghĩa gì đối với kẻ khác?

*

– Tinh thần lớn lên từ bên trên xuống phía dưới.

*

Sau chiến tranh thế giới II. Một lần, cuối tháng Tám tôi đến thăm ông. Đấy là một năm khá giả, phước lành tỏa trên những khuôn mặt người, trên những vòm cây nặng trĩu tán lá sum sê, trên những ngôi nhà no đủ và trên những con vật béo tròn.

Chúng tôi ngồi dưới lùm cây, trên bàn là bánh nhồi hạnh nhân và mật. Tôi chưa bao giờ thấy ông nói nhiều đến thế.

Đầu tiên tôi nói những ý nghĩ của tôi. Sau đó ông lên tiếng:

- Ta nghe thấy sự trách móc trong giọng nói của bạn. Phải chăng bạn đang kết án dân tộc này, một dân tộc đang sinh sôi như lúa mì và rượu. Bạn đợi một quyết định từ họ, phải chăng một sự nổi loạn và bạn nghĩ rằng nếu có thể phải cưỡng bức họ bằng roi. Bạn bảo họ vô cảm và lãnh đạm. Họ đang ngủ. Và giấc ngủ này, đặc biệt hôm nay, là tội lỗi.

- Tôi luôn luôn thấy quả thật tôi đã lựa chọn đúng. Lựa chọn đúng, tại đây trong cái dân tộc đang ngủ này, bởi thà vẫn ngủ nhiều như vậy còn hơn sống như vậy.

- Đây là dân tộc và đất nước của *Berzsenyi* và *Kisfaludy Sándor*. Bạn có thể hủy hoại nó nhưng sẽ không bao giờ đánh thức dậy nổi thời hoàng kim của nó nữa. Đây là đất nước của bây ông.

- Bạn nói gì về cái thế gian bạn vừa từ đấy tới? Máu, răng đánh vào nhau lập cập, nỗi sợ hãi. Đây là cái thế gian đối kháng với thế gian sẽ phục hồi từ vĩnh hằng.

- Tất nhiên bạn không hề nghĩ đến chuyện cân nhắc cái bản án của bạn chống lại cái thế gian đẫm máu này. Nếu bạn làm, rất có thể sẽ không thể tha thứ được. Định mệnh của họ là vĩnh viễn nhầm lẫn. Là luôn luôn bất hạnh. Và họ cam chịu là nạn nhân thay chúng ta uống sạch chén thuốc đắng của sự rồ dại. Đây là ảo ảnh của lịch sử.

Nhưng dân tộc này sẽ luôn luôn phản đối chống lại việc người ta lừa dối họ bước vào ảo ảnh này. Chống lại bằng việc ngủ, và như vậy sẽ duy trì một hiện thực hòa bình vĩnh cửu.



- Trước mặt kẻ biết sống trải qua sự hư hoại đến từng khoảnh khắc tận cùng của thời kì hiện đại, trước mặt kẻ đó một viễn cảnh chưa bao giờ thấy sẽ mở ra. Sau sự lừa dối, mất mát, hư hoại, nhiễu loạn, vô thức, bất lực, đờ đẫn và nhầm lẫn, một khả năng mới sẽ mở ra để chúng ta có thể xây dựng những kế hoạch cuộc đời lớn vượt xa hơn những gì đã từng có.

Cách thức xây dựng kế hoạch cuộc đời ai cũng có trong tay, nên chính họ, gia đình họ, dân tộc họ sẽ không bao giờ còn ủy thác đời sống nhân loại cho số phận và cho sự ngẫu nhiên nữa, mà họ sẽ sáng tạo một cách thông minh, tỉnh táo, hiệu quả và có ý thức, có phong cách.

- Đây là *Ars Magna* mà những vòng tròn của nó đang lan rộng. Sẽ không ai còn là sản phẩm thuần túy của các hoàn cảnh và môi trường của họ nữa. Tôi đây, sẽ không là tôi từ sự cưỡng bức, mà từ quyết định riêng của tôi. Và con người không hoàn chỉnh hóa mình trong công việc mà trong bản chất của mình.

- Cơ hội và điều kiện mở ra để con người chỉ coi số phận là thứ nguyên liệu ban đầu, từ đó có thể xây dựng lên những bản chất phi thường.

- *Ars Magna* là nghệ thuật của kế hoạch đời sống, bên cạnh những sáng tạo của thứ nghệ thuật này các nhà thơ, thủ lĩnh, vị thánh hay kẻ tu hành xa xưa, với tầm vóc và sự sâu sắc như

Alexandras, Caesar hay Milapepa hoặc Goethe đều nhỏ bé, thậm chí nực cười.

– Cái tôi muốn, đấy là nền tảng trên hết của một nghệ thuật lớn của kế hoạch đời sống có ý thức.

*

– Điểm xuất phát không mấy hiệu quả. Đôi khi tôi thân người ra với mình rằng, về cái quan trọng nhất mình cũng không thèm để ý. Tôi vẫn tiếp tục sống mù quáng, tiếp tục không để ý tới hiện thực của thời gian. Toàn bộ thực chất không có bất cứ ý nghĩa gì. Tôi đã đánh mất mối quan hệ của tôi với thời đại.

– Cảm giác tội tệ.

– Tôi bị lạc hậu? Tôi ở ngoài thời gian? *Outsider*? Không hợp thời?

– Nhưng rồi tôi nghĩ, nếu đúng là mình lạc hậu, đến điều ấy mình cũng không nhận ra. Giống như những kẻ không hợp thời và lạc hậu, chúng cũng không hề nhận ra. Chúng thuyết trình và bực tức, chúng xử sự như kẻ độc tài hoặc truyền giáo. Những kẻ thật sự tụt hậu không tự nhận ra. Còn người luôn luôn đặt ra và duy trì sự nguy hiểm của khả năng lạc đút với thời đại, người đó không lạc hậu.

– Có thể sau rốt tôi vẫn là kẻ *outsider* (không hợp thời), nhưng tỉnh táo đến nỗi tôi không cho là mình như vậy. Thế thôi. Tôi không thể khác được nữa.

– Cho dù thế này hoặc thế kia, thực ra vẫn ít.

Nhận thức con người của tôi bắt đầu từ khoảnh khắc tôi hiểu, tôi rỗng, bạn rỗng, tất cả mọi người rỗng, và con người là nguyên tử số không, neutron, một cái khung trung tính, một kẻ rỗng. Con người từ những tính chất cơ bản không khác nhau. Tất cả mọi người đều đã từng rỗng và tiếp tục rỗng, và không bao giờ là cái gì khác ngoài sự rỗng.

Không thể xếp hạng. Phi chất lượng. Cái làm con người khác nhau, là mỗi người nhận vào và bồi bổ một số phận ma quỷ khác nhau và đồng hóa mình với nó. Nhắm lẫn mình với ma quỷ đó.

Tôi không bao giờ đối kháng với con người. Tôi cũng không thể đối kháng nổi. Sự rỗng không đối kháng được với sự rỗng. Những người đứng đối kháng nhau là những số phận ma quỷ. Và những kẻ này luôn luôn đối kháng nhau, số phận chỉ có nghĩa như sau: đứng đối kháng. Rilke nói: *gegegenüber, immer gegenüber* (đối diện, luôn luôn đối diện).



- Bước đầu tiên về nhận thức con người của tôi là thừa nhận, vì cái đã xảy ra không cần đổ thừa trách nhiệm cho con người mà cần phải tìm ra loài ma quỷ của nó. Chiến tranh, sự nhắm lẫn, hiểu sai, hận thù, ghen tị, nịnh bợ, bạo lực, mê muội, ghen tuông đều không phải sự việc của con người mà là của ma quỷ.

- Mức độ đầu tiên khi con người là hóa thân của số phận ma quỷ là nó không hề mảy may nhận biết. Tính cách. Hành

vi. Chủ nghĩa cá nhân, số phận, sự vật lộn vì sinh tồn, chiến tranh, nhiều nhương, sự căm thù, chạy đua, sự ghen tuông, sự tức giận, các tài năng, sự sợ hãi, sự chống đỡ, sự ghen tị. Theo *Upanisadok: szamszara* – luân hồi. Theo *Böhme: Angstrad*. Theo *Orpheus: anaké*. Kẻ nào nhận ra, có thể giải thoát khỏi chúng.

– Mức độ tiếp theo: Toàn bộ lũ ma quỷ, những kẻ sống trong con người, những kẻ con người cho chúng chốn nương thân, những kẻ (có tên gọi) các tính nết, tất, hoặc ít nhất những tính nết con người biết đến, bắt đầu nổi lên. Những nỗi hiểm nguy cực kì. Mức độ phép thuật. Trạng thái rơi xuống địa ngục (có tên gọi) sự nhận biết bản thân. Thực chất đây là tâm lí học ma quỷ.

– Mức độ thứ ba: *exorcizmus* – phép đuổi tà ma. Phép lật tẩy, nhận thức và xua đuổi lũ ma quỷ. Mức độ khổ hạnh. Đạo đức. *Ethosz*. Đuổi lũ buôn bán ra khỏi nhà thờ. Thời gian của nhộng bóng ma. Phê bình. Kỉ luật tự thân. Nếu điều này thành công, con người đạt tới trạng thái cổ.

– Mức độ thứ tư: Sự trống rỗng, niết bàn. Lũ ma quỷ biến mất. Chúng chạy trốn khỏi ánh sáng. Xua đuổi thành công một số trong lũ đó. Không có các đặc tính. Không có thiên tài. Không thể xếp hạng. Phi chất lượng. Hư vô. Neutron. Nguyên tử số không.

Theo Keats: *negative capability* – khả năng thụ động. Phi cá nhân. Phi đặc tính – tính cách. Phi hành vi, phi số phận, phi dục vọng, phi mục đích. *Ataraxia*. Đạo.

- Trung lập không phải mức độ cuối cùng. Đây là sự thụ động. Sự chờ đợi. Một hư vô mở. Con người từ sức lực tự nhiên của nó không thể vượt qua mức độ này. Sự trung lập chờ đợi là mức độ thứ năm. Trong nhiều trường hợp trạng thái này đọng lại rất lâu. Trong nhiều trường hợp con người không bao giờ bước ra khỏi nó. Đây là trạng thái khi con người đã được tạo dựng, nhưng Lời sống động chưa được thổi vào nó. Đây là trạng thái của nhân loại trước khi có Thiên Chúa giáo.

- Mức độ thứ sáu, khi bên trong con người nhận được hơi thở của Lời. Cái phi chất lượng đạt tới chất lượng cơ bản của nó. Cái hư vô trở thành một cái gì đó, một kẻ không là ai trở thành một kẻ nào đó. Mục đích được sinh ra. Con người hoàn toàn và hoàn hảo.

- Hiện tại tôi là kẻ chờ đợi trong mức độ thứ năm.



- Trại nuôi ong trở thành nơi chờ đợi của tôi. Tiền sảnh của vinh quang. Thành công và số phận và lũ ma quỷ không bao giờ thu hút nổi tôi nữa.

- Thành công đối với tôi như bài ca của những con chim. Âm nhạc của siren. Ma thuật, sự quyến rũ, sự kiều diễm, ngọt ngào và chết người. Tôi bắt phép thử Odüsszeus dừng lại. Tôi nghe thấy nhưng chúng không quyến rũ tôi.

- Bài ca của sự vinh quang giống như bài ca của lũ đế. Giống tiếng lao xao của bầy ong. Không chút mê thuật. Không chút ngọt ngào. Một điệu hát sâu và hiền lành.

- Tôi không chọn sự ngây ngất cảm rã của giọng hát siren mà tôi chọn sự bất tử của giọng đẽ. Sự bất tử của giọng ong.

*

Tất cả mọi người đều có một trại ong riêng của mình.

*

- Nếu tôi nhìn lũ ong với sự vất vả dính liền với chúng, giống như một lũ điên, quay cuồng, tôi biết nền tảng cơ bản là sự phi hành động.

- Sau cùng có thể làm một việc không có lợi lộc gì.

*

- Tôi nghĩ rằng tôi đã tìm ra yoga của việc không làm gì-phi hành động. Và đỉnh cao của yoga này là sự bất tử của giọng ong.

- Thực hành sự nhàn tản, không làm gì.

*

- Hiện sinh Digan. Không phải thứ tốt nhất. Thây kệ cuộc đời và từ sự lười biếng ấy không đạt tới bất cứ cái gì.

- Thực hành sự trống rỗng.

*

- Giữa lũ ma quỷ có hai kẻ lớn nhất là quyền lực và sở hữu. Chừng nào tôi còn số phận, tôi vẫn ở trong móng vuốt của

chúng.

– Ma quỷ có quyền lực nhất của đời chúng ta ngày nay là sự HÓT HẢI. KẼ THỞ HỔN HẸN VĨ ĐẠI. Lưỡi nó thè ra, nó quay cuồng, tắc thở đêm ngày. Loài ma quỷ cầm lái.

*

Bên cạnh nó chỉ có một thứ có quyền lực hơn: sự trung lập. Sự lãnh đạm, con số không, sự thoát lui. Ông chủ của cái cối xay thời gian, kẻ xay thời gian thành tro bụi. Sự trung lập làm ra vũ trụ, ra sự phi dục vọng, trạng thái tránh sang một bên. Nhiệm vụ của trung lập là chất lượng hóa sự vật thành trung tính. Với hàng hà vô số quân hầu, đầu tiên nó thu hẹp thế gian lại, sau đó tẩy trắng, rồi phủ voan lên đến chừng nào thế gian nhạt nhẽo hóa sương mù và sau cùng hóa thành vũ trụ. Tránh đi. Đông cứng lại. Nhún vai. Quay đi. *Devalváció* (mất giá).

– Chừng nào con người vẫn còn có chất ma quỷ của nó, chừng đó nó vẫn còn số phận, chừng đó nó vẫn còn tính chất cá nhân, chừng đó nó vẫn còn các nguyên lí, các điều kiện, các lí thuyết, vẫn còn thế giới quan. Thần tượng. Sự đồng bóng.

*

- Chỉ bọn lầm lạc mới cần lí thuyết.
- Chỉ bọn bạc nhược mới cần quyền lực.

*

- Sự trung lập giữa các loại ma quỷ của số phận là loại cuối cùng và đáng sợ nhất. Sự lãnh đạm, sự trống rỗng, sự nhàn hạ, sự thờ ơ, sự vô cảm, sự duy trì khoảng cách. Đây là trạng thái khi con người thấy cần phải đề phòng những đam mê cháy bỏng và tàn khốc, thứ đã tạo dựng, đang kiến tạo và giữ gìn thế gian.

- Vô phúc cho những kẻ trung lập.



Một lần tôi hỏi:

- Bạn nói quá nhiều về sự chờ đợi. Đấy không phải là chủ nghĩa *kvietizmus* (chủ nghĩa vô vị)?

Câu trả lời:

- Luôn luôn vẫn là sự khiếp hãi từ các từ ngữ. Bạn đừng sợ. Sự chờ đợi không phải là thứ hòa bình thu được từ giá của sự thu mình tội lỗi. Hình ảnh tượng trưng của sự chờ đợi là bông hoa hồng nở. Tại sao các cánh hoa lại mở ra? Nó đợi. Đây là trạng thái của linh hồn Đức Mẹ Maria. Chờ đợi gì? Cái đang đến.

Cần chờ đợi bởi không thể làm gì hơn để giục giã cái đang đến. Nhưng trước hết cũng vì cái đang đến tồn tại trong sự tê dại của nỗi bất lực hạnh phúc, vẫn cứ cần phải làm một cái gì đó? Vâng, ngồi xuống và đợi. Đến cầu nguyện cũng bị quên lãng, như hoa hồng, chỉ ửng hồng như ánh lửa từ thân nhiệt và tỏa hương trong niềm cảm hứng. Hạnh phúc cũng ít ỏi đúng như nỗi bất hạnh. Đấy là sự chờ đợi.



Một lần người ta nói với ông:

- Nhiều người cho rằng chưa bao giờ từng có kẻ nào đầy tham vọng, kiêu ngạo, khinh người và tự mãn như ngài. Và ngài còn từ chối không phải là một nhà thông thái. Và cũng chẳng phải một vị thánh. Chưa hết! Ngài còn nói ngài muốn trở thành một con người bình thường, và ngài làm như là từ thuở khai thiên lập địa đến giờ từng chỉ có, đang có và sẽ có mỗi một con người bình thường, và đấy là ngài. Đây há chẳng phải một sự ngạo mạn chưa từng có?

Ông trả lời:

- Những buộc tội này làm sao thích hợp nổi với lời tự buộc tội nghiêm khắc của tôi từ cách đây rất lâu rồi.

- Nhưng khi tôi vẫn còn tự buộc tội mình, vẫn còn một hành vi đúng đắn tôi chưa biết đến. Con người sở dĩ tự buộc tội mình trước, khá sớm, bởi muốn bằng sự tự vấn này ngăn chặn những lời buộc tội khác, và như vậy ít nhất có lợi cho nó hơn. Nó gạt đầu trước mọi lời buộc tội và nói: tôi biết, tôi biết, nặng hơn thế tôi cũng biết rồi.

- Nếu một kẻ nghiêm khắc với chính bản thân mình, vẫn còn phi mức độ. Bởi mặt trái của sự nghiêm khắc là tính thiên vị. Chừng nào tôi vẫn tàn bạo với chính bản thân, chừng đó tôi vẫn cho mình là đặc biệt hơn những kẻ khác.

- Điều khó nhất là tôi cần đúng với chính bản thân mình. Tôi đừng thương tôi nhưng cũng đừng tàn bạo với chính tôi. Bởi thương mến và tàn bạo là một. Đừng tự buộc tội mi

nhưng cũng đừng bào chữa cho mi. Bởi lời buộc tội và lời bào chữa là một. Hãy đừng tin là mi sai, nhưng cũng đừng tin là mi hoàn hảo. Bởi sai lầm và hoàn hảo là một.

– Trong con người đằng sau cái xấu có cái tốt, nhưng đằng sau cái tốt cũng có cái xấu.

– Tôi không thích những người lạnh lùng với chính bản thân. Tôi yêu bản thân tôi, và mong muốn tình yêu thương này biết trở nên cao thượng và nồng nhiệt.

– Hãy nhận lấy sự thiên vị dành cho mình một cách khiêm nhường. Hãy trở nên công minh và hãy thiên vị.

*

– Phê bình. Lấn ra đằng sau. Lật mặt. Đâm từ đằng sau. Hạ gục. Một hành vi quyền lực (Giết người).

– Tự phê bình. Lấn ra đằng sau chính mình. Lật tẩy bản thân mình. Một hành vi quyền lực ngược lại (Tự tử).

*

– Phê bình.

– Goethe: Tôi sẵn lòng lừa bịp mình. Ô! Giá mà được thế mãi!

*

– Bảo vệ sự đối trá chính là sự phản bội.

– Đời sống chúng ta như thế, như đang có, một bản sao phi hình thức và tan chảy. Đặc tính, tài năng, cá tính, khả năng, số phận đều nổ vỡ, thất lạc, không được sử dụng. Chúng ta còn tồi tệ hơn cả một người hầu, kẻ không phát huy năng lực của nó mà còn cất giấu đi. Chúng ta không nhận ra chính mình.

– Nền tảng cơ bản của con người là bệnh tật. Nhiệm vụ: không chạy chữa mà chung sống cùng bệnh tật. Sự thỏa hiệp. Galiani: *vivre avec ses maux – sống cùng nỗi đau*.

*

– Nếu tôi có nhiều kẻ thù, nếu tôi nghèo hoặc bị nhiều người chế nhạo, điều ấy vẫn chưa có nghĩa là tôi đáng giá.

– Tránh xa sự kiêu căng của những kẻ hạ nhục bạn. Đừng tin rằng họ xua đuổi bạn như vậy có nghĩa là bạn đúng.

– Chỉ có cái Tôi chết đi. Kẻ nào sống với cái Tôi, là sống với cái chết của nó.

*

– Phúc cho kẻ chiến thắng?

– Cái ở sâu thẳm nhất, cái đó xuất hiện trước nhất. Sự sợ hãi.

– Con người không cho phép kẻ khác làm phiền sự tự hủy hoại của chính họ.

*

– Không phải lí thuyết tác động mà sự hình dung về tồn tại tác động đến tôi. Không phải sự dạy dỗ mà là hành vi. Không phải hình ảnh mà là cá nhân tác động.

*

Một lần người ta nói với ông:

– Học trò của ông đang tìm ông.

Ông trả lời:

– Từ học trò tôi muốn dành cho bản thân tôi.

Rồi quay về phía tôi ông bảo:

– Tôi không hạnh phúc. Chưa bao giờ, và rất có thể sẽ không bao giờ. Tôi biết chắc chắn, tôi chỉ có thể hạnh phúc nếu tôi đã là một trong mười hai môn đệ (của Chúa) và tôi đã nghe thấy Người.

*

– Học trò là kẻ hiến dâng bản thân mình cho ông thay của mình. Còn kẻ nịnh bợ là kẻ biến ông thay thành nạn nhân của mình, là kẻ bóc lột và cướp bóc ông thầy, kẻ làm như nghe lời, thậm chí bên ngoài trông có vẻ ngoan ngoãn nhưng trong thực tế đang cười nhạo sau lưng thầy của mình. Kẻ nịnh bợ trái ngược với người học trò.

– Tôi chưa thấy ai bị xa lánh từ sự vinh quang, còn sự thành công cất giấu người đó đi thì đúng hơn.

- Tôi cho phép tất cả mọi người, bởi vậy tôi cũng có quyền không ưa thích một ai đấy. Để tôi đừng quá vô tội hoặc trở thành một ông thánh hoặc một nhà thông thái. Đấy, tôi không ưa kẻ nịnh bợ.

*

- Hiểu Phúc Âm chỉ có nghĩa chừng này: không phải hiểu một sự dạy dỗ mà là hiểu kĩ thuật sống của một con người bình thường.

*

- Trong thời hiện đại sự hư hoại đã lên tới điểm đỉnh. Chúng ta là những hoạn quan thời hiện đại thì đúng hơn. Nhạt nhẽo, hờ hững và đáng nguyên rủa. *Baader* nói trước tiên chúng ta cần biến thành bọn vô thần. Thành con vật. Thành trung tính, trong sạch, rỗng. Chỉ sau đó chúng ta mới có thể thành tín đồ Kitô. Kitô chỉ có nghĩa như sau: một con người.

*

- Sự gột rửa khéo léo giữa cái tốt và cái xấu (chính sách thực dụng).

*

- Thích nghi. Một sự bôi bẩn chậm chạp nhất định.
- Báo chí: việc gây ra các vụ âm ỉ, bê bối.

- Chính trị. Sự tự sướng.
- Hôn nhân: *Gynaikotropizmus* – chủ nghĩa toàn trị đàn bà.
- Kassner: *Störungsprodukt* – sản phẩm lỗi (con người hãy đừng là sản phẩm của sự nhiễu loạn lịch sử).



Nội dung của những cuốn sách thiêng là nền tảng cơ bản. Bằng từ ngữ của kẻ giả kim: *prima materia*. Đây là *philosophia normalis*. Con người bình thường là con người của Thánh kinh, kẻ có trước thế gian. “Ta có trước cả Ábrahám”.



- Tôi đặt tên cho sự can thiệp phi luật pháp vào đời sống người khác là sự dạy dỗ.



- Con người bản thân nó là tác phẩm cuộc đời tự thân. Tác phẩm là kẻ sáng tạo. Mọi tác phẩm khác đều của sự hư hoại.



Ưu điểm duy nhất của lịch sử là: học để trở thành hiện tại. Kierkegaard: suy tư trong *praesens* – *hiện tại* (Suy tư theo thể hiện tại ở thời gian hiện tại. Suy tư và trở thành hiện tại).

- Học thuyết cho rằng văn hóa làm hư hoại nhân loại tồn tại quá ngắn ngủi.

- Nếu tôi học viết-đọc, tôi không trở nên xấu hơn. Tất nhiên, tốt hơn cũng không.

- Văn hóa không sửa chữa nhưng cũng không làm hỏng bất cứ cái gì.

*

- Tôi nghĩ rằng học thức không là gì khác ngoài việc làm trầm trọng và gây khó khăn cho việc giải quyết những vấn đề vốn đơn giản, khi nó xuất phát từ nhiều điều kiện tiên quyết phức tạp hơn.

- Học thức như một phương pháp giải quyết những vấn đề của số phận, các nhà tư tưởng như Trang Tử, Heracleitos, Platon, Nietzsche đều coi thường điều này.

- Và tôi nói rằng cách giải quyết những vấn đề của số phận độc lập với học thức. Để cuộc đời một kẻ nào đó thành công, không cần thiết đến kiến thức và học thức.

*

- Không cần phải có học hơn mà cần phải tỉnh táo hơn. Các hình thức của sự tỉnh táo: niềm cảm hứng - giấc mơ - sự hài hước.

*

- Hành vi nhỏ nhất của chủ thể là sự hài hước. Nó không xóa bỏ được sự hư hoại nhưng biến sự hư hoại trở nên có thể chịu đựng nổi. Bên ngoài có vẻ như hòa hoãn với sự hư hoại,

nhưng không phải vì thế thỏa hiệp mà chỉ để nó không phải từ bỏ một cái gì hết.

– Không có gì để nổi loạn. Nhưng cũng không cho phép bất cứ cái gì.

– Nhận biết cái đang có nhưng không để nó đề lên đầu.

*

– Hải hước là tri thức không thể mất của nền tảng cơ bản.

*

Chống lại viết, tôi có một quan điểm nặng nề. Ở câu thứ tư, đôi khi ở câu thứ ba, thậm chí ngay ở câu thứ hai một quyền lực xa lạ và gần như không cưỡng nổi ập xuống các dòng viết của bạn, và ta không viết cái ta muốn mà viết cái quyền lực cưỡng bức ta.

Phần lớn tôi không hề hay biết. Làm xong, tôi đọc lại. Có một cái gì đó tôi không thích trong bài viết, tôi không biết. Một cái gì đó không đồng nhất. Tôi nghi ngờ. Tôi không hài lòng. Cái này không phải cái đó. Tôi không muốn cái này sao? Không! Có thể tốt hơn cái tôi định viết, có thể tồi hơn. Nhưng chắc chắn không phải cái đó. Sau này tôi nhận ra cái quyền lực xa lạ ấy một lần nữa tóm lấy mình. Và giữa chừng, khi viết, một sự ngây ngất lan tỏa đến mức tôi không thể chống lại nó. Và giá của sự ngây ngất này là tôi cần phải viết cái mà nó muốn.

- Nhưng không chỉ mỗi mình tôi như vậy. Phần lớn con người không viết điều đó vào thơ, vào nhạc - điều nó nghĩ và cảm thấy, không vẽ hoặc nặn tượng điều đó, nhà tư tưởng không nghĩ đến tư tưởng đó, mà chỉ làm cái mà quyền lực của thi ca, âm nhạc, hội họa, tư tưởng cưỡng bức họ. Tôi chỉ biết một vài tác phẩm ngoại lệ trong đó phần lớn sự sáng tạo là của tác giả. Và những tác phẩm nào tác giả viết đến tận dòng cuối cùng, những tác phẩm ấy cũng không phải họ làm.

- Viết là một nhiệm vụ đặc biệt. Một nhiệm vụ đặc biệt khi cần viết điều thật sự tôi muốn viết. Khó hơn cả. Và không phải lúc nào cũng thành công.

- Giờ đây phần lớn sức lực dồn lại của tôi không phải để diễn giải mọi tư tưởng một cách có ý nghĩa, mà để chống lại quyền lực bắt buộc của viết.

- Tôi chỉ thỏa mãn hoàn toàn nếu tôi viết ra được điều tôi muốn viết. Nếu tôi không viết điều muốn viết ra chất độc nằm lại trong tôi. Tôi quay lại điểm xuất phát. Bồn chồn. Không thỏa mãn. Mang nợ.

*

- Giấy lộn, giấy lộn. Các quy định của chính phủ, thơ, tiểu thuyết, thư tình, tiền, thuế, báo chí, các biển quảng cáo, đều là giấy lộn. Giấy lộn là khoa học, lịch sử, giấy lộn đầy các công sở, trường đại học, trường học, các viện lưu trữ tài liệu chỉ toàn hồ sơ là hồ sơ, bưu điện chuyên chở giấy lộn, người ta tạo chiến tranh bằng giấy lộn và kí kết hòa bình trên giấy lộn, và viết các hóa đơn cùng danh sách người chết trên giấy lộn,

và trả tiền nhau bằng giấy lộn, hãy nói xem cái gì sẽ xảy ra khi tất cả giấy lộn trên thế gian bốc cháy trong một sự thay đổi cơ bản nào đó?

Sẽ không bao giờ còn tiểu thuyết chẳng khoa học xã hội, chẳng thi ca, chẳng tuyên truyền quảng cáo, chẳng thư tòa thánh gửi, hết báo chí, hết hợp đồng, chẳng thư viện, hết hồ sơ. Ta sẽ bất hạnh hay sau cùng sẽ hạnh phúc?

Kết thúc mọi bản viết nốt nhạc, cùng mọi thi phẩm, cùng các bản án nhà tù, các hợp đồng mua bán cùng giấy tờ nhà đất, giấy gọi nhập ngũ, các thư đặt tên thánh cùng các luận án tiến sĩ, các bằng khen thị dân danh dự, các giấy bổ nhiệm lẫn chứng chỉ cùng vé tàu hỏa tàu thủy, cái gì sẽ xảy ra với con người, với tôi?

Các nhà tù sẽ rỗng, các nhà nước sẽ đổ, ta không cần đi đến trường và công sở, quân đội biến mất, tư hữu chấm dứt, sẽ không có pháp luật, tiền, các nhà băng khóa cửa, trẻ bán báo rong không gào lên, các nhà bác học ngơ ngẩn nhìn nhau, các bộ trưởng hỏi nhau đây là toàn bộ quyền lực ư – thứ giấy lộn này?

Khi lần đầu tiên những điều này hiện ra trong trí óc, tôi bắt đầu sợ. Tất cả những gì tôi coi là nghiêm chỉnh trong đời mình chỉ là vài tờ trong đống giấy lộn. Tác phẩm cuộc đời sẽ tan tành. Nhưng ngày hôm sau tôi đã hết sợ. Mất đi! Đau? Rất đau. Công việc của nhiều tháng năm. Nhưng tôi được gì? Hãy thử nghĩ xem.



- Bằng viết cũng mang đến hiệu lực cho từng cử động của đời sống.

- Tôi sẽ thành công trong hướng nhỏ bé nhất của sự phản kháng, nếu tôi lựa chọn con đường dễ nhất, nếu tôi lắng nghe quyền lực của viết và viết ra cái mà nó muốn.

- Nằm trong hướng phản kháng lớn nhất không phải thành công mà là sự vinh quang. Nếu tôi chọn con đường khó nhất. Nếu tôi gạt sang một bên sức quyến rũ của quyền lực viết và chỉ viết ra cái tôi muốn.

- Con đường khó khăn nhất. Sự phản kháng lớn nhất. Cái gì vậy? Âm thanh khẽ khàng nhất. Như lời của Phúc Âm: *hadü to pszithüriszma* – Tiếng thì thào của gió.

- *Hadü to pszithüriszma* là âm hưởng cơ bản của thế gian. Chủ đề chính. Là từ ngữ vang lên vĩnh cửu. Là *Cantus firmus* (dàn ca nhà thờ không nhạc đệm – ND) của tạo hóa.

- Nếu bạn mài sắc đôi tai của mình, sẽ nghe thấy tiếng thì thào của gió khắp mọi nơi. Nhất là trong im lặng. Trên bờ biển. Trong đêm đông, khi trên bầu trời những ngôi sao cháy sáng rực. Đôi khi bạn đứng lại trong hoàng hôn thung lũng và nghe mới rõ làm sao. Trong âm nhạc của đế. Trong tiếng vo ve của bầy ong, đặc biệt vào một chiều hè nóng bỏng.

*

- Đặc biệt tôi cần lắng nghe xem cái gì là cái tôi muốn. Sự đồng điệu.

*

– Những nơi công cộng.

*

– Lamettrie: *Evangile du jour* (Tin Mừng trong ngày).

*

– Hiện thực trần trụi.

*

– Quãng nghỉ cho một tập.

*

Một buổi tối tháng Mười Một, chúng tôi ngồi bên lò sưởi ba người, ông, một nhà thơ trẻ và tôi. Chúng tôi ăn hạt dẻ và uống rượu mới cất. Nhà thơ trẻ dưới tác động của rượu bắt đầu nói lớn. Hai chúng tôi ngồi lún trong chiếc ghế bành và lắng nghe.

Rồi bỗng ông bảo:

– Không, tôi tuyệt đối không đồng ý. Bạn bảo nó giống như tranh vẽ bằng bút dạ của Trung Hoa. Một không gian lớn và trong đó có một vệt như mực bôi khắp. Thực ra đây là một giả thiết tâm lí học. Không có chút tích cực nào! Tôi giữ tôi ở cái gì?

Không động đậy, ông nói tiếp:

– Bạn lại quên rồi, tôi không phải là người thầy. Không có bài học nào cả. Không thiếu tí sách vở nào. Không có công

thức nào cả. Thậm chí ngược lại. Thật bất tiện nếu tất cả mọi người đều phải tự làm cho bản thân?

- Tôi đã nói gì? Rằng những cuốn sách thiêng không dạy dỗ, mà chỉ nói về kỹ thuật sống một đời sống bình thường và khỏe mạnh của con người. Một kế hoạch đời sống cội nguồn. Và bản kế hoạch này từng người một, tự bản thân họ một lần, đúng một lần duy nhất tự dựng xây cho mình. Lần đầu tiên và lần cuối cùng. Không có công thức. Không có gì để dạy dỗ.

- Trong giây phút này tôi chỉ muốn mở rộng thêm tư tưởng trên, rằng chúng ta những con người, chúng ta không chỉ không thích những lí thuyết, những lí luận, những dạy dỗ có giá trị và thỏa mãn nhu cầu chung chung, và từ đáy lòng chúng ta không chỉ ghê tởm chúng. Những thứ lí tưởng được gọi là tổng quát và dành cho tất cả mọi người này thực chất chúng ta không hiểu. Cái chúng ta thực sự hiểu là cái chỉ một lần. Cá nhân. Cái chỉ có một lần và không bao giờ có nữa. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng. Cái tinh tế, gần gũi, đáng tin cậy, bí ẩn. Vậy thôi, không có cái khác.

- Đây là tất cả.

- Nhưng nếu bạn thích, tôi có thể nói tôi đã thực hiện một bước đi lớn của tôi như thế nào. Nhưng bạn đừng làm theo. Chỉ nghe thôi. Tôi không nói được cái khác, chỉ cái riêng tư, bởi vì cái khác cũng không đáng nói. Chỉ có thể hiểu được.

- *Baader* cho rằng, thế gian này, nơi chúng ta đang sống là tàn dư của lửa cổ vĩ đại. Một ánh chớp bùng cháy duy nhất lật đổ Lucifer và đốt cháy thế giới cội nguồn. Ngày là những mảnh tàn cháy dở, bốc khói của thế giới này. Thế gian này

chín phần mười đã bị đốt cháy, hủy hoại, là mảnh đất bị sét đánh. Tư tưởng này trùng với tư tưởng của Böhme và Heraclitos, tôi cảm thấy cái phi thường bấp bênh – thường là dấu hiệu nhận biết hiện thực.

– Thế giới bên trong của chúng ta chín phần mười cũng bị cháy, đổ vỡ, u ám, bị tàn phá, bị hư hoại và biến thành bãi rác. Nhiệm vụ của ta là cần biết cái thế giới cội nguồn, cần biết sống trong sự hư hoại và lập lại vị trí cho nó.

– Tôi kinh nghiệm rằng, công việc tôi cảm thấy có kết quả là khi một lần nữa tôi biết lọc ra những nguyên tố lẫn lộn trong cái thế gian hỗn loạn này và đưa nó vào trật tự, chấn chỉnh và đưa nó trở lại hình thức cội nguồn. Khi từ dung nham, tà cái thế gian bị hư hoại này tôi biết nung chảy những nguyên tố gốc.

– Như vậy tôi tiếp cận đến tư tưởng mà tôi thử hiện thực hóa mối quan hệ với các nguyên tố cổ mà tôi đặt tên bằng một từ tuyệt vời: nền tảng cơ bản. Đây là một con người trong suốt, minh bạch, kẻ mà Lời thổi vào trong nó đã biến đổi nó thành kẻ đó. Lời đã thổi vào trong là tên của nó. Tên thật. Đây là Lời mà Kinh Thánh đã dạy. Đây là niềm đam mê đã tạo dựng nên thế gian. Người lính canh của Lời trong ngôn ngữ của chúng ta, chúng ta gọi là tình yêu thương. Không phải tình yêu thương của giáo sĩ mà của người mẹ. Không phải của sách vở mà của những kẻ cảm tử. Không phải của các triết gia mà của Abraham và Ízsac.

– Lập lại nền tảng cơ bản cùng lúc tiến hành trong con người, trong xã hội, trong thế giới vật lí và hóa học, trong

kinh tế, trong toán học và trong tư duy. Nhưng trọng tâm là con người. *Centroversio*. Tự đó nảy sinh sự tạo dựng mới. Ở nơi tôi đạt được kết quả, người khác cũng sử dụng được. Trên nhiều con đường cùng lúc chung ta lên đường. Thế nhưng đều chỉ đi trên một con đường duy nhất. Mục đích là một: lập lại nền tảng cơ bản.

- Nhưng sau đây là đến một điều mà chắc chắn một ai đó đã nói ra và đã viết, nhưng tôi không hề biết cho dù tôi vút vào lửa hai chục nghìn cuốn sách vì người ấy. Đó là: nền tảng cơ bản này không phải nền tảng cơ bản cũ và của thế giới đầu tiên, mà nó cao hơn, hoặc cũng đúng như thế nhưng sâu sắc hơn. Sự khác nhau giữa hai điều này là sự khác nhau giữa những cuốn sách thiêng của Trung Hoa, Ấn Độ, Do Thái, Hi Lạp và Kinh Thánh.

- Tôi không phải người Kitô từ chủ nghĩa pietism (chủ nghĩa ôn hòa), hay từ sách vở, hoặc mù quáng hoặc vì danh hão, mà vì tôi quả quyết rằng Phúc Âm là lời thể hiện duy nhất, bởi Chúa Jézus thật sự là con trai Thượng Đế. Điều này ở tôi không phải là thế giới quan, là đức tin, là kết quả của giáo dục. Phúc Âm là Lời tuyên bố nói về sự sống xác thực. Điều này tôi đã kiểm chứng.

- Và bởi vậy nền tảng cơ bản mà tôi muốn thực hiện chỉ có thể có từ nền tảng của Phúc Âm. Nó không nói về thế gian đầu tiên đã bị hủy diệt. Đã bị mất. Hết. Không thể làm lại được, cần phải làm một cái mới. Và chúng ta đang làm. Chúng ta làm theo Lời phả vào bên trong chúng ta. Làm một cách tự do.

Bởi thế gian chỉ có nếu chúng ta tự do làm ra. Chỉ từ đó mới có con người. Chỉ từ đó có hôn nhân.

Từ đó sẽ có nghệ thuật, tư tưởng, từ đó có dân tộc, cộng đồng, nhân loại. Từ đó có thế gian. Một cách tự do. Chúng ta hãy làm từ bản thân mình, từ bản thân chúng ta nghĩa là từ bản chất chúng ta chứ không phải từ sách vở của chúng ta. Con người là tác phẩm. Đó mới là con người hoàn chỉnh và tự do, kể mà từ nó thế gian được xây dựng nên. Đây là một cá nhân. Đây là chất liệu cơ bản của thế gian.

- Chất liệu cơ bản này là một con người bình thường. Một con người lành lặn và khỏe mạnh. Không phải thiên tài, không phải khả năng xuất chúng hay ngoại lệ hoặc kiệt xuất. Tôi nhận ra một người bình thường, nếu người đó không dửng dưng, vô cảm, nước đôi, vô giá trị. Đây là một con người nồng nhiệt, hứng thú, say mê, mơ mộng. Tóm lại một con người chân thực. Không phải nhà thông thái, chẳng phải thánh cũng chẳng phải người anh hùng.

- Trong cái thế gian rạn nứt, hư hoại và sắp sụp đổ này, tình yêu, sự nồng nhiệt sự hứng thú biến con người thành kẻ bình thường. Đây là thứ duy nhất triệt tiêu sự hư hoại hài hước này và dựng xây lên một thế gian cao hơn thế gian đã từng có. Là thứ biến kẻ tàn tật thành người mạnh khỏe, như ngôn từ của Kinh Thánh: hãy vứt nặng đi và hãy khỏi bệnh. Chấm dứt sự hỗn loạn, sự hoảng loạn và đầy biến chứng.

- Tất cả mọi người đều khác. Tất cả mọi người là chính nó. Một lần. Một lần duy nhất. Không có sự dạy dỗ. Không có

công thức. Lần đầu tiên. Và cũng là lần cuối cùng. Một cách không thể nhắc lại, không thể dạy dỗ và một cách cá nhân.

– Đây là tất cả những gì tôi có thể nói.



Cũng trong buổi tối hôm đó, muộn hơn, sau bữa tối chúng tôi ngồi xuống bên bàn và tôi cất tiếng hỏi:

– Ông không nghĩ ông sẽ ghi lại những kinh nghiệm của mình trên con đường của mình để giúp chỉnh sửa đường đi của những kẻ khác?

Ông trả lời:

– Tôi đã từng nghĩ. Nhưng những thứ đó rất nguy hiểm. Nó dạy sự khôn lỏi, thực dụng. Nô lệ. Lương tâm. Sau cùng cũng sẽ sinh ra một sự dạy dỗ nào từ đó.

– Nhưng bây giờ tôi muốn nói điều này, bạn thấy đấy, tôi không vận dụng cả điều bây giờ tôi nói ra. Nhưng bạn hãy coi nó là sự dạy dỗ và hãy gọi thế. Còn tôi lập tức tự nhạo mình. Kể cả điều bây giờ tôi nói đây tôi cũng không vận dụng nó.

Và đúng là ông cười. Sau đó ông nói tiếp:

– Khi tôi vật lộn chống lại lũ ma quỷ của số phận mình, tôi thấy mình đã vận dụng rất tốt kỹ thuật xưa của người Ấn Độ. Đây là phương pháp *neti-neti*. *Neti-neti* có nghĩa là: không phải cái này không phải cái này. Nếu tóm được một ma quỷ nào đấy tôi đọc: mi không phải là ta. *Neti-neti*. Nhớ đấy, mi không phải là ta. Mi là đồ ma quỷ. Kí sinh trùng. Đồ kí sinh

trùng mắt dạy, thô bỉ, hôn xược. Mi hãy chết đi. Ta không muốn nhìn thấy mi. Ta không chịu nổi. *Neti-neti*.

- Khi tôi duy trì sự hóa phép này giữa lũ ma quỷ và bản chất hình dung của tôi xuất hiện một khe hở. Đúng là, chúng tôi đã tách khỏi nhau. Giữa ma quỷ và kẻ không là ai (tôi) mối quan hệ nhảm lẫn phức hợp đã đứt. Giờ đây tôi đã không tin một cách không ngập ngừng rằng tôi và ma quỷ đồng nhất nhau. Giờ đây tôi đã biết chút ít rằng tôi phản chiếu nó, và nguyên nhân đầu tiên của sự phản chiếu này là sự hư hoại riêng của tôi. Tôi cần phải chịu đựng nó, tôi nghĩ, loài sâu bọ bản thủ này.

- Và lúc đó tôi nghĩ như sau: tôi không sợ, nỗi sợ hãi ẩn trong tôi. Hoặc nói đúng hơn nữa: cái khái niệm này tôi sợ rằng, rất không chính xác. Định nghĩa chính xác là như sau: tôi nhảm lẫn bản thân mình với nỗi sợ hãi. Nỗi sợ hãi này đang sợ trong tôi. Nên tôi cứ tưởng mình đang sợ. Tất cả chỉ vì tôi đã nhảm lẫn bản thân mình với nỗi sợ hãi. Tôi không ghen tị - nỗi ghen tị đang ghen tị trong tôi.

- Tôi tạo khoảng cách giữa nỗi sợ, sự ghen tị với kẻ không là ai (tôi). *Neti-neti*. Tôi không ghen tị. Tôi không sợ. Tôi không dửng cảm. Tôi không ốm. Tôi không thông minh. Tôi chẳng là gì cả. Tôi chẳng là ai. Không phải điều này, chẳng phải điều kia, điều nọ cũng không phải nốt. Và cái điều "*Không phải điều này, chẳng phải điều kia, điều nọ cũng không phải nốt*" - đấy là hiện thực, hay nói cách khác đấy không là ai và không là cái gì cả.

Ngoài điều này ra những cái khác nhìn thấy chỉ là ảo ảnh.

- Tôi ngày càng trung tính. Bảng đo đặc tính hạ thấp. Tôi đi về phía điểm không.

- Và khi lũ ma quỷ từ từ biến mất như những thí nghiệm, tôi cũng từ từ lấy lại quyền lực trên đầu chúng. Tôi có thể nhắc đến chúng và ra lệnh cho chúng. Nhưng tôi không thích. Tôi không phải một nhà tư tưởng. Chẳng phải nhà văn. Tôi không dễ xúc động. Tôi không thích rượu. Nhưng tôi có thể gọi ra loài ma quỷ yêu rượu, yêu nhà văn và nhà tư tưởng. Phục vụ xong tôi nhét chúng lại vào chai và ban phép cho chúng. *Neti-neti*. Tôi không phải là nó. Tôi chẳng là ai. Rỗng. Tôi đợi. Không phải đợi lũ ma quỷ, mà đợi cái hoàn toàn khác.

- Lũ ma quỷ chỉ biến thành quyền lực trong tôi nếu tôi nhầm lẫn đồng nhất mình với chúng. Nếu tôi báo chúng: *neti-neti*, sự nhầm lẫn này tan ra, và tôi cắt đứt quan hệ với chúng. Trong giây phút ấy chúng đánh mất sức mạnh của chúng.

- Trạng thái này tôi gọi là sự Tỉnh Thức, hay nói cách khác là Buổi Hoàng Hôn của sự Điên Rồ. Tôi đều đặn trải qua nó nếu tôi uống và vì thế hòa tan vào Bình Minh của sự ngất ngây Cảm Hứng.

*

Hôm sau ông bảo:

- Bạn thấy chưa tôi nói đúng khi tôi bảo tôi không muốn trở thành người thầy! Hôm qua tôi cũng thua. Tôi nói về một điều gì đó, nhưng quên mất một nửa.

- Tôi không nói là ở tất cả mọi người, nhưng ở tôi phương pháp *neti-neti* rất may mắn được phương pháp *tat tvam ász* bổ sung. *Tat tvam aszi* có nghĩa là: đây là mi.

- Tôi nói với lũ ma quỷ: *neti-neti*. Ta không phải là mi. Ta không phải sự hư hoại. Ta không phải sự ghen tị. Ta không sợ. Ta không dửng dưng. Ta không thông minh. Ta chẳng là ai. Và như vậy là ổn. Nhưng nếu với một người khác ta cũng nói đúng như thế thì lại hoàn toàn không ổn. Tại sao? Bởi vì điều đó có nghĩa là tôi muốn rũ bỏ toàn bộ trách nhiệm khỏi bản thân mình. Tôi muốn rút mình ra khỏi cuộc chơi. Điều ấy có nghĩa là tôi bỏ mặc người khác. Điều này không được phép.

- Như vậy đối với một người khác tôi cần khoác lên mình một hành vi hoàn toàn ngược lại. Quay vào trong *neti-neti*. Quay ra ngoài *tat tvam aszif* nghĩa là: đây là mi. Toàn bộ, tôi cần nhận vào mình. Tôi ghen tị? Rất tiếc, tôi là như thế. Tôi cần nhận ra. Thực dụng? Láu cá? Ngu ngốc? Thấp kém? Đúng.

- Ô! Với em mới dễ dàng làm sao, em yêu! Kẻ ghen tị, hèn nhát, hư hỏng, dối trá, tôi đấy, kẻ bất cứ lúc nào em cũng có thể bỏ nó mà đi. Quay lưng lại nó và đi. Đúng không? Nhưng tôi làm thế nào bây giờ? Tôi đã rất nhiều năm cần phải sống chung với bản thân, một tia hi vọng nhỏ nhoi cũng không, rằng có thể thoát khỏi nó. Thật kinh khủng! Xin thề, đúng là như thế!

- Nếu người ta bảo, mi là kẻ dối trá, không được phép chống trả. Cần phải chấp nhận. Đúng thế. Đây là mi. Và cái đặc biệt trong toàn bộ là quả thật đúng thế. Mi kiên cường?

Đúng. Keo kiệt? Vâng. Tham lam? Đúng. Trả thù. Vâng. Đây là mi.

– Mi có hiểu nói về điều gì không? Sao lại không hiểu. Trong khi ở góc độ này mi đập tan tác cho lũ ma quỷ rơi rụng khỏi mi, thì ở góc độ kia mi lại tiếp nhận chúng một cách tự nguyện và thành kính. Bên trong mi biết mi chẳng là ai, chẳng là gì hết, trống rỗng, con số không. Bên ngoài mi vác lên người tất cả những gì người ta đẩy cho mi. Thậm chí không chỉ những gì người ta tống cho mi, mà còn tất cả tội lỗi, lỗi lầm, sự hư hoại, sự sa ngã của họ. Không tránh bất cứ cái gì. Không chối từ bất cứ điều gì. Dụ phần. Đây là mi. Đừng hình dung hiện thực một cách khác. Nhận lấy tất cả. Nhất là những sự bản thủ.

– Một mặt mi ngày càng nhỏ đi, bé lại, như một hạt lúa mì, như một hạt kê, nhỏ hơn cả cái vảy của hạt kê. Còn mặt kia mi càng ngày càng lớn, lớn hơn cả trái đất, lớn hơn cả mặt trời, lớn hơn cả thế gian, lớn hơn cả toàn bộ vũ trụ gộp lại.

– Hoang hôn của sự điên rồ, hay bình minh của cảm hứng đối với việc sử dụng kết hợp cả hai phương pháp đều ít. Giờ đây cần cả sự hài hước nữa.

*

– Nó có ngần ấy tội lỗi, như một linh mục già.

*

Một lần người ta hỏi ông:

– Điều ngài muốn nói, hãy thử nói trong một câu xem nào!

Ông trả lời:

– Tôi muốn biết điều mà tất cả mọi người đều biết.



Tôi hỏi:

– Số phận nào là số phận ông đã thành công tạo ra cho mình?

Ông trả lời:

– Nghèo linh hồn. Nghèo linh hồn là gì? Là kẻ, Phúc Âm cho đây là người hạnh phúc, vì có thể chờ đợi để học hỏi trong sự khốn cùng. Là hành vi nhận biết sự bất lực hoàn toàn và hành vi duy trì nhu cầu hướng về cái cao nhất.

– Trong việc giảm những đặc tính của mình (loài ma quỷ của mình) tôi đã đạt tới mức trống rỗng. Không là ai. Tôi đói và tôi khát. Tôi đang trong nạn đói. Tôi đang chờ đợi. Nhưng giờ đây tôi không sẵn lòng tiếp nhận cái gì khác ngoài cái cao cả nhất.

– Chỉ trong dạng hình này tôi mới biết duy trì toàn bộ hiện thực của tôi.

– Mọi lí tưởng đều ít ỏi, bé nhỏ, giả dối, mọi ý tưởng, mọi người anh hùng, vị thánh, vua chúa, thi sĩ, triết gia, nhà thông thái, nhà bác học... Không, cảm ơn.

– Tôi chọn sự khờ khạo.

– Đây là một sự khờ khạo của tôi, đây là điều duy nhất.



– Chỉ nước biết thật sự mực nước là gì.

KỂ ĐIÊN KỂ KHÔNG SẮP XẾP MỘT ĐỜI SỐNG VINH CỬU

Một luận văn

Một phần mang tính chất trần tục, phần kia mang tính chất giáo sĩ (không mang tính thần học)

về: cái dễ dàng nhất, cái khó khăn nhất,

về: từ “Thượng Đế” – mà không ai biết thốt ra một cách đúng đắn,

và: cần phải làm gì để con người có thể thốt ra một cách đúng đắn.

Những thời gian ngoại lệ, những ngày, hay những tháng, hoặc những năm biết quánh đặc lại thành một điểm duy nhất. Như thế chỉ tồn tại trong một khoảnh khắc. Biến thành các vì sao và bất tử. Bởi vì nếu cái vĩnh cửu xuất hiện trong thời gian, luôn luôn chỉ là một khoảnh khắc rạng ngời duy nhất, và nếu thời gian bước vào cái phi-thời gian, cho dù là bao nhiêu tháng hoặc năm, đều biến thành ngôi sao, thành sự bất tử, thành điểm chói duy nhất.

Khoảnh khắc chói vĩnh cửu như thế, sự bất tử đặc quánh thành một điểm duy nhất như thế giờ đây trôi qua hay ở lại vĩnh viễn, không phải cho tôi, bởi vì tôi không cần. Nó có bởi vì tôi đã từ bỏ. Và nó còn, chừng nào tôi cho đi.

Phụ thuộc vào tôi, là tôi mang cái gì vào vịnh cửa. Âm nhạc. Rượu. Một buổi chiều hè trên bờ biển, ánh sáng cháy bỏng, nước xanh biếc và những con hải âu. Những người đàn bà. Và trước hết, khi tôi ngủ trên sân thượng, gió liếm mặt tôi trong ánh bình minh.

Chẳng liên quan gì đến niềm hạnh phúc. Và sự sung sướng cũng chỉ quấy rầy. Và sự đau khổ cũng thiếu vắng. Có thứ ngây ngất nào bằng ta nhìn thấy tất cả không? Có sự đau khổ nào lớn hơn việc ta không thể làm được bất cứ cái gì? Sống như thế đến cùng, tôi biết nó dở ở chỗ nào và tôi càng biết nhiều tôi càng ít khả năng thay đổi nó.

Để, có thể giải phóng hoàn toàn một ai đó, cần đời sống hoàn toàn của một người khác. Một sự thực như thế không có. Không ai có thể tự cứu mình.

– Và các tội lỗi! Con người không bao giờ biết cháy bỏng như thế, cháy sém trong sự xấu hổ như thế, đến gần cái tốt như thế, cầu mong sự trong sạch đến như thế, khi nó phạm tội.

Có tất cả. Một cách đáng sợ và không thể đạt tới như Orizon (chân trời) trong đêm đông. Một cách chai lì và lạnh lùng.

Đây là sự mất dạy!

Trong cả một thời gian dài tôi quan tâm đến việc nghe lén cách phát âm từ “Thượng Đế”. Các ngôn ngữ. Đúng thế, các ngôn ngữ. Một lần trên biển có một cơn bão đêm, và tiếng

một người Pháp bị say sóng rống lên: ôi... ôi... Tiếng Anh từ *God* giống như cổ áo bị cài khuy kín đến tận cổ. Từ *Gott* của tiếng Đức như bản tuyên án mười lăm năm tù trong bài giảng của linh mục phái Lutheran. Từ Latin *Deus* giống như khi kẻ quá thông minh phát điên. Từ Hi Lạp *theosz pneumatikosz* là một cơn ác mộng. Và trong tiếng Do Thái, Sancrit, Trung Quốc, Tây Tạng? Sự rao giảng Tin Lành từ Thượng Đế Hungary với chòm râu dài đằng trước, đằng sau ứa đầy nước dãi.

Böhme phát âm từ này một cách đơn giản nhất với niềm sợ hãi ban đầu của Cựu Ước, đầu gối luôn quỳ xuống. Thầy Eckhart thử bẻ bạn với nó, muốn gần gũi, muốn ve vuốt nhưng cuối cùng từ này mắc nghẹn trong cổ ngài. Powys mạnh dạn cắt ngang và làm ra vẻ không sợ từ này. *Gott* của Höfdelin giống như dải mũ hải quân xanh sẫm. Của Rilke giống như một miệng hang trống hoác.

Từ này của Voltaire giống như khi con người kể một chuyện cười vô duyên. Của Milton giống như một bức họa chỉ có mỗi hai màu đen và đỏ. Của Homeros giống như một điệu van xơ trong hí kịch. Của Nietzsche giống như đám mây bão đông. Của Tolstoi giống như một kẻ vô chính phủ ở Siberi. Của Dostoiepski giống như kẻ “*từ nhà thờ đi ra quán rượu, từ quán rượu đi vào nhà thờ*”. Của Baadere giống như một lương tâm gần như tử tế.

Bọn trẻ con nói Thượng Đế bé nhỏ, từ của chúng phảng phất vị bánh sữa có mùi vani. Bọn hài hước nhất là bọn vô thần, đặc biệt khi họ cất giọng gầm gừ và dọa dẫm (luôn luôn trong đám râu rậm và với đàn piano) họ nói rằng, không có

Thượng Đế. Họ giật mình, liếc nhìn quanh thật nhanh, bởi họ tưởng ai đấy sẽ tát cho họ một cái. Khi thấy không có gì xảy ra họ bắt đầu lôi các loại lí thuyết ra: đây là sự lừa dối của giáo sĩ, tàn dư của việc thờ thần linh. – Là sự giác ngộ? (no! no!) Thậm chí, họ cần đến những giả thuyết như vậy.

Còn các nhà thần học khiến tôi bị hút thẳng vào đó. Mẹo của họ là cái sự này–cái sự nọ. Cái sự Thượng Đế. *Gottheit. Divinité*. Người ta thử tô vẽ, thư mục hóa, văn bản hóa và giáo điều hóa nó. *Der verkappte Atheist*. Người ta. thử phát biểu một cách chuyên môn hóa: doryotagrafolitoriomalbiocitis – Tên một loại bệnh mà các tác hại của nó khoa học chưa tìm ra, nhưng vẫn đang trong quá trình nghiên cứu.

Vậy xin mời!

Thượng Đế không phải là một cái tên mà là một khái niệm. Nhưng tôi chưa hề biết một ai, kể cả người sống lẫn kẻ đã chết từng biết phát âm từ này. Một kẻ biết nói ra từ này mà lại thiếu sự khúm núm và sợ hãi, nồng cháy và trang trọng, ban ơn và cao ngạo, thiếu sự nịnh bợ, thiếu cảm giác phạm tội và buồn rầu và muốn ngắt xiu và vô minh và thiếu một lương tâm bị cắn rứt run rẩy, thiếu sự giả vờ và sự sợ hãi.

Từ: “Thượng Đế” không thể phát âm giống như phát âm từ: “gan ngỗng”.

Bởi bằng từ này, bạn ơi, bạn đã bị tóm lấy. Tại đây bạn không biết nói dối, không có nghĩa lí gì phải trốn tránh, cũng như cao ngạo, hoặc run lấy bầy cũng không, sự trịnh trọng

của bạn, sự ban phát của bạn, sự lo sợ của bạn không đạt được bất cứ điều gì.

Bạn là tín đồ hiền lành. Nhưng bạn có nguyên rủa cũng chẳng tốt hơn. Bạn không thể chạy trốn. Bạn lảng tránh bằng cách nào? Nếu bạn bảo không có Thượng Đế? Bạn cần phải đóng kịch. Dù bạn muốn hay không, bạn hãy cứ phát âm tư đó và bạn sẽ thấy ngạc nhiên.

Chắc chắn

Trong đời tôi một giây phút duy nhất cũng chưa từng, tôi có thể nói như vậy, một khoảnh khắc duy nhất cũng chưa từng, đó là điều chắc chắn, cho dù tôi nghĩ đến cái gì, tôi làm cái gì, một cách liên tục và không ngưng nghỉ, không dừng lại và không đứt đoạn – mà Thượng Đế lại để cho tôi yên, mà ngài lại không hành hạ, xua đuổi, hăm dọa, lay động tôi, đây chẳng là ai, đây chẳng là cái gì, một kẻ đến tên tôi cũng không biết, chỉ biết đấy là Thượng Đế, một từ mà tôi không thể nhắc đến mà không đau đớn, đây là một cái gai sắc, là lửa, là thuốc độc, cạm bẫy, là sự say sưa, là một khoảnh khắc chưa từng có, tôi có thể nói, một khoảnh khắc cũng chưa, điều này chắc chắn.

Cho dù

Cho dù: *“Đời một con người do mối quan hệ của nó với Thượng Đế xác định”*. Không chỉ một cách chung chung. Mà, như cách thức con người mặc chiếc áo sơ mi lên như thế nào,

đi qua dòng suối ra sao, dán một cái tem lên thư như thế nào. Không chỉ như nó cầu nguyện ra sao. Và như cách thức nó cạo râu, nó ho và nhìn ra từ cửa sổ. Toàn bộ, tôi nói, toàn bộ tác động trở lại từ từ ngữ này, và trôi qua thông qua từ ngữ này.

Baader bảo: nếu con người, không cần hoàn toàn nhưng một lần nữa đặt lại quan hệ bình thường với Thượng Đế, tác động không thể tránh khỏi của mối quan hệ này cũng sẽ tác động lên môi trường, như cách thức nó bước ra khỏi một hoàn cảnh bình thường thì cũng kéo theo mình toàn bộ môi trường quanh nó.

Vậy ý nghĩa sau rốt của sự nồng cháy? Khi con người thốt lên từ này – Thượng Đế – nó phát âm một cách nồng nàn. Và vì thế nó phát âm nồng nàn một số từ. Cái gì là sự khôn lỏi luôn lọt? Nếu nó phát âm ra một cách khôn lỏi luôn lọt. Cái gì là sự trịnh trọng, sự bôi bác, là chủ nghĩa trơ trẽn, sự nhố nhăng, sự ngây độn? Tất cả mọi từ đều có thể thay thế. Tất cả mọi từ đều có thể ẩn dụ hóa. Tất cả mọi từ đều có thể xác định và chứng minh được. Nhưng có một từ không thể (Bên cạnh sự phủ nhận Thượng Đế còn có một sự ngu xuẩn lớn hơn, đấy là một kẻ nào đó chứng minh sự sống của nó).

Trong suốt cả cuộc đời tôi tôi muốn đạt tới việc biết nói ra từ Thượng Đế

1. Tôi sợ ngài và tôi tránh. 2. Vỡ về bên ngoài. 3. Tôi đã phủ định (không có, sự dối trá giáo sĩ vân vân...). 4. “Vật sở hữu”, “Một Ông Già” (Ngài Thủ Trưởng Lớn). 5.???

Sự hãi hùng của những chữ cái viết hoa.

Trước Thượng Đế tất cả mọi người trần trụi như nhau. Bởi vậy không có ý nghĩa gì cho sự ẩn nấp, tự vệ, cho các mặt nạ, những sự dối trá, những khẳng định, những lí thuyết và những sự bôi bác.

Con người không thể đến bằng bất cứ cái gì. Mà đến bằng chính bản thân nó. Như người ta thường nói: “*đi tay không*” – đến bằng chính bản thân riêng của nó. Không thể cáo ốm. Không có tay trong. Không thể bị thất thoát. Nếu con người đi về phía Thượng Đế (và không thể không có mặt trước mặt ngài), nó không thể để quên bản thân nó ở nhà. Ai không tin điều này, nó sẽ không tin điều nó tin. “*Không thể nói dối với hiện thực*”.

Người ta thường khắc từ Thượng Đế vào những lưỡi lê, những quả lựu đạn và vào những quả bom để thả xuống.

Sự thỏa mãn lưng chừng là điều xấu nhất.

Thánh Gióp: Là “một vị vua, mà tên tuổi và sự xinh quang của ngài vĩ đại và không được biết đến”.

Thính cảm

Từ ngữ này bắt nguồn từ *Ferdinand Ebner*. Thực chất mọi từ được nói ra đều vang lên giữa con người và Thượng Đế. Ngôn ngữ không là gì khác ngoài sự đối thoại giữa Thượng Đế và con người. Sự đối thoại thực chất được bao bọc trong lời nói. Có thể mở sự đối thoại này ra và có thể nghe được những từ ngữ chân chính. Một tác phẩm cấm, thậm chí, bất nhã. Một sự rình mò.

Thính cảm đơn giản và dễ dàng, ai cũng có thể thực hành. Nếu đã học được, từ một âm điệu duy nhất có thể xác định con người với Thượng Đế nằm trong mối quan hệ nào. Những điều này đôi khi cực kì ngộ nghĩnh, đặc biệt trong nhà thờ, hoặc trong các buổi lễ, hoặc lúc thực hành các nghi lễ cực kì nghiêm túc khác. Tất cả mọi người đều nói dối như mọi kẻ khác.

Những ngôn ngữ gợi cảm (thi ca, triết học, âm nhạc, hội họa, điêu khắc) và ngôn ngữ hằng ngày không bao giờ như nhau. Tôi ít nhất chưa bao giờ quen duy nhất một người, một tác phẩm, một văn bản đã viết, một bức họa, một tác phẩm âm nhạc mà ngôn ngữ gợi cảm có thể diễn tả như ngôn ngữ hằng ngày. Ai có thể nói ra điều hiện thực nói, kẻ đó là người đích thực.

Tôi chỉ biết đến đúng một văn bản đích thực cội nguồn, đó là lời tuyên bố. Lời tuyên bố là tiếng mẹ đẻ của sự tồn tại. Mọi ngôn ngữ, văn bản, lời nói khác đều giả, về mặt âm điệu, và tất nhiên về mặt logic lẫn tâm lí học, văn phạm học. Tóm lại: một sự lừa bịp. Có loại giả thô bạo và làm tổn thương tai nghe. Có loại tinh tế, như thể dễ chịu. Loại đầu là sự đau đớn (sự dối trá) loại sau là loại ngọt ngào (thi ca, nghệ thuật, tiếng hát của siren). Thứ ngôn ngữ giả có giai điệu sinh ra cùng nhân loại là ngôn ngữ thơ ca.

Thính cảm là khả năng có sẵn, đứa trẻ mang theo bên mình, nhưng muộn hơn nó đánh mất, bởi sự thỏa thuận không quyết định dừng chân tại ngôn ngữ đích thực mà ở lại cùng loại ngôn ngữ gợi cảm. Đứa trẻ ban đầu học nói từ ngôn

ngữ đích thực. Đây là ngôn ngữ trẻ thơ. Nhưng khi đưa trẻ bắt đầu đến trường từ phút đó trở đi ngôn ngữ đích thực của nó chìm vào quên lãng.

Baader nói về định luật cơ bản của sự thính cảm như sau: “Cái tôi nói trong mọi trường hợp chỉ là tôi nói to lên điều tôi cần nghe thấy lần đầu tiên từ một ai đấy...”

Đức Hồng y Newman viết: “đặc tính cơ bản của con người là sự đồng thuận” (*assent*). Sự đồng điệu. Thiếu điều này không có ngôn ngữ. Thiếu điều này đưa trẻ không bao giờ học nói được. Tất cả mọi người đều phù hợp với một sự đồng điệu nào đó, nhưng tất nhiên tính chất đồng thuận này khác cái gọi là ngôn ngữ.

Hamann trong tác phẩm *Metakritik* của mình cho rằng Kant đã phạm một sai lầm ngớ ngẩn. Lời giải thích về điều này cực kì đơn giản (lời giải thích những nhầm lẫn ngớ ngẩn luôn đơn giản). Chủ nghĩa duy lí như một vũ trụ quan là một hiện tượng thứ yếu. Các hình thức của toàn bộ các thế giới quan được đưa ra trong ngôn ngữ.

Các từ ngữ và các ngôn ngữ không phải do tư tưởng, nhận thức, trí óc, tính hợp lí tạo thành. Trái lại, nhận thức không là gì khác ngoài một dạng ngôn ngữ được chia sẻ bởi nhân loại. Cái tiên nghiệm (*priori*) không phải là nhận thức mà là ngôn ngữ. Cần hướng sự phê phán bản chất không phải đến nhận thức mà đến ngôn ngữ. Đây là thính cảm. Đây là điều cấm. Đây là điều cần.

Tất cả những điều này tôi ghi chép lại để một người nào đấy một lúc nào đấy sẽ xây dựng lên một khoa học về sự

thính cảm. Có một số người cho rằng không có gì cản trở trong việc chúng ta có thể xây dựng lên một dụng cụ miễn cảm biết đo khoảng cách giữa thứ ngôn ngữ gợi cảm giác (ngôn ngữ nghệ thuật) và ngôn ngữ hằng ngày, biết ghi lại những từ đã phát ra.

Nhưng từ sự sửng sốt và đau đớn của các nhà thơ bất tài, những kẻ lừa bịp, những kẻ khoác lác, bọn chính trị gia, bọn lừa đảo, các giáo sĩ, các nhà báo bên cạnh những ngôn từ đã nghệ thuật hóa còn cả ngôn ngữ hằng ngày được ghi lại. Dụng cụ này cho dù ý nghĩa thực tiễn lớn đến đâu, nhưng không có chút hi vọng nào để tạo ra nó.

Vật chất cho dù không phải hoàn toàn phi tinh thần, bởi vì như vậy nó sẽ là thứ phi-tồn tại, hay vật chất không phải là vô thần nhưng nội dung thần bí của nó ít đến nỗi nó chỉ nắm bắt được những tuyên bố tinh thần rất thô thiển (vật lí, hóa học v.v.).

Với từ Thượng Đế, vật chất chỉ có thể diễn đạt một cách phi hoàn hảo, gần như không thể hiểu nổi. Trong thế gian của chúng ta vật chất là thứ mà sự đồng điệu của nó trì trệ nhất. Bởi vậy từ vật chất chế tạo ra một dụng cụ để hiểu, để đo, để đánh dấu về sự đồng điệu tinh tế của linh hồn là một việc không thể. Chế tạo ra máy thính cảm là việc không bao giờ có.

Tôi muốn kể về một vài trường hợp thính cảm.

Người thầy ở Marokkó

Họa sĩ Csontváry vào giữa cuộc Thế chiến I đã viết một thông báo khẩn cấp cho Bộ Ngoại giao, trong đó ông nói rằng con người không cần phải lo lắng, không có nỗi nguy hiểm nào đe dọa, bởi vì ông đã tìm thấy sự liên kết với Thượng Đế. Ông còn đề nghị hãy nói với cả nhà vua về điều này.

Những kẻ cùng thời cười thương hại cho họa sĩ. Một thằng điên. Có thể nhận định của họ đúng nếu như Csontváry không vẽ bức tranh *Người thầy ở Marokkó*.

Thế là những kẻ cùng thời lập tức im phăng phắc. Bức tranh *Người thầy ở Marokkó* là một bằng chứng cho thấy khi Csontváry nói mình đã tìm thấy sự liên hệ với Thượng Đế, ông đã đúng. Bức tranh là một dấu hiệu mời gọi. Giữa tất cả các bức tranh ông đã vẽ đây là bức duy nhất thể hiện bằng một sự đồng điệu đặc thù. Nói như người họa sĩ, bằng một sự liên kết.

Bức tranh nhận ra tâm trạng một người khi nói ra (một cách nghiêm túc) một dấu hiệu mời gọi (từ: Thượng Đế), lúc ấy người đó bước vào sự liên kết với Thượng Đế. Tâm trạng này không xa lạ. Nó được đặt tên là Miki và Aljosa của Dostojevskij. Kẻ ngốc. Kẻ khờ khạo. Kẻ nghèo khó về tinh thần. Thật hạnh phúc cho những kẻ nghèo khó tinh thần, bởi họ biết thốt ra từ: Thượng Đế.

Với Csontváry rất có thể từ Thượng Đế không phải là một tín hiệu mời gọi, mà là một cái TÊN thật sự. Nhưng chúng ta không biết Thượng Đế người ta gọi bằng tên gì. Chúng ta chỉ biết đấy là Thượng Đế. Chỉ là một vị trí, một nghề nghiệp, chúng ta bảo, một phẩm hàm. Nhưng cũng chỉ những kẻ

nghèo khó tinh thần mới biết thốt ra từ này. Chỉ sự vô tội
ngốc nghếch. Đây là bức tranh *Người thầy ở Marokkó*.

Trên mặt người thầy là sự hài hước của tri thức. Bởi tri thức
luôn là sự hài hước. Bức tranh Gioconda (Leonardo da Vinci) là
một bằng chứng. Bản thân ông thầy cũng không hiểu sự hài
hước ở đâu ra, biết đâu sẽ bị mất ngay trong khoảnh khắc
tiếp theo. Điều quan trọng là nó vẫn còn đó. Và ông thầy hiểu
nó. Nếu nó bị mất, thầy sẽ luôn luôn nhớ rằng có một lần nó
đã từng có. Chỉ cần nhận ra, điều này cần dạy dỗ như thế nào.

Luôn luôn cần nói với một nửa giọng thôi và nếu thầy mới
chỉ tìm ra sự hài hước này thôi thầy đã có thể giúp biết bao
nhiều linh hồn. Tất cả họ đều chờ đợi điều này.

Trong bức tranh *Bức Tường Than vãn* Csontváry đã vẽ
những linh hồn chờ đợi này. Giờ đây chỉ tác giả có nó, đúng
hơn, có một gánh nặng. Không thể cho đi. Cho dù không phải
của ông nữa. Cần phải nói ra, rằng... Điều này không đủ chính
xác. Đơn giản hơn nữa. Cần đơn giản hơn nữa. Nữa, đơn giản
hơn thế nữa. Toàn bộ để làm gì cơ chứ khi chỉ tôi biết, và tôi
không có khả năng chuyển cho bất cứ ai!

Schumann

Giữa các tác phẩm của Schumann tôi thích nhất là bản
noveltet cuối cùng của ông, có thể vì nó phù hợp nhất với sự
chờ đợi của tôi với ông.

Cái tôi kiếm tìm trong đó, chắc chắn cũng có trong tác
phẩm *etude simfonia*, cho những tổ khúc và độc tấu cho

piano, chưa nói đến dàn nhạc *a- moll*. Nhưng chưa ở đâu biến thành một thứ phóng đại kí ức điên cuồng như ở bản nhạc này.

Đối với tôi trong tất cả các tác phẩm của Schumann chỉ có duy nhất một chủ đề. Đó là sự se lại hiếm hoi, dịu dàng đến vô tận của trái tim, mà một người đang yêu đặc biệt trải qua khi người yêu ở xa mình. Trái tim se lại như thể không muốn làm phiền sự hiện diện của người yêu. Khi đột nhiên một lần nghĩ đến người ấy, trái tim hoàn toàn tê dại. Như thể từ mặt đại dương tối đen một ngôi sao cháy sáng rực bay lên trong đêm. Đề tài vĩnh cửu của Schumann là niềm hạnh phúc lóe sáng của trái tim, là sự tái hiện rực rỡ đầy dục tính khoảnh khắc tê dại của tình yêu bí ẩn.

Tôi giả dụ rằng Schumann cảm thấy điều này trong cái hôn của Klára. Bởi vì trong bản nhạc này đúng hơn tôi cảm thấy Klára chứ không phải ông. Chưa ở nghệ sĩ nào người đàn bà truyền cảm hứng lại trở thành nàng thơ hoàn toàn như vậy. Đây là điều tuyệt vời của Schumann. Và không ở đâu hoàn hảo hơn là ở bản nhạc cuối cùng của ông. Klára, chỉ có Klára mà thôi. Tôi chưa bao giờ nghe ai chơi bản *novellet* cuối cùng này. Nó xa lạ với các cuộc biểu diễn âm nhạc. Không có gì đáng ngạc nhiên. Đây là một dòng điện truyền ngay lập tức lúc nhạc nổi lên, một viễn mộng trí tuệ ngùn ngụt từ niềm cảm hứng ngây ngất. Bơi trong biển bạc của tình yêu dành cho Klára toàn bộ. Không có chỗ cho phòng biểu diễn của dàn nhạc.

Nhưng điều này mới chỉ là một nửa nội dung của bản *novellet*. Còn một điều khác nữa lộ ra từ niềm hạnh phúc. Và khi nó lộ ra, nó đóng băng, đột ngột lạnh lùng và cấu cào và ngọt ngào. Đây là một sự trớ trêu. Con người muốn hiểu chính bản thân mình, chỉ có một cách duy nhất, nếu nó yêu.

Sự trớ trêu tấn công, và cũng như vậy, nó tự vệ. Cắm thù. Trả thù. Đây là một sự gấn bó khác. Schumann yêu Klára, yêu một cách mất trí, và khi ánh lửa ngậy ngất trong trái tim cháy bùng lên, chàng bắt đầu run rẩy và cười ngạo nghễ. Sự tự hành hạ nỗi đau khổ, sự bất lực, cái cười nhả nhở ngạo nghễ trong sự ngu ngốc của chính mình. Đây là đề tài của bản *novellet*.

Hai điều. Nhìn ra bất cứ đâu cũng luôn luôn thấy hai điều. Tắc thờ trong sự say đắm ngậy ngất và tắc thờ trong cái cười ngạo nghễ nhả nhở. Nếu nhả nhở cười ngạo nghễ trên những thằng ngu, kịch cỡm, đê tiện, đờ đẫn, nhút nhát, đạo đức giả còn có thể được. Nhưng Klára? Nhạc sĩ muốn gì? Kể này đâm xuyên vào kẻ kia, quay tròn và nhai rôm rốp và rên rỉ. Cùng lúc tất cả lộ ra và hết.

Van Gogh

Van Gogh trong giai đoạn cuối ở Arles đã vẽ rất nhiều bức đảo nguyệt quế. Những bức tranh nguyệt quế làm tôi nhớ nhiều đến chúng, kể cả lúc này, những cái cây dày đặc đứng cạnh nhau, bức tranh như thể từ trên nhìn xuống, như thể không thể nhìn xuyên thấu, giống như một bức họa Trung

Quốc, như thể một đám cháy bốc lửa vẽ bằng những cột khói dày đặc.

Van Gogh điên rồ, như Schumann (và Csontváry và Nietzsche) nhưng giữa đám người châu Âu, tôi có cảm tình với những kẻ điên rồ. Bọn không điên rồ luôn nghĩ trong đầu làm thế nào để lấy được tiền từ túi thằng khác, hoặc cái dùi cui từ tay kẻ khác.

Ở đây không nói về một cái gì đặc biệt và hiếm hoi, về một thực hành ngập ngừng. Một tội lỗi. Một sự nhầm lẫn. Không phải một cái phi hoàn hảo của kĩ thuật hay kiến thức nào cả. Không. Xin thưa đây là một sự điên rồ thế hệ của toàn bộ loài người.

Van Gogh nhận ra, con mắt của chúng ta trong cái nhìn mặt sát là con mắt hư hoại giả dối, không nhìn thấy hiện thực, mà chỉ thấy tấm màn méo mó mà máy ảnh đã chấp nhận. Tất cả chúng ta trong sự lãnh đạm và bằng cái bản chất đóng băng một nửa của mình đã nhìn thấy một thế gian không giống hiện thực. Vô hiệu quả. Để con người nhìn thấy đúng hiện thực, đúng sự giả dối được gọi là hiện thực, cần phải nhóm lửa của nó lên.

Để con người trở thành tỉnh táo, cần phải trở nên điên rồ. Van Gogh nhóm thế gian lên và trở thành điên, để nhìn thấy hiện thực như là nó. Cái mà chúng ta gọi là sự điên rồ gần với trạng thái bình thường hơn là gần với cái chúng ta gọi là tỉnh, không điên.

Nhưng như vậy bức tranh này vẫn chưa là gì cả. Vẫn mới chỉ là một bức họa. Vẫn mới chỉ là nghệ thuật. Nhưng bức đảo

nguyệt quế không như vậy. Ô! Mà là nó rất khủng khiếp! Làm sao để có thể nói hết toàn bộ nó ra đây?

Nói ra điều nó nói ra. Nói ra điều không thể nói ra. Cùng lúc, tất cả, đường cày in thành rãnh, quả bí vàng, những cái cành, những cái ghế rơm, quả đồi, lớp vỏ cây, khói, những hòn đá, cái khăn trải bàn, khuôn mặt rậm râu, mặt trời, vâng, chính thế, mặt trời.

Thi phẩm của Hölderlin về một kỉ niệm

Con người trong sự lãnh đạm tâm lạnh vẫn có thể sống được, trong sự lười biếng vẫn có thể hạnh phúc, như một kẻ ngốc, như súc vật. Bằng trái tim trống rỗng dễ trở nên hạnh phúc – *es ist leicht, mit seichtem Herzen glücklich zu sein*.

Nhưng con người không chọn sự lãnh đạm mà chọn thứ LUẬT LỚN. Đây là sự thừa kế. Bởi vậy con người sống trong sự thử nghiệm nước đôi. Nếu cầu hòa bình, nó cần sự nhẫn nại súc vật, nếu chọn LUẬT LỚN, nó cần đổ máu. Và nó làm.

Khi nào nó hoàn thành mệnh lệnh ghi trong bản chất? *Treue Gottes* là cái gì? Không, nếu nó trở thành súc vật. Không, nếu nó lớn lên trong sự sinh sôi của cái chết hoang dại (*das allzu gebundene*). Đặc biệt làm sao. Đây là trạng thái tĩnh. Một cách hiểu biết và theo duy lí.

Có gì trí tuệ hơn việc muốn hạnh phúc và trở nên hạnh phúc. Nỗi nguy hiểm của sự tĩnh táo, sự hiểu biết và trí tuệ là sự trả giá khi sống đời dẫn bình yên với trái tim rỗng tuếch. Trên giá của sự phản bội nữa. Bán mình cho niềm hạnh phúc

và trong sự thản nhiên cảm lặng biến thành súc vật. Đây là sự hiểu biết và tỉnh. Đây là sự duy lí.

Còn lịch sử là sự vô nghĩa. Lịch sử là sự điên rồ của đổ máu. Và đây là sự trung thành với Thượng Đế. *Treue Gottes*. Cái này dù khủng khiếp đến đâu, trong sự kinh hoàng này con người dù đạt tới ít đến đâu, một sự vĩ đại vẫn bắt đầu. *Des grossen Anfang*. Tại sao?

Bởi vì bằng việc hiến dâng sự tỉnh táo, hòa bình, hạnh phúc, bởi vì bằng việc lựa chọn sự điên rồ, sự đổ máu và sự bất hạnh, nó đã mở ra. *Denn lang steht offen, wie Bücher, zu lemen, oder Linien un Winkel dev Seele*. Trong niềm hạnh phúc súc vật linh hồn cảm và thản nhiên, và còn lại như thế. Chỉ trong sự điên rồ của lịch sử nó mở ra. Còn Thượng Đế với kẻ đã mở lòng, che đi những điều khủng khiếp. Phủ lên mắt nó bằng cái đẹp – *und decket die Lieder mit Kunst*.

Tình huống Pascal

Điều này tôi đặt tên là tình huống Pascal: nhận thức cứng nhắc, nền kinh tế học đã cân nhắc kĩ, chủ nghĩa cá nhân cứng như đá, tính lạnh lùng, kịch cỡm, và sự phi ảo tưởng, thuần túy đức hạnh buôn bán, tiện ích khô khan. Sự tự duy trì bản thân, dùng từ khác là háo danh, nổi đam mê sự vĩ đại, thứ không thỏa mãn với cái nhỏ bé, thứ đòi sự tận cùng và chắc chắn.

Trong tôi có bấy nhiêu đấy, và sự kết hợp này lựa chọn Kitô giáo trong tôi. Không có chút gì về chủ nghĩa lí tưởng, sự

chiêm ngưỡng, tôn giáo, rửa tội ở đây. Trong tôi thuần túy đây là sự tính toán. Tôi biết, không phải là quyền lực, của cải, sự thành công, sự hưởng lạc. Đây là những thứ giả bộ nghiêm chỉnh.

Chỉ có sự ngần ngại muốn ngự trị, hoặc muốn nhiều tiền, hoặc sự hưởng lạc. Một đảm bảo đời sống như vậy với tôi không đủ vững chắc. Tôi nghi ngờ nhiều hơn. Thậm chí. Tôi còn sợ hơn nữa cơ. Kẻ tương đối ích kỷ, tương đối tỉnh và biết tính toán, kẻ trong nó có đủ bản năng kinh doanh, có sự nhạy cảm về việc đầu tư, và kẻ chỉ muốn được trở thành một người theo Kitô giáo.

Điều này, xin thưa, không phải sự sâu sắc, chẳng phải đức tin hay việc của tinh thần. Xin thưa, đây là thực tiễn. Một hoàn cảnh duy nhất được đảm bảo: trở thành kẻ theo Kitô giáo. Tôi là kẻ nghiêm khắc, tính toán, biết lo âu vì sự đảm bảo bản thân đến tận cùng, và vì thế tôi chọn Kitô giáo.

Tình huống Pascal là: con người biết điều này. Nó biết chẳng có gì nhiều hơn. Không phải Kitô giáo. Nó chỉ biết thế. Cần phải trở thành điều này vì điều này không chỉ đúng mà còn thông minh nữa – và bằng điều này cùng một lúc nó giải quyết được tất cả.

Tôi biết chắc chắn rằng tôi cần phải trở thành kẻ theo Kitô giáo. Nhưng tôi chỉ biết thôi. Tri thức này chắc chắn đến nỗi thật tai hại nếu chống lại nó. Và kẻ nào không biết, kẻ ấy ngu. Tôi biết. Tôi đứng trong tri thức này nhưng tôi không phải người theo tinh thần Kitô giáo. – Đây là tình huống Pascal.

Một câu của Saint-Martin

Saint-Martin nói một câu rằng đầu tiên cần làm cái tốt, rồi sau đó mới muốn và nghĩ đến nó.

Một lời khuyên nguy hiểm. Tôi dám nói rằng có ít cái khác nguy hiểm hơn. Xóa hẳn ảo tưởng đầu tiên của trực giác. Đầu tiên cần làm đã. Rồi sau đó mới muốn và nghĩ, hoặc không cần muốn và cũng chẳng cần nghĩ, chỉ làm.

Nếu mi cứ đợi để việc muốn cái tốt tự phát mi sẽ phải đợi lâu và sau rốt mi nhận ra đến một cái tốt duy nhất mi cũng không làm. Lúc đó đã muộn rồi, vô ích mi âu sầu. Bởi vậy, đúng thế, con đường dẫn xuống địa ngục rải đầy những ý định tốt. Và chỉ toàn những ý định tốt. Và chỉ toàn những hành động xấu.

Hãy đừng nghe những ý định tốt của mi. Hãy đừng trở nên tự phát. Hãy làm cái tốt. Hãy làm chống lại chính bản thân mi. Mi không phải là cái tốt đâu. Hãy nhận ra đi, mi không tốt. Cái tốt cần làm trước tiên, trái với ý định của mi, độc lập hoàn toàn với mọi tri thức và mọi ý định tốt, và trái lại với những cơn tự phát của mi.

Sokrates là một kẻ vụng về, cái tốt đầu tiên không cần biết và không cần muốn, đầu tiên cần phải làm, sau đó, nếu kẻ nào có hứng, có thể muốn cũng được, nhưng không quan trọng. Có thể sau đó mi sẽ quen và một cách tự phát mi sẽ làm ngay. Nhưng cũng có thể mi sẽ chẳng bao giờ quen. Không sao. Không được phép chờ đợi để tự nguyện làm cái tốt. Dù tự nguyện hay không, cũng cần phải làm.

...Những hậu quả...

Kitô giáo chống lại tính tự phát? Chống lại sinh học? Một bạo lực thực hành trên những bản năng sống? Sự phá hoại đời sống? “*Lí tưởng muôn năm, đời sống hãy chết đi!*”. Nhưng không chỉ Kitô giáo, mà tất cả những gì bắt nguồn từ Kitô giáo? Tôi cần tự mình chống lại cái có trong lợi ích của chính mình? Cần chiến thắng và tiêu diệt cái tự phát? Không quan trọng điều tự nó đến mà quan trọng là cái hãy tốt?

...Và lời giải thích

Trước hết mi hãy yên đi hăng. Rồi sau đó mi hay nghĩ về những từ ngữ như “*Lí tưởng muôn năm, đời sống hãy chết đi!*” – cần phải bỏ hẳn. Bạo lực? Vụng về và rẻ tiền. Rõng tuếch giả dối.

Cái người ta đặt tên nó là sự tự phát, cái xuất hiện từ bản năng của mi, hay như ngày nay người ta thường nói, hiện sinh, cái đó, bạn thân mến, đều rất văn hoa, rất tiểu sử danh nhân, hay đều đóng vai anh hùng, và thánh và nhà thông thái. Tất cả những điều này liên quan đến con người đã hư hỏng. Nếu mi để cho con người đã hư hỏng hành động, nó sẽ tự phát, sẽ chân thành và sẽ hiện sinh. Toàn những ý đồ tốt. Và toàn những hành động lưu manh. Nó sẽ kinh tởm từ sự giả dối. Và nó sẽ làm tiếp toàn những tội ác. Vì nó đã như thế.

Tôi không ưa thích loại văn học như vậy. Tôi kinh tởm điều trở thành anh hùng, hoặc thánh, hoặc nhà thông thái. Tôi

không tò mò tiểu sử danh nhân của mình. Tôi muốn trở thành một con người bình thường.

Và mi hãy tin đi, cho dù chúng ta đã hư hỏng đến bao nhiêu, trong tất cả chúng ta vẫn còn con người bình thường này. Và khi mà mi làm việc tốt (tôi gọi như vậy vì cảm hứng của sự giản dị, và mi thừa biết cái gì là cái tốt) lúc đó kẻ bình thường chính là kẻ đã hành động.

Với một con người bình thường những câu hỏi nêu ra như sự tự phát hay lòng chân thành đều không có. Với người bình thường chỉ có một câu hỏi thôi: cái gì tốt? Nó cũng chẳng hỏi nó nói dối hay không. Điều này, nghĩa là hiện sinh, với nó không thành vấn đề.

Nó không hỏi bởi nó không phải nhà thông thái, không phải thánh cũng không phải người anh hùng, và tiểu sử danh nhân nó cũng chẳng thiết. Điều nó quan tâm là cái gì tốt. Bởi cái tốt là sự bình thường và khỏe mạnh. Không có chuyện ý đồ và ý chí. Cái này tốt. Cái này là cái cần làm. Không có vấn đề. Không có xung đột. Đây là cái tốt. Toàn bộ rất giản dị: đây là cái tốt, hãy làm điều này, vậy thôi.

Thêm một lần nữa về Pascal

“Mi sẽ không tìm kiếm ta nếu ta không phải là của mi. Đừng lo âu”.

“Vĩnh viễn “không” thay vì cho “có”

“Luôn luôn cần ít nhất là một ý nghĩ bí mật”.

Mi run rẩy? Như *Turenne* nói: mi run rẩy! Giá như mi còn biết nữa, ta đưa mi đến đâu! Ta đưa mi vào lửa. Ta đưa mi đến cây thập tự. Mi không biết sao kẻ bất hạnh, cái mi gọi là đời sống, chỉ là giấc mộng đẹp nhất của tinh thần mi. Không có hòa bình. Không có bình yên. Không có nốt cả niềm hạnh phúc, lẫn niềm vui, lẫn thiên đường.

Đời sống! Hậu quả cuối cùng của việc mi nghiền nát và xé tan bản thân mi ra, mi dâng hiến, đốt cháy và đóng đinh mình lên thánh giá. Cái vì thế mi hành hạ và khủng bố bản thân, cái vì thế mi run rẩy và không bao giờ muốn cái tốt, nhưng mi làm chống lại ý chí của mi.

Đừng lo lắng thế! Ta là của mi. Mi tìm kiếm bởi vì ta là của mi. Mi không bị mất đâu, không thể bị mất. Đừng lo lắng, nếu ta đã hỏi. Đừng sợ. Hãy đập đổ, hãy xé nát, hãy tiêu diệt. Cái mi làm chống lại bản thân nằm trong lợi ích của bản thân mi. Hãy thông minh một chút. Hãy tỉnh và ích kỉ và thực dụng.

Có: vĩnh viễn quay về không và không quay về có. Luôn luôn chúng ta có ít nhất một tư tưởng không nói ra, ngậm miệng. Nếu mi sống trong sự hưởng lạc, trong quyền lực, trong của cải, hoặc trong thành công, sau mi là cây thánh giá. Nếu mi sống trong sự đau khổ, trong sự từ bỏ, trong sự dâng hiến, sau mi là đời sống và sự vinh quang. Chớ lo lắng.

Tình trạng khó xử của một ông thợ đường ống hay: không có gì lúng túng hơn như khi đao phủ bị treo cổ

Có thể nhận ra nụ cười của bác sĩ trưởng. Nụ cười có chuyên môn. Hiện thực, ngài cười và nói, không phụ thuộc vào con người. Vâng xin thưa, đúng là như thế, ngài vừa nói vừa cười. Vô ích chúng ta chống đỡ. Cho đến tận khi ngài ốm. Từ lúc đó trở đi bác sĩ trưởng không bao giờ cười nữa.

Ngài nhận ra, hiện thực hóa ra cũng không hoàn toàn độc lập với con người. Giờ, ngài đang lâm nguy. Chừng nào ngài đưa những kẻ khác đi treo cổ, chừng đó ngài chưa gặp nguy. Hiện thực, ngài nói, độc lập với con người. Khi người khác đưa ngài đi, ngài giật nảy mình và nụ cười chuyên môn hóa không nhìn thấy ở đâu nữa.

Có vẻ như nụ cười độc lập với con người chỉ có hiệu quả chừng nào còn tốt cho một kẻ nào đây. Khi nụ cười này bắt đầu mệt mỏi, tất nhiên lập tức khác. Không bao giờ còn khách quan nữa. Nó trở nên nguy hiểm, nổ tung, đánh lạc hướng, bỏng giấy, đăm mê, quay cuồng, thậm chí hơn thế, mất dạy một cách đáng khùng, ti tiện và ngạo mạn, mang tính chất quyền lợi phi khoa học.

Cơ diên không thể tấn công nổi của hiện thực độc lập với con người có thể tồn tại nếu bác sĩ trưởng không bao giờ mắc bệnh. Nhưng từ bấy đến nay tất cả các bác sĩ trưởng đều mắc bệnh. Và khi người ta mang họ đi treo cổ, ô! mới bắn loạn làm sao.

Hiện thực độc lập với con người, cái còn gọi là thế giới khách quan là một ảo ảnh phi trái tim đã bị mất trí. Bản thân khái niệm hiện thực hiện đại là một bằng chứng cho việc hiện thực phụ thuộc vào con người.

Thế giới khách quan không là gì khác, ngoài một thế gian phụ thuộc, một thế gian phụ thuộc vào kẻ bị luộc chín cứng như đá trong chủ nghĩa cá nhân súc vật.

(... ta điên tiết, ta nổi giận và ta thuyết giảng. Tiếng ồn ào chẳng nói lên điều gì. Chỉ có nghĩa là bản thân ta cũng yếu ớt. Nếu ta đủ cứng cỏi, ta đã không gào lên).

Thế giới khách quan là một chức năng của điều kiện chủ quan đặc thù, là điều kiện chủ quan phi tưởng tượng, phi đam mê, thường nhật và trung lập, tầm thường và thô thiển.

Thế giới khách quan không độc lập với con người mà phụ thuộc vào thứ người lãnh đạm, thế giới khách quan là thế giới của chủ nhà băng, kẻ thực hành, cảnh sát, người chuyên chở, thủ trường hành chính, chủ nhà chứa. Một sự cưỡng bức. Một sự ngu muội máy móc hóa.

Nó là bác sĩ trưởng, chùng nào ngài bác sĩ trưởng chưa bị làm sao. Nhưng khi bị dẫn đi treo cổ, lúc đó hết giải pháp. Hết thế giới khách quan chỉ còn lại một thế gian đau khổ, bị hư hoại, bệnh tật, rách rưới, nghèo đói, bị bỏ rơi trần trụi, tối tăm, phức tạp không thể nhận biết, một thế gian rống gào lên trong đau đớn.

Nhu Cầu

Không được phép nhầm lẫn chủ nghĩa duy lí với khoa học. Chủ nghĩa duy lí phạm một sai lầm là nhầm lẫn một trong những bộ mặt bị biện chứng hóa của vũ trụ – nhu cầu – với

bản thân thế giới và tin rằng đây là Thượng Đế (theo Bergyajev).

Thần tượng

Chủ nghĩa khách quan chỉ có nghĩa chừng này: sự thờ lạy thần tượng (“Hiện thực độc lập với con người”).

Thiếu sự thỏa thuận của tôi trên thế gian này không có bất cứ cái gì xảy ra hết, một cái móng tay cũng không động đây, một va đập đùng chạm cũng không thể diễn ra trên đường đi của nó.

Thần tượng. Sự quỳ lạy. Khách quan. Thượng Đế bị vật chất hóa. Giả danh Thượng Đế. Các sự vật. Các vật thể. Các con số. Thống kê. Thần tượng là một cá nhân hóa tưởng tượng. Không hiện thực. *Moral insanity*, cần chuẩn bị đến sự mất giá của nó.

Whichcote

Good men spiritualize their bodies, bad men incarnate their souls – Con đường đúng đắn là con người tinh thần hóa thể xác của nó, con đường sai là con người khoác xác thịt lên linh hồn của nó.

Hãy tránh xa bọn thi sĩ dĩ điểm (*Cave poetam*)

(*Một ghi chép về đàn bà, về nghệ thuật, về thi phẩm và hiện thực của sự phù phép*)

Đây là nói về mối quan hệ mới của hiện thực và phép thuật. Tất nhiên tốt nhất nếu giữa cái chúng ta gọi là thế gian hiện thực và thế gian phép thuật tìm ra một cái trung lập bình thường (các mức độ). Nhưng đấy chính là sự phi lí dành cho tôi khi tôi đã hư hỏng. Điều chắc chắn: tôi không thể xóa bỏ cái này hoặc cái kia.

Cần duy trì cả hai. Phép thuật hiện thực và hiện thực phép thuật.

Tôi gọi là hiện thực tất cả, những gì khách quan, lạnh lùng, trừu tượng, hình học hóa, phi đam mê, vô cảm, cá nhân chủ nghĩa, bày đàn, ảo ảnh chủ quan phi trái tim. Tôi gọi phép thuật là những gì nhận ra, không thể nắm bắt, cụ thể và đam mê.

Cái chúng ta gọi là hiện thực là một mối quan hệ như thế nào đấy của hiện thực và phép thuật. Bởi vì, không sao cả nếu giữa hiện thực và phép thuật có sự căng thẳng, nhưng mức độ căng thẳng giữa hai cái tôi không sắp xếp được, tôi không biết đồng nhất cả hai cũng như không biết tách rời chúng;

Sau phép thuật có hiện thực và sau hiện thực có phép thuật.

Đây là lúc cần nói đến thi phẩm.

Với phụ nữ ngay từ đầu tôi đã có mối ác cảm riêng của mình. Tôi cảm thấy điều này vì sự phi đam mê của họ. Tôi nghi ngờ. Tại sao điều đầu tiên ở họ là họ sợ hãi và ngượng ngập cho chính mình? Đây luôn luôn là kinh nghiệm trực tiếp đầu tiên của tôi khi tiếp xúc gần với một phụ nữ. Thật đáng ngất lịm đi.

Kinh nghiệm cho thấy đàn bà đầy ắp cảm xúc, nhưng là thứ cảm xúc lạnh lùng. Theo kiểu của loài bò sát. Càng mang tính đàn bà càng như vậy. Đây là sự rỗng tuếch. Một sự rỗng tuếch đau đớn, thèm khát, ham muốn, bất lực, phát buồn ngủ. Đây là sự vô cảm phi trái tim và phi trí tưởng tượng. Đây là thứ tính dục lạnh lẽo và ảm ướt. Một sự thiếu vắng trí tưởng tượng tình yêu. Đây là sự bất lực tính dục.

Họ không kiêu hãnh, cùng lắm là kiêu ngạo, không nhún nhường, cùng lắm là bị hạ thấp. Bởi vậy họ kiêu ngạo đến mức ngu xuẩn. Từ sự đờ đẫn ngác ngơ. Và họ không có gu. Bởi vậy họ dễ cảm thấy bị xúc phạm nhưng không nhạy cảm. Bởi vậy thật là một sự điên rồ khi bằng giới tính họ dính lấy một người đàn ông, kẻ đến gần họ như thể để giải phóng họ ra khỏi chính họ, như thể để cho họ dự phần vào chút ấm áp, chút xúc cảm, chút đam mê và chút ngất ngây hưởng lạc thú. Cái này đàn bà gọi là tình yêu.

Sự bất lực. Sự ngất lịm trong rỗng tuếch. Đây là sự nghèo nàn cảm xúc đến chấn động. Đây là sự rét run lập cập đến giật mình. Điều này trong thứ tính dục đàn bà là sự bám chặt vừa lạnh lùng tàn bạo vừa buồn nôn vừa dính dấp, thứ thèm khát và là kí sinh trùng. Như thể họ không hề sống, chỉ là những con ma sống dậy để nếm thử một hạm từ sự say mê của đàn ông.

Đúng vậy, ngay từ khi còn nhỏ tôi đã biết đàn bà giống con muỗi, không có máu riêng của nó, và nếu nó không kiếm được một giọt máu từ nơi nào đó (bất kì từ đâu), nó sẽ bị hủy diệt phi dấu vết. Thật không cảm giác nào thảm hại hơn thế.

Tôi chỉ bắt đầu hiểu họ khi tôi thấy vì sự thu thập một giọt máu mà họ có khả năng cố gắng đến như thế nào. Và nếu họ không hút được, cả cái thế gian đã tạo dựng này không có thực thể nào thảm hại hơn đàn bà. Rỗng tuếch, phi nội dung, vô cảm, phi đam mê, lạnh lẽo, dập dính, vô nghĩa, khách quan, trừu tượng, phi trái tim, cá nhân chủ nghĩa, tỉnh, tàn bạo. Hoàn toàn sống trong lĩnh vực của hiện thực. Đây tính toán, lãnh đạm, thực dụng, máu con buôn, phi trí tưởng tượng, tầm thường, thô thiển, vô đạo đức, mất dạy.

Kassner nói đàn bà mong muốn họ được nhận sự phù phép (*ein Weib will verwandelt sein*). Một người đàn bà không sống trong sự phù phép – không một thực thể nào thảm hại hơn trên thế gian. Lúc đó sự phù phép cơ bản của họ là trang phục.

Alain viết, đàn bà chỉ đúng là đàn bà khi đã diện đồ. Sự phù phép đó là mốt. Nếu không có mốt, đàn bà sẽ ăn thịt người sống, và cái quan trọng nhất trong toàn bộ điều này là họ không hề biết họ đang làm gì. Rất có thể họ cũng sẽ ăn thịt cả con trẻ, rất có thể giữa các hình thức “văn minh hóa” cao hơn đám đàn bà không có trí tưởng tượng, thiếu sự phù phép, phi đam mê biết “ăn thịt” cả con trẻ! Và người ta gọi đó là tình yêu của người mẹ.

Tôi kinh nghiệm ra rằng: một trong những tính chất quan trọng nhất của thi ca đồng nghĩa với sự lạnh băng của xúc cảm đàn bà. Nơi sự say đắm không đến với ngôn từ, mà chỉ sự lãnh đạm có tính toán. Đây là một chất khô khan thiếu máu, thiếu không khí phi sinh sản, thứ không có sự đam mê

và trí tưởng tượng, là sự rét buốt và vô cảm, sự tự thương thức mình một cách kiêu ngạo của chủ nghĩa cá nhân.

“Thi ca trong một góc nhìn nào đấy phi cá nhân”. Loài bò sát ngu ngơ, loài cần một giọt máu, ít nhất một giọt máu, nếu không chỉ là bóng ma, vô cảm, rỗng tuếch. Những hình nộm, người thiếc, hình người sáp, chậu hoa cảnh, các bức vẽ. Trừu tượng. Khách quan. Khô khan. Hiện thực.

Kẻ đánh thức sự đam mê, bản thân nó không đam mê. Sự kém cỏi quảng cáo sức mạnh. Sự yếu ớt của đàn bà – một quyền lực đến như thế nào! Sự lạnh lùng của thi ca – Lửa đến như thế nào!

Lĩnh vực xúc cảm lạnh như băng của thi ca và nghệ thuật.

Tất nhiên chừng nào một kẻ nào đấy còn bị lôi kéo vào trách nhiệm với đàn bà, với các nhà thơ hoặc các nghệ sĩ, nó sẽ còn nhầm lẫn, như nhầm lẫn vào quan niệm suorť mươť đả cảm rằng trái tim đàn bà ngay từ đầu đã ấm áp, hoặc nhầm lẫn rằng thi ca chỉ nói về thế giới cảm xúc nhân đạo.

Tôi thấy thương hại những kém cỏi của phụ nữ, và tôi thấy họ khổ sở như thế nào trong sự kém cỏi của họ, và họ yếu đuối một cách khó tưởng tượng nổi, tôi thương họ đến mức không thể hiểu được tình yêu của đàn bà ngoài một sự yếu mềm, một sự thèm khát nổi niềm được phù phép, từ lúc đó trở đi tôi biết rằng Kassner đã đúng: *ein Weib will verwandelt sein*, đàn bà muốn, họ được nhận sự phù phép.

Biến họ thành kẻ khác như kẻ ấy. Họ muốn sự trừu tượng, lạnh lùng, sự trống rỗng phi đam mê và phi tưởng tượng này,

cái là hiện thực – hãy được đam mê, máu và tâm trạng và niềm cảm hứng đổ ngập vào, bao phủ và làm nóng họ lên và phù phép họ. Sự phù phép này là phép thuật.

Người đàn bà thuần túy về mặt hóa học, nếu có, là sinh linh đáng thương nhất của thế gian. Giống như người đàn bà đứng về mặt hóa học chừng nào còn trong sạch (trinh tiết) chừng ấy còn vô cảm, rỗng, lạnh lùng, cứng rắn, phi cá nhân (nữ thần Artemisz).

Con người càng rơi xuống sâu bao nhiêu (cái gọi là) thế giới cổ của các bản năng (côn trùng, bò sát, cá) đời sống của họ càng lạnh lẽo, tàn bạo, khát máu, phi đam mê, dính dấp, phi chia sẻ bấy nhiêu.

Con nhện cái nuốt chửng nhện đực và sinh sản như vậy. Những sợi đời sống do các Moira – nữ thần nhện dệt nên. Ở đáy sâu đời sống chúng ta đều sống trong xúc cảm – bò sát tàn bạo. Đây là hiện thực. Đây là khách quan. Vật thể. Con số. Trừu tượng. Điều này nằm trong sâu thẳm của thi ca và nghệ thuật. Và nếu một bài thơ tìm cách tiếp cận, luôn luôn tiếp cận với thứ nước dãi ẩm ướt dính dấp này.

Truyền thống Do Thái gọi thứ nước dãi này là *nachas*, con rắn. Giác mộng và nghệ thuật và thi ca và tôn giáo biết rất rõ về con rắn này. Đây là Proteusza của người Hi Lạp và Széth của người Ai Cập. Đây là bóng tối, là sự quy định và sự trống rỗng. Đây là cảm xúc phi nhân tính và tàn bạo. Trái ngược với phép thuật nóng bỏng và sáng rực rỡ của Mặt Trời, ảo ảnh sáng sủa, cái thấy, cái không nắm bắt được, phép thuật.

Đàn bà muốn được phù phép. Vật liệu cơ bản của nghệ thuật và thi ca là con rắn, nhưng cái nó làm lại là phép thuật. Bản chất của đàn bà là hư hoại, xám xịt, dập dính như nước dãi, nhưng nếu được phù phép ảo ảnh của cái đẹp rực rỡ bên trong nó vụt sáng ngời.

Phía sau hiện thực có phép thuật và phía sau phép thuật có hiện thực.

Tranh thủy mặc Trung Quốc

(Một cái gì và hư vô. Vật thể và không gian. Khách thể và chủ thể cực nhỏ. Kinh nghiệm xúc giác và cái không thể nói ra nổi. Hiện thực và phép thuật.)

Tranh thủy mặc Trung Quốc chứa đựng hai yếu tố: một là đường nét và mảng tối, hai là một không gian trống rỗng màu trắng. Khi, theo cách thức hội họa châu Âu, tôi nhận thấy, mình xuất phát từ đường nét và mảng tối, và khi nhìn khoảng không phủ kín bằng một không gian màu trắng, tôi không hiểu gì hết.

Tôi cứ tưởng đây là sự mô tả một vật, một phong cảnh hoặc một hiện tượng. Trong một giây may mắn tôi chợt nhận ra, đây không nói về hai lực, hai sức mạnh hình thức hóa như nhau. Không. Màu trắng không phải là môi trường, là không gian thụ động, là sự trống rỗng, là hư vô, là sự tình cờ. Không, và không. Đúng hơn nó tạo ra màu đen (đường nét, mảng tối), giống như màu đen tạo ra màu trắng. Quyền lực

tạo ra hình thức là màu trắng. Vũ trụ, hư vô. Cái phi xác định. Infinitesimalis (cực tiểu).

Đối với con mắt châu Âu chỉ có đường nét màu đen và mảng tối. Họ chỉ nhìn thấy những cái đó. Họ chỉ cho rằng những cái đó tồn tại. Không gian, vũ trụ, màu trắng, hư vô, họ không nhận ra. Trong một giây may mắn tôi không xuất phát từ màu đen sang màu trắng, mà đi từ màu trắng sang màu đen. Đây là giây phút tôi bỗng chợt hiểu tranh thủy mặc Trung Quốc. Cùng lúc, tôi cũng chợt hiểu, mặc dù màu trắng ở “bên ngoài” màu trắng là “môi trường” là “không gian” – thế nhưng nó lại chính là cái bên trong, chính là nội dung, là nhân vật và là thời gian.

Tất cả những điều này bởi vì, tôi đã không nhìn từ màu đen có thể “sờ” bằng cảm giác đến màu trắng, mà tôi nhìn từ màu trắng phi xác định sang màu đen.

(Chủ thể là vị trí mà từ đó thực tại có thể nhìn thấy.)

Tôi không đặt vị trí vào sự vật mà vào một sức mạnh tạo ra hình thức, không đặt vào khách thể mà đặt vào chủ thể. Không vào cái lỗ lộ mà vào tính chất phép thuật của nó.

Hội họa hiện đại không còn nghi ngờ gì nữa có quan hệ họ hàng với tranh thủy mặc Trung Quốc. Nó chỉ có một sai lầm duy nhất, vẫn luôn luôn xuất phát từ màu đen, từ kinh nghiệm cảm giác, từ khách thể, và coi không gian là cái thụ động và trống rỗng. Đây vẫn là sự sùng bái thần tượng (*idolatria*). Chủ nghĩa hiện thực. Khách thể-phức tạp. Hậu trường. Đây vẫn chưa là thực tại.

Người họa sĩ hiện đại lớn là kẻ nhận ra không phải một cái gì hình thức hóa tạo nặn ra hư vô, mà là hư vô tạo nặn, hình thức hóa ra một cái gì. Là người hiểu, màu trắng, sự trống rỗng, khoảng không và chủ thể nhỏ nhất không có ở bên ngoài, mà ở bên trong, không phải cái lộ thiên mà là tính chất huyền thuật, không phải khách thể mà là chủ thể. Tôi cho rằng, hoàn cảnh để người họa sĩ được sinh ra, phải chín muồi.

Chừng nào chúng ta mới chỉ nhìn thấy đường nét và các hình dạng trên tranh, chừng đó chúng ta mới chỉ nhìn thấy nửa bức tranh. Giống như tranh châu Âu thực chất chỉ là nửa bên ngoài của hiện thực. Chừng nào chúng ta chưa hiểu rằng từ bên ngoài sự trống rỗng trắng tác động vào bên trong không là gì khác, ngoài một lực hình thức hóa tác động từ bên trong ra ngoài, chừng đó chúng ta hoàn toàn không thể am hiểu gì về hiện thực thật sự của hội họa.

Sự im lặng

(Ghi chép về tranh thủy mặc Trung Quốc)

Feruccio Busoni trong phần mỹ học âm nhạc của mình đã viết, trong âm nhạc châu Âu, trong âm nhạc thực thụ ông chỉ thấy có hai yếu tố: fermata (âm ngắt) và quãng nghỉ.

Quãng nghỉ, sự im lặng, sự tĩnh lặng là sự dâng tràn đầy ắp cao nhất của âm thanh. Điều này trong thủy mặc Trung Quốc là không gian trống rỗng, là cái hư vô. Tranh châu Âu chín mươi tám phần trăm là âm nhạc và hai phần trăm là quãng nghỉ (sự tĩnh lặng, khoảng không, sự phi xác định, sự im

lặng). Tranh Trung Quốc ít nhất sáu mươi phần trăm là quăng
nghỉ, sự im lặng và bốn mươi phần trăm là âm nhạc.

Tranh thủy mặc Trung Quốc bơi trong hư vô.

Có những bức tranh không có cả quăng nghỉ. Nặng nề.
Trong điêu khắc quăng nghỉ là tính chất méo mó trong tượng,
thiếu chi tiết, là đã giữ nguyên sự sần sùi nguyên thủy.

Quăng nghỉ của sấm rền

Không cần tạo dựng hình thức cho vật thể mà cần cho cái
hư vô – một quăng nghỉ đã được xác định đúng đắn. –
Thượng Đế sống trong cái hư vô.

Chỉ một lần, một lần duy nhất, từ khi có thế gian, Thượng
Đế không chịu nổi tiếp, đã gằn như cắt tiếng. Gằn như thôi.
Khi trái tim Ngài đập mạnh và Ngài muốn kêu thét. Đây là
khoảnh khắc Chúa Jézus bị đóng đinh trên cây thánh giá thốt
lên: *Cha ơi, Cha, sao Cha nỡ bỏ rơi con!*

Thượng Đế không lên tiếng. Ôi! Giá mà ta biết Thượng Đế
muốn thét lên điều gì. Và sau những từ ngữ này, một quăng
nghỉ khủng khiếp nhất có thể hình dung đã xuất hiện. Đây
chính là quăng nghỉ của sự hú gào. Đây là quăng nghỉ của
sấm rền.

Sự giàu có và sự đói kém

Tác phẩm của Nietzsche xuất hiện từ sự thừa mứa giàu có
của các sức mạnh đời sống, tách ra từ cái xuất hiện từ sự đói

kém của các sức mạnh đời sống. *Aus Pülle-aus Not*. Trong tác phẩm càng nhiều không gian, cái hư vô, bầu khí quyển, đoạn nghỉ, sự im lặng, cái không xác định được, màu trắng, càng mô tả rõ sự đói kém. Nói đúng hơn chúng xuất hiện từ những sự giàu có lớn.

Tác phẩm càng chật chội, gò bó, lảm lòi, huênh hoang, càng mô tả rõ sự giàu có. Nhưng điều này xuất phát chính từ sự đói kém. Những tác phẩm giàu có nhất thường kiệm lời, nhiều quãng nghỉ, nhiều không gian, chân trời. Những tác phẩm nghèo nàn nhất thường ba hoa đến tắc thở.

Chúng ta cần nhận rõ một điều, không có ngoại lệ, tất cả chúng ta đều sống trong sự đói kém (trong sự hư hoại, bất lực, đóng băng, bị bỏ rơi) và sự giàu có của chúng ta không là gì khác ngoài sự giàu có dành cho sự yếu kém.

Sự thần bí (*müstész*)

Ban đầu tôi cứ tưởng dưới bộ mặt của hiện thực tôi càng rơi sâu xuống càng tối hơn. Nhưng không phải. Phép thuật không tan ra. Tôi càng ở sâu trong hiện thực phép thuật càng rạng ngời. Phạm vi lớn hơn (*müstész* nghĩa là nhập định và che phủ kín). Phía dưới. Tầng sâu – tầng sâu, ở trung tâm là *Mysterium Magnum*. Ảo ảnh lộng lẫy. Böhme: *Glanz dér Majestat*.

Kiểm tra: nếu tôi chỉ thấy người đàn bà, một hình ảnh – nếu tôi thèm muốn, sex – nếu tôi quỳen rũ, tôi bắt đầu nhận biết – điều này trong ánh sáng của sự phù phép từ từ rõ hơn trong

tôi – càng sâu sắc càng rõ ràng hơn – nếu tôi yêu, sinh linh sống – tôi càng yêu sâu sắc hơn càng hiện thực hơn – tôi càng che phủ tôi càng biết nhiều về họ hơn.

Con đường ngược

Con đường ngược là đối tượng. Sự phù phép ngày càng hẹp dần, ánh sáng giảm, hiện thực tối tăm hơn và nghèo nàn hơn. Trên bề mặt, trên tấm màn duy nhất phép thuật chấm dứt, hoàn toàn là đêm tối. Đây là khách thể. Không tấm voan phủ, có nghĩa là không có ánh sáng. Sự thần bí cực tiểu. Bề mặt. Ảo ảnh. Sự đui mù. Điểm không của hiện thực. Vật thể. Sự vật hóa.

Kiểm tra: Tôi càng sự vật hóa đàn bà bao nhiêu hiện thực của họ càng bị đánh mất bấy nhiêu – họ chỉ như một sinh linh sống và tồn tại trong sự thần bí – nhưng nếu tôi bỏ tấm voan phủ ra, một sinh vật giống cái, một nhà nước tế bào, xấu xí, hôi hám, ngu ngốc, vật thể, sự vật, hàng hóa – không thực chất, không đúng.

Những con cá

Tôi đến vào sáng sớm. Tôi không muốn nghỉ nên thay quần áo và lang thang ra cảng. Tôi tìm ra một quán ăn dưới bóng cây trúc đào, đọc thực đơn và như ta thường nói lập tức hiểu ngay. Cá của tất cả các mùa đều có, không thiếu thứ nào. Điều này làm ta yên lòng. Đúng lúc đó chủ quán hiện ra ở cửa và

cất tiếng chào rõ to. Ông ta có cái bụng chính xác như tất cả các ông chủ quán cần phải có.

– Đây là thực đơn ngày hôm qua – ông bảo – tối nay có các món mới, rất hân hạnh, ngài là khách lạ nhưng như tôi thấy, là người đàng hoàng, nghệ sĩ, tôi rất biết nhìn người, ngài không hề nhìn đến cả Bellevue, đằng kia, thưa ngài, hãy tin tôi (bằng khăn giấy ông ta vẩy vẩy về phía một khách sạn ba tầng với vẻ thương hại vô tận).

– Tôi sống ở một đất nước không có biển.

Ông đột nhiên buồn rầu và đầy thông cảm:

– Thưa ngài, làm sao có thể sống ở một đất nước như thế?

– Vây thôi – tôi trả lời – khi nào có thể là tôi đến đây ngay. Nhưng ông biết đấy, bầu trời thì ở đó cũng có.

Vào lúc hoàng hôn tôi đi về phía hàng cây trúc đào, và đưa mắt kiếm tìm ngài to bụng. Ông đang đến chỗ một cái thùng to dưới cổng, Cái thùng lót bằng thiếc và đầy đá lạnh, đủ loại cá trong đó: cá ngừ, cá mòi, cá hồi, cá karamari, cá thu...

– Cá thu đi – tôi nói, và chỉ vào con cá xanh.

Ông cúi gần sát mặt đất và ra hiệu đã hiểu, rồi nâng con cá lên.

– Tôi biết – ông nói – tôi biết hết. Ăn với cơm nóng, xà lách hỗn hợp, rượu đỏ ướp lạnh từ hầm mang lên. Mời ngài ngồi.

Tôi ngồi và bắt đầu uống. Sau đó cá được bung lên, rán giòn trên than, với lửa liu riu, ngài bụng to đã thận trọng phết dầu ăn nhiều lần lên nó, nên nó vừa mềm vừa giòn, vừa sền

sệt vừa có nước sốt. Tôi không còn thời gian quan tâm đến chuyện khác nữa.

Tôi không hề để ý, năm-sáu người đàn ông bước vào, đứng trước đám cá nằm trong đồng đá băng. Tên các loại cá vang lên trong không gian, rồi tiếng ông bụng to nói nhanh quay cuồng. Tôi chỉ bỗng nghe thấy:

- Thưa ngài, không thể nấu như vậy!

Vị khách nhất quyết đòi nướng con cá lên với hành và ớt. Chủ quán lịch sự nhưng giọng nói đã bắt đầu cáu và hơi giễu cợt:

- Thưa ngài, ngài hãy quá bộ sang khách sạn Bellevue, ở đó vì tiền người ta làm mọi thứ - kể cả loại cá này - có thể còn đặc biệt hơn, nhưng tôi, ở chỗ tôi, không bao giờ. - Cả đời tôi chỉ làm các món cá, tôi biết làm - cá này nấu như vậy không còn mùi vị gì - ngay từ bé tôi đã biết - ngài muốn gì cũng được, hãy chặt tay tôi đi, không bao giờ - bàn tay đáng trọng này (ông chìa ra) ngài hãy chặt nó đi nhưng tôi không thể nấu nó với ớt được - bàn tay đáng kính, già đi trong việc nấu các món cá (ông gần như nghẹn ngào) ngài chặt tay tôi đi, nhưng đừng bắt tôi nấu, không bao giờ, không bao giờ.

Người khách bắt đầu gào lên. Ông chủ quán to bụng ném nắm giấy ăn xuống đất.

- Không bao giờ! Trong Bellevue kia kìa, ở đấy có thể, còn chỗ tôi không bao giờ, tôi không biến mình thành thằng ngu (ông cười ha hả cay đắng) thưa ngài, ở Bellevue kia kìa, cách

có ba trăm bước, xin mời ngài, họ nấu cá hồi và rán cá thu, họ làm thế từ hồi tôi còn bé xíu và suốt cả đời tôi.

Người khách to tiếng quát tháo. Ông to bụng giậm chân:

– Không bao giờ!

Đám bạn bè bắt đầu can ngăn người khách, nhưng người này không chịu thôi. Anh ta gọi cảnh sát. Cảnh sát đến. Sao, cá Dental nấu với ớt? Cảnh sát lắc đầu, ông ta cũng không biết nấu. Ông chủ quán bụng to kêu rống lên:

– Thấy chưa? Thấy chưa?

Ông ta túm lấy con cá ném xuống đất và giẫm lên. Vừa giẫm vừa gào to. Người khách định đánh ông nhưng mọi người ngăn y lại. Còn tay cảnh sát xoa dịu ông to bụng.

– Ở Bellevue kia kìa, nếu trả tiền người ta nấu cho, chỗ ấy (ông khạc nhổ) – không bao giờ! không bao giờ!

Bình luận

Ông bụng to không phải là người có phong cách lớn nhưng là một tín đồ. Vòng đời sống phép màu của ông là nấu các món cá. Văn hóa của ông. Sự chăm sóc đời sống của ông. Các công cụ: thùng đá ướp cá, dây, chảo, nồi, lửa. Nghi lễ nghiêm khắc. Cá dental không thể nướng. Đây là chuyên môn. Cá thu nướng được, trên than củi, khía bốn chỗ và cần xoa dầu lên đó. Xứ Babilon hiện đại (Bellevue) đã phản bội truyền thống vì tiền. “Ở đó có thể nếu trả tiền”.

Cả đời ông không phải không có hiệu quả, ông già đi trong việc nấu các món cá: “đây là bàn tay đáng kính”. Cá dental từ xưa đến nay người ta chỉ nấu với rau củ pha chút giấm, có thể ăn với sốt cà chua hoặc mì spaghetti, hoặc với khoai tây rán và xà lách trộn. Thịt cá trắng như thịt con sò tách vỏ, không hề có xương và có thể tống nó đầy bụng.

Một thử thách đối với ông to bụng là phản bội truyền thống bằng tiền. Bởi vậy ông nhạy cảm với tội lỗi này. Trong khoảnh khắc cuối cùng nếu phải ra đi, ông sẽ giải phóng linh hồn một cách thư thái, bởi ông đã không phản bội. Ông coi thường lợi nhuận và không bao giờ nướng cá dental. Cá dental nếu nướng lên sẽ hút mùi rơm, không thể ăn được.

Ông to bụng là một người nhiệt thành, như tất cả những ai cảm thấy sự thật từ mình bị đe dọa. Năm giờ sáng ông đã có mặt ở chợ cá để chọn hàng. Nếu không thấy cá đúng mùa ông coi thường kẻ đánh cá và thề đêm mai tự ông sẽ đi bắt cá: “Con người đều phải tự mình làm tất cả... không thể tin vào người khác... những quân tồi tệ... mang chúng vào Bellevue hết đi... tôi không cần, tôi không muốn mang tôi làm trò cười trước các khách ăn của tôi”.

Ông xếp những con cá cạnh nhau, nhìn chúng từ xa, cân đong chúng bằng mắt, hít ngửi chúng. Ông đọc tên các loại cá đúng như kẻ biết rõ vị trí thế gian của chúng. Không nhiều hơn, không ít hơn. Ông biết về giá trị đẳng cấp của các loại cá. Ông to bụng không coi cá như thực thể hay khách thể lí tính hay đề tài để vẽ mà như một chất dinh dưỡng.

Cá như kẻ bảo tồn quan trọng nhất của sự tồn tại người. Bản thân nó là món ăn. Những thứ khác bên cạnh nó chỉ để làm tăng thêm ý nghĩa của nó thôi (bột, rau, quả, rượu). Ông không quan tâm đến thịt, bởi nó mang tính giáo điều, và ưu thế (bất lợi) của giáo điều là nó không để ý đến một cái gì đó.

Biển là nơi người ta bắt cá. Người đánh cá là người bắt chúng. Các vị khách là người ăn chúng. Ông là người nấu các món cá. Trong một vị trí giữ chìa khóa. Đến một bước ông cũng không cho phép làm khác. Thiếu đức tin không có gì hết. Phi đức tin là Bellevue.

Nếu con người làm một nghề như vậy, phạm một tội cũng bằng thừa, phạm tội để làm gì khi chỉ cần không trung thành với chính mình đã là sự vấy bẩn Thượng Đế rồi.

Khoa học và chủ nghĩa duy lí

Chủ nghĩa duy lí là một quan điểm giáo điều.

Khoa học là một sự nỗ lực gắng sức năng động (biện chứng, mang tính lịch sử).

Chủ nghĩa duy lí muốn thực hiện một kĩ thuật biện chứng của bản năng quyền lực.

Niềm cảm hứng của khoa học là chăm sóc sự thần bí của đời sống.

Chủ nghĩa duy lí là nền văn minh. Khoa học là văn hóa (thần tượng).

Chủ nghĩa duy lí là một khái niệm chính trị. Khoa học là một khái niệm lịch sử tâm trạng.

Khoa học không duy lí.

Tinh thần Phúc Âm tạo dựng khoa học để chuyển hóa thế giới vật chất bằng quyền lực của tinh thần con người.

Lời nguyện rửa Thượng Đế

Thượng Đế – giá là một lời gọi trực tiếp. Đây là Lời không ai chịu nổi.

Cách gọi khác là chủ nghĩa vô thần.

Cách gọi khác nữa là lời nguyện rửa Thượng Đế. Bất lợi của lời nguyện rửa Thượng Đế là nó làm cho tất cả các cách gọi khác đều sợ hãi. Bị sốc. Gây ra bê bối. *Schaudern ist dein bester Teil*, Goethe nói. Bí hiểm của sự chửi rửa và lời nguyện rửa.

Giáo hoàng Ambrus trong một chuyến du ngoạn trên biển, đến một hòn đảo vắng, ngài nghe thấy một mục đồng cất tiếng nguyện rửa Thượng Đế. Mi nói gì vậy kẻ bất hạnh kia? – ngài hỏi. Tôi cầu nguyện – kẻ mục đồng hiền lành trả lời. Giáo hoàng Ambrus bảo: mi cầu nguyện với những lời không phù hợp rồi. Và ngài dạy cho người mục đồng bài kinh cầu nguyện. Một tiếng sau, ngài lên đường. Từ đằng xa ngài nghe thấy người mục đồng cất cao giọng nguyện rửa. Giáo hoàng quỳ sụp xuống và thở dài: Lạy Chúa, giá một lần thôi con biết cầu nguyện như người mục đồng này!

Trong những khoảnh khắc quan trọng

Trong những khoảnh khắc quan trọng tôi bắt buộc phải giả bộ chế giễu mình, để người ta đừng cho tôi là có thẩm quyền. Những lúc đó tôi tự hạ mình. Chủ thể đồng nghĩa với *subjicere* – tự hạ mình. Không vênh mặt, không rậm râu, không thuyết giảng, không thiên thần. Vớ vẩn!

Kierkegaard: không phải mi được sử dụng khi mi cất cao giọng hát, mà khi trong hiện thực mi đúng như điều mi nói.

Ví dụ như một điều mà những kẻ vô thần cũng không làm nổi: gọi Thượng Đế bằng anh.

Chủ nghĩa vô thần và thần học

Phủ nhận Thượng Đế, phủ nhận từ một niềm tin say mê. Trong mắt tôi điều này còn nhiều hơn cả việc xúc nước hoa cơ. Và tôi cho rằng trong mắt Thượng Đế cũng thế.

Chủ nghĩa vô thần nồng nhiệt và phủ nhận tinh thần, thứ cho rằng con người là một loại động vật, vứt bỏ sự bất tử của linh hồn, nhưng bằng toàn bộ sức lực chiến đấu vì sự phồn vinh kinh tế của con người, chống lại sự áp bức của xã hội, vì tự do – và thứ thần học vô thần đạo đức giả, thứ giáo điều giáo sĩ – dạy về sự bất tử của linh hồn người, nhưng khi nhìn thấy nhu cầu và sự ngu xuẩn, không biết làm gì ngoài việc than thở. Loại nào dở hơn?

Dionüsziosz Areopagita

Trong đời tôi có một thời kì liên tục, tôi xé những trang sách có ghi các tên Thượng Đế mà Dionüsziosz Areopagita viết. Cuốn sách nói ngôn ngữ của chúng ta không từ nào đủ khả năng nói về các tính chất của Thượng Đế. Không từ nào đủ sức, kể cả “đáng toàn năng”, “đáng giác ngộ”, “đáng hiện diện khắp nơi”, “đáng sự thật, sức mạnh, cái đẹp, ân sủng, quyền lực”, Thượng Đế không thể xác định. Không thể nhận biết. Không thể nắm bắt. Là hiện thực duy nhất, là thứ có thể nắm bắt, nhận ra duy nhất.

Trong khi tôi trầm ngâm trước cuốn sách, một lần tôi đã nhìn thấy Thượng Đế.

Một con trẻ. Nhạy cảm và mảnh khảnh, vô tội và giản dị. Mềm mại. Mềm mại yếu ớt đến mức đã bao nhiêu lần nghĩ đến ngài tôi đều run lên, nước mắt dâng trào lên mắt.

Từ đó trở đi tôi yêu ngài. Từ đó trở đi tôi yêu ngài, trên tất cả, yêu một cách vô hạn, mê say và run rẩy, và từ đó trở đi tôi hiểu sự yếu ớt mềm mại này chính là sức mạnh lớn nhất của ngài. Đây là sự hiền từ. Đây là sự nhún nhường. Sự tinh tế, sự nhạy cảm, thấu suốt, lịch sự, duyên dáng, kiên trì và sự tôn trọng.

Ngài không thể nắm bắt được vì ngài giản dị như thế. Ngài mạnh mẽ bởi vì ngài mềm mại yếu đuối như thế. Ngài thấu suốt hết thảy bởi ngài khiêm nhường. Ngài vô hạn bởi mong manh như thế. Quyền lực của ngài thật đáng sợ như sấm trời chính vì ngài khẽ khàng nhất.

Từ ngài tôi nhận ra con người, kẻ có những đặc tính chính của ngài. Không phải một tài năng rực rỡ, không phải sự vĩ đại, quyền lực, sự thành công, các tỉ lệ quá khổ, mô hình người anh hùng hay cái đẹp. Không. Sự tôn trọng, lòng tin cậy, sự khiêm nhường, sự trong sạch, sự lịch thiệp, sự mềm mại, âm thanh khẽ khàng nhất. Đúng vậy, sự yếu đuối mềm mại.

Sự yếu đuối dịu dàng

Tội nghiệp cho kẻ nào tin vào quyền lực của sức mạnh và khinh thường sự yếu đuối. Böhme nói như sau về Lucifer: *er verachteie die Sanftmuth im Lichte* (Khinh thường sự dịu dàng trong ánh sáng).

Dị ứng – Allergia

Không gì quan trọng bằng việc giữ gìn sự mong manh của đam mê. Tất cả chúng ta đều què quặt, đến mức sự nhạy cảm của chúng ta cũng là một loại bệnh. Ngày nay người ta gọi nó là dị ứng – allergia.

Dị ứng là bệnh lí học về sự nhạy cảm quá mức của một bộ phận, hay nhiều bộ phận cơ thể, hay da, hoặc hệ thần kinh. Một cái gì, một thứ điều kiện không thể thiếu được của sự tồn tại bình thường, biến thành khuyết tật trong chúng ta. Chúng ta chỉ có thể lựa chọn giữa da tê giác và sự dị ứng mà thôi.

Sự yếu đuối – sự nhạy cảm – dị ứng

Dị ứng là căn bệnh của sự nhạy cảm tinh thần (*moi de finesse*).

Tại sao quyền lực lớn nhất là sự nhún nhường, sự kiên nhẫn, sự nhường nhịn, sự dịu dàng, sự nhạy cảm?

Sự lịch thiệp (*poltesse*).

Không từ sự bắt buộc, không từ lợi nhuận, từ các lợi ích mà một cách tự do. Mọi thứ chống lại nó. Vậy mà. Chắc chắn nó thắng. Vậy mà. Họ cản đường nó. Vậy mà. Nhiều đến nỗi không thể vứt bỏ bất cứ cái gì từ nó.

Cái xúc phạm và báo hiệu từ sâu thẳm, cái vì thế làm tôi xấu hổ, đỏ mặt, từ ngữ đóng băng trong tôi, cái đó không phải thứ giết người, mà chỉ là sự thô bạo, sần sỏ, vô học, thiếu tôn trọng của linh hồn.

Bataile: Một sức mạnh như vậy không phải đạo đức cũng chẳng phải sự hèn kém. *Les valeurs supérieures sont plus faibles que les valeurs inférieures.*

Phân phối hình học và vẻ đẹp tinh tế

Pascal còn nói về tư duy hình học và tư duy tinh tế. Ngày nay chúng ta đã biết về cái TÔI hình học và sự tinh tế.

Sự nguy hiểm của cái TÔI hình học chính là sự trừu tượng, khoảng không trống rỗng, tinh thần phi chất lượng, sự trung lập, sự thờ ơ, chủ nghĩa khách quan, thần tượng, tháp Babel, sự phi tưởng tượng, sự vô cảm, xuống cấp đạo đức, sự lạnh lùng.

Sự nguy hiểm của cái TÔI tinh tế là cơn hứng, cơn nổi loạn, sự khó tính, cảm hứng bất chợt, mộng du, chán đời, đa cảm, giáo phái, suy nhược thần kinh.

Kết cấu đời sống của một ngày

Hình ảnh tượng trưng của kết cấu đời sống một ngày là một bông hoa, một côn trùng nhỏ xíu gần như lẫn trong không khí, mảnh dẻ vô tận như một mùi hương. Cực tiểu của đời sống. Giống như một tin tức trên báo, chỉ sống trong ngày hôm đó, hôm sau tin ấy đã cũ. Giống như bộ trang phục dạ hội.

Ở Nam Mỹ có một loại cây sáng nở ra một loại hoa đỏ như son hương thơm ngọt ngào và quyến rũ, buổi trưa nó chuyển thành màu tím và hương thơm bắt đầu nồng, buổi tối nó biến thành màu nâu và mùi hương giống như mùi thịt thối hỏng.

Kết cấu đời sống của một ngày kèm theo nhà hát, rạp phim, tất cả những thứ sẽ trôi qua và thường nhật, mốt quần áo, tóc, các màu sắc. Những con người mà đời sống của họ là đời sống một ngày. Những vòng đời sống bó hẹp: đảng phái, hội đoàn, nhóm, hiệp hội, nghề nghiệp. Các cơ quan hành chính nhỏ. Người ăn mày. Bà nội trợ. Người công nhân nhà máy. Nhà chuyên môn. Nhà bác học trong phòng. Các nhà nước và các dân tộc sống một đời sống một ngày.

Cái trái với điều này: những ngày thường nhật thần bí. Sự sâu sắc của biểu tượng. Cái đơn điệu phi thường.

Tính chất mù lòa với lời tuyên bố

Tính chất mù lòa đối với biểu hiện của lời tuyên bố và các hậu quả của nó là sự vô cảm đạo đức, sự phi thẩm mỹ, trí tuệ thấp kém, thiếu vắng nhận thức, chủ nghĩa đa cảm ngu độn, tính chất lí thuyết hóa, các lí tưởng hảo – đấy là đời sống một ngày.

Đời sống một ngày buổi sáng là bông hoa đỏ như son hương thơm gần bó, buổi trưa đã chuyển sang màu tím và hương thơm nặng nề, buổi chiều thành màu nâu và hương vị thối rữa như xác chết. Còn ngày thường nhạt thân bí buổi sáng cứng rắn và nặng trĩu, buổi trưa nở đầy hoa và buổi tối quả chín trĩu nặng.

Đời sống một ngày đắm trong sự mù lòa đối với biểu hiện của lời tuyên bố. Là sự thu hẹp các vòng quay đời sống. Ngoài cái nhìn thiển cận ra không có gì nữa. Chủ nghĩa duy vật là chủ nghĩa mê tín có đời sống một ngày. Báo thường nhật mang tính vô thần. Đến tối là biến mất. Không viễn cảnh. Không có thời gian của nó. Loài côn trùng Tisza ngắn tuổi. Không có độ sâu. Không có sự thần bí.

Exousia

Khi gần năm mươi tuổi, lần đầu tiên tôi biết đọc Phúc Âm, tuy không phải từ nào cũng hiểu hết, nhưng tôi cảm nhận được sự nóng bỏng của nó. Phúc Âm Máccô tôi đọc một mạch trong một chiều muộn tháng Chín, khi trên rãnh hiên nhà cà chua xếp thành hàng đợi chín.

Phúc Âm nói rằng Chúa Jézus đưa những đứa con trai của sấm sét (*boanérges*) lên núi Hermon, núi “thề nguyện”, nơi Azazel và các thiên thần sa ngã họp tụ và thề với nhau là sẽ trộn máu của thiên thần với máu của bọn con gái sống ở trái đất. Một nơi có phép thuật!

Và tại đây Chúa Jézus đã hiện ra trong ánh sáng rực rỡ đến nỗi các học trò cần phải che mắt. Họ nghe thấy lời và tiếng hát của trời. Tại đây quyền năng của Chúa Jézus đã được bộc lộ. Quyền năng này Phúc Âm gọi là *Exousia*, tiếng Do Thái gọi là *el szaddhai*, tiếng Sanskrit là *Sziddhi*.

Quyền năng siêu nhiên. Quyền năng huyền bí. Sự mâu thuẫn. Phép mâu. Một sự dạy dỗ mới trên cơ sở của quyền năng Thượng Đế, *diddakhé kainé kat' exouszian*. Ngài dạy dỗ họ như một kẻ có quyền năng – *exousia*. Vâng, vâng, vâng. *Oupo szüniete?* – các ngươi vẫn chưa chịu hiểu sao?

Phép mâu

Đúng một lần duy nhất tôi ở trong bầu khí quyền có một quyền lực lớn hơn, lúc đó tôi tưởng rằng tôi sẽ tan ra như sáp trên lò sưởi nóng. Lúc đó tôi hiểu cái gì là *exousia*.

Trong chiến tranh tôi ở cách xa gia đình khoảng hai nghìn rưỡi cây số. Nguy hiểm trong từng khoảnh khắc không nhiều hơn như thường thấy trong các cuộc chiến tranh, nhưng tai họa đang đến gần, điều này ai cũng biết. Chúng tôi sợ. Sợ hơn cả mừng tượng cần phải ngồi trong lửa bỏng.

Giữa sự sợ hãi đầy lo âu này một cái tin đến rằng người ta sẽ tách một nhóm chúng tôi ra và cho về nhà. Chúng tôi chờ đợi. Lệnh đến muộn. Tất cả mọi người đều biết chắc chắn tai họa đang đến gần và ai cũng muốn tránh đi. Tôi cũng vậy.

Lệnh càng đến muộn hơn. Không hiểu tôi có được cho về không? Đợi, đợi, một tuần, hai tuần, một tháng, hai tháng. Đợi chờ, sợ hãi, lo âu. Và một buổi tối lệnh được mang đến. Giải ngũ. Tôi cũng được phép về nhà.

Không có bất cứ một bằng chứng vật thể nào. Tôi không thể kể gì về âm thanh, sự xuất hiện, ánh sáng, hay lời nhắn nhủ nào từ trời. Sau cùng tôi cũng không biết phép màu xảy ra ở đâu, như thế nào, bằng cách nào, do ai, lúc nào. Nhưng tôi biết có phép màu xảy ra.

Màu nhiệm đến nỗi tôi vội vã ra khỏi nhà, đi thật xa, ngồi xuống cỏ, đối diện với mặt trời đang lặn và khóc nức nở. Sự hiện diện của một Quyền Lực. Exousia. Tôi bơi trong sự huyền diệu ánh sáng đã che phủ cả khuôn mặt các học trò của ngài. Tôi không biết làm gì khác ngoài nhắc đi nhắc lại: Con không chịu được nữa Chúa ơi, hãy dẫn dắt con, hãy đưa con đi.

Tôi ngập trong sự màu nhiệm. Tôi cảm thấy nhận thức của mình, kí ức của mình, ý chí của mình, cảm giác của mình tan vỡ ra như thế nào trong tôi, một ngọn lửa màu kim cương cháy sáng và nuốt chửng tôi tan trong nó. Tôi biết, đó là phép màu. Tôi luôn luôn chờ đợi ngài. Và giờ đây, ngài ở đây và tôi không chịu được. Hãy dẫn dắt con, Chúa ơi, con không chịu đựng thêm được nữa. Đây là *exousia*. Bầu khí quyền nhiệm màu, con không chịu nổi nữa, hãy dẫn dắt con.

Don Juan

Sẽ ra sao, nếu tôi viết một cuốn sách nhỏ với một đề tài hoàn toàn vụn vặt một cách đầy đủ và từ tốn có âm điệu, không đến mức như nhạc phẩm *Mikrokozmosz* (Tiểu vũ trụ) của Bartók, mà đúng hơn, như *Novellett* (Tiểu phẩm) của Schumann. Thế là ngay lập tức Don Juan xuất hiện. Tôi lập tức nhớ ra nhân vật này.

Khi Don Juan không còn tự nhủ với mình, không có hứng, không có thì giờ, quá yêu, quá nhiều đức tin để có thể tiếp tục như vậy, như cho một đêm duy nhất, nhưng vẫn tiếp tục chinh phục, nhưng không trước hoa, hương thơm, sự hưởng lạc, đàn bà, cái đẹp, sự lộng lẫy, mà thực chất chỉ cảm thấy tất cả đều đồng nhất và coi như một sự tạm ứng.

Don Juan đã không còn là một cá nhân, chỉ còn là sự bất lực, vẫn còn là hiệp sĩ, vì bắt buộc, nhưng sau đó đã thành thánh tiếp theo, đây là bến đỗ trước bến đỗ cuối cùng, cái hôn từ biệt, khi run lên từ sự ngây ngất và vì sự ngây ngất của khoảnh khắc cuối cùng.

Goethe cho rằng, cần phải du ngoạn thế nào để ở đâu nhiều nhất cũng có ba ngày tự do. Đừng thả cội rễ ở bất cứ đâu. Đây là cây cầu thế gian, hãy đi qua nó, nhưng đừng xây nhà ở bất cứ đâu.

Đây là Don Juan, là hoa, là ngôi sao, là bài ca của chim, tất cả mềm mại, êm ái, không thể nắm bắt, sự hài hước thoáng qua và nụ cười nhếch nhếch lí, halküon, kẻ đi xa hơn tất cả

mọi người để chết, đi thật xa, không u sầu, để kẻ hôn nó đừng buồn.

Matatron

Tất cả chúng ta ít-nhiều đều sống trong một hiện thực ướp lạnh. Chúng ta hờ hững với cái cội nguồn chúng ta biến thành phi cá nhân. Thành khách thể. Chúng ta thận trọng với hiện thực đích thực và quyền lực của nó (exousia), chúng ta sống trong bầu khí quyền của một thứ, như thanh nến để trên lò sưởi nóng, và nhận thức về nó. Thực chất chúng ta phạm một tội mang tính khách quan. Thực ra chúng ta thờ ơ. Để đừng cần nhận ra niềm say mê cao cả cháy bỏng và không thể dập tắt nổi trong chúng ta.

Chúng ta vật vờ trên giới hạn của việc biểu diễn sự tồn tại hoàn hảo. Bởi kẻ đã nhận ra niềm say mê cao cả, kẻ đó không bao giờ còn lãnh đạm và phi cá nhân, và khách quan và vô cảm nữa. Như thể dưới gánh nặng bị phát hiện có một điều cấm. Cái gì vậy? Đấy là nhận ra hiện thực và sống trong hiện thực. Ta không chịu nổi hiện thực.

Chúng ta run sợ trong bầu khí quyền mạnh mẽ của hiện thực, sợ rằng chúng ta sẽ bị tan ra.

Nhưng có những linh hồn không sợ hãi và bước vào hiện thực. Theo truyền thống Do Thái, Hénoch (Matatron), là người đi khắp bầu trời, nhìn thấy cấu tạo của thế gian, trò chuyện với các thiên thần và nghe thấy giọng của Thượng Đế.

Trong Hénoch trí tuệ logic và chủ nghĩa nhiệt tình đơn điệu, hay toán học và sự ngu ngốc, hay nói cách khác nhận thức lạnh lùng và thiếu năng trí tuệ gặp nhau. Chỉ có một việc quan trọng nhất. Đây – ngài nói. Logic, toán học, trí tuệ và thiếu năng. Chỉ có một việc duy nhất quan trọng, đấy là sự đam mê tươi tỉnh.

Đây là tri thức cao nhất, cùng lúc là một sự điên rồ. Sự thông thái và sự điên rồ. Toán học và bệnh thần kinh. Ngoài ra chẳng gì có ý nghĩa hết. Cũng không cần thiết phải quan tâm tới những điều khác. Hénoch không sợ.

Bằng trí tuệ trong bầu khí quyền mạnh hơn của hiện thực (exousia) và bằng sự điên rồ của nó cùng lúc cần bước qua đời sống. Bởi kẻ nào chỉ bước qua nó bằng một thứ, sẽ bị tan trong đó. Hénoch không bị điều đó hạn chế, rằng sẽ bị phá hủy. Khi rơi vào ánh sáng của Thượng Đế, ngài run rẩy. Nhưng không hề nghĩ ngài sẽ không chịu được. Ngài không lo lắng cho bản thân mình.

Matatron là phẩm hàm cao nhất trong đẳng cấp thần bí. Từ điều này có thể thấy, Thượng Đế đã cho ngài nhập định vào việc điều khiển sự tạo dựng, giao cho ngài cai quản các vì sao và các linh hồn.

Hénoch không ngạc nhiên. Ngài không cảm thấy được trao một điều gì to lớn, ngài không hoảng hốt, nhưng cũng không tỏ ra khiêm tốn. Tính chất con trẻ nhiệt huyết bảo vệ ngài khỏi điều này. Ngài không cảm thấy mình được khen ngợi. Thượng Đế biết điều này tốt hơn ngài. Đúng không? cần gì phải trầm ngâm và muốn và bắt buộc mình – thật là một sự ngu ngốc!

Đối thoại với thiên thần

Phong cách Hamlet. Kẻ không tin tưởng vào bản thân. Bởi không tìm ra sự chắc chắn về những việc chắc chắn.

Theo Ebner: ngôn ngữ nhìn thấy chỉ là kí hiệu đã viết ra, trên đó tất cả mọi người nói về nội dung riêng vở kịch của bản chất mình.

Nietzsche: *aus Betenden müssen wir Segnende sein* (khát vọng cá nhân và đam mê của tôi: ít lời tụng, muốn trở thành phước lành).

Bạn hãy nhìn kĩ câu nói này “phước lành” – ông muốn cúi xuống vũ trụ như một vòm cây và che chở cho tất cả mọi người.

Một lo âu! Một lo lắng chăm sóc. Một suy tưởng. Một sự gánh vác.

Người ta coi ông là thầy. Thầy! Chỉ có một người thầy thôi. Tôi không dạy ai phát âm từ Thượng Đế. Tôi muốn gì? Ít nhất chính tôi muốn học. Một học trò. Kẻ đa thần.

Tại sao quỷ Sa tăng sẽ là kẻ duy nhất không hí hửng? Chẳng phải không cần ư mọi sức lực của tôi dành để đuổi con quỷ Sa tăng (trong người tôi) đi? Phải chăng có những kẻ sẽ giữ con quỷ đó lại? – Sự thảm hại.

Nếu tôi vẫn thèm khát, tôi vẫn chưa đạt gần tới việc biết phát âm ra từ ấy.

Tôi không nói VỀ Ngài, mà tôi nói VỚI Ngài.

Tôi không có các lí thuyết. Tôi chỉ cho rằng nói chuyện VỚI Ngài là một việc tốt. Như thế. Tốt. Không có những lời giải thích khác.

Thật là một thực thể kì lạ! Nó sợ, bị vật chất hóa, khát tiền, lo âu, run rẩy, nói dối, bần thủ, đầy những bản năng thấp hèn, bị dẫn dắt, bối rối –

– và giữa chừng nó có những khát vọng tôn giáo, nó mơ ước giá mà biết thốt lên được từ Thượng Đế (nếu dễ dàng đã có thể dùng vào một sự hèn kém nào đó).

Nếu nó chỉ sợ hãi và thấp kém (lượng lực!) đã đủ khủng khiếp.

Nhưng còn khủng khiếp hơn đến đâu khi có cả hai!

Tôi muốn sự đói rách nhỏ hơn hay lớn hơn?

Cả một cuốn sách. Đầy những lời bất kính.

Tôi ước mình che chở được tất cả mọi người. Tôi, kẻ yếu ớt. Tôi, kẻ cần sự che chở.

Tôi, kẻ....

Thiên thần

Thằng hề của Đức Mẹ của chúng ta. Trước thánh đường biểu diễn những trò ảo thuật vì sự kính trọng Đức Mẹ Đồng Trinh.

Cứ như thế tiếp tục...– (Những sự khác biệt? – Hoàn toàn. Các gia vị (sự cho phép tự do của cá nhân)

Sự tương phản... Sự xa lạ...

Đây là toàn bộ, cái tôi biết.

Epilegomena – Cái đã chọn

1.

Trong lời nói cuối này tôi muốn nói về quan hệ cá nhân của tôi đối với một kẻ khác, kẻ mà tôi đã thu thập cho nó những mẫu đối thoại và những ghi chép. Nếu ngoài những điều này ra tôi vẫn còn muốn viết những cái khác nữa, tôi cần đối diện với chính bản thân mình, cần gặp một kẻ đã nghe từ chính tai tôi mọi điều và đòi hỏi tôi phải viết xứng đáng với nó.

Yêu cầu này, tôi cần thổ lộ rằng cả một thời gian dài tôi đã hiểu sai. Đúng, nó không dự phần vào thành công, nhưng cũng không đòi hỏi.

Ai đã đọc những đối thoại về thành công và vinh quang đều đã rõ. Nhưng tôi đặt giả thiết rằng sự đánh mất thế hệ của thành công không là gì khác, ngoài việc giải quyết nhu cầu của nỗi háo danh nhạy cảm bị xúc phạm, và toàn bộ quá trình biện chứng thành công–vinh quang chỉ là việc bản năng hóa sự háo danh hão có một không hai.

Sự giải quyết này, tôi cần thổ lộ rằng, đã phạm lỗi tâm lí học thuần túy, và hoàn toàn sai lầm. Sau cùng tôi đã hiểu, thành công là một phẩm hàm cực kì thấp của sự bất tử. Một lần nữa tôi viện đến các mẫu đối thoại nói trên, cần phải trở thành một kẻ cực kì khiêm tốn, để thấy hài lòng với việc người ta sẽ tạc tượng và viết sách nói về mình. Nhưng kẻ nào

muốn đạt tới một phẩm giá cao hơn, tới sự vinh quang, kẻ đó cần dâng hiến, cần từ bỏ bản chất của cái TÔI.

Bạn đọc có nhớ một ghi chép có nhan đề Matatron. Từ đó bạn sẽ hiểu thành công chỉ như một chức nhỏ trong đội quân của sự bất tử, như chức sĩ quan chẳng hạn. Còn sự háo danh nôn nóng hơn, dành cho kẻ, người ta lấy tên nó đặt cho đường phố, và sự háo danh này thật nực cười.

Matatron không phải là một phẩm hàm quân đội mà là một phẩm chất quý tộc. Và kẻ nào ao ước có, kẻ đó cần trở nên vô danh. Một cá nhân từ thế gian của các hành động đi vào thế gian của các tác động thuần túy chỉ là những cái tên mang tính lịch sử mà thôi. Mãi mãi sẽ chỉ là Goethe hay Sophoklés, Gioan Thánh Giá hoặc Pascal. Nhưng kẻ nào trong thế gian của các tác động sống vô danh tiếp tục, sẽ biến thành Quyền Lực. Hoặc thành phẩm chất quý tộc. Matatron.

Sự từ bỏ thành công không do nhu cầu bản năng nhắc nhở, mà do một nhu cầu cao hơn. Không là sự háo danh bị xúc phạm, mà là một khái niệm đời sống cao thượng hơn.

Thành công? Ít ỏi. Tiểu phong cách. Phù hợp với các chính trị gia, các nhà thơ yêu nước, hiệu trưởng trường học, các giám đốc. Kẻ nào có nhu cầu lớn hơn, kẻ muốn tác động của mình được giữ gìn một cách siêu đẳng hơn, kẻ đó cần tìm kiếm sự vinh quang.

Có một thời gian khi đi thu thập các mẫu đối thoại từ các cá nhân khác nhau trong những năm tháng khác nhau và ngẫm nghĩ về bí ẩn của sự thành công, tôi đã chần chừ không biết

có nên cho ra cuốn sách này không. Tôi tưởng rằng nếu tác phẩm này kể cả khi không đặt tên, ra đời, sẽ phạm sai lầm.

Nhưng một người bạn tôi nói rằng cuốn sách này sẽ giống những câu hỏi vang lên trong những lần chúng tôi trò chuyện ở trại nuôi ong. Rất tiếc người bạn không nhớ ra chính xác từng từ, nhưng đại loại cuộc trò chuyện từng như sau: *“Không sao, nếu được in hay không... được in, ở một phương diện nào đấy tốt hơn... nghĩa là một sự lãng quên lớn... những tác phẩm thực sự lớn... Lão Tử, Heraklitos, Rabelai, Shakespeare, Nietzsche... Bạn đừng tin là tôi coi thường nhân loại lịch sử... Lợi ích của họ... trở thành nhà văn không tốt tí nào... ở một mức độ nhất định không cần phải chống lại việc này nữa... Thừa... Cái tôi nói ra không bao giờ còn là của tôi nữa, mà của người mà tôi nói với họ... hãy làm cái mà họ muốn... In ra là một hình thức từ bỏ, một sự từ bỏ hoàn hảo hơn và không thể rút lại được nữa... không có tác động tiếp... chỉ còn cái chưa nói ra...”*

2.

Những mẫu đối thoại và ghi chép đứng ra ngoài các thể loại tác phẩm đúng như những người viết ra chúng đứng bên ngoài các loại thể giới quan. Không nhờ vả uy tín ai và không cần kẻ có chuyên môn giúp đỡ, nói một cách khác, viết một cách cá nhân với ngôn ngữ sống động riêng.

Thiếu sự nhờ vả uy tín có nghĩa là không cần sự tham khảo, lí thuyết, từ ngữ giả, các điều kiện, các điểm bắt buộc mà viết một cách tự do, với tư cách cá nhân và có trách nhiệm. Không

cần chuyên môn can thiệp nghĩa là thiếu những quyết định quan trọng hóa, sự này sự nọ, thế giới quan thế này thế kia, mà viết trong sự say mê đắm thoại. *“Mọi câu cất lên đều định nghĩa lại mọi việc hoàn toàn”*.

Sự tiếp cận con người như vậy dành cho những kẻ mong muốn đưa ra những nguyên lí, những chương trình và sự giáo dục, những kẻ mơ ước đưa các chỉ dẫn đời sống của họ vào tay một người nào đấy, rất khó, gần như không thể.

Ban đầu tôi cũng là một trong số những người như vậy. Tôi hi vọng từ họ có thể chờ đợi một cách có ý nghĩa rằng tôi nên và không nên làm gì. Tôi không biết ông ấy hiểu biết hơn tôi nghĩ nhiều. Ngay lập tức ông nói ông không thích người ta gọi ông là thầy. Ông không muốn dạy dỗ tôi cũng như bất cứ ai khác. Ông không có chương trình của mình. Ông không coi triết học là khoa học mà coi là một sự say mê cá nhân.

Khoa học, trong một đối thoại kín đáo, ông gọi nó là một sự thực hành có trí tuệ, thứ: *“không hiểu những kết quả của tư tưởng, và cũng không nhận ra... nhanh hơn, bởi vậy ứng dụng một cách sai lệch... Bởi vậy kĩ thuật chiến tranh tấn công đi trước thứ kĩ thuật quan tâm đến đời sống hòa bình ít nhất một bước... khoa học không hiểu tư tưởng... tư tưởng không phải là thứ hủy diệt đời sống, mà là thứ chăm lo đến đời sống... khoa học ngày nay là sự thực hành bản năng quyền lực (chính trị, thần chết, giết chóc)... bom nguyên tử... triết học không phải là khoa học, mà là một tình yêu nồng nàn... không hướng tới các vật mà hướng tới các cá nhân... chăm lo... có sự lo lắng triết học, tư tưởng triết học, sự chăm lo triết*

học... khoa học là tội lỗi khách quan, mâu thuẫn-khách quan... cá nhân không phải là khách thể, không phải là phainomeno mà là noumenon... không xác định được... tôi chỉ có thể hiểu nếu tôi nói với Ngài, nếu tôi yêu Ngài... Chúa Jézus: ta là ai? trước tiên là kẻ nói với mi... là kẻ yêu mến mi... người không yêu tôi, lúc đó tôi là sự vật, sự việc, con số... bị sự vật hóa... người tôi không yêu, đối với tôi đấy là sự vật, là khách quan”.

Ban đầu, đúng thế tôi sửng sờ, và tôi không hiểu một tí gì về toàn bộ. Chỉ một sự tò mò hồi hộp tóm lấy tôi. Nhưng sự nghi ngờ của tôi rất nhanh chóng tiêu tan. Tôi tưởng ông không hút thuốc, không uống rượu, là một người mẫu mực, đạo đức, nghiêm trang. Nhưng không ngờ ngược lại, ông chơi đàn, ưa thích phụ nữ, cực kì yêu thích hoa lá và luôn có sự ngon miệng.

Có thể đấy chính là kế hoạch khi ta không có kế hoạch? Có thể đấy chính là thế giới quan khi ta không có thế giới quan? Có thể sự không nhất quán, sự hài hước, đam mê “cái chủ thể cực nhỏ” lại nhất quán và có hệ thống? Có thể tạo ra một sự dạy dỗ khi không có sự dạy dỗ nào không? Có thể cười nhạo mọi ủy quyền, nhưng chấp nhận sự ủy quyền bản thân duy nhất một cách không phê phán và ngu ngốc chẳng?

3.

Một lần tôi hỏi ông: Ông hãy nói một câu duy nhất là ông muốn gì. Ông trả lời: tôi muốn biết điều tất cả mọi người đều biết.

Tất nhiên đây không phải một trí thông minh học đường định nghĩa, hay một nghệ sĩ khôn lỏi muốn tạo phong cách (dù ông bảo phong cách chính là cách phụng sự), mà là sự BIẾT, ví dụ con người nhìn thấy phụ nữ đẹp là thích ngay như khi được cắn vào một trái đào thơm, hay trở nên lấp bắp vì sững sờ khi chiêm ngưỡng bình minh trên biển.

Đấy là điều biết. Cái ai cũng biết, khi nhấp một li rượu, hoặc cần thiu thiu ngủ hoặc nhắm nháp một miếng bánh ngọt ngon lành hoặc vồ vồ mông một đứa trẻ.

Một lần đại khái ông nói như sau: *“lí thuyết... chỉ có nghĩa như bị phỏng lên... không có lí thuyết... như được thả ra...”*. Mẫu đối thoại này nằm trong vòng chờ đợi, như trạng thái của bông hoa hồng, như trạng thái của Đức Mẹ Maria.

Phi chương trình không phải là chương trình. Sự không nhất quán không nhất quán. Không có sự dạy dỗ, không dạy dỗ. Thế thôi. Đây là sự chờ đợi. Và chỉ liên quan đến nó, không liên quan đến ai khác. Một lần. Lần đầu tiên và lần cuối cùng. Tại sao lại có chuyện cuối cùng tôi vẫn nhận ra? Chỉ có một lần vậy mà tôi vẫn hiểu?

Bởi vì: *“không cái gì tổng quát, có hiệu lực một cách siêu việt tôi có thể hiểu được, tôi chỉ có thể hiểu và có thể hiểu, cái cá nhân cụ thể, có đúng một lần duy nhất đúng một Lần”*.

Cái trực tiếp một cách cá nhân và riêng tư là cái duy nhất, cái tôi có thể nắm bắt từ kẻ khác. Chỉ cái không thể hiểu nổi mới có thể hiểu. Tôi chỉ có thể nhận ra cái không xác định được. Cái cực nhỏ là cái tích cực duy nhất. Ngôn ngữ nằm trên cơ sở ấy. Còn lại là nghệ thuật và khoa học, phong cách

và khái niệm. *“Cái tác động đến tôi không phải là lí thuyết mà là sự hình dung mang tính chất tồn tại”*. Cái không thể bắt chước.

Kết quả sau cùng là, tôi hiểu điều này như thế nào, tôi đã không diễn tả nổi. Một nhân tố, đó là nó đã xảy ra. Trong lúc nó xảy ra, đã nhiều năm trôi qua. Sợi chỉ dẫn đường bị mờ nhạt đi. Nếu tôi thử lặp lại từ đầu, tôi chỉ có thể làm một cách tùy tiện.

Nhưng khi tôi đã hiểu ra điều ông nói, một sự việc đặc biệt xảy ra. Tôi không bao giờ biết xác định sự khác biệt giữa ông và tôi nữa. Tôi cảm thấy một cách kì lạ là những cái ông nói tôi cũng có thể nói như vậy? Không. Chính xác như tôi đã nói. Rất hiếm có những tác phẩm người ta bảo: ông ấy nói điều tôi nghĩ – ô, chẳng là cái gì cả, bởi vì ai cũng nghĩ như vậy.

4.

Nguyên nhân của sự không tin cậy cuối cùng của tôi là, theo quan niệm của tôi về Kitô giáo, ông đã nói nhiều hơn cần thiết. Tôi trích dẫn hàng loạt cho ông. Tôi hơi thương hại ông khi ông phát âm từ Phúc Âm, hoặc Thượng Đế, hoặc Chúa Jézus. Ông vụng về, đôi khi như cưỡng bức. Ông muốn, nhưng không thể. Ông muốn trở thành kẻ theo Kitô giáo. Mà hài kịch để làm gì?

Tất nhiên ông rất biết điều này, nhưng không bao giờ nói về nó. Một lần có người thử chọc tức ông, nhưng ông bảo: *“tôi*

không phải một kẻ truyền giáo... bạn hãy tự thuyết phục lấy mình”.

Tôi hiểu câu này khi lần đầu tiên nghe ông nói: *“trở thành người Kitô giáo chỉ có nghĩa chừng này: là con người”.* Tôi ngạc nhiên, ông không dùng bổ ngữ. Ông không nói là người đích thực, hay chân chính, hay đầy đủ giá trị. Chỉ như vậy.

Và bằng nó ông để lại sự phân vân từ thiện rằng, vậy ai là kẻ không phải Kitô giáo? Một kẻ không phải con người? Ông xây dựng một Kitô giáo đặc biệt cho ông. Điều này có ý nghĩa gì? Kitô giáo là trạng thái tự nhiên – bình thường – là nền tảng cơ bản – là sự tồn tại xác thực. Bài học. Tôi không bị thuyết phục.

Một lần, khi tôi không nhớ đến ông, đột nhiên điều này hiện ra trong óc tôi: Ồ! Con người này chưa bao giờ nói mình là kẻ theo Kitô giáo. Trái lại thì có. Ông đã viết vừa ngang tàng vừa kính trọng truyền thống; tôi là kẻ đa thần. Và với ai chưa đủ, hãy đọc chương nói về Pascal và Don Juan.

Trong rất nhiều năm trong mọi trường hợp tôi đều phạm đúng lỗi lầm ấy! Tôi luôn luôn tin là ông đồng nhất mình với một học thuyết nào đó và là “nhà truyền giáo”. Không. Ông không phải người như vậy, và đây là điều khó trở nên quen thuộc nhất đối với tôi.

Nhìn về tính cách, số phận, cá nhân, ông cũng bị tổn thất giống hết những người khác. Ông là một người có tài năng và tính cách, lưng ông gù, mũi đưa chuột và chân vắn vẹo. *“Bản sao phi hình thức và chảy nhão của hiện thực”.* Ông không hề phủ nhận một mảng hiện thực nào hoặc tô vẽ thêm: *“Trạng*

thái bình thường của con người là bệnh tật”. “Nhiệm vụ không phải là chạy chữa mà là sống chung với bệnh tật”.

Nhưng trên sự tổn thất này dạng hình và bản chất của con người bình thường sẽ phá rào, sẽ vượt qua. Vượt qua và thức tỉnh. Và còn nhiều hơn nữa. Con người bình thường sẽ bắt đầu lập lại trật tự cho bản thân từ bên trong. Trong cái thế gian đổ nát, các phân tử bắt đầu kết tinh.

Baader gọi quá trình này là sự tái hòa nhập. Một con bệnh, nếu nhận biết về căn bệnh của mình và chấp nhận, sẽ đủ sức để tạo dựng một con người “đích thực” “bình thường” “khỏe mạnh” vượt qua chính bản thân mình. Vượt qua chính mình. Bước đi này tôi đã nhận biết từ lâu.

Nietzsche gọi là *Überschöpfung* (con người sáng tạo) khi con người coi đời sống của riêng mình như một chất liệu xây dựng, được nó nhận để từ mình xây dựng lên một người nào đó, kẻ cũng chính là mình. Đây là *Ars Magna*.

Ars Magna từ sự tổn thất không bao giờ giải phóng ra và cả hai cùng không được phép đứt đoạn với nhau. Đây là một hoạt động liên tục để con người tự tay xây dựng bản chất đúng – bình thường – khỏe mạnh của mình, liên tục nhận dinh dưỡng từ sinh linh rách rưới bệnh tật – không bình thường của mình. Cả hai cùng cần ở lại cùng nhau. Ông gọi cái liên minh đôi này là kẻ học trò. Kẻ học trò bị ốm đau bệnh tật, bị tổn thất, nhưng lại biết nhận thức và sự nhận thức này cho nó một sức mạnh để nó có thể bắt đầu xây dựng một bản chất đúng, bình thường và thực chất của nó. Đây là người học trò. Kẻ chờ đợi. Hay dùng từ khác: một linh hồn nghèo khó.

Giờ đây tôi đã hiểu điều ông nói: *“Tôi sẽ hạnh phúc biết bao nếu tôi có thể trở thành một trong mười hai người học trò (tông đồ của Chúa).”*

Từ thời gian ấy trở đi ý nghĩa của khái niệm sự xúc phạm – sự thiêng liêng bắt đầu hình thành trong tôi và ý nghĩa của điều này nữa: khi con người phát âm từ Thượng Đế, điều đó có nghĩa là gì. Sự thánh cảm nghĩa là gì. Tìm kiếm trong Schumann và Van Gogh và Pascal mang Ý nghĩa gì?

Còn một câu hỏi nữa. Từ đâu ông biết là con người thật sự – bình thường – khỏe mạnh – thực chất là kẻ Kitô giáo. “Điều này ở tôi không phải chuyện của đức tin, không phải của thế giới quan. Tôi đã kiểm tra rồi” – ông nói.

Tôi biết trước kia ông đã thử đi theo chủ nghĩa vô thần, đa thần, truyền thống Trung Hoa, Ấn Độ, Do Thái và thậm chí nhiều sự giáo dục khác. Khi tôi quen ông, ông đã trải qua tất cả những điều này. Và những cuốn sách nằm trên giá chứng minh ông đã đọc tất cả chúng rồi và tự kiểm tra điều mình nói.

Và điều chắc chắn là nếu con người bình thường, ngoài Phúc Âm ra ông đã tìm thấy trong Unipanisadok, trong Cựu Ước, hoặc trong khoa học hiện đại, hoặc trong chủ nghĩa vô thần, ông đã nói ngay ra rồi.

Đây là những mẫu đứt đoạn của một mẫu hội thoại chân tình: *“trở thành kẻ Kitô giáo... không có gì lạc hậu hơn, buồn chán hơn, bất hợp lí hơn, thông thường hơn... sự thỏa hiệp... ngu ngốc... cần một sự bất lực như thế nào của trí tuệ để một ai đấy tự xưng là kẻ Kitô giáo... Không cưỡng bức không*

được, không thể thiếu sự dối trá và đánh lừa... lúc đó trở thành kẻ lí tưởng chủ nghĩa chân thật hơn, hoặc kẻ vô thần... Ai hôm nay tự xưng mình là kẻ Kitô giáo, kẻ nhẹ dạ... họ muốn một cái gì đó với điều này... không có gì khác ngoài để sống tốt... tránh mọi điều chọc ngoáy...”

Cùng lúc đó ông cũng nói như sau: *“Trí tuệ không chỉ cần đến sự chín muồi Phúc Âm, để một người như là nó, dám suy tư và dám nói ra... một linh hồn chứa đựng những tế bào khỏe mạnh chỉ có thể là kẻ biết tất cả... lời bất kính? Tự do! Nhìn đối diện với tất cả, không cụp mắt xuống... không chấp nhất bất cứ cái gì mà không phê phán... và biết cái gì giả cái gì đích thực...”*

Điều này đúng là không phải chuyện đức tin và thế giới quan. Có vẻ như đúng là ông đã kiểm tra lại.

5.

Trại nuôi ong là gì? Một viễn cảnh. Hiện thực hóa tình huống – chủ thể. Bởi vì: *“chủ thể là nơi từ đó có thể nhìn thấy toàn bộ cùng một lúc”*.

Những đoạn trong một mẫu hội thoại: *Viễn cảnh của thần học (triết học) dối trá... nhìn sự vật nhỏ hẹp lại, có lẽ bởi vì để nhìn được nhiều hơn cùng một lúc... nhưng viễn cảnh của khoa học cũng giả dối, bởi vì nhìn sự vật phóng đại lên... cả hai đều dở... có loại viễn cảnh khỏe mạnh và bình thường... mang tính con người... nhân đạo... giới hạn và ở giữa... chủ thể... trở thành người bình thường...”*

Giống như mọi hành vi, hành vi mang tính quyền lực, thần thánh, thông thái, chủ thể cũng đều trong một dạng hình số phận nào đấy có thể hiện thực hóa và mô tả được. Đây là trại nuôi ong.

Từ năm bốn mươi tám tuổi trở đi ông sống trong một cái làng trong một xóm phía đông tây cách đường tàu hỏa đi ba tiếng đồng hồ. Cái làng nằm giữa những cái gò hiền lành, dưới vườn là suối có viền những cây liễu và những cây trăn. Tiếng động của thị trấn không ảnh hưởng tới nhà của ông, hay nói như người Trung Quốc, không thể nghe thấy tiếng động nào ngoài tiếng gà gáy, một căn nhà quý phái xây từ thế kỷ XVII với những bức tường cao mét rưỡi, có bốn buồng, có vườn rau và cây ăn quả, cách suối không xa.

Sau nhà có cái sân rải sỏi, và ở góc sau là trại nuôi ong, dưới bóng một cây óc chó “an toàn”. Căn phòng quét vôi trắng. Ngoài khoảng hai mươi-hai mươi hai thùng ong ra không có gì khác, có những dụng cụ, đồ dùng cần thiết cho việc nuôi ong, một chiếc giường cũ kỹ, cái bàn bằng gỗ thông, ghế, một giá sách lưa thưa với Trang Tử, Upanisadok, Zohár, vài cuốn của Rabelais, Keats, Hölderlin, Shakespeare, Rilke, Sterne, Kierkegaard, Nietzsche, Kassner. Vài tập giấy, mực, bút, một chai rượu vang và một chai nước khoáng.

Trại nuôi ong không phải nơi để rút lui mà là sự hiện diện cấp cao nhất, một lần ông nói. Các nhà thơ Kisfaludy và Berzsenyi từng ở đây. Ngày nay nhà thơ không còn phù hợp với thời gian nữa. Ít ỏi.

Đây là một loại chăn nuôi ở nơi này. “Đời sống được tô điểm trên các vị trí thế gian, như loại thông hanga ở phía Bắc, phía nam là cây dứa, ở Trung Quốc là gạo, ở Mexico là ngô... một sự trung thành gắn bó với đất mẹ... truyền thống... cho dù có bao nhiêu hình thức cầm quyền đi chăng nữa, ở nơi đây, trên đất này sẽ không bao giờ trồng gì khác ngoài lúa mì, làm rượu vang, trồng anh đào, cây óc chó”.

Trại nuôi ong là nơi để thiền định. Ông trích dẫn Hölderlin: “Kẻ muốn điều cao nhất, kẻ đó hành động ít”. Trong cái không gian thiền định này không phải “để sinh ra các loại triết học lảm lòi như ở các trường đại học”. “Một trăm từ là đủ – một lần ông bảo – hơi nhiều nữa là khác”. Herakleitos có một trăm ba mươi câu nói. Lão Tử để lại tám mươi bài thơ. Ai cho là ít? Nhận thức của con người ở nơi đây hoạt động giống như bầy ong. Chỉ làm ra mật nguyên chất.

Phần lớn thời gian ông tiêu khiển ở đây, nhiều lần ông ngủ lại và hàng tuần ông im lặng, chỉ nói những gì cần thiết.

6.

Trong trại ong nhiều lần chúng tôi ngồi cùng nhau. Ông ngắm lũ ong, đôi khi nằm nghỉ, đôi khi đọc hay đúng hơn chỉ lật trang sách. Ông đi lại như thể chỉ có một mình, khẽ cằn nhằn hoặc ngoáy mũi, tôi để ý.

Rồi ông nhìn tôi, cái nhìn lâu và bình thản. Một cái nhìn đặc biệt, không dò hỏi, không phán đoán, không bắt nhả, chẳng tò mò, không ngạc nhiên. Lúc chìm trong ánh nắng hè dưới

biển tôi cũng không cảm thấy mình như trong cái nhìn này. Không có gì bí mật, tôi nghĩ. Trong tôi không có gì bao phủ. Cái nhìn ăm áp và trang nghiêm.

Trong cái nhìn này, khi ông ngược nhìn tôi, tôi nhìn sâu vào bản thân mình, thật sâu, không choáng váng, không bận rộn, chỉ bình thản và tôi không thấy ông, tôi chỉ thấy ánh sáng trong suốt.

Tôi nghĩ về điều trước kia, trong những giờ phút im lặng thật dài trong tôi luôn nổi lên một cái gì căng thẳng khó chịu. Cái gì sẽ xảy ra? Ông nói gì? Tại sao ông không nói? Ông chỉ ngồi, ngồi và không nói nửa lời. Không ngu ngốc ư? Ông làm tôi bực bội. Nhưng bây giờ thì không.

Tôi nhìn ông. Ông hơi lắc lư cái đầu và khẽ nhún vai. Có nghĩa là: *tất nhiên rồi, ai cũng liên tục chờ đợi một cái gì đó... như thế này cũng tốt mà... họ không biết họ đợi cái gì, có, luôn luôn đã từng có và họ không thể đánh mất.*

Một lần chúng tôi ngồi ba người với nhau, và người thứ ba liên tục nói lải nhải. Sau cùng người đó bắt đầu tăng bốc ông, gọi ông là nhà tư tưởng, nhà thông thái thậm chí thiên thần. Theo thói quen ông ngồi xồm trước những thùng ong, nhìn ngắm lũ ong, thỉnh thoảng xoa mặt và bắt đầu bực bội.

Rồi bỗng nhiên mặt ông dần ra và mềm lại như một bông hoa. Trong bữa chiều, ông bảo: “Xin lỗi, tôi đã không kiên nhẫn”. Người bạn của chúng tôi ngẩng đầu: “Sao?” ông trả lời: “Bạn đã xúc phạm tôi”. Người kia không hiểu, “*đúng – ông nói – bạn đã chửi tôi... nhà thông thái, thiên thần... bạn tôi gọi tôi thế... tất nhiên hoàn toàn không phải không xứng đáng...*

nhưng vẫn làm tôi đau... như thể tôi là kẻ ngoại lệ... Vì tôi không được phép phá vỡ các mức độ giới hạn... cần giữ chúng... đấy là điều lớn nhất... nhưng điều bây giờ tôi nổi, xin lỗi bạn, vì nó giống như thể tôi đang dạy dỗ bạn, nhưng tôi chỉ nói những điều bạn cũng biết và là điều tất cả mọi người đều biết”.

Tôi không hiểu ông muốn gì. Đúng. Nhưng tại sao cần giữ một cái gì đó bằng tất cả và với tất cả mọi người và bằng mọi giá? Tôi sẽ làm gì với cái vô tận? Tôi sẽ làm gì với bầu trời rạng rỡ? Hoặc với biển? Tôi không biết dùng chúng vào việc gì. Đến việc học hỏi từ đó cũng không.

Chỉ mãi sau này một lần tôi đột nhiên cảm thấy mình là bầu trời và mặt biển vô tận. Lần đầu tiên chỉ khi đó, khi nó trở thành hiện tại. Muộn hơn, khi tôi đã sống xa ông, nhưng vẫn nhớ đến ông. Tôi đã hiểu ra: “tất cả mọi người đều có một trại nuôi ong của mình”.

Tôi không nói về điều này, nhưng ông hiểu. Ông trở nên tươi tỉnh và dễ chịu. Ông đi đi lại lại và gật đầu. Ông lẩm bẩm điều gì đó tôi chỉ nghe loáng thoáng: “tôi im lặng một cách tự do... không thủ đoạn”.

7.

Quyển sách này rất lâu rồi tôi có ý định cho nó một nhan đề là *Người Canh Giữ Sự Im Lặng*. Tôi nghĩ, nói về một người canh giữ cổng một đất nước bí ẩn, ở một biên giới xa lạ, giữa bóng tối và ánh sáng.

Tôi không tin vào từ ngữ thần bí và chỉ vì sự bí ẩn tôi muốn đưa cuốn sách ra. Nhưng cuốn sách này nói về sự thần bí, về sự phi xác định, hay nói đúng hơn nói về một hiện thực duy nhất và cái duy nhất có thể nhận biết được. Cuối cùng, tôi chọn nhan đề *Unicornis*.

Unicornis là con vật có một sừng.

Con vật hai sừng có hai mắt, hai chân, hai giới tính, hai đặc tính. Con vật một sừng có con mắt giữa trán, một giới tính, androgen, lingam, joni, trái tim. Con vật một sừng là loài vật siêu việt trong khu rừng thiêng.

Ở Trung Quốc người ta gọi nó là Kì Lân. Mẹ của Khổng Tử trước khi trở dạ sinh ra ông đã mơ thấy con kì lân. Con vật một sừng đầu tiên nhảy vọt ra từ trung tâm của trái đất. Người ta hiếm khi thấy nó. Người ta kể rằng Tyanai Apollonius một lần đã gặp nó. Mózes viết: Thượng Đế đưa họ ra khỏi Ai Cập, sức mạnh của ngài như của con vật một sừng.

Một là cái không bao giờ nhắc lại. Chỉ có một lần. Duy nhất một lần. Lần đầu tiên và lần cuối cùng. Không thể nắm bắt và không thể xác định. Sự huyền bí. Người lính canh của sự im lặng là con vật một sừng lặng câm sống trong khu rừng thiêng câm lặng, trên ngưỡng của những sự bí ẩn, là sinh linh cuối cùng, là dạng hình cuối cùng của sự sống tận cùng là MỘT.

Nhưng vô ích là một và duy nhất. Nếu bạn ở bên nó, bạn biết, đây là một và toàn bộ và đây là duy nhất, là tất cả. Vô ích lần đầu tiên và lần cuối cùng. Nó luôn luôn từng có và sẽ có. Vô ích không nắm bắt được. Nó là thứ duy nhất có thể nắm

bắt, nó là hiện thực, là hiện tại, là kinh nghiệm và là cái cụ thể, và ngoài nó ra chỉ còn ảo ảnh.

Vô ích nó là sự thần bí, bởi sự thần bí này có trong tôi và trong bạn, nó quấn lấy chúng ta và nó là cái chúng ta tiếp cận, cái chúng ta ăn, cái chúng ta thấy và hít vào bằng mũi của chúng ta, và vô ích nó bí mật, nó là cái ai cũng biết, và vô ích nó bị cấm, nó là cái từ đó có chúng ta. Đây là Unicornis – con vật một sừng.

Có thể gặp con vật một sừng trên đường phố của các thành phố, lúc đó nó khoác bộ mặt thần hộ mệnh các số phận. Những lúc đó nó ngồi trên cổ con người, trong tay là chiếc roi da và xua đuổi con người. Con người luôn vội vã trên các đường phố vì bị nó lừa, xua.

Có thể gặp con vật một sừng trên khuôn mặt lũ con trẻ, bọn thiếu nữ, các thánh, lúc đó nó là thiên thần. Những lúc đó nó nắm tay con người và dắt đi một cách hiền từ. Khi con người từ bỏ trái đất, nó sẽ là thủ lĩnh linh hồn, đi trước và chỉ đường. Chiếc sừng độc nhất chiếu sáng như một ngôi sao.

Có những linh hồn ngồi trên nó, và con vật một sừng đưa họ đi trên lưng, đưa qua các vương quốc của thế giới bên kia, qua các cánh rừng, các ngọn núi, các dòng sông, ánh sáng từ cái sừng độc nhất ngày càng tỏa sáng rạng ngời, dẫn vào không gian và chỉ đường.

(Viết xong tại Szentendre
tháng Bảy–tháng Chín năm 1948)

CHÚ THÍCH

Hamvas Béla dựa vào những ấn phẩm tiếng Đức-Anh-Pháp có những năm 1940 ở Hungary. Từ đó tới nay gần như tất cả các tác phẩm trong *Một trăm tác phẩm* đều đã được dịch ra tiếng Hungary, thậm chí một tác phẩm có nhiều bản dịch khác nhau, nhưng rất ít bản dịch văn hóa cổ và văn hóa phương Đông tiếp cận được độ chính xác và sức mạnh ngôn ngữ như các bản dịch của Hamvas Béla. (Chú thích của Nxb nguyên gốc) ↩



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

